ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO
TAM BIÊN BỔ

Hán văn: Đại sư Ấn Quang

Chuyển ngữ: Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa

Giảo chánh: Đức Phong, Huệ Trang, Chúc Bảo

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU CỦA HOẰNG HÓA XÃ **7**

I. THƯ TÍN **8**

Bổ khuyết thư gởi Phật Học Báo Quán (tòa soạn báo Phật Học) 8
Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ nhất) 10
Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ hai) 12
Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ ba) 12
Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ tư) 13
Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ năm) 14
Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ sáu) 15
Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ bảy) 16
Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ tám) 16
Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ chín) 17
Thư trả lời pháp sư Hoằng Nhất 17
Thư trả lời đại sư Siêu Nhất 18
Thư trả lời thầy Siêu Nhất 19
Thư trả lời đại sư Từ Hà 20
Thư trả lời cư sĩ Từ Bình Hiên (thư thứ nhất) 20
Thư trả lời cư sĩ Từ Bình Hiên (thư thứ hai) 21
Thư trả lời cư sĩ Vạn Khứ 22
Thư trả lời cư sĩ Thái Cát Đường 23
Thư trả lời cư sĩ Phật Tâm 25
Thư trả lời cư sĩ Vương Chửng Bang 26
Thư trả lời cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh (thư thứ nhất) 27
Thư trả lời cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh (thư thứ hai) 29
Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ nhất) 30
Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ hai) 31
Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ ba) 32
Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ tư) 33
Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ năm) 34
Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ sáu) 35
Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ bảy) 36
Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ tám) 37
Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ chín) 38
Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy 38
Thư trả lời cư sĩ Bích Vân 39
Thư trả lời cư sĩ Lưu Thọ Dân 41
Thư gởi cư sĩ Trịnh Minh Chi 42
Thư trả lời cư sĩ Từ Úy Như hỏi về sách Tự Tri Lục 44
Thư trả lời hai vị cư sĩ Khang Ký Dao và Trịnh Tử Bình 46
Thư trả lời cư sĩ Kim Huệ Sướng 47
Thư gởi cư sĩ Lý Khổ Thật 49
Thư trả lời pháp sư Giới Trần 49
Thư trả lời nhân sĩ ở Thiên Tân 50
Thư trả lời cư sĩ Mã Hương Thụy 50

Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Thật (thư thứ nhất) 52
Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Thật (thư thứ hai) 52
Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Thật (thư thứ ba) 53
Thư trả lời cư sĩ Quách Giới Mai 53
Thư gởi cư sĩ Tiền Thành Thiện 54
Thư gởi pháp sư Nhân Sơn 54
Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa 55
Thư gởi Tông Nguyệt và Hiển Lượng 55
Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như 56
Thư gởi về quê nhà 56
Thư trả lời cư sĩ Triệu Trí Vân (thư thứ nhất) 59
Thư trả lời cư sĩ Triệu Trí Vân (thư thứ hai) 59
Thư trả lời cư sĩ Triệu Trí Vân (thư thứ ba) 59
Thư gởi Tề Dụng Tu (thư thứ nhất) 62
Thư gởi Tề Dụng Tu (thư thứ hai) 62
Thư trả lời Chu Tễ Quang 63
Thư gởi Mã Sĩ Hoằng 64
Thư gởi cư sĩ Trương Cụ Nhụ 65
Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật (thư thứ nhất) 67
Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật (thư thứ hai) 67
Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật (thư thứ ba) 71
Thư đặt mua Đại tạng kinh bản khắc đời Tống được in theo lối ảnh ấn cho Linh Nham Sơn Tự 75
Thư trả lời cư sĩ Trâu Trí Chương 75
Thư trả lời cư sĩ Hứa Huệ Phảng 76
Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Cung 76
Thư trả lời cư sĩ Khế Như 77
Thư trả lời Hàn Thế Tử 78
Thư trả lời cư sĩ Triệu Tuấn Phong 79
Thư trả lời cư sĩ Trương Tri Giáp 79
Thư trả lời cư sĩ Giang Hữu Bằng 80
Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn (thư thứ nhất) 81
Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn (thư thứ hai) 82
Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn (thư thứ ba) 83
Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn (thư thứ tư) 83
Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn (thư thứ năm) 83
Thư trả lời cư sĩ Quách Huệ Thái 84
Thư gởi pháp sư Trí Nguyện 85
Thư trả lời cư sĩ Hồng Vô Ngã 85
Thư trả lời cư sĩ Thí Tông Đạo 86
Thư trả lời cư sĩ Tô Trí Tường 87
Thư trả lời pháp sư Viên Anh 88
Thư gởi đại sư Diệu Chân (thư thứ nhất) 89
Thư gởi đại sư Diệu Chân (thư thứ hai) 89
Thư gởi đại sư Diệu Chân (thư thứ ba) 89
Thư gởi đại sư Diệu Chân (thư thứ tư) 90

Thư gởi đại sư Diệu Chân (thư thứ năm) 90
Thư gởi đại sư Diệu Chân (thư thứ sáu) 91
Thư gởi đại sư Diệu Chân (thư thứ bảy) 91
Thư trả lời Đỗ Ấm Nam 92
Thư trả lời Đào Dã Công 92
Thư trả lời cư sĩ Dư Huệ Thông 94
Thư trả lời cư sĩ Lưu Đạm Nhiên ở Lưu Dương 94
Thư trả lời cư sĩ Tôn Khánh Trạch về chuyện tang lễ chẳng dùng đồ mặn 95
Thư trả lời cư sĩ Hoàng Tụng Bình ở Tương Âm 96
Thư trả lời cư sĩ Trình Viên ở Phong Kính 102
Thư trả lời cư sĩ Tử Tâm 102
Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm 103
Thư trả lời Cố Hiển Vi và Hoàng Hàm Chi 107
Thư gởi vị sư X… ở chùa Báo Quốc (thư thứ nhất) 108
Thư gởi vị sư X… ở chùa Báo Quốc (thư thứ hai) 108
Thư gởi vị sư X… ở Linh Nham 108
II. TỰ, BẠT, SỚ 110
Bài tựa nêu duyên khởi của Phật thất vĩnh viễn 110
Bi ký [trần thuật duyên khởi] lập Phật thất vĩnh viễn để ghi nhớ công đức giúp tu tạo đại điện của núi Linh Nham 110
Lời tựa cho bài ký giảo chánh đối chiếu phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện 112
Lời tựa cho phần Bổ Sung Duyên Khởi Khắc In Đại Tạng Kinh 114
Lời nhận định về duyên khởi khắc in Đại tạng kinh (thứ nhất) 115
Lời nhận định về duyên khởi khắc in Đại tạng kinh (thứ hai) 115
Lời nhận định về duyên khởi khắc in Đại tạng kinh (thứ ba) 116
Bài sớ nêu duyên khởi quyên góp tư lương để tái giảo đính cho quy tắc tu trì trong đạo tràng Tịnh độ chùa Di-đà ở Hàng Châu 117
Lời bạt cho Vương Mẫu Uông Thái Quân Vãng Sanh Ký 118
Lời tựa cho bộ Sơ Cơ Học Phật Trích Yếu *(vốn có tên là Cư Sĩ Học Phật Cương Yếu)* 119
Lời tựa cho kinh Địa Tạng Bồ-tát Bổn Nguyện 119
Lời tựa cho Mộng Đông Thiền Sư Di Tập 120
Lời tựa nêu duyên khởi của Phật giáo Cư sĩ lâm Triều Dương 121
Lời tựa nêu duyên khởi của Phật giáo Cư sĩ lâm Lũng Hữu 122
Thuyết minh nguyên do quyên mộ và biện pháp ấn hành Quán Thế Âm Bổn Tích Cảm Ứng Tụng 124
Nguyên do đính kèm Phật Pháp Đạo Luận vào sau bộ Phật Học Cứu Kiếp Biên 126
Lời sớ nêu duyên khởi giảng kinh Thỉnh Quán Âm và phẩm Phổ Môn 127
Sớ tạo lập niệm Phật đường chùa Phước Nghiêm tại huyện Sùng Đức tỉnh Chiết Giang 129
Sớ cầu siêu cho tổ tiên 130
III. PHÁP NGỮ KHAI THỊ 132
Phương pháp niệm Phật theo kiểu thập niệm ký số 132
Răn cấm đóng ấn có danh hiệu Phật, Bồ-tát lên đệm ngồi 132
Pháp ngữ trong dịp Ban-thiền Lạt-ma tổ chức cúng trai tăng một ngàn vị tăng tại chùa Phổ Tế ở núi Phổ Đà *(viết thay hòa thượng Liễu Tín)* 133
Báo cáo trong lễ khai mạc Phật Giáo Từ Ấu Viện ở Nam Kinh *(trích lục những điều chánh yếu)* 134

Pháp ngữ khai thị trong ngày Quán Âm thành đạo tại Phật giáo Cư sĩ lâm Thế Giới 135
Pháp ngữ về sách Quán Thế Âm Bồ-tát Cảm Ứng Linh Khóa 139
Pháp ngữ trong lễ thượng lương điện Quán Âm chùa Nam Thiên Trúc tại Hàng Châu 139
Pháp ngữ thượng đường 139
IV. LUẬN VĂN 188
Giải trừ nghi hoặc về chuyện Trầm Hà Sanh sanh Tây 188
Giải thích đại lược về tam chuyển tứ đế pháp luân 189
Bài văn phổ khuyến kính tiếc giấy có chữ và tôn kính kinh sách 192
Phủ quyết bài luận "Nhất Tâm Niệm Phật Liền Được Vãng Sanh" của pháp sư Thủ Bồi 193
Phụ lục bài Nhất Tâm Niệm Phật Liền Được Vãng Sanh của pháp sư Thủ Bồi 195
Lâm chung châu tiếp *(臨終舟楫, mái chèo lâm chung)* 197
V. BI KÝ 201
Bi ký về chuyện công đức quyên mộ mua ruộng để có chi dụng vĩnh viễn của am Long Thọ 201
Bi ký tu bổ bến tàu núi Phổ Đà 202
Bi ký công đức dựng liêu Như Ý, mở niệm Phật đường của chùa Phổ Tế 202
Bi ký về chuyện xây vườn phóng sanh mới của chùa Dũng Tuyền tại Cổ Sơn 204
VI. ĐỀ TỪ 207
Đề từ cho An Sĩ Toàn Thư 207
Đề từ nơi trang đầu tiên của sách Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao bản in lần thứ ba 207
Đề từ cho Vãng Sanh Truyện của Kỷ mẫu Chu thái phu nhân ở Tượng Sơn 207
Đề từ cho quyển Dục Hải Hồi Cuồng (lời đề từ thứ nhất) 208
Đề từ cho quyển Dục Hải Hồi Cuồng (lời đề từ thứ hai) 208
Lời đề từ đầu sách Cảm Ứng Thiên Trực Giảng 208
Lời đề từ đầu sách Khuê Phạm 210
Đề từ cho sách Tân Biên Quán Âm Linh Cảm Lục 210
Viết cuối sách Hành Trạng Của Tiên Sinh Tề Sắc Khanh 211
VII. KỆ TỤNG, NGUYỆN VĂN, ĐỐI LIỄN 212
Kệ niệm Phật mãi lìa kiếp đao binh, vãng sanh Tây Phương 212
Bài ca tụng Chu mẫu Nhậm thái cung nhân vãng sanh Tây Phương 212
Tán thán hình tượng của Từ mẫu Dương thái phu nhân 213
Kệ tụng hồi hướng sách Thọ Khang Bảo Giám 213
Bài văn phát nguyện dành cho các ủy viên nhậm chức trong Chỉnh Lý Tăng-già Ủy Viên Hội 213
Bài ca tụng Long Thái Huệ Huy vãng sanh 214
Kệ hồi hướng cho sách Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ 214
Bài kệ hồi hướng nhân dịp xây xong tường vây quanh ao phóng sanh ở Di Sơn 215
Ca tụng bà Lâm Tánh Ngộ vãng sanh, và răn dạy những kẻ ham cao chuộng xa coi thường Tịnh độ 216
Câu đối ghi trên lan can vây quanh sân của giếng Thánh Thủy chùa Tịnh Cư ở Tế Nam 216
Câu đối trước bàn Phật trong nhà 217
Khích lệ Đức Chấn 217
VIII. TRUYỆN KÝ, KÝ SỰ, TẾ VĂN 218
Bé gái Tra Lục Khánh ở Cửu Giang 218

Bài ký về chuyện con gái ông Mã Kỳ Sưởng ở An Huy nghe kinh Kim Cang lành bệnh, tọa thoát 218
Vị tăng tên Liên X… ở Úy Châu 219
Văn tế cư sĩ Giản Chiếu Nam 220
Điếu đại sư Đế Nhàn 221
Thôi sanh tử *(trường sanh oa)* 221
IX. PHỤ LỤC 225
Tưởng nhớ pháp ngữ của pháp sư Ấn Quang 225
Bái yết Ấn Quang đại sư ký 225

LỜI GIỚI THIỆU CỦA HOẰNG HÓA XÃ

Pháp sư Ấn Quang là vị được trời rồng tôn sùng, ý nghĩa trong ngôn giáo của pháp sư vốn lấy từ kinh Phật, khế lý khế cơ trong biển tự tánh, ân đức nhuần thấm mười phương. Trước là có các vị đại cư sĩ như Từ Úy Như v.v. trong thời Dân Quốc, sau là pháp sư Đức Sâm, cư sĩ La Hồng Đào v.v. muốn báo ân pháp nhũ của pháp sư Ấn Quang, bèn biên tập thành các bộ Tăng Quảng, Tục Biên, Tam Biên Văn Sao gồm mười quyển, tổng cộng hơn một trăm vạn chữ. Từ thời cận đại tới nay, đấy là trước tác Phật giáo được lưu thông với số lượng lớn nhất, rộng khắp nhất.

Năm 2003, vị cư sĩ chấp sự của bổn xã do được cư sĩ Vũ Diên Khang gợi ý, "thu thập những bản văn còn bỏ sót của Ấn tổ", bèn sưu tập các di văn của tổ Ấn Quang từ các tạp chí Phật giáo và các sách vở Phật giáo thời Dân Quốc. Trước sau có cư sĩ Diệu Âm, cư sĩ Dư Hội Tâm v.v. ở Thượng Hải tham gia công tác chỉnh lý. Năm 2007, Hoa Điển Đồ Thư đã xuất bản bộ Dân Quốc Phật Giáo Kỳ San Tập Thành (tổng tập các tạp chí Phật giáo xuất bản trong thời Dân Quốc) khiến cho công tác thu thập và chỉnh lý hết sức thuận tiện.

Cuối năm 2008, bổn xã đem bản mục lục chỉnh lý sơ bộ của cư sĩ Hội Tâm trình lên pháp sư Minh Học, thượng nhân rất tán thán, trao cho bổn xã các bản chép tay, và được trân trọng cất giữ tại tàng kinh lâu núi Linh Nham để làm tài liệu đối chiếu từng bài. Trong khoảng từ tháng 6 tới tháng 8 năm 2009, lại do pháp sư Diệu Thiền, cư sĩ Văn Ấn tham dự giảo chánh, đối chiếu, biên soạn bộ sách này. Pháp sư Minh Học lại đích thân đặt tên cho bộ tổng tập này là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên Bổ. Sách này gồm hơn mười vạn chữ, chia thành các thể loại Thư Tín, Tự, Bạt, Duyên Khởi, Pháp Ngữ Khai Thị, Luận Văn, Bi Ký, Đề Từ, Kệ Tụng, Nguyện Văn, Câu Đối, Truyện Ký, Ký Sự, Văn Tế, Phụ Lục v.v..

Đặc biệt tỏ ý cảm tạ các liên hữu dưới đây đã tham gia công tác chỉnh lý, giảo đối, sao lục bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên Bổ: Pháp sư Diệu Thiện, pháp sư Huệ Minh, cư sĩ Dư Hội Tâm, cư sĩ Trương Diệu Âm ở Thượng Hải, cư sĩ Văn Ấn ở Giang Tô, cư sĩ Mã Quý ở Nội Mông, cư sĩ Chánh Nguyên ở Nam Kinh, cư sĩ Nhân Chân ở Liêu Ninh v.v. (còn nhiều vị cư sĩ khác nữa, chẳng thể nêu tên từng vị được).

I. THƯ TÍN

Bổ khuyết thư gởi Phật Học Báo Quán (tòa soạn báo Phật Học)

(Tháng Chạp năm Nhâm Tý, tức năm Dân Quốc thứ hai - 1913)

Hiện thời giấy Tây phổ biến, kẻ in sách hoặc dùng lối thạch ấn (lithography), hoặc dùng lối in typo, giá thành chẳng cao, lưu thông tiện lợi nhất. Nhưng người ta chỉ biết đến điều lợi ấy, tôi lại sợ cái hại của nó. Vì sao nói như thế? In bằng lối thạch ấn hay in typo đều phải dùng mực in, nếu dùng mực và giấy của nước nhà, mực loại nhẹ thì hơn 20 năm sau, nét chữ vẫn rõ; nếu dùng mực đậm thì sau mười mấy năm, nét chữ sẽ phai nhạt. Nếu dùng giấy Tây, trong vòng từ 3 năm đến 5 năm, sách đã in liền trở thành giấy trắng. Bởi lẽ giấy Tây làm từ chất xơ từ vải dơ, dùng chất thuốc tẩy trắng, cho nên nét chữ dễ bị phai. Không chỉ là in bằng loại mực nước của phương Tây, dẫu in bằng mực Tàu hay chữ son, cũng đều chẳng lâu sau bị bay nét chữ. Tôi đã từng thí nghiệm nhiều lượt. Tháng 7 năm ngoái, tôi được bạn bè tặng cho bộ Tam Quốc Phật Giáo Lược Sử[1] do chùa Long Tuyền ở kinh đô in vào tháng 4 theo lối thạch ấn. Bộ này lúc mới nhận được nét chữ đã hơi lu mờ; đến nay chưa đầy nửa năm, khá nhiều chỗ chỉ còn giấy trắng. Chắc 2 năm nữa sẽ thành một quyển giấy trắng! Hiện thời, sách giáo khoa toàn dùng loại giấy này in theo lối thạch ấn, trong dăm ba năm, lại phải mua sách khác. Đối với các sách như Ngũ Kinh v.v. cũng có người dùng loại giấy và mực này để in. Hơn nữa, dân quê chẳng biết, nếu dùng loại giấy này để viết các loại khế ước trọng đại, chẳng quá mười năm, sẽ trọn chẳng có bằng chứng nào, chẳng biết sẽ khiến cho bao nhiêu thường dân bị oan uổng. Lại nữa, in bằng lối thạch ấn hoặc typo, bản khắc ván dần dần ít đi. Nếu nhằm lúc thời cuộc thái bình, chẳng ngại in nhiều lượt. Nếu gặp phải lúc đói kém, loạn lạc, mấy chục năm sau, chắc là sách vở bị đoạn diệt. Lại có người in kinh theo kiểu ấy, chính là do lưu thông mà khiến cho kinh điển bị diệt vong, ứng với chuyện Như Lai đã thọ ký: "Thời mạt pháp, kinh điển biến thành giấy trắng." Đó chính là cái gốc khiến cho nước nghèo dân hèn, diệt thánh giáo của Nho lẫn Thích; sao lại không có ai vì dân mà nghiêm cấm in sách bằng loại giấy này? Sao lại không có một ai vì đồng bào mà lo lắng hậu hoạn, luôn đăng báo khắp nơi để nêu rõ cái họa của loại giấy này?

---

[1] Đây là tác phẩm ghi lại những nét chánh yếu về lịch sử Phật giáo tại Ấn Độ, Trung Hoa và Nhật Bản. Sách do hai pháp sư thuộc Tịnh Độ Chân Tông của Nhật Bản là Ô-địa-mặc-lôi (Shimaji Mokurai) và Sanh-điền-đắc-năng (Oda Tokuno) biên soạn bằng tiếng Nhật. Tác phẩm này được các vị pháp sư Thích Thính Vân và Thích Hải Thu dịch sang tiếng Hán, in lần đầu vào năm Tuyên Thống thứ ba (1911) đời Thanh.

Phật Học Tùng Báo vốn nhằm lưu thông Phật pháp, chẳng giống như các báo khác, hễ xem xong liền trở thành vật bỏ đi. Cần phải vĩnh viễn không bay nét chữ thì mới có lợi ích thật sự. Nếu chỉ vài năm đã mất sạch chữ, ắt quý vị chỉ uổng công khổ tâm, chẳng cứu nổi đêm dài hắc ám. Số báo đầu tiên nét chữ đã mờ, tôi hết sức lo âu. Muốn sao lại, nhưng thị lực chẳng đủ; muốn để đó, chỉ lo bị mòn diệt, to gan dâng lời quê kệch, mong chư quân soi xét. Khẩn cầu chư vị hãy lập riêng một cách thức, dùng giấy mực của nước nhà để ấn loát, ắt dăm ba năm hoặc trăm năm vẫn có thể bảo tồn. Dẫu phí tổn tốn gấp một hai phần, nhưng lợi ích sẽ nhiều đến trăm ngàn vạn ức, vô lượng vô biên lần! Hơn nữa, in chữ trên cả hai mặt giấy, nếu bị hư rách sẽ chẳng thể tu bổ được.

Năm Quang Tự 31 (1905), tôi đến Kim Lăng Khắc Kinh Xứ[2], thấy bản Đại tạng kinh do người Nhật in vào thời ấy, bèn hỏi lão cư sĩ Dương (cư sĩ Dương Nhân Sơn): "Bản kinh ấy in bằng mực in ngoại quốc, hay mực Tàu?" Ông Dương nói là loại mực dầu của ngoại quốc. Lại hỏi: "Có bị bay chữ hay không?" Ông Dương đáp: "Không bay." Nếu thật sự không bay, nếu lỡ như chẳng thể in bằng mực Tàu được, xin hãy dùng loại mực dầu ấy. Vẫn mong đem những số đã in trước đây, chọn lấy những bài trọng yếu, so sánh phân loại để in mộc bản, hoặc dùng cách in bằng lối chữ rời khác[3] để ấn hành, lưu thông, ắt văn chương của các vị có thể tồn tại sánh cùng trời đất, các hữu tình nơi đại địa trong hiện tại lẫn vị

---

[2] Kim Lăng Khắc Kinh Xứ là cơ sở văn hóa Phật giáo nổi danh của Trung Hoa. Cơ sở này do cư sĩ Dương Nhân Sơn sáng lập vào năm Đồng Trị thứ năm (1866) tại Nam Kinh (do tên cổ của thành Nam Kinh là Kim Lăng, cho nên gọi tên như thế). Cư sĩ Dương Nhân Sơn dạy học tại đó và chủ trì ấn loát hơn 40 năm, ấn hành hơn trăm vạn bộ sách, và mười mấy vạn hình Phật. Tại đây cụ Dương còn sáng lập các cơ sở giáo dục như Tinh xá Kỳ Hoàn, Hội nghiên cứu Phật Học v.v.. Các vị đại đức Phật giáo nổi tiếng thời đó như đại sư Thái Hư, Âu Dương Cánh Vô, Chương Thái Viêm, Tạ Vô Lượng, Mai Quang Hy v.v. đều từng tham học tại đây. Năm 1922, Âu Dương Cánh Vô và Lữ Trừng thành lập Chi Na Nội Học Viện tại đây để nghiên cứu Pháp Tướng. Trong số các học viên, có những người nổi tiếng như Lương Khải Siêu, Lương Sấu Minh, Vương Ân Tường, Hùng Thập Lực. Sang thời Mao Trạch Đông, cơ sở này ngừng hoạt động. Mãi đến năm 1980, do chánh sách tôn giáo được nới lỏng, cụ Triệu Phác Sơ mới phục hưng cơ sở này.

[3] Nguyên văn là "tụ trân" (聚珍). Tức là cách dùng các con chữ rời bằng kim loại sắp vào khuôn, in thành từng trang. Do vào năm 1773 (tức năm Càn Long 38), sau khi Tứ Khố Toàn Thư hoàn thành, muốn in ra, nếu dùng lối in khắc ván truyền thống sẽ tốn công rất lớn, chi phí rất cao, lại khó thể hoàn thành đúng kỳ hạn. Hơn nữa, khả năng bị khắc sai sót rất lớn. Đại thần Kim Giản bèn kiến nghị cho thợ khắc từng chữ rời bằng gỗ táo rồi xếp vào khuôn theo từng trang để in. Sau khi in thử, duyệt lại, hễ thấy lỗi ở trang nào, chỉ cần sắp chữ lại trang đó, không cần phải khắc lại từ đầu. Công trình này cần đến 25.000 chữ rời để ấn loát. Vua Càn Long rất thích thú với kiến nghị này, đã đổi tên gọi *hoạt tự* (chữ rời) thành *tụ trân* (chất chứa của báu). Sau này thư cục Trung Hoa dùng kim loại đúc thành chữ rời, font chữ theo lối phỏng tống. Các bản in bằng lối này được gọi là *tụ trân phỏng tống bản*, hay chỉ gọi tắt là tụ trân.

lai sẽ cùng được lên thuyền từ phổ độ. Nếu có thể thương xót lòng ngu thành của tôi, ắt sẽ chẳng nề xả thân cúng dường.

Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ nhất)

Mùa đông năm ngoái các hạ đến núi, sai tôi viết bài bi ký duyên khởi, Quang đang trong Phật thất, chẳng muốn suy nghĩ viết lách, bèn ước hẹn trong tháng 4 sẽ gởi sang Thiểm Tây. Mồng 5 tháng Giêng năm nay nhận được thư, biết ông vẫn còn ở phương Nam, cho nên gom góp hơn 1.500 chữ cho xong trách nhiệm. Tiếc là sở học hời hợt, nông cạn, chẳng thể nêu tỏ tột bậc được! Hơn nữa, bài ký ghi lại sự thị hiện ứng tích của Bồ-tát nhằm lúc ngài trụ tại Đại Đảnh [của Nam Ngũ Đài tại Thiểm Tây] vào năm Quang Tự 11 (1885). Tôi thường nghĩ Đại sĩ khai sơn, suốt một ngàn mấy trăm năm, trọn chẳng có bi ký để tham khảo, đúng là chuyện đáng tiếc nuối bậc nhất. Một hôm tôi tới thôn Lưu, tản bộ nơi Tây Tự, thấy có mấy tấm bia, đều là bia thuộc về Đài Sơn, nhưng nội dung đều chẳng khẩn yếu, chẳng cần phải sao lục. Trong số đó có một tấm bia, vốn là một tấm đá, trọn chẳng có một chữ nào! Quang thử lấy ngói cạo bỏ rong rêu, thì ra là tấm bia được khắc vào năm Chí Nguyên thứ bảy (1341) đời Nguyên, trần thuật duyên khởi dựa theo bia cổ. Do đã trải qua hơn 600 năm, bia bị các chất dơ phong kín, tôi mừng rỡ khôn cùng, sao lại để dành. Lại nói với ông hội trưởng Lưu Tứ cho lập bia trên núi.

Năm sau lên miền Bắc, tới Hồng Loa, sau đó trở về phương Nam, tới Phổ Đà, thường nhớ tới chuyện này. Tới năm Dân Quốc thứ ba (1914), thầy Định Huệ đến núi, liền dặn thầy ấy sao lại gởi đi. Một là vì muốn đăng trên báo Phật Học, hai là muốn khi tu chỉnh Phổ Đà Chí, sẽ trần thuật chuyện ấy để nêu tỏ đầu mối "tầm thanh cứu khổ" của Đại sĩ. Nay đại điện trên núi Nam Ngũ Đài đang trùng tu, mong cư sĩ khi in bài Tịnh Độ Duyên Khởi Ký sẽ in kèm theo, hòng khơi gợi tín tâm. Tới núi hãy nên thưa chuyện với người chủ trì công trình trùng tu, khuyên hãy khắc bia trên núi, ngõ hầu một phen từ bi gia hộ của Đại sĩ chẳng đến nỗi lâu ngày bị tuyệt tích. Bài tán do Quang soạn và bài tựa ngắn trước bài tán đều cùng khắc. Bài văn bia bị cỏ lấp và bài văn bia này đều nên dùng lối chữ thô to để khắc cho dễ đọc, lại còn có thể tồn tại lâu ngày. Nếu dùng vật liệu bằng đá cao to, không chỉ phí tiền, lại còn khó chuyển vận. Có lẽ nên dùng hai tấm bia ghép lại một chỗ thì sẽ đỡ tốn tiền đá hơn, vận chuyển thuận tiện thỏa đáng hơn. Chỉ cốt sao thánh tích được nêu tỏ, chẳng quan tâm hình dạng hoa mỹ! Hãy nên đem ý Quang nói với người chủ trì công trình. Hơn nữa, khi in ắt cần phải giảo chánh, đối chiếu cẩn thận, đừng bị sai ngoa, tăng giảm, lại cần phải chấm câu rõ ràng để tiện xem đọc. Nếu không, kẻ học vấn nông cạn sẽ khó lãnh hội. In xong hãy nên

gởi mấy bản cho Quang làm kỷ niệm. Chỉ mong ông an trụ trong thiền duyệt, những điều khác chẳng nói nữa.

Phụ lục 1: Giải trừ nghi vấn về động Vô Môn

Núi Nam Ngũ Đài chẳng có hang động lớn để người ta có thể sống trong đó, mà cũng chẳng có cái hang nào tên là Vô Môn. Cái hang ấy là động Tương Tử, chắc chắn chẳng còn ngờ chi! Ấy là vì từ cuối đời Thanh đến nay, pháp đạo suy vi, bậc thông triết ẩn mất, sách vở thất lạc. Lại còn trải qua nhiều đợt binh lửa, đã lâu chẳng có ai ở. Tăng tục vô tri, do nghe chuyện Hàn Tương Tử[4] đã quen, liền hư vọng đặt ra tên gọi ấy. Vào đầu thời Quang Tự, các vị như sư Pháp Nhẫn v.v. mới tới ở nơi đó, nhưng tăng chúng trong núi thường hay gây trở ngại, đến nay đã trở thành lệ thường, ai nấy đều sống yên ổn.

Vô môn tức là lấy cái tâm như lời dạy của đức Phật trong kinh Lăng-già làm tông, vô môn có nghĩa là "pháp môn". Cần phải biết, vô môn chính là phổ môn. Bởi lẽ, đối với mọi pháp mọi sự, hễ mê đều có thể khởi hoặc tạo nghiệp; ngộ thì đều có thể đoạn hoặc chứng chân. Vì thế 25 vị thánh trong kinh Lăng-nghiêm, đối với sáu căn, sáu thức, bảy đại, mỗi pháp đều chứng viên thông. Do vậy, không pháp nào chẳng phải là diệu lý tam đế, cũng chẳng có pháp nào chẳng kham tiến nhập niết-bàn. Chỉ vì các pháp ấy đều là môn, cho nên chẳng cần phải lập riêng một môn, bèn gọi là vô môn. Hãy nên đem ý này bảo cặn kẽ với vị tăng trụ trì nơi lều tranh, để ông ta biết chuyện của bậc cao nhân, và tên gọi vô thượng thậm thâm thật sự ở chỗ nào, chẳng đến nỗi truyền tụng tên gọi hư ngụy của ngoại đạo, để rồi đánh mất chánh danh trong Phật pháp.

Phụ lục 2: Biện định sự sai ngoa trong đối với danh xưng của Nhiếp Thân Nham

Nhiếp Thân Nham (攝身巖) là do núi cao và dốc, thẳng đứng vạn nhận[5]. Kẻ lên tới đỉnh nhìn xuống, khôn ngăn dè dặt, cẩn trọng, thân tâm run rẩy, vọng tưởng tiêu diệt, chánh niệm rõ ràng, tức là ý nghĩa "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp

---

[4] Hàn Tương Tử, tự Thanh Phu, là một trong Bát Tiên theo tín ngưỡng của Đạo giáo. Theo truyền thuyết, ông này sống vào đời Đường, theo học đạo với Lữ Động Tân, giỏi âm nhạc. Tương truyền khúc nhạc Thiên Hoa Dẫn của Đạo giáo do ông chế ra. Ông thường được vẽ hình như một chàng trai trẻ, tay cầm ống sáo. Hậu nhân cho rằng ông ta tên thật là Hàn Tương, là cháu trai của văn hào Hàn Dũ, nhưng các nhà khảo cứu cho rằng đây chỉ là sự gán ghép trong truyền thuyết dân gian, vì Hàn Tương làm quan tới chức Đại lý thừa, chẳng hề tu tiên.

[5] Nhận (仞) là một đơn vị đo độ dài thời cổ. Thông thường *nhận* được hiểu là chiều dài của cánh tay một người đàn ông trưởng thành. Đời Chu, một nhận là tám thước, đời Hán coi bảy thước là một nhận, nhưng về sau, thường coi tám thước là một nhận. Thước ở đây là thước Tàu (xích) khoảng 33 cm.

nối" trong kinh Lăng-nghiêm. Bởi lẽ, thân là tên gọi chung, sáu căn thuộc về tên gọi riêng biệt. Dùng tổng để thâu nhiếp biệt, cho nên chỉ nói là nhiếp thân mà thôi! Sau này bậc thông triết đều ẩn mất, sách vở thất lạc, kẻ tăng người tục vô tri bèn ngoa truyền thành xả thân. Lại có ma dân tạo tác ma thuyết, bảo Quán Âm xả thân tại đó thì mới thành đạo quả. Lời lẽ bịa đặt vô căn cứ như thế đã nhuốm bẩn Đại sĩ, làm nhục pháp môn, chuốc lấy sự báng bổ tà vạy của ngoại đạo, khơi gợi kẻ ngu nghĩ tưởng ma mị, gây hại quả thật chẳng cạn. Chuyện này giống như kiến giải ma mị, biến Quán Âm thiếu (觀音眺, Quán Âm dõi nhìn) trở thành Quán Âm khiêu[6] (觀音跳, Quán Âm nhảy) ở Phổ Đà, đúng là khiến cho người khác đáng than đáng hận, đáng buồn đáng thương!

Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ hai)

Thư của ông Trang đã gởi đi, nhưng qua lại giữa Tô Châu, Vân Cư, và Phổ Đà cũng phải hơn nửa tháng, sợ rằng đã gởi đến rồi. Nếu chưa gởi, chưa soạn, Quang sẽ thuật cặn kẽ nguyên do và lợi ích, ông ta sẽ nhanh chóng gởi đi, đừng bận tâm. Ước chừng sau Rằm tháng 8, Quang sẽ xuống núi. Chắc cuối tháng 8 có thể đến đất Thân (Thượng Hải). Mong ông hãy tùy thời điều trị, đừng để thân tâm bị tổn thương.

Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ ba)

Thu trước vừa qua, tiết xuân lại đến, quang âm vùn vụt, thật đáng than thở! Mùa đông năm ngoái bộ Văn Sao hủ bại của Quang được in ra, ông Vân Lôi tính gởi sang Cửu Hoa, hỏi Quang có biết ông đang ở chỗ nào hay không? Quang nghĩ cư sĩ hành tung vô định, bảo ông ta chẳng cần gởi. Ngày 27 tháng 2, nhận thư từ Hương Cảng, biết ông đã đến núi Kê Túc chiêm bái tôn giả Ca-diếp, khôn ngăn ngưỡng vọng, hâm mộ cùng cực. Hôm nay lại nhận được thư, biết ông sang Tào Khê lễ yết Lục tổ, lại còn cùng với ông Chiếu Nam Giản quen thân sâu đậm, chắc là phải đợi cho Phật sự viên mãn rồi mới khởi hành. Bộ Văn Sao của Quang đã gởi hết. Mùa xuân năm nay Úy Như lại bảo Thương Vụ Ấn Thư Quán in tiếp. Lại thỉnh cư sĩ Hoàng Ấu Hy giảo chánh, đối chiếu cặn kẽ hơn, hễ chỗ nào biên tập chẳng hợp quy củ thì sẽ sửa đổi ngay. Lại thêm vào mười mấy bài nữa, vẫn chưa ra sách, một hai tháng sau chắc sẽ hoàn thành. Sắp chữ ấn loát lần này, Ấn Thư Quán sẽ tự phát hành, lưu lại bản thảo để sau này họ sẽ tiếp tục in không ngớt,

[6] Trong âm phổ thông, cả hai chữ này (眺 và 跳) đều đọc là tiào nên mới có sự lầm lẫn như thế. Cũng giống như thế, do nhiếp (攝, shè) và xả (舍, shě) có âm đọc gần giống nhau nên bị sai ngoa. Thậm chí họ còn bịa truyện gọi là Quán Âm khiêu vì Quán Âm thị hiện thần lực nhảy ra đứng giữa biển cả để dằn mặt các thần thánh muốn tranh giành đạo tràng Phổ Đà của ngài.

ngõ hầu có thể thỉnh sách bất cứ lúc nào cũng được. Thư này kèm theo ba tờ giới thiệu bộ sách Văn Sao, mong ông hãy báo cho người có tín tâm biết.

Chuyện trở về Tần Xuyên, quả thật chẳng có sức ấy. Ngày 27 tháng trước, trụ trì chùa Ngọa Long là thầy Hiển An vâng lệnh của đốc quân Trần thúc giục Quang quay về đất Bắc. Quang viện cớ tuổi tác lẫn chí hướng đều suy đồi, mắt vừa quáng vừa yếu để tận lực từ chối. Vì sách khơi gợi hàng sơ cơ nhập đạo có đến mấy thứ, hãy bảo những ai có tín tâm thỉnh về đọc, họ sẽ dần dần nhập đạo là được rồi. Nếu chẳng khoan dung, cứ nhất định ép buộc tôi phải quay về, tôi sẽ lánh xa đến chỗ không có bưu cục cho đến hết tuổi thừa!

Năm ngoái, tôi lại nhận được toa thuốc thần diệu để cai thuốc phiện của ông Trần Tích Châu, hiệu nghiệm phi thường, bèn lập tức gởi tới mười mấy chỗ. Cũng có chỗ in ra, gởi ngược lại cho Quang. Nhà ông Giản dư dả, lại còn nhiệt tâm làm chuyện công tích, mong ông ta sẽ đem toa thuốc ấy in ra trăm ngàn vạn bản để lưu truyền rộng khắp, ngõ hầu kẻ muốn cai nghiện sẽ cai được, cũng là công đức không chi lớn bằng. Nay tôi gởi mấy tờ, nhờ vào đạo lực của cư sĩ, chắc Quang chẳng đến nỗi thất vọng. Hơn nữa, cơ duyên pháp đạo ở Vân Nam đã hưng thịnh, mùa đông năm ngoái đốc quân Đường gọi điện, sai Mậu Diên Diên mời pháp sư Đế Nhàn và Quang đến đó giảng kinh. Thầy Đế Nhàn lấy cớ không rảnh để chối từ, Quang viện cớ mắt kém, học cạn để từ chối. Vì thế ông ta mời Âu Dương Cánh Vô sang đó.

Hôm nay, ông Trương Chuyết Tiên cũng gởi thư đến, cho biết ông ta ăn chay trường, niệm Phật đã lâu. Hiện thời ông ta đang khôi phục chùa cổ Viên Thông ở tỉnh lỵ, biến thành thập phương tùng lâm, kiêm lưu thông kinh Phật, và lập niệm Phật đường làm chỗ tu trì cho hàng tăng tục, lập thất duyệt kinh để làm chỗ nghiên cứu. Tôi đem các kinh mà ông ta và Vương Mộng Cúc muốn thỉnh đều xếp vào trong bưu kiện để họ đọc và nghiên cứu. Trong thuở rối loạn cùng cực, bèn mong mỏi bình trị, mọi người đều có cùng cái tâm ấy. Do đạo "nhân quả ba đời", pháp "chúng sanh và Phật chẳng hai" của đức Phật ta, cùng với các pháp "đoạn hoặc chứng chân, siêu phàm nhập thánh", và "nương vào từ lực của Phật, tín nguyện vãng sanh" v.v. cho nên không căn cơ nào chẳng được tiếp độ, không căn cơ nào chẳng thâu nhiếp. Nếu lại được người văn chương lẫn đức hạnh đều ưu tú đề xướng, sẽ thấy "một người xướng, trăm người họa, ngả rạp theo chiều gió". Sau mấy chục năm có thể sánh bằng thuở pháp đạo hưng thịnh thời Đường - Tống cũng chưa biết chừng! Chuyết Tiên chất phác, phẩm đức cực thuần túy, cư sĩ tới đất Điền (Vân Nam) hãy nên kết bạn.

Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ tư)

Nhận được liên tiếp hai lá thư trong mùa xuân, biết các hạ được mời ở lại nhà ông Giản. Lại đến Tào Khê để lễ Lục tổ lần nữa. Đợi đến khi Phật sự ở chỗ ông ta viên mãn, sẽ cùng sang núi Kê Túc tham lễ sơ tổ Tây Thiên (ngài Ma-ha-ca-diếp). Đó là nhờ hòa thượng Liễu Thanh nhận được thư liền cho Quang xem ngay, lại còn giảng giải về núi Kê Túc, biết các hạ thong dong nơi hang thiền, thân tâm an lạc, tôi vui sướng khôn ngằn. Quang sống uổng quang âm, chẳng có mảy may cảnh giới nào thăng tấn, hổ thẹn khôn cầm! Năm nay chẳng muốn xuống núi, nhưng vì chuyện khắc kinh, chẳng thể nào không lo liệu. Đợi sang năm khắc xong bộ Pháp Hoa Nhập Sớ sẽ lại sang Dương Châu lo liệu hết thảy. Mùa xuân năm nay, Từ Úy Như đem bộ Văn Sao của Quang cậy Thương Vụ Ấn Thư Quán ở Thượng Hải tái bản lưu thông, cũng như lưu lại bản in gốc, cho đến nay vẫn chưa ra sách. Sớm muộn gì sách cũng in ra, sẽ gởi sang Kê Túc một hai gói để kết pháp duyên.

Hiện thời vận nước ngày một cấp bách, dân chúng lầm than, nếu chẳng gấp cầu vãng sanh, chỉ sợ mười hay hai mươi năm sau tình cảnh sẽ giống như An Nam hoặc Cao Ly. Nhắc đến bèn đau lòng, nghĩ tới mà lệ ứa. Mong ông hãy vì các sư ở núi Kê Túc trần thuật hiện tượng vận mạng trong cõi đời để kích phát chí hướng thành tâm, đồng tâm nhất ý, lìa cõi ác trược này, ngõ hầu từ trong tòa nhà lửa to lớn vô biên này mà thoát thân ra, đến thẳng chốn quê nhà vốn sẵn có. Nếu đời này chẳng thực hiện, chẳng biết mai sau rốt cuộc còn có pháp đạo hay không? Dẫu có kinh điển, rốt cuộc chẳng biết còn có thể tùy ý tự do nghiên cứu, giở xem, thọ trì, đọc tụng hay không? Tháng 3 năm nay hòa thượng Liễu Thanh đã xin nghỉ hưu (thôi làm trụ trì), hiện đang ở am Bạn Sơn. Có lẽ sau này sư sẽ ở tại tháp viện Đa Bảo. Chủ nhân hiện thời của chùa Pháp Vũ tên là Liễu Minh, có cùng thầy với sư Liễu Thanh, là người khá trung hậu, lão thành.

Anh em ông Giản chưa đến, hễ họ tới đây thì tôi sẽ đúng pháp chăm sóc, ông chẳng cần bận lòng. Người tại gia sự việc đa đoan, không thể muốn đi bèn lập tức đi ngay. Thường có người đã phát nguyện nhiều năm, vẫn chưa thể đến được, rất nhiều!

Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ năm)

Quang từ ngày 26 tháng 7 vượt biển, ngày 29 tới đất Thân (Thượng Hải). Tôi đến thư cục Hữu Chánh hỏi thăm các hạ, họ nói vẫn chưa trở về. Lại có thư từ Vân Nam gởi đến, nay tôi gởi ở thư cục Hữu Chánh để ông quay về sẽ đọc. Bộ Văn Sao của Quang đã in ra, còn chưa gởi đi cho những người đặt trước, sợ phải mất nửa tháng lo liệu. Quang lại đặt trước 100 bộ, tiền đã giao xong, chờ tới lúc từ Dương Châu quay về sẽ phân phát. Cư sĩ ôm chí hướng tham bái cảnh thanh

lương của Ngũ Đài, chắc đã nhập thánh cảnh, thù tạc cùng các vị La-hán, khôn ngăn vui mừng an ủi.

Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ sáu)

Vừa nhận được thư, như gặp cố nhân. Quang tính đầu tháng 8 sẽ đến đất Thân (Thượng Hải) để lo chuyện in An Sĩ Toàn Thư. Chuyện khắc ván ở Dương Châu cứ kéo dài, có sang đó hay không vẫn chưa định, vì có đi cũng chẳng thể xong việc.

Đối với chuyện ở Đông Lâm, các vị Tĩnh Thiền và Huệ Thiền muốn biến nơi đó thành chốn cư trú yên vui vạn năm cho con cháu, bất luận thế nào cũng chẳng chịu đổi thành thập phương tùng lâm. Lời này do Tĩnh Thiền nói trước mặt Quang và cư sĩ Thí Tỉnh Chi, thầy ấy nói: "Xưa kia, thầy tôi sai tôi làm đương gia, tôi thưa: 'Nếu con làm đương gia sẽ đổi thành đạo tràng thập phương.' Thầy tôi liền cúi đầu đau buồn. Không chỉ là thầy tôi hãy còn, chẳng thể đổi thành tùng lâm thập phương. Dẫu thầy đã qua đời cũng chẳng dám đổi thành tùng lâm thập phương, vì sợ thầy thương tâm." Ông Thí bèn nói: "Đã chẳng thể làm tùng lâm thập phương, xin hãy đừng bàn tới nữa." Lòng Tĩnh Thiền vui sướng, trọn chẳng có một ý niệm tiếc thương! Mười mấy ngày sau khi ông Tỉnh Chi rời đi, Huệ Thiền hẹn với năm vị cư sĩ như Lý Bảo Linh ở Vu Hồ v.v. khải thỉnh Quang phục hưng Đông Lâm. Trong hai ngày liên tiếp, họ hai lượt tới khải thỉnh. Quang viện cớ già, bệnh để từ chối, lại còn nói đại lược nguyên do với Lý Bảo Linh. Do ông ta đã từng quy y với Quang, cho nên không thể kể sự thật. Huệ Thiền cũng gởi thư đến, Quang bảo thẳng ý của sư huynh ông ta, bảo ông ta đừng gởi thư tới nữa. Nay thầy Hoằng Khánh nói như thế đều là khuôn sáo dỗ ngọt trẻ nít, Quang há vô tri hãm mình vào trận lốc xoáy ấy ư?

Huống chi Quang thật sự chẳng có tài lực, lại còn hiện thời đã bắt đầu tu chỉnh Phổ Đà Sơn Chí. Tuy phần nói về Đại sĩ đã có cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh ở Giang Tây đảm nhiệm, những phần khác thì trưởng ấp đã sai các thân sĩ trong ấp biên soạn. Quang vướng tên trong số đó, thật sự chẳng thể nào không luôn ra sức xem xét, ngõ hầu ít bị sai ngoa. Bọn họ (các sư ở Đông Lâm) chẳng chấp thuận lời thỉnh cầu trước đó, đặc biệt dùng lời lẽ để che giữ thể diện. Họ biết Quang chắc chắn không thể đích thân đến đó, đặc biệt thốt lời ngon ngọt ấy để khỏi bị tai mắt người đời chê gièm. Loại tăng nhân kiểu đó còn có thể giao thiệp được chăng? Nếu chẳng tự suy xét ắt sẽ mắc phải chuyện phiền bực bất ngờ! Cố nhiên Quang chẳng tiếc thân mạng, nhưng chết vô ích cho cả mình lẫn người, sao bằng cẩn trọng từ đầu đến cuối chẳng hay hơn ư? Mong cư sĩ cũng đừng bàn đến nữa. Nếu tổ Huệ

Viễn linh thiêng chắc sẽ có lúc xoay vần, nhưng Quang nhất quyết chẳng can dự vào chuyện ấy.

Thiên tai nhân họa trong năm nay càng thảm hơn trước, chẳng biết kết quả là nước ta rốt cuộc sẽ là cảnh tượng như thế nào, há còn so đo một đạo tràng Đông Lâm nữa ư? Tục nhân muốn hưng thịnh pháp, tăng muốn diệt pháp! Cố nhiên họ nương theo nguyện mà đến để phá hoại tín tâm của thí chủ và đạo tràng của tổ sư. Do bão lốc gần đây, các nơi đều bị thiệt hại, tại Sán Đầu ở Quảng Đông, thuyền trôi lên nóc nhà, còn được tường vách của căn nhà chống đỡ. Có thể biết là người ở nơi ấy đều bị chìm đắm, trôi giạt. Buồn thay! Sau cơn bão lại thêm ôn dịch, nhân dân tử vong chẳng biết số lượng. Trong lúc này cố nhiên hãy nên giữ yên, nếu khởi sự thực hiện thì chưa thành công mà tai họa lại xảy đến, sẽ uổng công nhọc nhằn mà chẳng đạt được gì. Vì thế cần phải biết điều gì trọng yếu.

Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ bảy)

Đã lâu chưa gặp gỡ, vẫn luôn tưởng nhớ, Quang đoán ông đang xây cất viện Trinh Tiết[7] tại nhà. Hôm qua nhận được thư của một người bạn là cư sĩ Trương Thụy Tăng, nói cư sĩ đang nghe kinh ở Nam Viên. Lần này cư sĩ Thụy Tăng bị dính tới chuyện mất mát tiền bạc, được cư sĩ từ ái lo liệu vẹn toàn, chẳng đến nỗi nguy khốn, cảm kích sâu đậm. Quang nghe tin cũng cảm thấy giống như chính mình mắc nạn, cảm tạ khôn ngằn. Vẫn mong ông thay mặt cư sĩ Thụy Tăng cảm ơn cư sĩ Quan Biệt Tiều. Cố nhiên là ông Quan phát tâm Bồ-tát, nhưng ông Trương đã là người chịu ơn được lo liệu vẹn toàn, ắt chẳng thể nào không khấu đầu tạ ơn. Đầu tháng 7 Quang sẽ xuống núi, cùng Thí Tỉnh Chi đi Hàng Châu lo toan chuyện ở chùa Phạm Thiên. Khi trở về sẽ lại đến Nam Kinh để thành lập chùa Pháp Vân. Kế đó, thuận tiện sẽ đến Dương Châu, một là để gặp gỡ cư sĩ Thụy Tăng, hai là sắp đặt chuyện khắc ván bộ Văn Sao. Phỏng chừng sẽ trở về núi vào cuối tháng 9. Trong tháng 7 và tháng 8, đừng gởi thư tới.

Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ tám)

---

[7] Tịnh độ viện Trinh Tiết chính là nhà của ông Cao Hạc Niên. Tính ông Cao Hạc Niên thích du lịch, thường đi khắp các thánh tích chiêm bái. Tuy có vợ, nhưng hai vợ chồng đối với nhau tương kính như khách, chưa bao giờ ân ái. Năm Dân Quốc thứ mười (1921), ông về thăm nhà, thấy vợ đã già, không có con cái nương tựa, cảm mộ vợ thủ tiết, hiếu thuận với bố mẹ chồng như cha mẹ ruột, bèn sửa nhà mình thành Tịnh độ viện Trinh Tiết cho vợ mình và các phụ nữ góa chồng, hoặc các cô trinh nữ thề không lấy chồng sống ở đó chuyên tu tịnh nghiệp. Xem chi tiết trong bài ký Giang Tô Hưng Hóa Lưu Trang Trường Trinh Tiết Tịnh Độ Viện Bi Ký trong Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên.

Từ biệt vào tháng 8 đến nay đã hơn 100 ngày, khi trước ở Dương Châu tôi đã cùng cư sĩ Trương Thụy Tăng bàn chuyện Tịnh độ viện Trinh Tiết, do viện thiếu tiền chi dụng, yêu cầu ông ta giúp đỡ. Ông ta nói: Tại Lưu Trang Trường có hơn 200 mẫu đất, có thể giúp lương thực cho viện ấy. Sau đó Quang liền gởi một lá thư nói đến chuyện ấy, đến nay chẳng thấy hồi âm, chẳng biết ông ta có nhận được thư ấy hay không? Do chuyện đã lâu, tôi muốn gởi thư hỏi, nhưng bận bịu quá nhiều việc, chẳng có ngày nào rảnh rỗi, đêm đến dưới đèn vẫn chưa lo liệu xong, do vậy chưa thể rảnh rang để làm được. Trộm nghĩ viện Trinh Tiết sắp hoàn tất, trước đó lại nghe tin ông bị bệnh, muốn sang chỗ khác để tĩnh dưỡng. Tôi đoán đến nay bệnh đã lành rồi, chẳng biết đã quay về Lưu Trang hay chưa? Nếu thân thể khỏe mạnh, hãy nên sang Dương Châu bàn bạc với Thụy Tăng, ngõ hầu chẳng đến nỗi thành chuyện bỏ lửng, không đâu vào đâu. Mong ông nhận thư này hãy hồi âm.

Cư sĩ Giản Chiếu Nam đã qua đời ngày 19 tháng 9. Trước khi ông ta mạng chung, còn có Giang Vị Nông, Triệu Vân Thiều, Âu Dương Thạch Chi niệm Phật. Tới khi ông ta tắt thở, con ông ta vừa kêu gào, thần thức của ông ta bèn hôn mê, đến nỗi loạn mất chánh niệm. Tiếc thay!

Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên (thư thứ chín)

Hôm qua tôi đã bảo gởi mấy gói sách (đã quên bao nhiêu gói), sáng nay bèn tom góp 129 chữ để tắc trách hoàn tất chuyện ông sai tôi viết bài tán thán tượng, nhưng văn từ mộc mạc, sợ chẳng thể dùng được. Nếu viết bài ấy lên bức họa tượng có lẽ đâm ra chẳng đẹp, mong ông hãy châm chước, ngõ hầu chẳng đến nỗi do bài tán của Quang khiến cho bức họa bị suy giảm vẻ mỹ quan. Mong ông hãy châm chước thì may mắn lắm thay!

Thư trả lời pháp sư Hoằng Nhất

Ngày hôm qua tôi nhận được thư và hai bản tán tụng cũ và mới, kiểm giảo thấy không sai lầm, đừng lo! Trong thư thầy có nhắc đến tình cảnh dụng tâm quá độ, Quang đã sớm lường được chuyện này, cho nên đã nói chỉ viết một bản. Do tâm thái của thầy quá tỉ mỉ, thường đối với chuyện chẳng cần phải hết sức nghiêm túc mà vẫn không chịu chẳng nghiêm túc, đến nỗi bị thương tổn. Xét theo sắc lực của thầy, có lẽ nên lắng lòng chuyên nhất niệm Phật. Đối với các giáo điển khác và các sách đang được truyền bá hiện thời hãy nhất loạt chớ xem, để khỏi bị phân tâm, bị tổn hại vô ích. Người hợp thời thì cần phải biết chuyện đương thời.

Thầy và tôi đều chẳng thể lo liệu mọi sự, hơn nữa thân ở ngoài thế cục, cố nhiên hãy nên để đó chẳng hỏi tới, cứ nhất tâm niệm Phật, mong cho mình lẫn

người đều đạt được lợi ích chân thật. Đó là đường lối duy nhất không hai vậy. Ngày hôm qua vừa giảo chánh xong bộ Cao Tăng Truyện, vẫn phải mất mấy hôm nữa mới có thể gởi đi. Vì chưa sao chép xong bản lưu lại cho tôi, lại cần phải châm chước đại lược đối với bản ghi chép các chỗ nghi vấn. Xong chuyện này liền cân nhắc giảo duyệt Phổ Đà Sơn Chí. Sơn Chí đã châm chước xong xuôi, họ mong sẽ in ngay trên núi (Phổ Đà). Bộ sách ấy sẽ được in theo cách sắp chữ với số lượng nhỏ, mỗi lần sắp chữ in mấy chục trang, in xong lại xóa khuôn chữ, sắp lại các trang khác để tiếp tục in. Đợi sau này sẽ tiến hành khắc ván. Tôi không sang Thượng Hải, mong thầy gởi ba quyển sau đến Phổ Đà.

Thư trả lời đại sư Siêu Nhất

Nhận được thư biết pháp đạo tại Xuyên Bắc đã khởi sắc, vui mừng khôn ngằn. Quang thuộc loại tăng nhân chỉ biết ăn cơm húp cháo, chuyện trong pháp môn hoàn toàn chẳng biết gì, chỉ biết học theo ông già bà cả ăn chay, hằng ngày giữ công khóa niệm Phật hiệu để cầu vãng sanh Tây Phương, sao kham được tán thán quá mức như thế! Huống chi thầy còn nói "đặc biệt đích thân đến nghênh tiếp" ư? Văn Sao được in trước kia tại kinh đô sai ngoa quá nhiều, do Từ Úy Như lo cư tang mẹ, phải rời khỏi kinh thành, cậy người khác giảo chánh, đối chiếu, nhưng người đó chẳng cẩn thận. Vì thế mùa xuân năm nay Thương Vụ Ấn Thư Quán sắp chữ in một bản khác, khá đích xác. Tọa hạ đã chẳng hiềm văn chương của tôi rườm rà, lẩm cẩm, do vậy bèn gởi 5 bộ, và một bản trần thuật duyên khởi khắc Đại tạng kinh, một bản mục lục của kinh tạng vừa mới khắc ở Bắc Kinh, gộp thành một gói, mong ngài thu nhận. Văn Sao đã cho khắc mộc bản tại Dương Châu, tới tháng 4 hoặc tháng 5 năm sau có thể ra sách. Ván in được lưu trữ tại tàng kinh viện Dương Châu.

Hiện thời thế đạo nhân tâm đã bại hoại tới cực điểm, Đạo doãn Hoàng[8] và Sư trưởng Hà đặc biệt thỉnh lão pháp sư Phật Nguyên giảng kinh hòng thay đổi, cứu vãn vận nước tốt lành hơn, có thể nói là "biết cội gốc". Nhưng theo kiến giải ngu tối của Quang, đối với các thường dân hãy nên dùng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi và pháp môn Tịnh độ "nương theo từ lực của Phật, mang nghiệp vãng sanh" để giảng diễn, tợ hồ dễ đạt được lợi ích hơn. Nếu chuyên nói về Tướng tông, dẫu khiến cho ai nấy đều biết nghĩa đó, nhưng hai loại vô ngã, ai có thể đích thân chứng? Hai kinh Lăng-nghiêm và Pháp Hoa, một kinh trọn đủ nhân quả của

[8] Đạo doãn là một chức vụ thời Dân Quốc. Năm Dân Quốc thứ ba (1914), chính quyền Viên Thế Khải quy định mỗi tỉnh được chia thành nhiều đạo, mỗi đạo gồm nhiều huyện. Cả nước có tất cả 93 đạo, đổi chức vụ Quan sát sứ của mỗi tỉnh thành Đạo doãn, có trách nhiệm quản trị sự vụ của các huyện thuộc về đạo ấy.

mười pháp giới, kinh kia thì trọn đủ duyên do hiển thị *quyền, thật, bổn, tích*, dường như càng dễ lãnh hội để tiến nhập hơn so với Tướng tông. Lại nữa, Tịnh Độ Tam Kinh cùng với phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện chính là pháp "độ khắp ba căn, thấu triệt sâu xa cội nguồn và kết quả" của Như Lai. Chúng sanh đời mạt chẳng có sức đoạn hoặc mà nếu chẳng nương theo pháp này, ai có thể liễu sanh thoát tử ngay trong đời này? Vì thế hãy nên thường giảng. Dẫu không chuyên giảng thì cũng nên thường diễn nói kèm theo, ắt lợi ích sẽ to lớn.

Trước kia tôi đã từng thấy bộ An Sĩ Toàn Thư, toan khắc in lưu hành để giúp cứu đời. Đã mấy lượt mà cơ duyên chẳng thành, đều trở thành bánh vẽ. Tới năm Dân Quốc thứ bảy (1918) mới bắt đầu giao cho thợ khắc. Năm Dân Quốc thứ tám, sau khi ván in khắc xong, từ hai năm đó trở đi, đã lưu thông gần ba ngàn bộ. Nhờ các bạn bè cùng tán trợ, đã cậy thư cục Trung Hoa ở Thượng Hải sắp chữ theo kiểu sách cỡ nhỏ, tính quyên mộ các thiện sĩ in tặng mấy ngàn hoặc mấy vạn bộ để phân phát cho các giới ở bốn phương, ngõ hầu mọi người sẽ nhờ đấy mà biết nhân quả báo ứng và tâm pháp của Phật, tổ, thánh hiền, cùng với pháp môn Tịnh độ "hoành siêu tam giới" (vượt thoát tam giới theo chiều ngang). Mong sao ai nấy đều cảnh tỉnh, chẳng dám buông thả trong chán nản, thất chí, tâm niệm trở về cội gốc và cái tâm ban sơ. Nếu hai vị Hoàng và Hà muốn khiến cho những kẻ bình phàm đều đạt được lợi ích, cho in kèm thêm mấy ngàn bộ để mọi người đều được xem thì lợi ích sẽ to lớn.

Mỗi bộ khoảng chừng 7 cắc, nếu muốn in thêm xin hãy gởi thư cho cư sĩ Đinh Phước Bảo ở số 38 đường chùa Tĩnh An tại Thượng Hải thì sẽ chẳng sai. Gởi tiền cũng thế. Lại nữa, đối với các bài Khuyên Người Sơ Cơ Niệm Phật, cũng như nơi trang thứ ba của bài bi ký phóng sanh trong Văn Sao, chữ *thân* trong câu *"sát bỉ thân mạng"* (giết thân mạng của chúng) bị viết sai thành *sanh*. Đó là do người sao chép đã tự tiện sửa chữ.

Thư trả lời thầy Siêu Nhất

Nhận được thư biết Phật học ở Hồ Bắc hưng thịnh, hết sức an ủi. Đối với sách Khuyến Thế Bạch Thoại, tôi đã gởi thư xin sách tới cư sĩ Hoàng Hàm Chi, gởi thẳng tới dinh thự của quan Đạo doãn Ninh Ba của ông Hoàng, tùy lòng ông ta phát tâm bao nhiêu. Nghe nói ông Hoàng chỉ in hai ngàn bản, sợ rằng đã gởi tặng gần hết, chẳng còn được mấy! Nếu hãy còn, cố nhiên là Hàm Chi sẽ vui lòng bố thí trọn khắp. Phàm là đối trước kẻ tại gia thuyết pháp, trước hết ắt cần phải dạy họ ai nấy trọn hết bổn phận, cha từ, con hiếu, em kính, anh nhường, vợ chồng hòa thuận, chủ nhân từ, tôi tớ trung lương. Có thể như thế thì sẽ là thiện nhân trong thế gian. Lại còn kèm thêm kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, sẽ chẳng

thẹn là đệ tử Phật. Tôi thường thấy người tu hành, phần nhiều đáng thẹn về mặt luân lý, không chỉ chẳng dễ cảm Phật, mà còn dễ chuốc lấy tiếng gièm chê. Người tại gia là như thế, mà người xuất gia cũng như thế. Phàm hết thảy mọi người chẳng trọn hết bổn phận của chính mình, hư vọng ăn nói lớn lối, đều là phường tà ác bại hoại lừa mình dối người, còn chẳng được gọi là người tốt, huống hồ mong liễu thoát sanh tử ư?

Thư trả lời đại sư Từ Hà

Nhận được thư, khôn ngăn hổ thẹn, Quang là hạng người nào mà dám nói là hoằng pháp, chẳng qua tôi biết ý nghĩa đại lược của Tịnh tông đó thôi! Hễ có ai chẳng hiềm Quang kém hèn, Quang ắt dùng chuyện này để thưa trình. Tọa hạ muốn chuyên tu tịnh nghiệp thì hãy nên xem kỹ bộ Tịnh Độ Thập Yếu, đó là tinh hoa trong các trước thuật Tịnh độ. Các sách khác đều nên xem, nhưng Tịnh Độ Thánh Hiền Lục trọng yếu nhất. Đọc sách ấy sẽ biết biển cả Tịnh độ được ngàn kinh vạn luận tán dương, vãng thánh tiền hiền thảy đều quy hướng, quyết chẳng đến nỗi bị miệng lưỡi nhạy bén của tri thức thuộc các tông khác đoạt mất. Các tông khác càng đả phá, tín tâm càng kiên cố. Thoạt đầu cần biết Phật lực và tự lực lớn nhỏ, khó dễ, cùng với duyên do của Thiền và Tịnh. Nếu chẳng vì con người Quang hèn kém mà bác bỏ lời thưa thốt, hãy nên xem trước bộ Văn Sao của Quang (Thương Vụ Ấn Thư Quán ở Thượng Hải có bán, chứ ở chỗ Quang chẳng có). Văn từ của Quang lan man, lẩm cẩm, nhưng đối với duyên do và giới hạn giữa Thiền và Tịnh thật sự đã nêu tỏ tường tận, xem đến sẽ dễ hiểu rõ ràng.

Sau khi đã đọc Văn Sao của Quang, lại đọc các trước thuật về Tịnh độ của cổ nhân, sẽ càng thêm thân thiết. Do cổ nhân phần nhiều nói đại lược, nếu chẳng đặc biệt chú ý lãnh hội thì sẽ ơ hờ đọc lướt qua. Nhờ vào bộ Văn Sao của Quang mà sẽ biết duyên do, đối với mỗi lời mỗi chữ của cổ nhân sẽ đều chẳng đến nỗi "ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ". Pháp Tịnh độ lấy ba pháp tín - nguyện - hạnh làm tông. Nếu ai giảng giải Tịnh độ mà nương theo điều ấy để nói, sẽ có thể vâng theo lời lẽ ấy. Nếu chẳng nói thuận theo ba pháp ấy, dẫu nói cao siêu, huyền diệu, có thể khiến cho người khác ngay lập tức đích thân thấy được bổn lai diện mục, cũng đều thuộc về bản lãnh của nhà Thiền. Chưa đạt tới đại triệt đại ngộ mà tinh thông kinh tạng, cũng có thể hiểu rõ Thiền giáo, nhưng sẽ cách tuyệt lợi ích vãng sanh thù thắng. Điều này trọng yếu tột bậc!

Thư trả lời cư sĩ Từ Bình Hiên (thư thứ nhất)

Quang thuở bé bệnh nhiều, thất học, vẫn chưa biết cách viết văn. Dẫu gặp lúc bắt buộc, bất đắc dĩ phải viết lách, chỉ lan man, quẩn quanh cho có lệ, chứ muốn

cho văn lý đạt tới chỗ tinh vi, mở mang tâm mục cho người khác, chắc chắn là chẳng có văn tài ấy. Trong mùa hạ, ông đã cậy viết bài ký về sự vãng sanh của thái phu nhân, tôi uyển chuyển từ chối. Hôm trước ra tiền sơn gặp ông Phương Vân Lân nói các hạ gởi thư mấy lượt cậy ông ta khẩn cầu giùm. Quang bất đắc dĩ bèn dựa theo đại ý trong Tịnh độ và thuật đại lược chuyện của thái phu nhân, ghép thành bài viết gồm 1.105 chữ. Trước hết là kể về sự tích, nhưng chỉ dùng cách trần thuật sơ lược, kế đó đối với chuyện tu tịnh nghiệp và chuyện cứu tế dân chúng bị tai nạn, cùng với các chuyện lúc lâm chung thì nói hơi tường tận hơn. Do cứu tế nhằm hiển lộ lòng từ, còn tất cả các lời lẽ tu trì dành cho lúc lâm chung chính là chuẩn mực của người học Phật. Vì thế đặt tựa đề là Sanh Tây Ký. Nếu ông phiền lòng vì những chuyện được trần thuật trước đó quá sơ lược, chẳng ngại bổ sung thêm. Còn đối với chuyện sau khi cụ mất, tay vẫn nắm chặt xâu chuỗi thì phải là thật sự có. Nếu không hãy nên bỏ đi, tránh cho người đọc ngờ vực, bàn tán. Sau khi Đại sĩ Phó đã mất bảy ngày, huyện lệnh cùng đại chúng tới dâng hương. Tới chỗ Đại sĩ, Đại sĩ bèn trở tay nhận hương ("trở tay" nghĩa là dùng lưng bàn tay chạm vào). Đó là Đương Lai Thế Tôn thị hiện. Thái phu nhân nắm chặt xâu chuỗi rất lạ lùng, chắc là do thiện căn đã gieo sâu từ nhiều đời nhiều kiếp mà ra. Lời văn trong bài ký mộc mạc, vẫn mong ông cậy bậc đại thông gia gọt giũa, ngõ hầu có thể lưu truyền. (Hiện thời vận nước chẳng bình yên, chưa thể ấn hành Đại Sĩ Tụng, cần phải đợi tới lúc yên ổn thì mới có thể sắp đặt được).

Thư trả lời cư sĩ Từ Bình Hiên (thư thứ hai)

Đã lâu không gặp gỡ, trò chuyện, tôi rất nhớ. Ngày 20 tháng 8 Quang xuống núi, tới ngày mồng 6 tháng 10 mới trở về. Mồng 7 đến tiệm Cẩm Thái thấy thư ông gởi đến, hai hôm sau nhận được Di Huy Tập của lệnh từ, đọc xong khôn ngăn cảm phục. Như các hạ có thể nói là khéo phụng sự cha mẹ. Nhưng tôi do công việc bận bịu, chẳng thể ngay lập tức trút ra ý tứ khô cằn, tới hôm nay mới tom góp hơn một trăm chữ cho xong trách nhiệm. Những chữ trong bài đề từ thô mộc, càng khiến cho người khác xấu hổ chẳng ngơi. Tuy thế, phận làm con, chuyện thật sự khiến cho cha mẹ rạng mày nở mặt là ở chỗ "lập đức hành đạo", khiến cho kẻ khác ngưỡng mộ cha mẹ mình. Nếu thật sự có thể lập đức hành đạo, người khác sẽ kính ngưỡng cha mẹ, sẽ được gọi là "hiền". Nếu không, cha mẹ dẫu hiền, nhưng vì con cháu chẳng ra gì, đến nỗi thiên hạ ngờ vực cha mẹ đức hạnh khiếm khuyết. Cố nhiên các hạ có thể lập đức hành đạo, nhưng Quang vẫn dùng chuyện này để khuyến khích, do bắt chước đường lối bạn bè răn nhắc lẫn nhau của cổ nhân, chẳng như người hiện thời chỉ lo a dua, ca ngợi.

Sách Quán Thế Âm Tụng đã cho sắp chữ, chắc trong năm nay có thể ra sách, nhưng Quang tính in trước hai ngàn bộ để những người góp công in thỏa lòng được xem trước. Năm sau sẽ in tiếp, in một lượt hơn một vạn bộ. Hiện thời người đặt in đã tới bốn vạn bộ, Quang mong mỏi in mấy chục vạn bộ để phân phát rộng khắp trong và ngoài nước, sợ rằng Quang chẳng thể cảm ứng được như thế. Hơn mười vạn bộ chắc là có thể làm được. Nay gởi kèm cho ông một trang thuyết minh, mong hãy tùy duyên khuyên người khác đứng ra in. Đó cũng là một cách giúp đỡ hoằng pháp lợi sanh.

Thư trả lời cư sĩ Vạn Khứ

Nhận thư biết ông có chí tu trì, khôn ngăn vui mừng an ủi. Quang là một ông tăng chỉ biết cơm cháo, ông lại lầm lẫn muốn tôn tôi làm thầy. Hãy nên coi tượng Phật bằng đất đắp, gỗ tạc như Phật sống, cung kính cúng dường như vị Phật sống, lợi ích sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Nếu bảo "đấy là đất gỗ, cần gì phải cung kính" thì không chỉ vô ích, mà còn mắc tội khinh mạn Phật. Ông có thể tin như thế thì tôi là thầy của ông. Nếu không, chẳng cần phải khách sáo hư ngụy, tôi với ông vẫn là kẻ ngang hàng mà thôi, để ít lầm lỗi!

Nay tôi đặt pháp danh cho ông là Tông Nhất (宗一), tông là "chủ", do ông họ Vạn (萬), vạn từ một mà phát hiện. Có thể chuyên chú nơi một thì càng vạn càng nhất; chẳng thể chuyên chú nơi một, vạn sẽ tản mạn, phồn tạp, chẳng có trật tự. Một là gì? Chính là Phật tánh thiên chân vốn có của chúng ta, do vốn có Phật tánh thiên chân ấy nên chẳng thể nào không niệm Phật, trọn chẳng thể "trái nghịch giác, xuôi theo trần lao", dấy lên tham sân si, tạo giết trộm dâm để rồi vĩnh viễn đọa trong tam đồ ác đạo. Vợ ông có pháp danh là Tông Trinh (宗貞), trinh là "chánh", là "chủ chốt". Vạn mà có thể chú trọng nơi điều chủ chốt, tức là mọi pháp, mọi chuyện chẳng rời tự tánh, tự tánh thường luôn hiện tiền, há đối với nữ đức có điều hổ thẹn, chẳng thể giúp chồng dạy con để cùng đạt đến địa vị thánh, cùng thoát khỏi đường mê ư?

E rằng ông chẳng có Văn Sao bản mới in, đợi tới tháng Giêng hay tháng 2 sách in xong, sẽ bảo Vân Lôi gởi cho vợ chồng ông mỗi người một bộ. Trong ấy có nhiều đoạn nêu rõ ý nghĩa chánh yếu về đạo nữ nhân giúp chồng, dạy con. Biết điều ấy thì sẽ làm gương cho vợ mình, rồi ảnh hưởng đến anh em, sau đó lan ra khắp cả gia tộc, đất nước. Chẳng riêng gì Văn Vương là như thế, mà đạo nghĩa hiền thục nội trợ của hậu phi cũng giống như thế. Người hiện thời cũng không một ai chẳng phải là như thế. Có chồng là người tốt đẹp, dẫu vợ chẳng hiền, cũng có thể cảm hóa trở thành hiền. Có vợ tốt đẹp, dẫu chồng chẳng hiền, cũng có thể

cảm hóa thành hiền. Nếu vợ lẫn chồng đều tốt, sẽ như ao chuôm giúp ích lẫn nhau[9], hai tay giúp đỡ lẫn nhau, có thể chẳng mấy chốc mà dần dần tiến nhập địa vị thánh hiền đó ư? Con ông 5 tuổi, hãy nên dạy bảo nghiêm ngặt, ngõ hầu đứa có thiên tư sẽ có thể thực hiện sự nghiệp "chính mình tốt lành, còn khiến cho kẻ khác tốt lành"; đứa chẳng có thiên tư cũng sẽ thành dân lành, chẳng hề không tuân thủ quy củ. Quang bận bịu lắm việc, chẳng có ngày nào rảnh rỗi, do vậy viết đại lược mấy câu, nhưng văn chương chẳng ra hồn, mong ông hãy nhận biết ý nghĩa thì sẽ được lợi ích vậy.

Thư trả lời cư sĩ Thái Cát Đường

Người sống trong thế gian hiểm nạn quá nhiều: Dâm dục, tà kiến là những điều chánh yếu. Gia cảnh ông khá dư dả, lại còn chẳng có cha anh, nếu chẳng cực lực tự khích lệ, khó tránh rơi vào hố sâu dâm dục muôn trượng! Hễ rớt vào trong ấy, chẳng thể thoát ra, chẳng thể nào không chôn thân trong chốn ôn nhu, khiến cho gia nghiệp tan nát, con cháu đoạn tuyệt, đức hạnh của tiền nhân bị chôn sạch, linh tánh của chính mình chẳng bị mai một sẽ chẳng thôi. Hãy nên coi nữ sắc như rắn độc, như la-sát. Dẫu là thê thiếp của chính mình, còn phải nên tiết dục để giữ thân, mong sao quyết kế thừa đức hạnh của tiền nhân, khiến cho con cháu mãi mãi hưng thịnh. Đối với chuyện tà dâm, đừng nói là chẳng thể xâm phạm phụ nữ nhà lành, dẫu đối với bọn gái bán phấn buôn hương cũng chớ nên phạm. Vì trong số ấy có kẻ tốt lành hay hạ tiện bất đồng, mà ta cứ luôn dùng cái tâm hạnh tà ác để đối xử.

Kẻ ngu trong cõi đời chẳng biết chánh pháp, phần nhiều thuộc loại tà kiến, ngược ngạo nói chính mình là chánh pháp, bảo chánh pháp là tà pháp. Hết thảy ngoại đạo, chẳng có kẻ nào không trộm cắt xén Phật pháp để khuếch trương to lớn môn đình của chúng, nhưng những điều chúng nó trộm cắt xén chỉ là da lông. Chứ đối với lý tinh vi trong Phật pháp, chúng nó như kẻ mù ngó mặt trời, trọn chẳng thể thấy. Những kẻ bị chúng ngu hoặc toàn là phường ngu phu ngu phụ, người có chánh tri kiến sẽ chẳng tự bị mê hoặc. Như đem phân người làm thành hình dạng hương chiên-đàn, chỉ có thể lừa kẻ chẳng biết thơm thối. Nếu là người biết thơm thối sẽ chẳng đợi trông thấy đã bịt mũi, há bị bọn chúng mê hoặc ư?

[9] Nguyên văn "lệ trạch chi hỗ ích". Lệ trạch là thành ngữ miêu tả tình bạn thân thiết rèn giũa, giúp nhau tốt đẹp hơn. Đây là một điển cố rút từ kinh Dịch khi giảng về quẻ Đoài: "Lệ trạch đoài, quân tử dĩ bằng hữu giảng tập." Câu này được chú giải là phần trên và phần dưới của quẻ Đoài đều có hình dạng giống như hai cái ao. Hai ao nước thông nhau, nước sẽ lưu chuyển, không tù đọng nên đều đẹp đẽ. Quân tử cũng giống như thế, cùng với những người cùng chí hướng, tụ tập để bàn luận, răn nhắc nhau tập tành đạo nghĩa.

Những lời lẽ trong sách của chúng chẳng đáng bàn tới, hèn kém tột bậc, hãy nên tránh xa!

Đức Phật dạy kiêng giết, lòng từ thấu tới vô hình, sao lại nói do trâu cày ruộng, bèn chẳng được giết ư? [Kẻ viết sách đó] lại cho rằng chùa miếu dùng trống đều do da trâu làm thành, cũng là do sát sanh mà có, chẳng biết ông muốn dùng trâu để làm món ăn hằng ngày, đến nỗi vô lượng vô biên trâu đều thành vật thỏa thích bụng miệng, còn chùa miếu dùng da của trâu đã bị giết để bịt trống, lại ngược ngạo quở là chẳng từ bi. Đó gọi là *"bất năng tam niên chi tang, nhi tư tiểu công chi sát"* (chẳng thể cung kính để tang ba năm, cứ soi mói chuyện mặc tang phục vặt vãnh). Cần phải biết trống là thuận theo tình kiến thế tục mà sử dụng, chẳng phải do đức Phật chế định phải sử dụng. Nếu chẳng dùng, cũng chẳng phải là không được! Nhưng do thế gian tấu nhạc, đã có chuông, trống; pháp khí trong Phật môn, chuông là bậc nhất, chứ trống chẳng thuộc loại khẩn yếu. Dùng da trâu đã bị giết để bịt trống, có lợi rất lớn cho con trâu ấy. Bởi lẽ trong Ngũ Đài Sơn Chí có câu chuyện cái trống bịt bằng da người: Một vị tăng giám viện, lén trộm tiền bạc của thường trụ để tậu ruộng đất cho chùa mình. Sau đấy ông tăng chết, biến thành trâu cày ruộng đất ấy. Tới khi trâu già, người quản lý điền trang muốn bán trâu cho đồ tể. Trâu báo mộng cho đồ đệ của mình, cho biết khi ông ta còn sống đã trộm cắp của thường trụ, mua ruộng đất riêng, cho nên biến thành trâu. Nay chủ điền muốn bán trâu cho đồ tể, tội ấy bao kiếp vĩnh viễn khó chuộc, "mong rằng sau khi ta chết, hãy lột da bịt trống, viết chuyện này lên đó, tặng cho điện Văn-thù, ngõ hầu khi tăng chúng làm Phật sự, đánh trống thì tội ta sẽ có thể nhanh chóng diệt trừ". Nói xong húc đầu vào gốc cây chết mất. Ngày hôm sau chủ điền trang báo tin con trâu già húc đầu vào cây mà chết. Đồ đệ bèn lấy da nó làm trống, tặng cho điện Văn-thù. Do vậy người thuở ấy gọi là "cái trống da người". Xem chuyện đó, biết trâu được bịt trống để làm pháp khí sẽ có thể diệt tội tăng phước, siêu sanh thiện đạo.

Kẻ đó lại nói cứu hổ hay chim ưng, chẳng bằng giết ưng, hổ thì lòng từ bi sẽ to lớn hơn! Đó là lời lẽ của kẻ may mắn được làm người, nếu kẻ đó đời sau sanh làm ưng hay hổ sẽ trọn chẳng chịu thốt lời ấy. Hơn nữa, Phật hành từ bi, oán thân bình đẳng, nếu bảo có thứ gì tổn thương con người, tổn thương loài vật bèn giết sạch mới là từ bi, thế thì hãy nên giết người trước. Trong đời một người, chẳng bàn tới kẻ ác, dẫu là thiện nhân trong thế gian, từ bé tới già chẳng biết đã ăn bao nhiêu thịt? Vậy thì giết một người sẽ có thể bớt giết bao nhiêu sanh mạng! Loại tà thuyết ấy chẳng cần phải nhắc tới. Kẻ đó may mắn được làm người đó thôi, chẳng lâu sau sẽ lại sanh trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, ngay cả danh từ "trời đất, cha mẹ" đều chẳng được nghe, huống hồ lòng đại từ bình đẳng, lòng vô duyên

đại bi của Như Lai ư? Những lời lẽ ấy khác gì ngậm phân phun lên trời, trời chưa bị bẩn mà thân và miệng của kẻ ấy đã bị phân nhuốm bẩn, thế mà vẫn nhơn nhơn đắc ý nói: "Ta đã dùng phân phun lên trời." Chẳng đáng buồn ư?

Thư trả lời cư sĩ Phật Tâm

Hôm qua từ Thương Vụ Ấn Thư Quán ở Thượng Hải chuyển đến thư ông, biết ông đang độ tuổi dốc chí học hành, lại hâm mộ Phật đạo, khôn ngăn vui mừng, an tâm. Tôi liền bảo ông Nhậm Tâm Bạch ở Thương Vụ Ấn Thư Quán gởi cho ông một gói Văn Sao để thuận tiện xem đọc, số còn lại để tặng cho người có thiện căn. Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng do mê muội chẳng biết, ngược ngạo nương vào sức công đức của Phật tánh để dấy lên tham sân si, tạo giết trộm dâm. Do vậy trầm luân trong tam đồ lục đạo, vĩnh viễn chẳng thể thoát ra. Như Lai thương xót dạy tu giới định tuệ hòng đoạn tham sân si do hư vọng dấy lên. Tham sân si đã hết sẽ có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Đó là pháp môn tự lực, muốn liễu thoát ngay trong đời này thì vạn người chẳng được một. Vì thế dạy "sanh khởi tín nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương", nếu có thể tín nguyện chân thật thiết tha, sẽ có thể nương vào từ lực của Phật, mang nghiệp vãng sanh. So với kẻ cậy vào tự lực, sự khó dễ khác biệt vời vợi như trời với đất!

Ông đã muốn quy y Phật pháp, làm đệ tử đức Phật, ắt cần phải y giáo phụng hành thì mới có thể danh xứng với thật. Trong gia đình ắt phải trọn hết hiếu đễ, đối với bạn bè phải khuyến thiện sửa lỗi. Tâm ắt phải lấy thành kính làm chủ, làm việc ắt phải đặt thận trọng hàng đầu. Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tâm khởi một niệm bất chánh tức là ác, ắt cần phải gột sạch làu, chẳng phải đã làm chuyện ác thì mới là ác; phàm các ý niệm đều chú trọng lòng kính, tuân giữ lòng thành, mong thành thánh, thành hiền, đó là thiện, ắt cần phải khuếch trương sao cho từ bên trong mà thấu lộ ra ngoài, viên mãn chẳng thiếu sót. Điều đại ác trong cõi đời không gì bằng sát sanh ăn thịt, nếu có thể tự do thì hãy nên thôi ăn mặn. Nếu không, hãy nên sanh tâm thương xót, chớ tham muốn ăn nhiều. Điều đại thiện trong thế gian, không chi bằng tự mình niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Lại dùng đủ mọi phương tiện khuyên nhủ cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, làng xóm, láng giềng, thân thích, bằng hữu và hết thảy kẻ hữu duyên cùng niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ông hãy nên lượng sức mà hành, ngõ hầu chẳng thẹn với cái tên Phật Tâm. Theo lệ thường, hễ quy y ắt đặt pháp danh, tôi lấy ngay tên ông làm pháp danh, ông nhìn vào tên bèn nghĩ đến nghĩa, gắng sức thực hiện, sẽ chẳng phụ một phen thành tâm này. Xem kỹ Văn Sao ắt sẽ biết phương pháp tu trì, chớ nên thường gởi thư tới, khiến cho đôi bên phiền lòng.

Thư trả lời cư sĩ Vương Chửng Bang

Ngày mồng 2 tháng 3 nhận được thư, biết cư sĩ phát tâm đại Bồ-đề, hoằng dương Tịnh độ, hướng dẫn trọn khắp những người cùng hàng đều cùng được vãng sanh, khôn ngăn vui mừng, an tâm. Nhưng Quang từ ngày 11 tháng 2 túc nghiệp phát ra đến nỗi bị bệnh mắt, tới nay tuy đã khỏi hẳn nhưng vẫn chẳng dám dùng mắt nhiều. Thư từ trong hơn 20 ngày chất đống, cần phải chọn ra thư chẳng thể trả lời chậm trễ để phúc đáp trước. Do đó lần khân đến nay mới hồi âm cho ông, khôn ngăn hổ thẹn! Tôi viết lời tựa gồm hơn 760 chữ ghép lại, đại ý vẫn có thể chấp nhận, nhưng câu chữ mộc mạc, chẳng khỏi khiến cho bậc thông sáng chê cười. Tinh xá đặt tên là Quy Tông (歸宗), chữ tông ấy chẳng phải là tông trong Tông môn (宗門, Thiền tông), mà có nghĩa là "chú trọng giữ lấy cội gốc". Tôi đặt hai câu đối, chẳng cần phải viết theo lối liễn mừng kiểu "tàng đầu quán danh"[10], hoặc dùng các chữ trong đó để làm kệ truyền pháp. Đấy chính là khuôn sáo của kẻ chẳng thông suốt trong đời mạt, Quang hoàn toàn chẳng thích câu đối làm theo kiểu "quán danh" ấy. Nay tôi đem câu đối đã nghĩ viết theo lối chữ khải, nếu dùng được thì dùng. Nếu không, hiện thời Hạ Phụ[11] có bậc thông sáng ở đó, hãy thỉnh người ấy làm câu khác để khỏi gai mắt phiền lòng kẻ khác. Quang vốn chẳng quen viết lách; hơn nữa gần đây lại bận bịu tột bậc, chẳng dám khơi ra chuyện đó, hễ khơi ra sẽ chẳng có ngày nào được rảnh rỗi.

"Nhất siêu trực nhập Như Lai địa, đương niệm viên chương tịch chiếu tâm" (Vượt thoát thẳng vào Như Lai địa, một niệm toàn bày tịch chiếu tâm). *"Di-đà thệ nguyện hoằng thâm, nhân tư cửu giới đồng quy, thập phương cộng tán. Tịnh độ pháp môn quảng đại, cố đắc thiên kinh câu xiển, vạn luận quân tuyên"* (Thệ nguyện Di-đà rộng sâu, do vậy chín giới đều hướng về, mười phương cùng xưng

---

[10] "Tàng đầu" có nhiều thể loại, thông thường nhất là bài thơ có các chữ đầu và cuối câu ghép thành một câu hoàn chỉnh, hoặc chữ cuối trong câu sau phải chứa một phần của chữ đầu trong câu trước. Đối với thể loại thứ nhất, bài thơ tiêu biểu thường được nhắc tới là bài Tuyết Lôi của Liễu Tông Nguyên: *"**Thiên** sơn điểu phi tuyệt, **vạn** kính nhân tung diệt, **cô** châu thoa lạp ông, **độc** điếu hành giang tuyết"* (Ngàn núi chim bay hết, muôn nẻo chẳng bóng người, thuyền lẻ đội nón trúc, tuyết lạnh câu trên sông). Bốn chữ đầu ghép thành *"thiên vạn cô độc"* (muôn ngàn cô độc). Lối này thường dùng nhất, gọi là "tàng đầu quán danh". Cách này thường sử dụng khi viết câu đối đề tên một công trình hoặc đền đài. Chẳng hạn như câu đối ở chùa Khánh Sơn: *"**Khánh** trị u thâm, mộ cổ thần chung vong lũy kiếp. **Sơn** cư khoái hoạt, nhàn hoa dã thảo liễu tam sanh."* Một cách phức tạp hơn là bài Du Tử Tiêu Cung của Bạch Cư Dị, như sau: *"Thủy tẩy trần ai đạo vị thường, cam ư danh lợi lưỡng tương vong, tâm hoài lục động đan hà khách"* (水洗塵埃道未嘗, 甘於名利兩相忘, 心懷六洞丹霞客). Chữ thường (嘗) trong câu đầu có chứa chữ cam (甘) trong câu thứ hai. Chữ vong (忘) cuối câu thứ hai có chữ chứa tâm (心) ở đầu câu thứ ba v.v..

[11] Hạ Phụ là một hương trấn thuộc khu Nguyệt Hồ, thành phố Ưng Đàm, tỉnh Giang Tây.

tán. Pháp môn Tịnh độ rộng lớn, nên được ngàn kinh đều xiển dương, vạn luận cùng tuyên thuyết). Hai câu đối ấy, hai chữ Quy Tông và lời tựa ắt có chỗ tương ứng.

Nói đến chuyện khóa tụng niệm Phật, Quang chẳng thể lập, chuyện này cần phải do chính ông tự mình dựa theo thân phận của mỗi người và thân phận của mọi người để lập. Nếu muốn mô phỏng thì có thể tham khảo các sách Tịnh độ và Ấn Quang Văn Sao. Phàm muốn lợi lạc người khác thì chính mình cần phải chân thật tu trì là chánh yếu. Nếu chỉ nói suông, chẳng tận lực thực hành, hoặc đối với luân thường, hoặc đối với bằng hữu, suy nghĩ hành xử có điều chẳng hợp lẽ, sẽ khó thể cảm ứng được. Thế gian và xuất thế gian đều lấy thân làm gốc, thân đã chánh thì không cần phải ép buộc mà người khác làm theo; thân bất chánh, dẫu ép buộc thì kẻ khác cũng chẳng nghe theo. Lời dạy ấy của Khổng tử chính là thánh huấn ngàn đời chẳng thay đổi. Nêu gương cho vợ mình, ảnh hưởng đến anh em, sau đó lan truyền đến gia tộc, nước nhà, đó chính là căn bản pháp luân của Chửng Bang vậy.

Ngày 25 hoặc 26 tháng này Quang sẽ xuống núi, sợ sẽ phải lần khân hai ba tháng mới trở về Phổ Đà được. Do Văn Sao bản sắp chữ mới sắp được xuất bản, hễ sách in ra phải lo liệu gởi tới những người bỏ tiền đứng in ở các nơi. Lần này người phát tâm quyên tiền in sách đã tròn hai vạn, sợ là chưa thể đạt tới con số ba vạn. Nếu muốn lợi lạc người khác hãy tùy ý nhận chịu tiền in bao nhiêu bản. Nếu chịu bỏ tiền in, hãy chuyển khoản cho *tổng vụ xứ* của Thương Vụ Ấn Thư Quán ở số 45 đường Bảo Sơn, Thượng Hải, giao cho cư sĩ Nhậm Tâm Bạch thu nhận, ông ta sẽ gởi lại biên nhận. Đợi tới khi sách in ra sẽ lập tức gởi đến. Dựa theo giá của hai vạn bộ thì một bộ chẳng hơn 4 cắc, không tính bưu phí (cước phí của bưu điện). Dựa theo số tiền mà gởi sách ắt chẳng lầm lẫn. Nếu qua khỏi thời hạn này, sau đó sẽ chẳng có giá này nữa, vì giá ấy dựa theo giá in hai vạn bộ để ấn định, sau đó [Thương Vụ Ấn Thư Quán] sẽ tính theo giá phát hành. Tôi lại còn có các chuyện như Pháp Vân Tự, Từ Ấu Viện, và Quán Âm Đại Sĩ Cảm Ứng Tụng phải đưa đi sắp chữ v.v.. Đại Sĩ Tụng (Quán Âm Đại Sĩ Bổn Tích Cảm Ứng Tụng) khoảng mười vạn chữ do một vị đại cư sĩ ở Giang Tây biên soạn, vì trước kia Quang đã nhờ cậy, bút lực của người ấy vượt xa văn nhân tầm thường cả trăm lần.

Thư trả lời cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh (thư thứ nhất)

Đối với chuyện thọ giới, nếu đối trước Phật tự thọ thì chỉ dùng lòng chí thành, sám hối mấy ngày, liền hướng về Phật bạch rằng "đệ tử con tên là… thề giữ ngũ giới ưu-bà-tắc, và mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh của Bồ-tát" là được.

Nếu nói "phải thấy hảo tướng" thì người thời nay rất khó cảm thông. Đó chính là bị hảo tướng gây chướng ngại, chẳng thể tùy phần tùy sức tiếp nhận pháp ích. Sát nghiệp vi tế, kẻ chưa chứng Sơ quả đều khó thanh tịnh sát nghiệp được, chỉ nên lưu tâm bảo vệ sanh mạng của chúng sanh là được rồi, há có nên viện dẫn chuyện vô ý tổn thương chúng sanh và chẳng có sức cứu vớt để lo ngại. Nếu nói như trong thư ông viết, ắt khó thể làm người được.

Ngoại đạo cho rằng do hít thở có loài trùng nhỏ tí lọt vào miệng, dẫu ăn chay cũng khó tránh khỏi sát nghiệp. Quang cho rằng loại tri kiến ấy giống như thấy muỗi bám vào thân mình, bèn cho rằng thân giống như nhà xí, liền muốn cho hết thảy mọi người cùng gieo mình vào nhà xí để hưởng niềm vui ấy, cùng một loại tà kiến. Sao lại dùng chuyện đó để vấn nạn? Đức Phật dạy bậc La-hán có thiên nhãn chẳng được dùng thiên nhãn để nhìn vào nước, vì dùng thiên nhãn để nhìn thì sẽ thấy không có nước nào chẳng có trùng.

Đối trước pháp sư thọ giới, chẳng cần phải thấy hảo tướng; đối trước Phật tự thọ giới, cần phải thấy hảo tướng. Lời dạy ấy nhằm đối trị cái tâm khinh tăng. Nay đã chẳng tiện thọ giới trước tăng thì đối trước Phật thọ giới cũng có thể coi như đối trước tăng thọ giới. Nếu ắt muốn thọ giới từ tăng thì hãy chọn vị nào có đức hạnh là được, không bắt buộc phải đợi đến khi có dịp truyền giới tùy hỷ nhiều ngày (tức là khi có giới đàn). Người xuất gia ắt phải vào trong điện đường tập tành oai nghi để mong sau khi thọ giới, nhập chúng sẽ được an trụ. Kẻ tại gia thọ giới bất cứ lúc nào cũng đều được, chỉ cần nghe truyền giới một buổi là được rồi.

Đối với chuyện trong tháng mùa đông, ông sợ lạnh, chẳng có áo cừu[12] sẽ chẳng đủ ấm, cũng có thể tòng quyền, nhưng tâm phải mang ý niệm cầu siêu [cho các con thú bị lấy da làm áo ấy] để khỏi phạm lỗi. Người đời chẳng chịu phát tâm kiêng giết, thường hay đem chuyện chẳng thể kiêng phạm giới ra bắt bẻ, đó chính là tà kiến ngăn trở kẻ khác tiến cao hơn. Chúng ta nương theo lời Phật dạy để hành, hãy nên từ cạn tới sâu, từ thô đến tế. Nếu thoạt đầu đã lập tức toan nương theo ý nghĩa trọn vẹn để thực hiện mọi sự rốt ráo, sẽ trở thành tự tổn thương chính mình. Thêm nữa, các hạ kiến giải rất cao, chỉ đối với chuyện ăn chay tới nay mới thanh tịnh, nhưng phu nhân là người bình phàm chẳng thể tùy hỷ, tức là thường ngày ông trọn chẳng hướng dẫn, giảng giải cho bà ta. Nếu không, chắc chắn chẳng thể không cảm ứng!

Tháng 8 năm Dân Quốc thứ mười (1921), ông Ngụy Mai Tôn gặp Quang nói chính mình chẳng thể ăn chay. Quang bảo ông ta đọc kỹ bài Sớ Ao Phóng Sanh

[12] Cừu (裘) là danh xưng chung để gọi các loại áo khoác chống lạnh làm bằng da thú, thường là loại có lông dày.

ở Nam Tầm, tới tháng 10 ông ta bèn ăn chay trường. Năm kế đó, ở Nam Kinh mở đạo tràng phóng sanh tại chùa Pháp Vân, ông Mai Tôn dốc sức lo liệu nhiều nhất. Cả nhà ông Đặng Phác Quân ngay cả người hầu cũng đều ăn chay, mỗi ngày ba thời đều đến Phật đường niệm Phật, thuốc và rượu đều chẳng lọt vào cửa nhà ấy được! Bà Phương Huệ Uyên do được anh bà ta gởi cho một bộ Văn Sao của Quang, bèn phát tâm niệm Phật. Trong nhà, trẻ nhỏ lẫn tôi tớ đều ăn chay. Chồng bà ta thoạt đầu chẳng tin cho lắm, nay cũng ăn chay hai bữa, cơm tối mới dùng chút đồ mặn, nhưng trong nhà tuyệt đối chẳng sát sanh. Bà ta là phụ nữ chỉ biết chữ đôi chút mà còn có sức cảm hóa, hướng dẫn như thế, nếu các hạ dốc chí lợi ích quyến thuộc thì hãy thường bàn nói nỗi họa hại do ăn thịt, họ sẽ có thể dần dần thuận theo, quyết chẳng đến nỗi nảy sanh sự chống trái.

Thư trả lời cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh (thư thứ hai)

Quang tinh thần chẳng đủ, dễ quên mọi việc, trong thư trước ông hỏi phụ nữ trong khi có kinh nguyệt có được lễ Phật hay không mà tôi quên trả lời. Kế đó tôi nghĩ tuy đây là chuyện nhỏ, nhưng nếu chẳng bàn đến sẽ khiến cho công phu lễ tụng của phụ nữ vào mỗi tháng vì chuyện này mà bị gián đoạn, cũng rất có can hệ, cho nên trả lời thêm. Phàm mọi việc đều cần phải xét theo tình lý thì mới hợp lẽ, chấp kinh mà thông đạt quyền thì mới thích đáng. Quan tâm đến kinh, kinh là đạo lý nhất định chẳng thay đổi, nhưng tình cảnh thì muôn vàn biến hóa. Cố nhiên phải gộp chung cái chẳng đổi và cái biến hóa để định luận thì tình lý, kinh và quyền hai đằng đều đạt được.

Nếu chấp chết cứng nơi kinh mà gọi là "thủ kinh" (giữ vững kinh), kẻ như thế mà chẳng đến nỗi trái lý, nghịch kinh thì hiếm lắm! Con hiếu phụng sự cha mẹ, chẳng dám dấy lên một niệm trái nghịch. Nếu thân thể cha mẹ có nhọt độc, chẳng ngại đâm kim vàng để chọc bỏ mủ, máu, tuy cha mẹ kêu đau nhưng vẫn chẳng màng, bởi chẳng làm như thế sẽ không thể khiến cho cha mẹ an vui. Không làm như thế, sẽ là bất hiếu. Nếu là kẻ chẳng hiểu chuyện, thấy người khác làm như thế được gọi là "hành hiếu", kẻ đó cũng làm như thế đối với cha mẹ chẳng bị ung nhọt, bèn trở thành đại nghịch. Vì thế biết tình lý phù hợp thì mới là "thủ kinh". Như chuyện Đoản Cô được chép trong Phổ Đà Sơn Chí, [do cô ta đang có kinh nguyệt], chị dâu không cho phép cùng lên núi dâng hương, Bồ-tát thương xót bèn tặng thức ăn. Do Bồ-tát xét lòng thành của cô mà chẳng màng đến hình tích (tuy chuyện này được lưu truyền đã lâu, nhưng xét kỹ chuyện ấy là do đời sau thêm vào. Ở đây chỉ luận theo tình lý, chẳng cần biết đó là chuyện thật hay giả).

Vì thế, biết phụ nữ khi có kinh nguyệt, vẫn lễ Phật, tụng kinh chẳng trở ngại gì. Nhưng hãy nên giảm bớt lễ tiết, phần nhiều ở trong phòng của mình niệm Phật.

Nếu đang thọ trì kinh điển, vẫn đọc tụng như cũ cũng chẳng trở ngại gì, chỉ nên tắm rửa sạch sẽ thì tốt hơn. Nếu lâm vào tình thế chẳng thể, chỉ nên gắng sức giữ cho sạch sẽ, đừng để tay bị nhuốm bẩn bởi máu kinh nguyệt thì chẳng trở ngại gì. Trước kia Quang từng bị sanh nhọt ở móng tay, nhiều ngày chẳng dám rửa ngón tay ấy, nhưng vẫn lễ tụng y như cũ, chẳng coi đó là tội, vì đấy là bệnh. Nếu ngón không mọc nhọt mà chẳng rửa tay thì sẽ chẳng thể trốn tránh tội lỗi được.

Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ nhất)

Ngày hôm qua do Giang Vị Nông chuyển thư đến, biết lệnh phu nhân đã chánh niệm vãng sanh, khôn ngăn cảm thán! Các hạ và phu nhân đã có nhân duyên từ xưa, giúp nhau nhập đạo, thật đáng gọi là "đức phối". Xét theo tướng trạng khi lâm chung, chắc là bà ta đã quyết định vãng sanh, cố nhiên chẳng cần phải bi thương. Điều đáng tiếc là các hạ mất đi một người bạn trên đường đạo, có bạn mà chẳng thể thường đích thân vỗ về, dạy bảo. Nói đến chuyện chuyển tiền thì ở Phổ Đà chẳng tiện, do bưu cục nhỏ chẳng có chuyện chuyển khoản, hãy gởi thẳng sang chùa Thái Bình tại Trần Gia Tân ở Thượng Hải, giao cho hòa thượng Chân Đạt, mong thầy thay Quang nhận lấy là được. Hôm qua tôi đã đưa thư của các hạ cho chủ nhân chùa Pháp Vũ xem, mong hãy dùng hết món tiền ấy làm Phật sự. Sư bèn sai tăng chúng mở một Phật thất, làm một lễ Thí Diệm Khẩu. Chùa Pháp Vũ đặc biệt lập một niệm Phật đường, hiện thời chỉ có 16 người, phần nhiều là 22 người, đều là người có đạo tâm. Chiều hôm qua Quang đặc biệt đến niệm Phật đường nói rõ ý này và lợi ích do niệm Phật v.v. khoảng hơn một tiếng, bọn họ nghe xong đều hoan hỷ. Lệnh phu nhân đã được vãng sanh, nương theo Phật lực, pháp lực và sức niệm Phật của đại chúng ắt sẽ cao thăng phẩm vị, thấy Phật càng nhanh. Nhưng Quang do tình bạn với các hạ, cũng trong lúc khóa tụng sáng tối đều đọc tên hồi hướng cho các hạ và phu nhân nhằm giãi bày tấc lòng. Tính đến nay, niệm Phật bắt đầu từ hôm thánh đản của Phật Di-đà cho tới ngày 23 sẽ viên mãn, Quang hồi hướng cũng lấy bảy ngày làm hạn.

Người cầm quyền hiện thời phần nhiều chẳng biết nhân quả báo ứng, chỉ lo danh vọng quyền thế lừng lẫy trước mắt, chẳng màng đầu mặt trong đời sau, đến nỗi chẳng vì nước, chẳng vì dân, chỉ vì quyền thế và lợi ích của chính mình, đấu đá lẫn nhau, khiến cho đất nước tổn thương nguyên khí, dân chúng lầm than. Trong khoảng tháng 8, ông Ngụy Mai Tôn ở Nam Kinh sang Thượng Hải lánh nạn, đã đem 36 điều nói về chuyện hiếu sát và chẳng giết trong sách Địch Cát Lục[13] sao ra, muốn ấn loát để lưu truyền. Quang cho rằng tai họa hiện thời đã

[13] Địch Cát Lục là tác phẩm do Nhan Mậu Do biên soạn vào đời Minh, ghi chép những chuyện nhân quả báo ứng trong lịch sử, nhằm khuyên những ai đang cầm quyền hãy hành theo thiện

hình thành, hết thuốc cứu chữa, muốn dứt họa hại trong tương lai thì hãy nên thu thập rộng rãi các chuyện trong lịch sử, ngõ hầu hết thảy mọi người đều cùng biết nhân quả, bèn đem sao lục những chuyện cảm ứng trong 22 bộ sử gởi sang, ông ta hoan hỷ tột bậc. Quang lại bảo ông ta hãy sưu tầm rộng rãi để soạn thành một bộ sách tổng quan, hạn định trong một năm biên soạn xong, sẽ đem sắp chữ và in ra mấy vạn bộ để lưu thông rộng khắp cả nước, chắc sẽ có thể nhờ đó mà vãn hồi vận nước. Chuyện này vẫn mong các hạ đề xướng, ngõ hầu người có sức sẽ đảm nhiệm chi phí ấn loát hòng thí tặng thì mới có thể phổ biến lưu thông.

Thêm nữa, đối với người lâm chung chỉ nên niệm Phật, chớ nên trì chú. Bởi lẽ niệm Phật để cho người ấy nghe, người ấy tuy chẳng thể niệm, nhưng nghe tiếng niệm Phật, tâm liền thanh tịnh. Nếu trì chú, chỉ có sức gia trì, người ấy chẳng có cách nào tụng theo. Đó là lề lối đã ấn định từ xưa tới nay. Trợ niệm lúc người ấy sắp mất là khẩn yếu nhất, há có nên trì chú xong rồi mới dùng niệm Phật để hồi hướng ư? Trong Văn Sao của Quang cũng có nói đến chuyện này. Phàm hết thảy mọi người dù là niệm Phật hay không, lúc lâm chung đều nên dùng niệm Phật để giúp đỡ, đừng tụng các loại kinh chú khác, vì các loại kinh chú ấy sẽ chẳng thể khiến cho người sắp mất ấy thầm niệm theo trong tâm. Chuyện này có mối quan hệ chẳng nhỏ, cho nên tôi sẽ viết thêm vào sau. Lại nữa, niệm Phật giúp cho người lâm chung vãng sanh thì chỉ nên gõ dẫn khánh, chớ nên đánh mõ, bởi tiếng mõ đục, tiếng dẫn khánh thanh. Trong khi niệm Phật sáng tối, các hạ cứ thử lắng lòng nghe kỹ, sẽ tự biết ưu khuyết.

Cõi đời hiện thời chẳng có cách nào cứu vãn, may là có nhân quả thì còn có thể vãn hồi. Đối với chuyện nhân quả, kẻ cao minh thường chán nghe, cao minh kiểu đó quả thật là hèn kém, tối tăm. Như Lai thành chánh giác, chúng sanh đọa tam đồ đều chẳng ra ngoài nhân quả. Do kẻ cao minh chuyên bàn lý tánh, chẳng nói nhân quả, thói tệ ấy đã tạo thành cảnh tượng hiện thời. Khi gặp hết thảy mọi người, mong hãy đều nên dùng nhân quả để khuyên bảo hướng dẫn, sẽ có lợi ích to lớn.

Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ hai)

Nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Nay tôi gởi một gói Tịch Tà Tập và Tam Đại Sĩ Thực Lục, xin hãy kiểm nhận. Trong Phó Đại Sĩ Lục có nhiều thiền cơ, kẻ sơ tâm chẳng thể hiểu ý, hoặc hiểu lầm, nếu chẳng phải là bậc thông

---

đạo. Tên sách được dựa theo một câu nói trong thiên sách Đại Vũ Mô của sách Thượng Thư (kinh Thư): *"Huệ địch cát, tùng nghịch hung, duy ảnh hưởng."* Câu này được chú giải là: "Nếu thuận theo đạo lý sẽ tốt lành, trái nghịch sẽ bị hung hiểm, giống như bóng theo hình, tiếng vọng vang theo âm thanh."

gia thì chớ nên bảo xem. Tịch Tà Tập[14] chỉ có thể tự biết, chớ nên dựa vào đó để tranh biện với kẻ khác, mà cũng chẳng cần nói với hàng học giả, do họ có thế mạnh, có thể sẽ dấy lên chuyện dã man. Sách Tứ Thư Ngẫu Ích Giải nay đã khắc ván xong, còn chưa gởi tới, đợi Quang duyệt xong sẽ cho đúc bản kẽm, sẽ có thể in thành sách. Mấy năm trước trường học Tân Đường đã vài lượt gởi thư hỏi, hiện thời có thể tùy ý thỉnh. Họ tính giá 7 cắc một bộ, bao gồm bưu phí. Sách ấy do Ca Âm Xã ở số 42 ngõ chùa Kim Cang tỉnh thành Chiết Giang xuất bản. Vì bản gốc do Quang lưu giữ, họ cậy Quang giảo chánh, đã gởi đi sáu bảy năm, tới nay mới xong việc.

Lệnh từ[15] hằng ngày trì danh hai vạn câu, hết sức đáng mừng. Ông hãy nên thường tuyên nói những nghĩa trọng yếu của Tịnh độ để tín nguyện của cụ chân thật, thiết tha, quyết định vãng sanh, hòng thỏa ý thiết tha khuyên dụ mẹ hướng về đạo của các hạ. Muốn sửa đổi tượng La-hán và chư thiên cần phải có thợ khéo. Trong lúc này tuy có thợ khéo, nhưng đường sá xa xôi, chẳng tiện đến xem có thể sửa hay không? Nhị Thập Tứ Sử Cảm Ứng Lục chưa thành sách, tôi vốn muốn in nhưng chưa thể dự định. Nếu có ai muốn in, chẳng ngại ấn định trước sẽ chịu tiền in bao nhiêu bộ. Đợi cho đến khi giá cả ước định xong xuôi thì sẽ dựa theo giá cả mà giao tiền, cho nên chẳng trở ngại.

Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ ba)

Ngày 20 nhận được thư, không ngăn cảm kích và hổ thẹn. Lệnh phu nhân túc căn sâu dày, lại còn chí tâm niệm Phật, lại được cả nhà các hạ niệm Phật cho bà ta, cho nên có các thứ thụy tướng có thể chứng tỏ đã vãng sanh. Trong ngày viên mãn Phật thất tại Pháp Vũ, có bằng hữu nằm mộng thấy tướng tốt lành chính là do lòng thành của lệnh từ và cả nhà các hạ cảm vời tam bảo gia bị nên được thấy tướng lành ấy, quả thật là do lòng chí thành của cả nhà các hạ cảm ứng. Nếu cả nhà các hạ chẳng có lòng thành ấy, dẫu tăng chúng Pháp Vũ chí thành tột bậc cũng khó thể có thụy tướng ấy. Vì sao? Do cội gốc chẳng lành thì làm sao cành nhánh sum suê cho được? Tất cả các thụy tướng trùng điệp đều có thể chứng minh vãng sanh, chẳng cần phải cầu kim luân để quyết đoán. Đối với pháp kim luân,

---

[14] Tịch Tà Tập là tác phẩm phản bác những luận điệu bôi nhọ Phật giáo của giáo sĩ Công giáo Lợi-mã-đậu (Matteo Ricci). Tổ Ngẫu Ích chỉ ra những quan điểm thiển cận, thiếu hiểu biết đối với văn hóa Trung Hoa nói riêng, cũng như kiến thức sai sót, lệch lạc về Phật giáo của Lợi-mã-đậu. Đồng thời vạch ra những sai lầm cơ bản của giáo sĩ Lợi-mã-đậu trong lập luận khi phê phán Nho gia và Phật giáo. Để lôi kéo Nho sĩ chống đối Phật giáo, Lợi-mã-đậu tự xưng mình là Nho sĩ Tây Thái, và nghiên cứu đạo Nho, nhưng do hiểu biết không đến nơi đến chốn, ông ta bị các danh Nho thời ấy chê là "thiết Nho hại Nho" (trộm lấy đạo Nho để hại đạo Nho).

[15] Danh xưng để biểu thị sự tôn kính đối với mẹ người khác.

Quang chẳng nghĩ là đúng cho lắm, vì nó khá giống với cách cầu cơ. Chẳng phải là không có chân tiên, nhưng [cầu cơ hay hỏi han bằng pháp kim luân], phần nhiều là linh quỷ giáng đàn. Người hiểu rõ lý phải nên suy xét theo lý, dùng kinh để chứng thực, có chuyện gì mà chẳng quyết đoán được, huống hồ toan quyết đoán chuyện này ư? Lịch Sử Cảm Ứng Lục thích hợp nhất cho học đường, bởi toàn là chuyện được biên chép trong sử sách. Nếu có thể khiến cho ai nấy đều nhận lãnh một quyển, hằng ngày xem đọc, sẽ bất tri bất giác tự sanh lòng dè dặt, gắng sức, so với các thứ thiện thư khác còn đạt được lợi ích nhiều hơn.

Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ tư)

Đầu tháng 3, nhận được thư từ bạn bè cho biết, lệnh nghiêm[16] vừa mất, các hạ đau buồn thân thể chẳng khỏe, chẳng thể cầm bút, sai tôi viết thay, khôn ngăn buồn bã, xót xa chẳng thôi! Nhưng lệnh nghiêm tuổi thọ 75, con, dâu, cháu, chắt đầy đủ, chẳng bệnh nặng mà mất. Đã thế cả nhà niệm Phật suốt ngày, tiếng niệm Phật không ngừng, cụ ắt nhờ vào lòng thành của hiếu quyến, được Phật tiếp dẫn vãng sanh. Như thế thì có gì tiếc nuối? Tuy con hiếu chẳng nỡ lòng lìa cha mẹ, nhưng tướng thế gian vô thường, quyết chẳng có lẽ "ở mãi trong thế gian". Nhưng hãy nên dùng Phật pháp để vun bồi thần thức của cụ, cố nhiên chẳng cần chấp trước lễ nghi thế tục để rồi quá mức đau buồn, đạo thờ cha mẹ ắt phải giữ lấy điều chánh yếu. Kẻ chẳng biết Phật pháp, chỉ biết buồn đau là hiếu, rốt cuộc vô ích cho cha mẹ, tổn hại cho chính mình. Sao bằng chuyển cái tâm đau buồn thành niệm Phật, lợi ích há chỉ khác biệt vời vợi như trời với đất? Các hạ hiểu rõ lý, chắc sẽ chẳng nghĩ Quang nói sai lầm. Quang nghèo túng chẳng có gì, hễ bạn bè gặp cảnh buồn đau vì cha mẹ khuất bóng, đều vào lúc hồi hướng trong khóa tụng sáng tối sẽ đọc tên người đã khuất để hồi hướng. Nay tôi vì lệnh nghiêm hồi hướng ba thất (21 ngày) hòng trọn hết tình bạn.

Còn như ông bảo lệnh điệt (cháu) Tri Nguyên gởi 200 đồng, sẽ dùng 100 để cúng dường tam bảo và 100 để phóng sanh. Trộm nghĩ năm xưa trong lúc có tang lệnh phu nhân đã dùng 100 đồng để mở một khóa Phật thất, nay cũng làm như thế. Vừa khéo niệm Phật đường chỉ có 12 người, cho nên chẳng thỉnh thêm. [Cúng dường các vị ấy] hết 90 đồng, còn 10 đồng dùng để cúng dường sắm thức ăn cho đại chúng trong bữa trưa suốt 10 ngày, như thế thì tâm nguyện cúng dường tam bảo của các hạ đã mãn, mà chuyện niệm Phật cũng chẳng khuyết, hai đằng đều thích đáng.

[16] Danh xưng biểu thị sự tôn kính đối với cha của người khác.

Tiền phóng sanh theo ngu kiến của Quang, hãy nên chọn dùng vào chỗ có lợi ích to lớn. Hiện thời trong tháng 9 sẽ đưa bộ Quán Âm Tụng đi sắp chữ, ước chừng vào tháng Giêng hay tháng 2 trong mùa xuân năm sau sẽ in ra. Có lẽ nên đem món tiền này in ba trăm bộ Đại Sĩ Tụng để truyền bá, khiến cho hết thảy mọi người đều hưởng từ ân của Đại sĩ, cùng biết "kiêng giết, bảo vệ sanh mạng" thì sẽ thù thắng hơn hẳn! Nếu như ông cứ muốn phóng sanh, xin hãy bảo cho biết. Chẳng thể phóng sanh ở Phổ Đà, vì ở giữa biển cả các sanh vật phần đông không có chỗ nương về (nước biển mặn, thả cá nước ngọt xuống, nó sẽ chết liền). Tiền phóng sanh sẽ gởi sang chùa Pháp Vân ở Nam Kinh, hiện thời đấy là đạo tràng phóng sanh bậc nhất ở phương Nam.

Quán Âm Tụng, Quang muốn quyên mộ in hơn mấy chục vạn bộ để lưu truyền trọn khắp trong ngoài nước. Vì thế, sai làm bốn chỉ bản[17] để chuẩn bị sẵn; nhưng do tôi là người đức mỏng, sợ chẳng cảm ứng được chuyện ấy. Hơn mười vạn bộ thì chắc có thể làm được, hiện thời đã có người nhận chịu tiền in năm sáu vạn bộ. Một cư sĩ dùng 5.000 đồng để cầu nguyện cho mẹ: "Tuổi thọ chưa hết bèn lành bệnh, tuổi thọ đã hết sẽ vãng sanh." Quang cho in một vạn bộ Đại Sĩ Tụng hết 3.300 đồng, còn lại 1.700 đồng thì in Bất Khả Lục, ông ta đã chấp thuận. Món tiền 200 đồng này, chẳng biết ông muốn gởi về chỗ nào? Phổ Đà bất tiện, hãy nên gởi sang Thượng Hải là tiện lợi, ổn thỏa nhất. Mong ông hãy dứt buồn niệm Phật, và suất lãnh cả nhà niệm Phật để trọn hết lòng báo đáp cha mẹ, tận hiếu. Đừng câu nệ lễ tục thế gian thì mới là phải lẽ vậy!

Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ năm)

Từ mùa đông năm ngoái do bận bịu nên chưa gởi thư, hết sức có lỗi! Trong tháng 5, Quang bảo thư cục Trung Hoa gởi 900 bộ Quán Âm Tụng cho cư sĩ Ngô Điệp Khanh. Có người tiện đường về đất Vụ[18], bèn cậy người ấy giao 400 bộ cho các hạ, giao 500 bộ cho Tân Đường Thôn Hiệu (trường học của thôn Tân Đường) để học sinh nào có tín tâm sẽ đều được thọ trì. Hiện thời Văn Sao ấn bản mới và Thọ Khang Bảo Giám đều in ở Hàng Châu. Nay in An Sĩ Toàn Thư trước, khoảng

[17] Theo từ điển Từ Hải, chỉ bản là một lối in xưa, người ta sắp bản in với các chữ in rời bằng kẽm (tức là mỗi chữ đều được đúc riêng biệt bằng kim loại, rồi sắp vào khuôn gỗ thành trang), đưa vào máy in nén mạnh trên giấy cứng cho lõm xuống. Khi cần in sẽ chụp những trang đó, không cần phải sắp chữ lại.

[18] Vụ có thể hiểu hai nghĩa:

1. Vụ là Vụ Châu, tức Ngô Châu đời Tùy, lỵ sở tại thành phố Kim Hoa thuộc tỉnh Chiết Giang.

2. Vụ là huyện Vụ Nguyên thuộc Huy Châu (tỉnh Giang Tây).

Trung Thu sẽ có thể ra sách. Văn Sao và Thọ Khang Bảo Giám chắc tháng 10 hay 11 có thể ra sách. Hễ sách in ra cũng cậy ông Ngô chuyển cho ông chừng đó bộ.

Hôm qua từ chùa Thái Bình ở Thượng Hải chuyển đến thư của ông Du Hữu Phương nói về chuyện của lệnh thân, cho biết các hạ đã giao 200 đồng, bảo gởi đến để làm công đức phóng sanh. Thứ nhất là cầu cho lệnh phu nhân tăng cao phẩm sen, thứ hai là cầu cho lệnh tức (con dâu) sanh nở thuận lợi. Chùa Thái Bình tạm nhận lấy khoản ấy, chờ Quang sang Thượng Hải sẽ lại giao cho chùa Pháp Vân, đừng lo. Trộm nghĩ: Người sanh nở chẳng thuận lợi là do sát nghiệp đời trước tạo thành. Nếu có thể thường xuyên niệm Phật, dẫu lúc sắp sanh vẫn chí thành niệm Phật, chắc chắn chẳng có chuyện khó sanh. Người đời thường dùng cái tâm phàm phu để hư vọng suy lường, bảo "sắp sanh chẳng được niệm Phật". Chẳng biết Phật ôm lòng cứu độ chúng sanh, trong lúc quan yếu sanh tử chính là lúc Phật ân che chở, chẳng thể lý luận theo lúc bình thường được. Như con cái bệnh không thể dậy nổi, cha mẹ còn chịu tự tay đút mớm thức ăn, đích thân hầu tiêu tiểu, đó là tình thân khi bệnh tật. Nếu chẳng bệnh tật mà bắt cha mẹ phục dịch như thế, đáng bị sét đánh! Lý có nhất định, sự chẳng nhất định, mong hãy dựa theo sự để luận định lý hòng được viên thông. Quang thường nói nghĩa này với mọi người, những người vâng làm theo đều chẳng bị khổ nạn. Do các hạ đã biết cho nên nói nguyên do, cũng mong các hạ bảo khắp mọi người trong làng xóm, ngõ hầu hết thảy sản phụ đều được lìa sản nạn, mong lắm thay!

Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ sáu)

Đã lâu chưa gởi thư, hết sức có lỗi! Năm ngoái ông gởi hai trăm đồng, do Tây Hồ quyên mộ tiền mua cá, tôi bảo thầy Chân Đạt thay ông giao cho họ, chắc là ông đã nhận được biên lai rồi. Hai trăm đồng ông gởi năm nay cùng với một trăm của Tào Thạch Như từ hồi năm ngoái đều dùng làm chi phí nuôi chó, chắc là biên lai cũng đều nhận được rồi. Chánh quyền thành phố Hàng Châu đem tất cả chó hoang giết sạch, vì thế hội Phật giáo thỉnh cầu họ hễ bắt được con chó hoang nào đều đưa sang hội Phật giáo. Hiện đã thu nhận gần hai ngàn con, [chó hoang trong thành phố Hàng Châu] vẫn chưa bắt xong. Thức ăn đạm bạc của hai ngàn con chó ấy, mỗi con mỗi ngày tốn 1 xu 5 chinh. Hai ngàn con chó mỗi ngày cần đến 30 đồng, lại cần phải có người chăm sóc, cho ăn, chi phí cho việc này rất lớn. Vì thế đem khoản tiền của các hạ chuyển sang dùng vào việc này. Tháng Chạp năm ngoái, công ty ấn loát ở Chiết Giang bị hỏa hoạn, đến nỗi các sách như Văn Sao v.v. chưa thể gởi nhiều được. Hiện thời cho in ở Thượng Hải, đến tháng 4 các sách in ra sẽ gởi cho ông chừng đó để kết tịnh duyên. Tiền đồ của Phật giáo rất nguy hiểm, Quang tính khi chuyện in sách năm nay hoàn tất, giao phó bộ Phổ Đà

Sơn Chí xong, sẽ ẩn cư ở nơi chẳng có bưu cục cho tới hết tuổi thừa. Nếu không, suốt ngày bận bịu vì người khác, sanh tử xảy đến, tay chân rối loạn, chẳng biết làm như thế nào!

Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ bảy)

Đã lâu chưa gởi thư, luôn nhớ nghĩ! Tháng trước tiên sinh Uông Lãng Châu cậy người gởi tới 110 đồng, cho biết có người bạn gởi thư bảo ông ta đem đồ đạc trong nhà bằng hồng mộc (rosewood) bán đi, tiền thu được thì một nửa gởi cho Cư sĩ lâm, một nửa giao cho Quang. Do bận bịu nên Quang chưa thể viết thư nói rõ nguyên do, vì sách đã in vẫn chưa gởi xong, cho nên đợi nhiều ngày. Nay đem các sách đóng thành sáu gói, số lượng được viết rõ trong một tờ phiếu khác, chẳng nói chi tiết trong thư này. Hai ba năm qua loạn lạc cùng cực, phế kinh điển, phế luân thường, phế bỏ lòng hiếu, vứt bỏ liêm sỉ, giết cha, giết mẹ. Các đại học đều lấy vẽ tranh nam nữ lõa thể làm môn học, Thượng Hải thì lập các vũ trường cho nam nữ khiêu vũ khắp nơi. Đúng là một thế giới cầm thú, đó là hiện tượng từ xưa tới nay chưa hề nghe thấy, văn minh tiến hóa lạ lùng như thế đó!

Truy đến căn nguyên, loại họa căn ấy đều do Hàn, Âu, Trình, Chu[19] đả phá, bài xích nhân quả báo ứng và sanh tử luân hồi, chỉ mong dùng "trọn hết bổn phận, chánh tâm, thành ý" làm căn bản của giáo dục. Chẳng biết kẻ không nói đến nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi mà có thể tận nghĩa, tận phận, quả thật chẳng được mấy ai. Kẻ căn cơ trung hạ, do có sự lý nhân quả luân hồi mới có thể gắng sức làm người lương thiện. Nếu không, họ sẽ nghĩ "chết rồi, vĩnh viễn diệt mất", cớ gì phải chịu sự ràng buộc ấy? Đã là Nghiêu hay Kiệt đều cùng chết sạch, sao chẳng mặc sức tự tung tự tác cho sướng một đời ư? Lý học bài xích nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, ý mong chống đỡ thánh đạo (đạo Nho) hòng chẳng đến nỗi ai nấy đều học Phật, chẳng biết nỗi độc hại do phế kinh điển, phế luân thường quả thật đã tiềm ẩn từ ngàn trăm năm trước chưa phát ra. Tới khi gió Âu thổi qua, chất độc ấy bộc phát mạnh mẽ. Nếu hơn một ngàn năm qua ai nấy đều đề xướng các đạo lý như thế, dẫu gió Âu mạnh bạo, ai chịu thuận theo? Ví như người trung hậu chân thật chẳng thể bị nhiễm tà, người thể lực tráng kiện chẳng sợ gió lùa.

Trước kia Quang từng trúng chất độc ấy quá sâu, may đời trước có một chút điều lành, rốt cuộc chẳng bị mê hoặc. Nay xem vận đời, xác thực biết khởi nguồn của mối loạn, và thịnh trị sẽ do đâu mà hưng khởi. Vì thế thường nói với những người quen biết: "Cần phải chú trọng đề xướng hai pháp giáo dục trong gia đình và nhân quả báo ứng. Hai pháp ấy bổ trợ lẫn nhau, xen kết lẫn nhau thì thế đạo sẽ

[19] Tức Hàn Dũ, Âu Dương Tu, Trình Di, Chu Hy, là các lãnh tụ của Tống Nho.

có ngày được thấy thái bình. Nếu chẳng thực hiện từ chỗ này, dẫu thánh hiền, Bồ-tát cùng xuất hiện trong cõi đời cũng chẳng làm như thế nào được!"

Hơn mười năm qua Quang khá mắc hại bởi hư danh, đến nỗi quanh năm suốt ngày bận bịu khôn nguôi. Nay đã 69 tuổi, ngày tháng còn lại chẳng nhiều, chẳng thể không tạo phương tiện khác. Tháng Chạp năm ngoái đã bảo khắp những người quen biết, quyết định vào tháng 9 sẽ giấu tung tích, ẩn cư lâu dài để mong chuyên tu tịnh nghiệp, hòng chẳng đến nỗi thường vì kẻ khác bận bịu mà lầm lỡ đại sự của chính mình. Nghe nói Hàng Châu mở hội chợ, mời thanh niên, thanh nữ đều đến khiêu vũ. Đối với các thanh niên, thanh nữ không biết khiêu vũ thì sẽ mở trường dạy khiêu vũ, ngõ hầu ai nấy đều giỏi khiêu vũ. Đề xướng như thế đúng là lừa người khác xông vào loài thú, phá tan đê đập, khiến cho nước lũ ùa chảy. Thế giới trược ác như thế, quả thật chẳng thể ở thêm buổi nào. Các hạ vốn sẵn có đức từ trước, hãy nói chỗ cội nguồn trị loạn cùng hết thảy mọi người, ngõ hầu ai nấy đều biết đâu là quyền biến, đâu là cội gốc, khiến cho gia đình của chính mình và bản thân trong tương lai đều chẳng đến nỗi chìm đắm lâu dài vậy.

Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ tám)

Hôm trước nhận được thư, biết lệnh từ niệm Phật vãng sanh, khôn ngăn mừng rỡ cho lệnh từ, xót thương cho các hạ. Tuy vậy, lệnh từ đã siêu phàm nhập thánh, cố nhiên chớ nên bắt chước thế tục đau buồn, làm chuyện vô ích suông. Các hạ đề xướng Tịnh độ, thoạt đầu là khiến cho lệnh phu nhân vãng sanh, nay thì lệnh từ vãng sanh, đủ thấy "hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh". Đạo do người hoằng dương, hễ xướng ắt có họa, chỉ vì Quang bận bịu cùng cực nên chẳng thể soạn thuật ngay lập tức, thật cảm thấy có lỗi cùng cực. Bộ Tam Tự Kính (三字鏡)[20] đã sửa chữa đại lược, hôm trước Tuyết Tinh đến đây đã đem đi. Ông ta tính sao lại, bèn giao cho ông ta gởi giùm. Truyện của lệnh từ có khá nhiều chỗ sơ sót, nay đem nguyên cảo (bản gốc) gởi trả lại kèm theo thư, mong ông hãy thêm thắt, gọt giũa để được hoàn bị. Do gần đây Quang bận rộn khá nhiều, chẳng thể châm chước tường tận được. Biết ông đã nhận được tám gói sách gởi trước kia, rất an tâm. Quang dự định vào cuối tháng 9 sẽ ẩn giấu tung tích, ẩn cư lâu dài. Do xã giao ngày càng nhiều, tinh thần ngày một giảm, nếu không ẩn cư lâu dài ắt sẽ quanh năm suốt tháng bận bịu vì kẻ khác, trọn chẳng khi nào dứt. Tất cả bản in của các sách đã in gần đây đều giao cho Cư sĩ lâm. Họ tính mở thư cục Phật Học để lưu truyền rộng rãi, bất quá họ kèm theo tánh chất buôn bán, so với Quang chỉ tính giá thành thì giá sách của họ đắt hơn gấp rưỡi.

[20] Chúng tôi chưa tìm được tài liệu về sách Tam Tự Kính, nhưng căn cứ theo chữ Hán trong nguyên văn lá thư của tổ, sách này chẳng phải là Tam Tự Kinh (三字經).

Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ chín)

Thư viết tường tận, khôn ngăn vui mừng, an tâm! Quang vốn muốn chuyên tu tịnh nghiệp, do Phổ Đà Sơn Chí chưa hoàn thành nên chẳng thể không lo liệu. Sau đó do Hứa Chỉ Tịnh bổ sung, tu chỉnh bộ Lịch Sử Thống Kỷ đến nỗi phải nhọc nhằn lo liệu ấn hành mấy loại, thật sự chẳng phải là ý tôi muốn. Nguyên bản Tịnh Độ Thập Yếu quả thật là sách hữu ích, sắp xếp (chỉnh lý) đã được ba phần năm, nhưng chiến sự nổ ra đã kéo dài đôi ba tháng, may mà chiến tranh chấm dứt bèn hoàn tất công trình, đúng là may mắn muôn vàn! Lại còn Phật Học Cứu Kiếp Biên sắp in, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục cũng sắp được in. Tôi tính in xong hai loại sách ấy trong năm nay, sang năm sẽ rời chùa Báo Quốc, đến chỗ không có ai biết để sống hết kiếp tàn này. Cư sĩ hăng hái đề xướng, quả thật hiếm thấy, cũng là do có thể tự tu tập mà ra. Cổ nhân nói: *"Dĩ ngôn giáo giả tụng, dĩ thân giáo giả tùng"* (Dạy dỗ bằng lời nói sẽ có tranh cãi, dạy dỗ bằng hành động người khác sẽ thuận theo). Do dùng chính bản thân xướng suất chúng sanh, cho nên ai nấy đều noi theo làm lành.

Bản giảo duyệt đã gởi tới, tôi đọc từng bản, trừ một hai chữ bị sai quá mức, chẳng thể nào không sửa thì sẽ cho thợ sửa lại. Nếu chữ trong nguyên văn xét theo tiêu chuẩn hiện thời vẫn chấp được thì cố nhiên chẳng cần sửa. Nếu sửa văn, thêm văn thì trọn chẳng thể làm như thế được. Nếu sửa đổi như thế ắt cần phải đem hai trang ấy sắp chữ riêng để đúc bản kẽm. Thế rồi giảo duyệt, đối chiếu qua lại, cần phải mất thủ tục bốn năm lượt mới được, há có công sức ấy hay chăng? Thầy Đức Sâm thận trọng, mỗi chỗ đều ghi ra, tôi sẽ bảo Viên Tịnh gởi cho ông xem. Lần này đã in năm ngàn bản, không phải chỉ in một bản, giảo chánh xong sẽ cho in với số lượng lớn. Tận lực in theo lối chỉ bản thì dẫu mười vạn hay hai mươi vạn bản đều có thể in được. Sau này muốn in thì cứ báo tin cho Viên Tịnh, ông ta ắt sẽ có thể lo liệu. Gần đây Quang cảm thấy khá suy yếu. Trước kia Viên Tịnh còn đem các bộ sơn chí của Ngũ Đài, Cửu Hoa, Nga Mi xin tôi giảo chánh để ấn hành. Nay tôi nóng lòng muốn rời Báo Quốc, cho nên nhất loạt khước từ, ngõ hầu chẳng đến nỗi năm sau rồi lại năm sau, vẫn cứ bận bịu không ngớt. Nếu một mai vô thường xảy đến, bận bịu như thế có thể giúp nổi tôi hay chăng? Do vậy tôi đã lập chủ ý quyết liệt, trong năm nay sẽ hoàn tất hết thảy thủ tục.

Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy

Cớ gì ông chấp chết cứng phương diện danh lợi đến nỗi như thế ấy? Ông chẳng đọc Luận Ngữ, *"bang hữu đạo cốc, bang vô đạo cốc, sỉ dã"* (đất nước có đạo, làm quan hưởng bổng lộc là chuyện dĩ nhiên. Nước chẳng có đạo mà kẻ làm

quan vẫn ăn bổng lộc, đó là nhục)[21] ư? Dẫu đất nước bình trị, chỉ hưởng bổng lộc mà chẳng ra sức phục vụ thì chính là điều đáng thẹn. Huống hồ hiện thời giới quân nhân chuyên chú trọng tàn sát, cướp đoạt? Chí hướng của ông đúng là hèn kém đến cực điểm, coi chuyện liên lụy cửu huyền thất tổ[22] đọa vào địa ngục A-tỳ là vẻ vang, lại còn đêm ngày toan tính. Mưu tính chẳng được, nguyện liều tấm thân! Đúng là giòi ở trong nhà xí, cho là mùi vị ấy thật tuyệt, chỗ ấy rất an ổn! Dấy vọng tưởng chẳng được bèn muốn chết; đã chết rồi, há còn làm quỷ an vui được ư? Thử hỏi cái tâm của chính Ôn Quang Hy mong mỏi điều gì vậy? Chịu nghe lời tôi, toàn thân buông xuống, làm một người dân thường an phận, tuân giữ trách nhiệm, chỉ cần có đức sẽ vẻ vang trong xóm giềng, há chẳng thể rạng mày nở mặt tổ tiên ư? Ông chỉ biết phát tài, làm quan là rạng mày nở mặt tổ tiên, chẳng biết do "phát tài, làm quan" đã khiến cho chẳng biết bao nhiêu tổ tông vĩnh viễn đọa trong ác đạo. Huống chi cha ông còn muốn ông trở về Thành Đô[23] an phận giữ vững sự nghiệp ư?

Thư trả lời cư sĩ Bích Vân

---

[21] Đây là một câu nói trong thiên Hiến Vấn của sách Luận Ngữ. Các nhà chú giải giảng: *Cốc* (穀) phải hiểu là bổng lộc, *đạo* ở đây là bình trị, hoặc chánh sách sáng suốt, dân chúng an lạc. Theo các nhà chú giải, câu này có ý nói: Kẻ làm quan khi đất nước bình trị hưởng thụ bổng lộc là lẽ đương nhiên; nhưng khi đất nước rối ren, vẫn thản nhiên hưởng thụ bổng lộc thì là điều đáng nhục nhã.

[22] Cửu huyền thất tổ (九玄七祖) là danh xưng chỉ chung tổ tiên bảy đời và con cháu chín đời thuộc nam giới tính từ bản thân mình. Cửu huyền là con cháu nam giới trực hệ chín đời của chính mình, thất tổ là tổ tiên bảy đời tính từ chính mình trở lên. Do vậy, cửu huyền thất tổ chỉ có nghĩa là tổ tiên và con cháu nhiều đời của mình, hay nói rộng hơn là toàn thể dòng họ nhiều đời của chính mình. Khi nói "siêu độ cửu huyền thất tổ" tức là tu tập để trên báo đáp tổ tiên, dưới cứu vớt con cháu. Không hiểu vì lý do gì, tại Việt Nam, nhất là miền Nam, chữ *cửu huyền thất tổ* trở thành ý nghĩa tổ tiên. Thậm chí một tông phái Phật giáo ở Việt Nam còn gọi chỗ thờ vong sau chánh điện là nhà Cửu Huyền, đến nỗi đã có người phải thốt lên: "Cháu chắt nó chưa sinh ra mà cầu siêu sao được?" Thất tổ là phụ (cha), tổ (ông), tằng tổ (cố), cao tổ (ông sơ), thái tổ (ông sờ), huyền tổ (ông sẩm) và hiển tổ (đừng lầm với "hiển khảo" là từ ngữ để gọi cha đã chết và "hiển tỷ" là từ ngữ để gọi mẹ đã chết). Cửu huyền là con cháu tức tử (con), tôn (cháu), tằng tôn (chắt), huyền tôn (chút), lai tôn (chít), côn tôn, nhưng tôn, vân tôn, và nhĩ tôn. Do vậy, không bao giờ thấy bài vị thờ "cửu huyền thất tổ" trong nhà người Hoa hay các từ đường, chùa miếu. Để thờ tổ tiên, họ chỉ ghi *"X... thị lịch đại tổ tông chi linh/liên vị"* (bài vị tổ tiên các đời trong họ X…). Trong các chùa miền Bắc Việt Nam cũng không bao giờ thấy có cách đọc cầu siêu cho cửu huyền thất tổ; có lẽ thói quen hiểu "cửu huyền thất tổ là tổ tiên" chính là do một người truyền sai, vạn người cùng dùng như vậy thì dẫu sai cũng trở thành đúng đó chăng?

[23] Thành Đô còn gọi là Dung Thành, Cẩm Quan Thành, hay gọi tắt là Dung, là tỉnh lỵ của tỉnh Tứ Xuyên, là thành phố thương nghiệp, tài chánh, kỹ thuật, văn hóa và giáo dục lớn nhất tại miền Tây Trung Hoa. Nơi này chính là kinh đô thời cổ của chín vương triều Cổ Thục, Thành Gia, Thục Hán (vương triều của Lưu Bị), Thành Hán, Tiêu Thục, Tiền Thục, Hậu Thục, Lý Thục và Đại Tây.

Nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Quang là một ông tăng chỉ biết cơm cháo, Viên Văn Thuần đồn thổi sai ngoa, các hạ cũng chẳng xét kỹ, chỉ thuận theo thông lệ "một người đồn đại hư huyễn, đến khi vạn người đồn đã trở thành sự thật" mà tán thán, thật khiến cho kẻ khác hổ thẹn không chốn dung thân! Tuy Phật pháp vô lượng vô biên, chẳng ngại thuận theo căn cơ mà tu. Ví như biển cả, ai có thể một hơi uống cạn? Nhưng tu-la, hương tượng, cho đến muỗi mòng, uống nước biển cả, mỗi loài đều được no nê đó thôi. Các hạ thân vướng trong lưới đời, chí hâm mộ Phật thừa, vì thế hãy nên nương theo pháp môn Tịnh độ "tín nguyện niệm Phật" ngõ hầu đạt được lợi ích thực tế "tự lợi, lợi người". Nếu bỏ pháp này, đừng nói chẳng thể thông suốt Phật pháp rộng khắp, dẫu thông suốt Phật pháp rộng khắp thì sợ vẫn khó đạt được lợi ích chân thật. Nay tôi gởi cho các hạ một gói gồm các sách như Văn Sao v.v. để một là tự xem, hai là tặng cho người có tín tâm, cung kính.

Ông nói sẽ đến núi Phổ Đà, trộm nghĩ chẳng cần, do đường xa nẻo thẳm, chẳng đủ lộ phí. Huống hồ Quang thật sự là một ông tăng chỉ biết cơm cháo, chẳng có sở đắc gì, dẫu gặp gỡ, há có ích lợi gì? Dẫu ông bảo "xuất gia nhiều năm, ắt có bao nhiêu điều ngộ nhập, lãnh hội", những điều đã nói trong Văn Sao toàn là những thứ cỏ rơm chứa đầy trong bụng đã phun sạch hết rồi. Nếu gặp gỡ, há còn có diệu pháp gì để "miệng truyền, tâm trao" nữa ư? Nếu có diệu pháp để "miệng truyền, tâm trao" chi đó, tức là ngoại đạo, cố nhiên nên tránh xa hạng người đó, huống hồ cầu kiến ư?

Nhưng các hạ nghe lầm lời đồn sai truyền nhảm, ngỡ là chân thật, sợ rằng những điều Quang đã nói trên đây vẫn chẳng thể dứt được nghi tâm của các hạ. Quang cũng chẳng ngại đem lầm đáp lỗi, thuận theo kiểu của Đại Viên Văn Thuần, đặt cho ông một pháp danh là Huệ Vân (慧雲). Các hạ nếu có thể thật sự dùng mây trí tuệ để tuôn mưa pháp, trong là gia đình, ngoài là bằng hữu và hết thảy mọi người, tùy theo căn cơ của mỗi người mà khuyên bảo, lợi ích ấy lớn lắm. Thư viết tới đây thì thư của ông Viên Văn Thuần và chương trình đơn giản của hội Phật giáo Vũ Cương đều gởi đến. Cư sĩ đảm nhiệm chức vụ văn thư, cố nhiên là có thể dùng bút mực để tuyên nói pháp tự lợi và lợi tha. E rằng ông sẽ nói: "Tuy đọc văn và đã được xem thư, nhưng chưa gặp mặt, sẽ trọn chẳng thỏa lòng." Chẳng biết Quang là một gã phàm phu nghiệp lực, thấy mặt mới biết chẳng bằng nghe danh. Do danh còn có thể đồn giả, chứ mặt chẳng thể giả vờ được. Nay đem hình ảnh xấu xí của Quang gởi cho ông một tấm để dứt cái lòng mong tưởng đến núi của ông, cạn sức tùy cơ hóa độ kẻ hữu duyên. Lại gởi một trang thuyết minh biện pháp [chịu xuất tiền đứng in] bộ Quán Âm Tụng mà Quang sắp in để ông biết đại khái. Tôi còn muốn in bộ Bất Khả Lục để cứu vớt cõi đời đang chìm

đắm trong biển dục. Mùa xuân năm sau sẽ ra sách, tôi sẽ gởi cho ông chừng đó sách.

Thư trả lời cư sĩ Lưu Thọ Dân

Vừa nhận được bốn bức thư của cư sĩ Đặng Hán Quân và Ngụy Mai Tôn, cho biết tâm niệm của lệnh nghiêm khi lâm chung, và tin tức khi cụ mất và sau khi cụ đã mất, chẳng khỏi khiến cho kẻ khác cảm thán! Lệnh nghiêm chính là người đầu tiên trong số bạn bè tại Nam Kinh, tuy chưa thường ở chung với Quang, nhưng chí hướng và đạo hạnh hết sức khế hợp. Quy y hay không đều thuộc về sự tướng mà thôi, nhưng cụ vẫn tận lực thỉnh người khác thọ giới thay, cũng có thể nói là "chánh niệm rạng ngời". Lại may mắn là ông có thể thừa kế chí hướng của lệnh nghiêm, dặn người nhà nhất tâm niệm Phật, chẳng rời đi lo toan hậu sự và khóc lóc, chuyện ấy hết sức hữu ích. Người tới lúc lâm chung, hoàn toàn phải giữ sao cho cái tâm chẳng dấy lên ý niệm khác. Nếu bị dời động và khóc lóc sẽ đánh mất cái tâm thanh tịnh niệm Phật, cũng do cái tâm yêu luyến và bị dời chuyển khó chịu đựng mà sanh lòng sân hận. Hành vi kiểu đó gọi là "ném đá người đã rớt xuống giếng", nhưng kẻ ngu chẳng biết, cứ cho đó là "hành hiếu" (thể hiện lòng hiếu), đúng là đáng đau tiếc! Trong lúc ấy ông có thể thành tựu chánh niệm cho cha mình, có thể nói là "khéo phụng sự cha mẹ".

Trong lúc tang ma cũng nên giữ chí ấy, nhất loạt chẳng dùng đồ mặn, đừng coi chuyện đẹp mắt vui tai người đời là vinh. Chỉ nên khiến cho người mất lẫn kẻ còn đều được lợi ích thật sự. Người ta phần nhiều vì tang cha mẹ mà đau buồn, suy sụp, đấy cố nhiên là tình kiến của người đời. Tuy chẳng thể không đau buồn, nhưng cũng đừng nên chấp trước. Mong hãy chú trọng dứt buồn đau để niệm Phật, khiến cho cha ông chưa vãng sanh liền được vãng sanh, đã vãng sanh sẽ tăng cao phẩm vị. Thực hành như thế, và cũng hướng dẫn người nhà, quyến thuộc cùng làm theo, ắt kẻ còn người mất đều hưởng đại lợi ích.

Về chuyện làm Phật sự thì chớ bắt chước thế tục mưu cầu đẹp mắt, hoặc niệm kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục. Chỉ nên chuyên nhất niệm Phật, lợi ích sẽ khác biệt một trời một vực! Đó là lời lẽ phát xuất từ kinh nghiệm từng trải hơn mấy chục năm của Quang, cho nên nói với bạn bè của tôi, chẳng phải là thốt ra lời hư vọng đoán mò. Nếu chẳng nghĩ đó là lời lẽ vớ vẩn, hủ bại thì may mắn lắm thay! Còn đối với các chuyện chôn cất, tang ma v.v. xin đừng bắt chước thói ác trong đời gần đây, phô trương xa xỉ. Đúng là dùng chuyện tang ma của cha mẹ làm công cụ để khoe khoang giàu sang. Nếu chẳng nỡ làm đám tang cha mẹ đơn sơ, hãy nên tiết kiệm chi tiêu để dùng khoản tiền tiết kiệm ấy cứu tế, công đức sẽ to lớn. Đối với bạn bè thân thiết mà có tang, Quang đều chẳng làm các chuyện phúng

điếu rỗng tuếch màu mè, mà đều vào lúc hồi hướng trong khóa tụng sáng tối đọc tên để hồi hướng cho người đó. Nếu là kẻ giao hảo thân thiết lúc thường ngày cũng đều đọc tên hồi hướng, huống hồ người đã qua đời ư? Nay tôi sẽ vì lệnh nghiêm hồi hướng 21 ngày nhằm biểu lộ tình bạn hữu. Mong ông hãy dứt buồn niệm Phật, hành đúng theo lời Quang. Làm như thế há chỉ có thể an ủi hương linh của cha ông, mà còn khiến cho quyến thuộc trong nhà đều gieo thiện căn tối thắng. Thân thích bằng hữu cũng do trông thấy mà được chuyển hóa. Từ lòng hiếu thảo ấy mà lợi lạc khắp hết thảy, có thể nói là khéo vận dụng lòng hiếu. Mong ông xét hiểu thì may mắn lắm thay!

Thư gởi cư sĩ Trịnh Minh Chi

Ấn Quang thuộc loại tăng nhân chỉ biết cơm cháo, suốt đời mê mờ, nào dám xằng bậy gởi thư nói lan man, để tự chuốc nhục ư? Chỉ vì tháng 4 tới đất Thân (Thượng Hải) lo liệu chuyện ấn loát Quán Âm Tụng, Văn Sao, Thọ Khang Bảo Giám v.v., người cùng quê là cư sĩ Vương Ấu Nông nhiều lượt đến trò chuyện, thường khen ngợi các hạ do thấy thời thế bất lợi, đặc biệt phát tâm Bồ-đề, ăn chay trường, niệm Phật hòng cầu xuất thế. Lại khuyên Quang gởi thư cho các hạ để kết tịnh duyên. Quang nghe nói, khôn ngăn vui mừng, đẹp dạ, chỉ vì bận bịu, khó được như nguyện ngay. Đầu tháng 6 về tới núi, tìm dịp rảnh rỗi, [viết thư cho các hạ hòng] giãi bày đại lược kiến giải thô lậu, chỉ mong tạo phương tiện để giúp tự lợi lợi tha, vãng sanh thượng phẩm. Chắc các hạ sẽ chẳng vì mạo muội, nông cạn, sơ sài mà bỏ xó.

Thế gian hiện thời lầm loạn đến mức cùng cực, phế bỏ kinh điển, phế bỏ luân thường, hết thuốc chữa rồi! Dùng con mắt đạo để nhìn, dường như đó chính là sự cảnh tỉnh to lớn nhằm thúc giục mọi người thoát khỏi cõi Sa-bà này, sanh về cõi Cực Lạc kia. Nếu chẳng có cái tâm xuất thế, ắt trong đời tương lai, đúng là chẳng có gì để có thể làm cha mẹ của ta! Những người nghiên cứu Phật học trong thời gần đây đúng là đông đảo, nhưng người thiên tư cao thường có tri kiến chủ quan, thiên trọng lý tánh, chẳng chú trọng sự tu (tu tập nơi mặt sự), hoặc cho rằng tín nguyện là chấp tướng, hoặc coi tham cứu là thân thiết. Dẫu tu tịnh nghiệp nhưng chẳng nương theo tông chỉ của pháp môn Tịnh độ, đến nỗi biến pháp "cảm ứng đạo giao, liễu thoát ngay trong hiện đời" trở thành cái nhân đắc độ trong vị lai, khiến cho kẻ thiên tư thượng đẳng đâm ra chẳng bằng phường ngu phu ngu phụ cắm cúi niệm Phật lại có thể đạt được lợi ích thật sự. Chẳng phải là đáng tiếc lắm ư?

Các hạ đã phát tâm niệm Phật, cố nhiên nên nương theo tông chỉ Tịnh độ. Phàm đối với các kiểu khai thị "lìa khỏi tín nguyện" đều chớ nên màng tới. Vì đó

là phương pháp thuộc kiểu "chỉ tham cứu tự tâm" của Thiền tông, chẳng phải là khuôn phép "nương theo từ lực của Phật để cầu vãng sanh" của Tịnh tông. Những điều Quang vừa nói chính là lời chân thành của cổ đức trong Tịnh tông, chẳng phải là luận định ức đoán bịa đặt lệch lạc. Xin hãy đọc kỹ Tịnh Độ Thập Yếu ắt sẽ tự biết rõ. Ấn Quang Văn Sao, tuy văn chương nông cạn thô kệch, nhưng đối với giới hạn giữa Thiền và Tịnh, duyên do của pháp môn thông thường và đặc biệt, lẽ được mất, lớn nhỏ, giữa Phật lực và tự lực đều nói khá tường tận. Nếu chịu đọc kỹ, cũng chưa phải là trọn chẳng được lợi ích.

Xưa kia cư sĩ Trầm Tử Bồi tự coi mình là Bồ-tát, chẳng nguyện vãng sanh, Quang cực lực phá trừ, ông ta mới hồi tâm Tịnh độ. Lúc đó là năm Dân Quốc thứ mười (1921), nhưng do ông ta tuổi cao, danh lớn, chẳng có người thường đàm luận, khích lệ, nhắc nhở, đến nỗi khi mạng chung vẫn chẳng nhắc tới chuyện vãng sanh. Ông Trương Quý Trực ở Thông Châu, do môn nhân là Giang Dịch Viên khuyên nhắc, cũng khá chú ý đạo này, từng gởi thư thăm hỏi Quang, khi đó là năm Dân Quốc 14 (1925). Chỉ vì cái tâm kinh doanh sâu nặng, chẳng thể ngay lập tức đảm đương tịnh nghiệp, đáng tiếc quá! Chỉ có ông Sa Kiện Am ở Như Cao là có thể nương theo tông chỉ tín, nguyện, hạnh để tu trì nghiêm mật. Mấy ngày trước khi lâm chung, liền bảo kẻ khác trợ niệm, đạt được lợi ích vãng sanh thật sự. Trong Tăng Quảng Văn Sao bản mới, có bài ký về chuyện vãng sanh của ông ta, khoảng tháng 8, tháng 9 có thể ra sách, khi sách in ra sẽ gởi cho ông duyệt.

Do vậy mới biết người thiên tư cao, nếu có thể toàn thân buông xuống thì lợi ích sẽ vượt xa những người cùng hàng. Nếu không, đâm ra chẳng bằng ngu phu ngu phụ thật thà niệm Phật mà đạt được lợi ích thật sự. Nhưng các hạ đức cao vọng trọng, dùng thân hướng dẫn chúng sanh, phàm có ai tìm đến thì cố nhiên hãy nên dùng "đề xướng nhân quả báo ứng, tín nguyện niệm Phật" làm phương tiện cứu đời, độ người. Trong cõi đời hiện thời, nếu chẳng đề xướng nhân quả báo ứng, dẫu thánh hiền, Phật Bồ-tát cùng xuất hiện trong cõi đời cũng chẳng thể làm như thế nào được. Quang thường nói: "Nhân quả là phương tiện to lớn để thánh nhân thế gian và xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh." Có kẻ miệt thị nhân quả, cho là Tiểu thừa, toàn là kẻ chỉ phô bày cuồng huệ, là bè lũ của ma, chẳng chú trọng chân tu. Nếu có thể đề xướng rộng rãi phong cách ấy, ắt kẻ chỉ biết lợi mình, chẳng màng có hại cho người khác ắt sẽ sanh tâm sợ hãi, ém bớt thói bạo ngược của họ, để mong chính mình đạt được lợi ích thật sự, mà cũng chú trọng lợi lạc người khác. Quang nói: "Đề xướng nhân quả báo ứng chính là diệu pháp có một không hai để cứu đời trong hiện tại", mà tu trì tịnh nghiệp cũng cần dùng cái đạo thành tựu từ thuở phát tâm cho đến khi chứng quả ấy. Kiến giải thô lậu như thế, chẳng biết các hạ có cho là đúng hay không?

Thư trả lời cư sĩ Từ Úy Như hỏi về sách Tự Tri Lục

Nhận được thư, khôn ngăn cảm khái! Trong thời mạt pháp, con người phần nhiều làm chuyện dối trá, thường xuyên cầu tiếng tăm lợi dưỡng, mong sao đời sau tôn xưng chính mình là bậc Pháp thân đại sĩ, luôn bịa đặt, ngụy tạo đủ thứ chuyện để huyễn hoặc kẻ vô tri, hoại loạn Phật pháp, khiến cho chúng sanh ngờ vực, lầm lẫn. Sao lại khổ sở vì cái danh hư huyễn mà mắc lấy tai họa thật sự, đến nỗi trầm luân bao kiếp? Sách Tự Tri Lục[24] thật sự do Lưu Lữ Thanh biên soạn, trong khi in sách thường bênh vực người ấy (bà Hồ). Trước kia ông La Tế Đồng có được sách ấy, bèn cho in theo lối thạch ấn một ngàn bản. Ông Đinh Quế Tiều bảo ông La gởi cho Quang một gói, Quế Tiều gởi thư cho Quang, bảo hãy duyệt kỹ, viết lời tựa hòng lưu truyền rộng khắp. Ngay trong hôm nhận được, Quang liền xem qua, ngay hôm ấy gởi trả về, bảo sách ấy chính là sách dẫn người sơ cơ nhập ma!

Đối với công phu của bà Hồ, Quang chẳng dám nói bà ta chưa đạt tới cảnh giới ấy, do Quang chẳng có tha tâm thông, mà cũng chẳng dám bảo bà ta thật sự đạt tới cảnh giới ấy. Vì nếu bà ta thật sự đạt tới mức đó, trọn chẳng đến nỗi không biết sách ấy có khuyết điểm lầm lạc người khác vô cùng. Trước nay bậc thiện tri thức Tịnh độ khai thị cho người khác chỉ bàn nói theo hành tướng trong pháp môn, trọn chẳng lôi ra cảnh giới của chính mình để làm khuôn phép cho người khác. Bà ta đã chẳng biết điều lợi hại ấy, vậy thì công phu của bà ta phần nhiều là giả vờ. Tôi nói đại ý như thế mà thôi, bảo đừng chia ra gởi tặng. Nếu đã gởi thì thôi, chưa gởi thì hãy nên đốt đi để tránh ươm mầm tai họa. La Tế Đồng nhận được thư của Quang, đem các sách còn lại đốt sạch. Mấy tháng sau, cư sĩ Vương Mưu Phượng ở Hàng Châu trông thấy sách ấy cũng muốn đem thạch ấn để lưu thông, gởi sách ấy để xin Quang quyết đoán, Quang liền nói với ông ta đại ý đã nói với Đinh Quế Tiều. Mùa xuân năm ngoái, một cư sĩ ở Dư Diêu cũng muốn thạch ấn sách ấy, Quang lại ngăn cản, lá thư ấy được đăng trên báo Ca Âm.

---

[24] Xin đừng lầm lẫn sách này với tác phẩm Tự Tri Lục của tổ Liên Trì. Tổ viết về chuyện hằng ngày xét mình để thanh tịnh tam nghiệp hòng hành trì niệm Phật dựa theo Công Quá Cách. Tự Tri Lục nói ở đây là cuốn sách do Lưu Lữ Thanh được bà Hồ nhờ cậy hắn viết ra. Nguyên lai, Lưu Lữ Thanh quy y với pháp sư Bảo Nhất trụ trì chùa Tư Phước ở núi Hồng Loa. Vị này cũng là trụ trì chùa Cực Lạc ở Bắc Kinh, có một nữ cư sĩ họ Hồ ở Hồ Nam là đệ tử quy y. Bà này muốn phô trương thanh thế cho thầy mình cũng như khoe khoang bản thân, bèn bàn bạc với Lưu Lữ Thanh, mua chuộc ông ta, vay mượn, cắt xén các cảnh giới của bậc đại Bồ-tát được mô tả trong kinh điển Đại thừa rồi mô tả như là cảnh giới tự chứng của bà Hồ, viết thành Tự Tri Lục. Thầy bà ta (pháp sư Bảo Nhất) do háo danh cũng viết lời bình chú tán thán, khuyến khích đại chúng lưu thông.

Tới tháng 6, kẻ thường hộ trì "đứa ma con" (tức Lưu Lữ Thanh) đọc báo Ca Âm, bèn viết thư cho Quang, tranh biện, đả kích lời Quang, hết sức tâng bốc bà Hồ, bảo bà ta là *"thiên mã hành không, thần long bất trắc"* (ngựa cõi trời bay lượn trên không chẳng chướng ngại, rồng thần chẳng thể biết được hành tung). Kẻ đó mô tả bà Hồ đúng là người trên trời dưới thế đáng tôn sùng, có một không hai. Lại còn gởi cho Quang truyện ký của bà Hồ, phê chú từng đoạn, lại còn sai Quang chuyển sách và truyện ký về bà Hồ tới báo Ca Âm. Trong truyện ký có nói khi bà Hồ sắp chết đã nhiều lượt hiển lộ thần thông. Lúc lâm chung, một phụ nữ tại gia thấy bà Hồ đến, bỗng thấy bà ta hiện thân vô lượng, sau đấy mới biết đó là lúc bà ta lâm chung. Quang đọc đến đó bật cười, bảo bà ta có thần thông to cỡ đó, cũng nên hiển lộ cho Quang. Nếu rõ ràng là kẻ đáng được suy tôn, Quang vẫn chẳng tán thành lưu thông Tự Tri Lục, vì sẽ khiến cho người khác bị lầm lạc.

Năm trước, một vị cư sĩ ở Hồ Nam quy y với thầy Bảo Nhất, đến núi có nhắc tới bà Hồ. Ông ta nói bà Hồ tập khí khá nặng, hễ động đến là đùng đùng nổi giận, tới mức chửi rủa người khác. Vì thế đến nỗi thổ huyết, sau đó mạng chung. Năm ngoái, một vị cư sĩ tên là Dương Hồng Phạm, nhậm chức trường tá (trông coi công trình khai thác muối) ở Cù Sơn, cùng với vợ đến núi, hai người cùng quy y với thầy Bảo Nhất. Quang đem thư và truyện của kẻ thường hộ trì bà Hồ cho họ xem, cả hai vợ chồng đều bảo chẳng phải là sự thật. Vợ ông ta từng thấy lúc bà ta chết, Phật còn chẳng thể niệm được, huống hồ có thể hiện thần thông ư? Sách ấy đừng cho người khác xem, đừng lưu thông là được rồi. Nếu phê bình, truyền bá, bọn chúng sẽ thường bảo vệ, có thể dẫn đến xung đột, đâm ra chẳng hay! Thư này cũng ngàn vạn phần đừng đăng báo, ngõ hầu chẳng đến nỗi khiến cho những ai muốn thành Phật ngay lại đâm ra chậm trễ nhiều kiếp mới thoát khỏi địa ngục.

Niết-bàn Kinh Sớ đã có, do sư Đế Nhàn biếu tặng. Quang hằng ngày bận bịu chẳng rảnh rỗi, cũng chỉ đặt lên gác cao đó thôi. Cách tĩnh tọa của ông Trần vốn chẳng phải là tĩnh tọa theo đường lối "chân thật tham cứu, chân thật niệm", mà đèo thêm tánh chất luyện đan của Đạo gia. Đã thế gần đây người có tín tâm thường mê mệt thần thông, cho nên có cảnh ấy. Nếu chân thật tham cứu bổn lai diện mục, và chân thật chí thành niệm Phật, chẳng có ý niệm cầu đắc thần thông, sẽ trọn chẳng đến nỗi có ma cảnh ấy. Nếu buông toàn thể ý niệm kiểu ấy xuống, dùng cái tâm thanh tịnh trì danh hiệu Phật thì sẽ có thể tiêu diệt, cho nên chẳng cần lo ngại! Điều đáng lo ngại là tâm địa xen tạp ngoại tông (đường lối tu tập của ngoại đạo), và muốn đắc thần thông ngay lập tức v.v.. Trước giờ Ngọ chẳng phát, sau giờ Ngọ sẽ phát, đó là do khí ban đêm trấn định, khí ban ngày rối ren mà ra. Nhưng đối với công phu thiền định thì Quang trọn chẳng thật sự tu, đối với

nguyên do của cảnh giới trong khi tĩnh tọa cũng chẳng thể biết tường tận. Đấy chẳng qua là dựa theo lý để phán định đó thôi!

Thư trả lời hai vị cư sĩ Khang Ký Dao và Trịnh Tử Bình

Ngày mồng 10 nhận được thư của Vương Nhất Đình, nói trong ngày mồng 6 đã đem 3.000 đồng do Quang trích ra; sau đó quyên mộ được thêm 500 đồng, 200 đồng của thầy Chân Đạt, 300 đồng của Tôn Nguyệt Tam, bản thân ông Vương Nhất Đình và Hoàng Hàm Chi mỗi người quyên 500 đồng, tổng cộng là 5.000 đồng, chuyển khoản cho ông Tống Tử Tài của Nghĩa Nguyên Hậu. Lại còn năm tiệm thuốc như Nghĩa Nguyên Hậu v.v., mỗi tiệm bỏ ra 100 đồng, tổng cộng là 5.500 đồng đem chuyển đi để cứu tai nạn gấp cháy mày. Khoản tiền của Hoa Dương Nghĩa Chẩn[25] thì đợi cho tới khi phân hội ở Thiểm Tây gởi điện tín tới thì sẽ lại bàn bạc. Trên đây đều là lời của Nhất Đình. Do năm trước Vương Nhất Đình nhận được thư của Quang, không đầy mấy bữa sau Hoa Dương Nghĩa Chẩn Hội mở cuộc họp, Nhất Đình đem thư Quang gởi tới và thư của Tử Bình cho mọi người tham dự hội nghị xem. Mọi người trù tính khoản tiền cứu tế là mười vạn. Sau đó, Hoa Dương Thị đến đất Hỗ (Thượng Hải) cho biết đã trích ra năm vạn từ tiền thuế quan. Do vậy năm vạn còn lại vẫn chưa thể định. Do vậy họ cần gửi điện tín hỏi thăm tình hình. Đợi cho tới khi nhận được điện tín trả lời sẽ bàn bạc quyết định.

Hôm trước nhận được thư của thầy Chân Đạt, cho biết đối với 300 đồng của Tôn Nguyệt Tam sẽ lập biên lai riêng, vì ngại ông ta có lẽ nghi tiền bị lạc mất. Có lẽ nên viết một lá thư cảm tạ thì đúng lẽ hơn. Đối với 3.500 đồng của Quang hãy viết một lá thư gởi cho Quang, để tiện gởi cho các cư sĩ đã quyên tặng. Tuy

---

[25] Đây là một tổ chức từ thiện khá lớn đầu thời Dân Quốc, có tên gọi đầy đủ là Trung Quốc Hoa Dương Nghĩa Chẩn Cứu Tai Tổng Hội (China International Famine Relief Commission), có thành viên là người Hoa lẫn người Âu Tây. Tổ chức này tồn tại đến năm 1949. Nguyên khởi là sau trận hạn hán dữ dội vào năm 1920 tại Hoa Bắc, các tổ chức từ thiện ráo riết hoạt động, kết hợp với tổ chức Hồng Thập Tự Quốc Tế. Nhận thấy cần có một sự hoạt động chung để hoạt động cứu tế hiệu quả hơn, Hoa Dương Nghĩa Chẩn Hội đã ra đời vào tháng 11 năm 1921 tại Thượng Hải. Thành viên đa số là người ngoại quốc, người Mỹ chiếm đa số. Các thành viên người Hoa là những người đã tiếp thụ nền giáo dục Âu Tây. Trên cơ sở đó, năm 1928 đã thành lập Mỹ Quốc Hoa Tai Hiệp Tế Hội (China Famine Relief USA Inc) có trụ sở đặt tại Nữu Ước để làm quỹ từ thiện vận động quyên mộ tại Hoa Kỳ. Các hoạt động của hội rất đáng nể, họ đã góp phần kiến thiết đường xá và các công trình thủy lợi, như công trình chống lũ tại Hoàng Hà. Năm 1922, họ đã chi ra hơn năm mươi vạn Mỹ kim để cứu trợ nạn đói tại Thiểm Tây, đào kênh Kính Huệ tại Thiểm Tây để dẫn thủy nhập điền và chống lũ, giúp cho việc tưới tiêu hơn 50 vạn mẫu đất tại vùng Quan Trung. Người có công lớn nhất là ông Oliver J. Todd (thường được người Hoa gọi là tiên sinh Tháp Đức). Ông này là tổng công trình sư của các công trình thủy lợi của hội.

họ chẳng ngờ vực Quang, nhưng nhận được thư cảm tạ ấy thì họ sẽ càng sanh lòng hoan hỷ. Trong thư chỉ viết cư sĩ Diệp Đức Quảng 300 đồng, Trinh Tịnh Am Chủ 100 đồng, cư sĩ Hương Đào 300 đồng, Bị Khứ Hiên 100 đồng. Đối với thầy Chân Đạt và Tôn Nguyệt Tam nên viết hai thư, một phong thư gởi sang chùa Thái Bình ở Trần Gia Tân, Thượng Hải, giao cho hòa thượng Chân Đạt, thư cho Nhất Đình thì gởi đến nhà ông ta. Quang vốn chẳng muốn dùng loại thủ tục này, nhưng do thầy Chân Đạt gởi thư có nhắc đến, tợ hồ làm như thế thì mới là thỏa đáng. Do người ta đã giúp nhiều tiền, kẻ lo liệu công việc há tiếc công bút mực ư? Nếu đã nhận được tiền, đã gởi biên lai đi, chẳng ngại lại gởi thư cảm tạ.

Đối với chỗ ông Vương Nhất Đình, hãy nên dùng lời lẽ cảm kích, tán thán, huống chi ông ta lại còn đề nghị, trù tính. Dẫu có thể trù tính hay không, chẳng thể quyết định; nhưng một niệm tâm từ của ông thì đáng khiến cho kẻ khác cảm phục chẳng quên. Các ông trọn chẳng hiểu chuyện! Trong lúc nạn gấp, cầu cạnh người khác, viết thư cho người ta mà chẳng đề tên, chỉ dùng danh nghĩa các hội viên của hội Phật giáo để thỉnh cầu. Nếu chẳng cầu cạnh người ta thì sẽ dùng cách viết ngạo mạn đến cỡ nào? Quang gởi thư cho Nhất Đình còn dùng chữ "khấu đầu", do cầu người ta gấp rút cứu tế, họ lại phải tốn hao tâm tư. Vì chuyện này mà Nhất Đình đã qua lại giúp đỡ mấy lượt, gởi thư cho Quang năm sáu lần. Thư của hai ông, Nhất Đình đều gởi cho Quang xem, thấy hai ông nhất loạt chỉ ký tên là hội Phật giáo. Nhất Đình hỏi đang giao tiếp với ai, Quang bèn nói với ông ta là Ký Dao và Tử Bình, đều là người lo việc cho hội Phật giáo.

Thư trả lời cư sĩ Kim Huệ Sướng

Nhập đạo có nhiều môn, chỉ Tịnh độ là bậc nhất. Tông yếu Tịnh độ chỉ có ba pháp tín, nguyện, hạnh mà thôi. Tổ Liên Trì dạy người khác tham cứu (tức tham cứu câu "người niệm Phật là ai?") là vì thuở ấy Tông môn quá thịnh, chẳng làm như thế thì sợ người ta sẽ cho là một tông khác lạ, chẳng chịu tu. Lại cũng do ngài muốn dẫn dắt, khuyên dụ người trong Tông môn đều tu niệm Phật tam-muội. Vì dẫn dắt ai nấy đều tu niệm Phật tam-muội nên ngài Ngẫu Ích đề xướng "chẳng cần tham cứu", do pháp niệm Phật chẳng chú trọng khai ngộ. Nếu cầu khai ngộ, có thể sẽ gác bỏ tín và nguyện ra ngoài. Nhưng niệm đến mức cùng cực cũng có thể khai ngộ, dẫu chẳng ngộ thì cũng không trở ngại. Dù ngộ đến mức cùng cực mà nếu chẳng có tín nguyện, vậy chắc chắn khó vãng sanh. Vì thế, đại sư sợ mọi người mắc phải khuyết điểm ấy, bèn dạy cứ thẳng thừng niệm.

Trước kia ông nghiên cứu Lý học, chưa hiểu rõ lời nói của các Nho gia thuộc về thế đế, cho nên coi đó là pháp tắc, đối với việc phát huy tâm tánh đến mức cùng cực vẫn còn mờ mịt. Họ (Tống Nho) vay mượn Phật pháp, lại muốn lập dị

với Phật pháp, đến nỗi trở thành tự mâu thuẫn. Đấy đều là vì tri kiến môn đình nặng nề, bị lầm lạc bởi tình kiến hư vọng mong được đời sau thờ phụng trong thánh miếu (miếu thờ Khổng tử).

Người hiện thời phần nhiều tôn sùng ngoại đạo, do ngoại đạo đều có pháp bí truyền. Thật ra, tuy ngoại đạo có trăm ngàn vạn loại, nhưng chỉ có một đạo "luyện đan, vận khí" mà thôi. Đấy là pháp thuộc loại bảo dưỡng sắc thân, chẳng phải là đạo liễu sanh thoát tử. Huống hồ các danh tự [do các phái ngoại đạo sử dụng], phần nhiều tương tự với chuyện dâm dục. Kẻ hư vọng bèn do đó mà tạo thành nghiệp Vô Gián, đáng đau xót thay!

Kinh Kim Cang và Lăng-nghiêm được chú giải rất nhiều, mỗi vị chú giải đều có sở trường, nhưng xét theo phía người sơ cơ, bản chú giải của ngài Tông Lặc khá đơn giản rõ ràng. Nghĩa lý Lăng-nghiêm được chú giải thấu triệt nhất thì chỉ có bản Văn Cú[26]. Văn từ rõ ràng nhất chỉ có bộ Chỉ Chưởng[27]. Trộm nghĩ pháp Tịnh độ là chỗ quy túc của các pháp, chúng ta nương theo để lợi mình, lợi người khác, sao trước hết chẳng nghiên cứu đến mức cùng cực, chẳng còn ngờ vực nữa thì sẽ chẳng bị dao động bởi hết thảy kinh giáo hoặc lời lẽ của bậc tri thức? Cứ hời hợt nghiên cứu các kinh điển khác thì càng nghiên cứu sẽ càng coi Tịnh độ là tầm thường. Nếu trước hết hiểu biết nguồn cội của Tịnh độ, rồi nghiên cứu các kinh luận khác, thì càng nghiên cứu càng thấy Tịnh độ cao sâu.

Đối với chuyện nữ sắc, người tại gia cố nhiên chẳng chú trọng đoạn dục, nhưng cần phải tiết giảm. Nếu coi chuyện ấy như chuyện cơm nước bình thường thì cũng phạm lỗi, nhưng nhẹ hơn so với tà dâm một chút. Nếu có thể tiết dục thì đối với chính mình, đối với vợ, đối với con cái đều có lợi ích to lớn chẳng thể nghĩ bàn. Hoặc mỗi năm, hoặc mỗi quý (ba tháng), hoặc một tháng hành phòng một lần, dựa theo tánh tình của chính mình và vợ để hạn chế, thì đối với chuyện tu đạo, thờ phụng tổ tông đều có lợi ích to lớn. Bởi người ít dục sẽ có nhiều con, con cái mập mạp, ít bệnh, tánh tình thuần thục.

Văn Sao bản mới và Thọ Khang Bảo Giám sẽ đều trong tháng 10 hoặc 11 có thể ra sách, An Sĩ Toàn Thư có thể ra sách vào dịp Trung Thu. Hễ có sách sẽ gởi cho ông mấy phần. Quang bận bịu cùng cực, chớ nên thường gởi thư tới. Ông chỉ cần đọc kỹ Văn Sao, sẽ đối với giới hạn, duyên do giữa Thiền và Tịnh, Phật lực

---

[26] Tức sách Đại Phật Đảnh Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ-tát Vạn Hạnh Thủ-lăng-nghiêm Kinh Văn Cú của tổ Ngẫu Ích gồm mười quyển.

[27] Tức Thủ-lăng-nghiêm Chỉ Chưởng Sớ (còn gọi là Lăng-nghiêm Tân Sớ) do ngài Phật Điển sớ giải, ngài Thông Lý giảng giải thêm. Sách được viết vào đời Thanh, do ngài Phật Điển bất đồng ý kiến với đại sư Giao Quang khi duyệt đọc bộ Lăng-nghiêm Chánh Mạch.

và tự lực to nhỏ, khó dễ, cũng như đạo tiết dục, bảo vệ thân thể, trị gia, yên đời đều có pháp để tuân theo, ngay cả tâm sự (những điều mong mỏi) của các vị Tống Nho cũng có thể nêu tỏ.

Thư gởi cư sĩ Lý Khổ Thật

Quang ngày 17 tháng 7 xuống núi, ngày 28 tới Hàng Châu, ngày 30 tháng 8 từ Hàng Châu sang đất Hỗ (Thượng Hải). Thấy thư ông gởi ngày mồng 2 tháng 8, khôn ngăn hổ thẹn. Chỉ vì thư từ hơn một tháng và sự việc được sai phái phải làm chồng chất, chẳng rảnh rỗi để trả lời. Ông đã xem Văn Sao, sao chẳng nương theo những gì Văn Sao đã nói để vâng giữ luân thường, trọn hết bổn phận, tín nguyện niệm Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện để hành trì, cứ muốn đến Phổ Đà xin xuống tóc với tôi? Ông có biết tôi là kẻ như thế nào hay không? Tôi chính là khách tăng từ phương xa, sống bám vào chùa của người khác, sao có thể thu đồ đệ? Ông đã từng đọc thư tôi gởi cho Chu Quần Tranh trong Văn Sao rồi chứ?

Ông biết thời cuộc hiện nay là thời như thế nào không? Các chốn đều muốn xua đuổi tăng ni, tịch thu tài sản của chùa chiền (sợ đã trở thành chuyện giống như ở Quảng Châu trước kia, nguy hiểm tột bậc), hiện thời đã nguy ngập cùng cực! Ông muốn đến núi xuống tóc là đã bỏ sanh lộ, tìm đường chết để đi. Đó là ngu muội tới mức như thế ấy. Ngàn vạn lần chớ đến núi! Hễ đến núi, Quang quyết chẳng tiếp xúc với ông. Vì lẽ nào vậy? Do ông chẳng biết tốt xấu, chẳng nghe theo lời khuyên trung thực, trò chuyện với nhau chẳng có giá trị gì hết. Ông hãy buông xuống cái tâm cuồng vọng, hành xử theo thực tiễn, chiếu theo những điều tôi nói trong phần trước mà hành. Dùng đó để tự lợi, lại còn nhờ đó mà lợi ích người khác, chắc chắn có thể mang nghiệp vãng sanh. Ông chẳng thấy kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật dạy "hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, tâm từ chẳng giết, tu mười nghiệp thiện" chính là chánh nhân tịnh nghiệp của ba đời chư Phật ư? Ông cho rằng "xuất gia sẽ dễ tu hành", đấy chính là cái tâm né tránh. Giả sử ông thật sự xuất gia, lại phát hiện có các loại phiền não khác, vẫn chẳng dễ tu hành. Hễ buông xuống được sẽ thông suốt; chẳng buông xuống được sẽ chẳng thông! Ông có biết hay chăng?

Thư trả lời pháp sư Giới Trần

Nhận được thư, khôn ngăn đau lòng than thở. Phật giáo bị diệt đều do người có chức trách với pháp đạo tham danh lợi, chuộng quyền thuộc đông đảo. Toàn thể những chuyện hoằng pháp đều là nền tảng ngấm ngầm khiến cho pháp bị diệt. Như cho xuống tóc tràn lan, truyền giới tràn lan, cho nhập chúng tu học tràn lan.

Họ cho rằng ba chuyện đó là hành đạo, là hoằng pháp, chẳng biết đều là lạm dụng, đến nỗi chân tăng ngày càng ít, tăng sĩ bại hoại ngày càng đông. Hiện thời những loại tăng sĩ hổ mang, phường hạ lưu, không ai chẳng là tỳ-kheo đã thọ đại giới. Huống hồ Phật pháp ở Hà Nam chỉ có chùa miếu và kẻ nam người nữ trọc đầu. Vì thế, hạng người như thế mắc phải ương họa bất ngờ ấy cũng là do tình thế khiến thành ra như vậy. Bài văn của Thượng Phùng thật là thiết thực, xác đáng, hãy đem gởi qua bưu điện. Dẫu họ chẳng nghe theo thì cũng có thể biểu lộ cái tâm hộ pháp của các vị. Không chỉ Hà Nam là như thế, mà Hoàng Nham, Vĩnh Khang và huyện X… cũng như tại Thái Thuận của tỉnh Chiết Giang, chánh quyền đã nhất trí tổ chức tiến hành tịch thu tăng sản, phá hủy thần tượng. Hơn mười ngày trước, thầy Thâm Nghi tại chùa Tam Phong thuộc thành Thái Thuận đã sao lục các công văn của họ đem gởi tới. Quang cho là đại kiếp đã xảy đến, không có cách nào, đem các công văn của họ gởi trả lại. Nếu như các vị thâm tâm hộ pháp, thì chẳng ngại đem thư này trình lên chánh phủ.

Thư trả lời nhân sĩ ở Thiên Tân

Nhận được thư, được các vị đại cư sĩ ưu ái, mong Quang đến Thiên Tân, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Cảm tạ các vị, nhưng Quang trọn chẳng thể đến Thiên Tân, vì Quán Âm Tụng chưa hoàn tất, Văn Sao, Thọ Khang Bảo Giám còn chưa sắp xếp xong. Trong khoảng giữa tháng 4, tôi sẽ đến đất Thân (Thượng Hải) lo liệu, hiện thời so với hồi tháng 2 đã ổn thỏa hơn đôi chút. Trong tháng 2, nguy ngập gần như lật nhào. Nay các tỉnh đều lập hội Phật hóa, tạm thời vẫn còn có thể duy trì, nhưng cảnh tượng trong tương lai vẫn chẳng thể dự định. Mong hãy nói với các vị cư sĩ trong và ngoài liên xã: Hãy nên sốt sắng niệm Phật, niệm Quán Thế Âm để có sự chuyển dời ngấm ngầm. Trừ niệm Phật cầu gia bị ra, chẳng còn có cách tốt lành nào nữa!

Thư trả lời cư sĩ Mã Hương Thụy

Mấy hôm trước nhận được thư, biết cư sĩ gần đây đạo tâm chân thật, thiết tha, khôn ngăn hoan hỷ. Nói đến chuyện tu tịnh nghiệp thì chỉ là nhất tâm cầu sanh Tây Phương, chẳng mong hết thảy phước báo trời người trong đời này hay trong đời sau. Phàm các kinh chú trì tụng, cũng như hết thảy các loại công đức, bất luận lớn nhỏ, đều dùng công đức ấy hồi hướng vãng sanh thì tâm chẳng có hai niệm. Phàm hết thảy đọc tụng, lễ bái và các thiện hạnh đều trở thành trợ hạnh cho Tịnh độ. Chánh hạnh niệm Phật cộng thêm các thứ công đức bổ trợ, sẽ như thuyền gặp gió thuận, lại căng cao buồm, một ngày đi ngàn dặm, mau chóng đến bờ kia. Điều đáng tránh là tâm và miệng chẳng tương ứng, [nếu tâm và miệng chẳng tương

ứng] thì hết thảy thiện hạnh chỉ đạt được hư danh trong hiện thời, chẳng có cái quả liễu sanh thoát tử thật sự. Dẫu đạt được phước lạc trời người trong đời sau, do hưởng phước nên nhất định sẽ tạo đại ác nghiệp. Tới khi mạng chung sẽ vĩnh viễn đọa vào địa ngục, vạn kiếp khó thoát ra. Buồn thay! Do vì lẽ ấy, chư Phật chư tổ đều khuyên chúng sanh cầu sanh Tây Phương.

Lại nữa, cư sĩ khá tôn trọng pháp luyện đan, cực lực tu tập. Nếu muốn chuyên tu tịnh nghiệp và dạy người khác, ắt cần phải bỏ loại công phu ấy đi, tận tình vứt bỏ. Nếu vẫn còn bị lời lẽ của bọn luyện đan mê hoặc, nói là "tánh mạng song tu" thì mới có thể thành đạo như kiểu Huệ Mạng Kinh[28] v.v., coi Phật pháp là tà pháp, coi tà pháp là Phật pháp, tức là cùng uống đề-hồ cam lộ và tỳ sương trấm độc, muốn đạt được pháp thân huệ mạng chẳng bị vĩnh viễn chết mất, chôn vùi, sẽ chẳng thể được! Đã đề xướng Tịnh độ, khuyên khắp đại chúng, ắt phải hiểu tà chánh rõ ràng, ngõ hầu chẳng cô phụ tâm ý hướng về của chính mình lẫn người khác. Pháp niệm Phật ai nấy đều có thể tu trì tại gia, chẳng bắt buộc phải tham dự liên xã. Chỉ mong khắp vì đại chúng, nương theo giáo nghĩa của pháp môn Tịnh độ để khéo léo khơi gợi, hướng dẫn, khiến cho hết thảy nam nữ ai nấy trọn hết chức trách, giữ vẹn luân thường, vâng giữ bổn phận, kèm thêm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Có thể như thế, sẽ sống là lương dân, mất rồi sẽ dự vào hải hội. Há có phải chỉ riêng người xuất gia có thể đề xướng, còn người khác chẳng thể đề xướng ư? Nếu chẳng thể chú trọng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, cư xử thực tiễn, siêng ròng tu tập tịnh nghiệp, dẫu cho hội viên vượt quá trăm ngàn vạn người thì cũng chỉ là quyến thuộc của ma tung hoành, đúng là gây phiền lụy cho Phật pháp.

Pháp do hai vị cư sĩ Âu Dương Tiệm (Âu Dương Cánh Vô) và Mã Nhất Phù đã lập, người bình phàm trọn chẳng thể học được. Dẫu học mà có sở đắc, vẫn chẳng phải là pháp liễu thoát ngay trong một đời, vì là pháp tự lực tu giới định tuệ, đoạn hoặc chứng chân hòng liễu sanh thoát tử, thuộc về pháp tu chứng theo đường lối thông thường trong Phật giáo, chẳng phải là pháp giúp cho bọn phàm phu đầy dẫy triền phược nương theo từ lực của Phật để thoát khỏi tam giới theo chiều ngang. Chỉ nên nương theo kinh luận, ngữ lục Tịnh độ để thực hành tu trì pháp "tín nguyện niệm Phật" là được rồi. Các pháp môn khác chẳng thích hợp căn cơ, chẳng cần phải bàn đến.

---

[28] Huệ Mạng Kinh là sách dạy về thuật luyện nội đan, tức dùng vận khí, hô hấp và tĩnh tọa để đả thông kinh mạch, thành tựu nội đan với ước vọng trở thành tiên. Sách do Liễu Hoa Dương biên soạn, tự xưng là thu thập tinh hoa của tam giáo, nhưng những điều nói trong đó toàn là xuyên tạc danh từ Phật giáo để chỉ các cách luyện đan. Chẳng hạn họ gọi đỉnh đầu là *nê hoàn cung*, tức là dùng danh xưng nê hoàn (niết-bàn) để chỉ một bộ vị trên thân thể.

Trong cõi đời có kẻ tin sâu Phật pháp, lại muốn vãng sanh, nhưng đối với chuyện ăn thịt vẫn chưa thể hoàn toàn buông xuống, chính là vì chẳng thấu hiểu sâu xa lời Phật, cũng như do chẳng thấu hiểu sâu xa duyên do của tâm mình và tâm chúng sanh. Nếu đối với lời Phật, tâm mình và tâm chúng sanh, mỗi mỗi đều thấu hiểu, sẽ không chỉ chẳng chịu ăn, mà tôi sợ rằng dẫu kẻ khác dùng dao sắc bức ép người ấy ăn cũng chẳng thể ăn được. Bài sớ tu bổ ao phóng sanh ở Nam Tầm của Quang đã nói về lý ấy khá cùng tận, nếu có thể hằng ngày đọc mấy lượt và suy nghĩ kỹ càng từng ý nghĩa, mà vẫn cứ coi trọng ăn thịt thì chẳng có lẽ ấy! Bốn lượt "sa bà ha" cuối chú Đại Bi là lời truyền tụng sai ngoa bởi tri kiến thế tục, chớ nên tuân theo!

Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Thật (thư thứ nhất)

Tánh tình của ông là hoàn toàn chẳng chịu lo toan nơi bổn phận. Các điều ông lo toan đều vượt ngoài lý, cho nên đến nỗi điên đảo, lầm loạn, lại còn lôi kéo người khác điên đảo, lầm loạn theo. Nếu Quang chẳng hiểu lý, tán thành chuyện của ông, sau này ông có chửi bới dữ dội Quang là "hạng tri thức mắt mù" hay không? Từ nay về sau, hễ làm việc gì chẳng được, đều bỏ mặc đó thì sẽ không gì chẳng an lạc. Trần Thành đã phát tâm quy y, hãy nên bảo ông ta thực hành chuyện thuộc luân thường, cũng như tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu chẳng uổng đời này, chẳng phí hoài gặp gỡ lần này. Nay đặt pháp danh cho ông ta là Huệ Thành (慧誠), đã chân thành thì sẽ có trí tuệ, lòng thành ấy cũng to lớn vậy. Phàm khởi tâm động niệm, hễ có gì chẳng đúng pháp thì đều chẳng phải là chân thành, huống huệ thành ư? Nói theo nghĩa nông cạn gần gũi, huệ thành chính là "dứt vọng, sáng tỏ lẽ chân". Nói sâu xa hơn, nếu chẳng đoạn vọng chứng chân thì chắc chắn chẳng phải là huệ thành rốt ráo. Mà pháp đoạn vọng chứng chân chỉ có Tịnh độ là hữu ích nhất, vì thế hãy nên sốt sắng tu trì. Mong hãy nói với ông ta thì may mắn lắm thay!

Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Thật (thư thứ hai)

Nhận được thư, do mới tới Thượng Hải, mọi chuyện đều cần phải lo liệu, chẳng rảnh rang để phúc đáp ngay. Ngày hôm qua tôi mới viết xong bài tựa cho bộ Học Phật Cương Yếu của cư sĩ, do danh xưng ấy quá cao, xét theo ý của cư sĩ, bèn đổi tên thành Sơ Cơ Học Phật Trích Yếu, đem tên gọi trước đó ghi chú phía dưới tựa đề. Trong lời tựa, tôi có nêu bày đại lược để người đọc biết sách ấy là tác phẩm do ông Tiểu Thuyên biên tập. Lệnh huynh là Vân Giai đã sanh lòng tin, muốn quy y, nay đặt pháp danh cho ông ta là Huệ Chân (慧真), ngụ ý: Dùng trí tuệ chân thật để tu trì tịnh nghiệp hòng lợi mình lợi người. Vương Trường Lâm

có pháp danh là Huệ Lâm (慧林), ngụ ý: Trí tuệ sum suê như rừng rậm, sẽ có thể che rợp cả mình lẫn người cùng đạt được cái quả chân thật. Tôi gởi kèm lời tựa theo thư, mong hãy sao lại cẩn thận, đừng để sai ngoa. Ước chừng tháng 10 Quang mới về núi, ông muốn đến đất Hỗ sẽ có thể gặp gỡ. Nếu muốn cùng tới Phổ Đà thì chỉ sợ khó gặp dịp thuận tiện, do Quang bận chuyện in sách, cần phải xong việc mới trở về được, chẳng thể tùy ý đi lại. Tôi viết điều này để mong ông xét kỹ. Mong ông nói với anh mình và Vương Trường Lâm hãy tận lực dựa theo Văn Sao để tu trì, những điều khác chẳng cần phải nói nữa.

Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Thật (thư thứ ba)

Thư ông và hối phiếu 30 đồng đều đã nhận được, đừng lo! Sơ Cơ Học Phật Trích Yếu nay đã sắp xếp xong, chẳng lâu sau sẽ ấn hành, sách in xong sẽ gởi đến. Bản này dùng phông chữ số ba[29] để sắp chữ. Tôi lại muốn sắp chữ bộ Học Phật Thiển Thuyết theo phông chữ số ba, trong tương lai sẽ ghép thành một bộ. Sách Văn Sao chẳng còn mấy (tôi đã sớm bảo Công ty ấn loát Chiết Giang ở Hàng Châu in ra, nhưng họ do có nhiều chuyện vụn vặt, tuy bản kẽm đã đúc xong từ lâu nhưng tới nay vẫn chưa thể in). An Sĩ Toàn Thư đã chẳng còn, Gia Ngôn Lục chưa in ra. Nay tôi gởi Quán Âm Tụng, Thọ Khang Bảo Giám, Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, Di-đà Kinh Bạch Thoại Giải, Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam, Tam Thánh Kinh (Tịnh Độ Tam Kinh), Giới Sát Phóng Sanh Bạch Thoại Văn, Long Thư Tịnh Độ Văn, Nhìn Thấu Suốt Thế Giới, Niệm Phật Trực Chỉ Phật v.v. bao nhiêu bộ đó. Ngày mai ông chủ Hoàng sẽ đến, nếu có thể chuyên chở thì sẽ thừa dịp gởi nhiều hơn một chút để làm tài liệu cho chỗ duyệt kinh và tùy duyên thí tặng. Các anh họ của ông như Liên Phủ v.v. muốn quy y, tôi sẽ đặt pháp danh cho mỗi người, mong hãy chuyển lời đến họ. Liên Phủ pháp danh là Huệ Triệt (慧徹), Hoạn Tử Ngọc pháp danh là Huệ Ôn (慧溫), vợ ông Trần Huệ Thành pháp danh là Huệ Cung (慧恭), chị dâu của ông ta là bà Mã có pháp danh là Huệ Thục (慧淑), Lục Bí Thị pháp danh là Huệ Chương (慧章). Hãy nên nói với họ: Ai nấy đều phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành thì mới là đệ tử thật sự của đức Phật. Các điều khác được nói tường tận trong Văn Sao, chẳng cần phải viết cặn kẽ ở đây!

Thư trả lời cư sĩ Quách Giới Mai

Thư nhận được đầy đủ. Quang vốn là tăng nhân chỉ biết cơm cháo, vô tri vô thức. Nếu muốn chuyên tu tịnh nghiệp thì vẫn có thể dùng những điều cổ nhân đã

[29] Nguyên văn "tam hiệu tự", tương đương với font size 16 trong Microsoft Word.

đề xướng để tuyên nói. Nếu muốn thông suốt rộng khắp Tông lẫn Giáo, sẽ chẳng biết chi hết, chỉ sợ cô phụ lòng mong mỏi của ông. Nhưng ông cùng với lệnh thê đã muốn quy y, chẳng ngại tạm dùng lầm đáp lỗi, đợi cho tới khi vợ chồng ông gặp gỡ bậc cao tăng, sẽ vứt bỏ kẻ ngu theo về bậc trí. Nay đặt pháp danh cho cư sĩ là Huệ Chấn (慧震), ý nói: Sẽ vì mọi người mà tuyên nói nhân quả, luân lý và pháp môn Tịnh độ. Ví như đang ngủ say mê mệt, bỗng nhanh chóng tỉnh giấc, từ trong đường mê mà biết nẻo về, để tương xứng với cư sĩ lúc sống đã được trống pháp vang rền thức tỉnh. Lệnh thê có pháp danh là Huệ Ý (慧懿), nghĩa là đức hạnh hiếu thảo, hòa thuận, từ bi, hiền hòa, giúp chồng dạy con. Lại dùng pháp môn tín nguyện niệm Phật để tự hành, dạy người khác, trở thành bậc thầy gương mẫu cho nữ giới, là bậc mẫu nghi trong chốn khuê khổn (閨閫)[30], dùng huệ để phù tá đức, cho nên là Huệ Ý. Xin hãy nhìn vào danh mà nghĩ tới nghĩa, sẽ có thể đích thân được lợi ích thật sự trong Phật pháp. Những điều khác được nói tường tận trong Văn Sao, ở đây chẳng ghi cặn kẽ.

Thư gởi cư sĩ Tiền Thành Thiện

Nay có cư sĩ Lý Trí Chương ghi danh mua báo Hải Triều Âm, mong tòa soạn dựa theo thời hạn mà gởi báo. Tất cả các điều khoản về chi phí mua báo xin trực tiếp liên lạc với ông ta, chẳng cần Quang phải dính vào. Thư tôi gởi kèm theo xin đăng trên tờ Hải Triều Âm để khơi gợi, phát khởi tín tâm của người niệm Phật. Hiện thời thiên tai nhân họa ngày càng nhiều, nếu có thể chí thành trì niệm Phật hiệu và danh hiệu Quán Âm, không ai chẳng liền được cảm ứng. Chuyện ấy rất nhiều, Quang một mực lười viết lách. Nếu mỗi chuyện đều chép ra, sẽ thành một quyển sách to.

Thư gởi pháp sư Nhân Sơn

Hôm qua nhận được công văn từ các tự viện ở Dương Châu, khôn ngăn hoảng sợ! Quang suốt đời sống nhờ tự viện của người khác, nay đã sắp chết chẳng lâu, nào dám đảm nhận trách nhiệm nặng nề ấy. Pháp sư Tường Thụy đã có thể hoằng dương, diễn giảng tông Hiền Thủ, há chẳng thể hoằng dương Tịnh độ ư? Pháp môn Tịnh độ lý cực sâu mầu uyên áo, sự cực bình thường, chỉ cần nương theo sự tướng để nghiêm túc tu trì, cho đến khi nghiệp tiêu trí rạng, chướng hết phước cao, lý sâu chẳng cầu mà tự đạt được. Nếu chẳng dốc sức nơi sự tu, dẫu nói đến mức trời trút xuống bốn loại hoa[31], đất sáu thứ chấn động, vẫn là nói suông, chẳng

[30] Khuê khổn là từ ngữ chỉ nơi ở của nữ giới. Từ ngữ này cũng được dùng để chỉ nữ giới.
[31] Bốn loại hoa do chư thiên tuôn xuống để cúng dường người thuyết pháp như kinh Pháp Hoa đã nói: mạn-đà-la, ma-ha mạn-đà-la, mạn-thù-sa, ma-ha mạn-thù-sa.

có lợi ích thực tế cho mấy. Chuyện này chỉ cần chịu phát tâm là có thể hoằng dương, chẳng cần sai khiến Quang là kẻ chất phác, ăn nói vụng về, bất tài xen vào đó ư? Mong các hạ phát lòng từ bi to lớn, khéo từ tạ giùm tôi. Nếu không, tôi sẽ trốn ra ngoài biển khơi để khỏi lầm lạc đại sự của người khác. Mong thầy hãy nói cặn kẽ nguyên do với các vị tại các chùa ở Dương Châu thì tôi sẽ cảm kích suốt đời!

Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa

Quân tử đối với thiên hạ chẳng thân, chẳng sơ, chỉ chú trọng cân nhắc điều nghĩa. Đem tiền phóng sanh để giúp cứu trợ tai nạn, tức là chuyển khoản tiền tài cứu giúp chỗ "sơ, nhẹ" để cứu vớt chỗ thân thiết, quan trọng, cấp bách. Nhân quả cố nhiên là có, nhưng chẳng đến nỗi do vậy mà bị tội. Năm Dân Quốc 13 (1924), Hoàng Hàm Chi nhận chức Đạo doãn, quyên mộ để lập vườn phóng sanh. Sau khi vùng Giang Chiết (Giang Tô - Chiết Giang) nổ ra cuộc chiến, ông ta bèn thôi làm chuyện ấy. Ông Phùng Mộng Hoa biết ông ta còn có khoảng tiền lập vườn phóng sanh mấy ngàn đồng, bèn gởi thư cho Quang, bảo Quang khuyên ông ta dùng khoản tiền ấy để cứu trợ dân chúng gặp tai nạn. Quang cực lực khuyên ông ta chuyển món tiền ấy sang cứu trợ. Ông ta gởi thư cho pháp sư Đế Nhàn, nêu nguyên do. Sư Đế Nhàn trách ông ta lầm lạc nhân quả, ông ta bèn gởi thư của thầy Đế Nhàn cho tôi. Quang biện luận nhân quả cố nhiên là có, nếu nói là *"Diêm-la lão tử giáng tội trừng phạt"*, Quang nguyện chịu thay! Chuyện ấy mới chẳng đến nỗi bỏ lửng giữa chừng.

Người phóng sanh gần đây phần nhiều chẳng hiểu đạo lý phóng sanh, mang tiếng là "phóng sanh", nhưng thật sự chẳng đạt được lợi ích do phóng sanh. Do công bố rầm rộ chuyện phóng sanh, khiến cho kẻ bắt các sanh vật càng bắt nhiều hơn. Vì vậy Quang chẳng tán thành định kỳ phóng sanh. Đối với Tây Hồ, nếu chẳng phải do kẻ chẳng thông hiểu sự vụ đề xướng khôi phục ao phóng sanh, sao đến nỗi tiêu phí oan uổng một vạn mấy ngàn đồng tịnh tài, nhưng vẫn khiến cho bao nhiêu sanh mạng mắc phải tai ương chẳng được cứu vớt. Thiết tha mong ông hãy sốt sắng khuyên mọi người kiêng giết, ăn chay, so với khuyên kẻ khác gom góp tiền bạc phóng sanh mà vẫn cứ ăn thịt như cũ, trọn chẳng giảm bớt, thì lợi ích sẽ nhiều hơn. Quang đã 69 tuổi, việc thù tạc ngày càng nhiều, tinh thần ngày càng giảm, nếu chẳng ẩn cư lâu dài thì sẽ tổn hại cho chính mình, vô ích cho kẻ khác, há có thể nói vì nguyên do "pháp yếu, ma mạnh" ư? Đó là thân phận của bậc dựng cao pháp tràng, Quang nào dám tiếm phận, trộm lấy danh nghĩa ấy?

Thư gởi Tông Nguyệt và Hiển Lượng

Quang thuộc loại tăng nhân chỉ biết cơm cháo, vì thế ăn nói tầm thường, nhạt nhẽo, chẳng có gì lạ lùng. Nhưng hai vị muốn bảo khắp những người cùng hàng để họ sanh khởi chánh tín, dùng lời lẽ nông cạn để khế cơ khế pháp, quả thật khéo hợp thời cơ, lợi ích rất sâu. Hiện thời cõi đời đã loạn đến cùng cực, do mọi người đều nghĩ chẳng có chuyện nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi. Do vậy tổn người lợi mình, thương thiên hại lý, giết cha giết mẹ, các tà thuyết phế bỏ kinh điển, phế trừ luân thường đều được đề xướng, chỉ sợ con người khác biệt cầm thú, mong cho ai nấy đều nhất loạt giống hệt cầm thú. Ngay trong lúc này chỉ có đề xướng "nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi" là phù hợp cơ nghi nhất. Nếu đàm luận những chuyện huyền diệu, sợ rằng thính giả chẳng hiểu. Nếu hiểu lầm thì sẽ là tổn hại vô ích vậy!

Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như

Chắc thư tôi gởi lần trước ông đã nhận được, mong hãy chuyển cho các vị Trương, Trần, Triệu v.v.. Trong tháng Chạp năm ngoái Quang bị bệnh hơn mười ngày, do vậy hủy chuyến đi Hương Cảng. Hiện thời bệnh đã lành, chẳng bao lâu sẽ sang Tô Châu tự chôn sống (ẩn cư). Ngày hôm qua đã nhận được món tiền 11 đồng do bà Trương Huệ Khoách quyên góp in sách thay cho con gái là Sư Chiêu, xin hãy nhắn tin cho bà ta giùm. Còn đối với Tích Châu, hễ tiện dịp gặp mặt cũng xin ông nói giùm. Tất cả các chuyện bế quan, nhất loạt do hòa thượng Chân Đạt và đồ đệ của sư là thầy Minh Đạo lo liệu, ông chẳng cần phải bận tâm. Quang năm nay đã tròn bảy mươi, cũng chẳng mong sống lâu trên đời. Nếu mấy năm nữa vẫn chưa chết, và có sở đắc to lớn, có thể sẽ xuất quan. Nếu không, cho đến hết đời này, cũng chẳng xuất quan, để tránh tự lầm, lầm người. Hiện thời muốn cho hết thảy mọi người được lợi ích, trừ phi đề xướng giáo dục gia đình và nhân quả báo ứng, quyết chẳng có hiệu quả to lớn. Phật pháp và pháp thế gian muốn được tiến hóa thì đều chẳng ra ngoài hai pháp ấy. Những kẻ tuy đàm luận huyền diệu, bác bỏ sự tu, đúng là sẽ tăng trưởng tà kiến "chấp không", không chỉ vô ích mà còn gây hại.

Thượng Hải có xà phòng chay[32] do Quang đặt làm, tôi đã bảo gởi mấy rương cho Tích Châu để chia ra tặng cho những người cùng chí hướng. Lại mong sẽ đề xướng tiến hành, đó cũng là đầu mối để ngăn cản giết chóc vậy.

Thư gởi về quê nhà

[32] Tức là loại xà phòng nấu bằng dầu thực vật. Thuở đó tại Trung Hoa đa số xà phòng nấu bằng mỡ động vật.

Thưa bảo trưởng thôn Đông và Tây, các vị hương lão, và các vị bác, chú, anh, em.

Từ bé Ấn Quang khá chẳng biết tự lượng, muốn làm kẻ sĩ trong phái Lý học, bèn lậm sâu chất độc Trình, Chu, Hàn, Âu, may là có túc nhân, đến nỗi bệnh tật nhiều năm. Tuy chẳng phải nằm mọp trên giường không dậy nổi, nhưng gây trở ngại to lớn cho học vấn. Về sau bỗng tự biết trước đó sai trái, bèn trong năm Quang Tự thứ bảy (1881) xuất gia làm tăng mong tiêu ác nghiệp, báo đền ân của lịch đại tổ tông và cha mẹ. Năm Quang Tự 12 (1886), từ Trường An đến núi Hồng Loa ở Bắc Kinh. Năm Quang Tự 19 (1893) sang chùa Pháp Vũ ở Nam Hải Phổ Đà Sơn. Chủ nhân chùa ấy do thấy Quang thích yên tĩnh, chẳng tham duyên đời, bèn cho ở trong nhàn liêu, trừ hai thời lên chánh điện tụng niệm ra, trọn chẳng làm một chuyện gì, tùy ý xem kinh, niệm Phật. Trên núi có người biết Quang có thể viết lách, bèn đem việc này nọ nhờ vả. Viết xong trọn chẳng dùng tên mình, mà đề tên người ấy, hoặc dùng tên giả. Vì thế suốt 20 năm qua rất yên vui, suốt năm chẳng có ai đến gặp, chẳng có ai gởi thư.

Tới năm Dân Quốc thứ sáu (1917), Vương Ấu Nông ở huyện Tam Nguyên (tỉnh Thiểm Tây) đem một lá thư in ra mấy ngàn bản, Từ Úy Như đem ba lá thư in ra mấy ngàn bản, dần dần lâm vào cảnh khổ! Năm sau, Từ Úy Như lại ấn hành Văn Sao. Từ đấy về sau, một người đồn đãi hư huyễn, vạn người truyền nhau thành thật, thư từ qua lại, mỗi tháng trên cả trăm lá. Lại do Quang chẳng tự lượng, chí mong lợi lạc mọi người, sắp đặt, khắc in các loại kinh sách, suốt nhiều năm trọn chẳng có lúc nào rảnh rỗi. Năm Dân Quốc 17 (1928), các đệ tử ở Hương Cảng thỉnh Quang sang sống tại Hương Cảng, tính năm kế đó sẽ đi. Vì thế rời khỏi Phổ Đà, tạm ngụ trong chùa của bạn bè tại Thượng Hải. Năm Dân Quốc 18 (1929) do chỉnh lý bộ Lịch Sử Thống Kỷ nên chẳng thể đi. Trong mùa đông do mệt nhọc quá sức, bị bệnh nhẹ, bạn bè ngăn trở không cho sang Hương Cảng, bảo hãy bế quan tại chùa Báo Quốc ở Tô Châu. Tháng 4 năm Dân Quốc 19 (1930) vào quan phòng (bế quan).

Do nghe quê ta hạn hán, đói kém, đem 1.600 đồng giao cho cán sự của Hoa Dương Nghĩa Chẩn Hội, tức là Dương Huệ Mậu, đệ tử quy y của tôi, đích thân tặng cho thôn ta. Ông ta quay về huyện Phù Phong cũng có thưa trình đôi chút, chưa biết làm như thế nào, Quang cũng chẳng hỏi đến chuyện ấy. Tháng Giêng năm nay Phước Vân và Vĩnh Quý đến Tô Châu, nhờ họ mà tôi biết thôn ta điêu linh khó chịu đựng nổi, khôn ngăn đau lòng. Hỏi tới Tam Phân Từ Đường, họ cho biết trong từ đường đã lập trường học, đặt tên là Ấn Quang Học Hiệu. Học sinh trong thôn Đông và thôn Tây đều học tại đó, Trí Kiệt làm thầy dạy.

Họ lại cho biết, ngoài cửa từ đường dựng ba gian nhà mới, đặt tên là Thánh Lượng Hội. Hạ bảo trưởng của thôn đặt mấy cái bàn để người khác ăn tiệc tại đó. Vì căn nhà ấy do người của hai thôn Đông và thôn Tây bỏ tiền ra dựng, cho nên Hạ bảo trưởng của hai thôn Đông và thôn Tây, hễ có công việc phải bàn bạc đều đến Thánh Lượng Hội. Quang hỏi: "Sao hai thôn Đông và Tây mỗi nhà đều bỏ tiền để dựng công quán trong Tam Phân Từ Đường của dòng họ nhà tôi, ăn thịt uống rượu, bàn công việc mà lại đặt tên là Thánh Lượng Hội?" Họ nói: "Khoản tiền cứu trợ 1.600 đồng trong năm Dân Quốc 19 (1930) chia đều cho các gia đình ở hai thôn, chừa lại một phần mười, tức là 160 đồng, lập một căn nhà trước từ đường của thầy để làm phòng làm việc cho hai thôn Đông và Tây. Vì món tiền ấy do pháp sư cứu tế mà có, cho nên dùng pháp danh của pháp sư để đặt tên." Quang nghe xong khôn ngăn thở dài, bảo: "Sao thôn ta lại nảy sanh cách làm như thế? Tôi dùng 1.600 đồng để cứu tế hai thôn. Hai thôn rút ra một phần mười tiền cứu tế để dựng nhà trong từ đường của dòng họ tôi, dùng làm nơi tiệc tùng, bàn việc, bảo là họ tự lập, lại còn đặt tên là Thánh Lượng Hội. Tức là 1.600 đồng của Thánh Lượng tôi đã dẫn đến chuyện hai thôn Đông Tây chiếm đất từ đường của dòng họ tôi. Tội của tôi quá lớn!"

Nhưng tôi là người học Phật, chẳng chịu tranh chấp với người khác. Do vậy, chuẩn bị chi phiếu 200 đồng giao cho các vị Phước Vân v.v. cầm về. Đến nhà liền thông tri cho mọi người ở hai thôn, đến miếu Thành hoàng bàn chuyện, giao cho bảo trưởng, các vị hương lão v.v. để hoàn lại tiền xây cất, lập tức xóa bỏ danh mục Thánh Lượng Hội. Ngoại trừ chỗ để học trò hai thôn học hành ra, những thứ khác đều chẳng chấp thuận. Trường học do người Tam Phân chịu làm việc công ích mà lập ra, chẳng thể nói ngôi từ đường ấy thuộc về cuộc đất của trường học hai thôn được. Biện pháp như thế, nếu hương lão hai thôn chấp thuận, may mắn nào bằng! Nếu cố chấp, chẳng thay đổi, tôi sẽ mời hai vị lão tiên sinh rất có thể diện gởi thư uyển chuyển khuyên nhủ, mong họ xem xét kiến nghị của Quang. Chắc các vị chẳng thể không nể mặt hai vị lão tiên sinh. Chuyện đã ắt phải là như thế, dường như có lẽ nên bớt việc thì hay hơn, chẳng cần phải kinh động hai vị ấy, giảm bớt chuyện nhọc nhằn đôi bên thư từ qua lại với nhau. Bất luận quý vị có đồng ý hay không, Phước Vân, Vĩnh Quý v.v. chẳng được tranh chấp với mọi người, chỉ gởi thư thông báo tình hình cho tôi. Cách vừa nói trên đây chính là cách để duy trì thế đạo. Nếu có thể thực hiện phương cách duy trì thế đạo thì tốt lắm. Nếu không, tôi liền hành theo pháp "Bồ-tát xả thân mạng để thỏa mãn ý nguyện của chúng sanh", sẽ hướng về đại chúng hai thôn đảnh lễ, sám hối, thưa: "Thánh Lượng tội lỗi, xin hãy rủ lòng tha thứ, đem chuyện này vứt ra ngoài biển Đông, nhất loạt chẳng hỏi đến nữa." Viết ra điều này, xin quý vị hãy xét soi!

Thư trả lời cư sĩ Triệu Trí Vân (thư thứ nhất)

Trước hôm ông gởi thư đến ba ngày, bảo trưởng và hương lão đã gởi thư đến, cho biết họ đã dẹp Thánh Lượng Hội, 200 đồng dùng làm quỹ cho trường học, ba gian phòng ngoài cửa đã giao cho từ đường. Chuyện này nếu không có ông đến, sẽ vĩnh viễn là chốn công sở để uống rượu ăn thịt! Lòng người quá xấu, đến nỗi tai họa liên tiếp. Nay ruộng lúa mạch không mong thu hoạch được, vẫn cần mọi người cùng niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát để cầu mưa ngọt mau tuôn xuống. Nếu không, nước ao đã không có, nước giếng cũng giảm, sẽ chết khát. Nếu thật sự chí thành thì sẽ có mưa để mong sớm gieo trồng vụ mùa thu, vẫn chưa đến nỗi vụ mùa thu chẳng trông mong được. Nếu không, đã hai năm mất mùa, người ta dựa vào đâu để sống sót?

Trong ngày 13, tôi đã bảo Hoằng Hóa Xã gởi mười gói Văn Sao. Mỗi gói gồm hai bộ, vẫn chưa đủ một bưu kiện, do vậy kèm thêm một quyển Liễu Phàm Tứ Huấn. Sách ấy văn lẫn lý viên mãn tột bậc chu đáo, là sách mà hết thảy mọi người đều nên đọc kỹ. Hôm trước Trí Tuấn cũng gởi thư đến, nói cha ông ta từng tu tập theo ngoại đạo, trước kia ông ta cũng học theo. Về sau đọc các kinh sách do tôi gởi, bèn chẳng học pháp ấy nữa, nhưng hãy còn qua lại, hãy nên dần dần xa lìa. Hiện thời giá giấy đắt tột bậc, giấy in sách báo lúc rẻ nhất là 2 đồng 3 cắc một xấp (một xấp gồm 506 tờ), nay đã hơn 5 đồng, mà giá mỗi ngày một tăng vọt lên. Hãy nên quý trọng gìn giữ kinh sách. Nếu không, mai sau sợ chẳng đủ sức có được nữa. Đối với người được tặng sách, hãy nên nói lời này, lại cần phải cung kính chớ nên khinh nhờn!

Thư trả lời cư sĩ Triệu Trí Vân (thư thứ hai)

Gởi sách là do thư cục Quốc Quang, sao lại nói là thư cục Phật Học? Quốc Quang là chỗ ấn loát, nhận gởi sách cho người nhận là chức trách chánh yếu của tiệm họ, chẳng phải chịu ơn, sao lại cảm tạ họ? Ông đã quy y, hãy nên xưng là "đệ tử". "Hậu học" là từ ngữ xưng hô thông thường, chẳng phải là không dùng được, nhưng đó là từ ngữ chung chung, chẳng thiết thực, không đúng chuẩn mực. Thời sự ngày càng sai lệch, hãy siêng niệm Phật. Nếu chẳng có chuyện tột bậc quan trọng, chớ nên gởi thư. Chẳng lâu sau nữa sẽ có Viễn Công Văn Sao, sẽ gởi cho mỗi vị một gói. Do sách ấy người bình phàm chẳng thể đọc, cho nên chỉ gởi cho hai thôn, mỗi thôn một gói. Người học Phật tâm phải chất trực. Lời ông đã nói trước đây gần như chẳng thật. Nếu phạm lỗi ấy, hãy nên sửa đổi; nếu không, càng thêm cố gắng!

Thư trả lời cư sĩ Triệu Trí Vân (thư thứ ba)

Các thư ông đã gởi, tôi đều nhận được, hết sức an ủi! Làm người nên biết đủ, mọi việc chớ nên toan tính quá phận. Ông nói muốn dựng Tam Thánh Đường để làm chỗ căn bản hòng tự hành, giáo hóa người khác. Chẳng biết dân quê ta, mười nhà thì chín nhà trống rỗng, khuyên ai bỏ tiền công đức để thành tựu chuyện ấy được ư? Một là ông chẳng biết thời cuộc gian nan, hai là chẳng biết Quang là người như thế nào. Ý ông muốn Quang đứng ra quyên mộ, chẳng biết từ trước tới nay Quang chưa hề mở miệng kêu gọi quyên góp. Do vậy chẳng trụ trì chùa miếu, chẳng thu đồ đệ. Nếu ai có tín tâm cúng thí khoản tiền nào thì hoặc là in sách, hoặc cứu trợ tai nạn, trọn chẳng tích cóp, để mong khi chết, ngoại trừ quần áo, chăn mền thường dùng, chẳng có vật gì đáng giá. Chẳng mong khiến cho kẻ sử dụng tài vật mà tôi đã tích lũy, chửi tôi là con quỷ tham lam! Vốn biết quê tôi và người nhà tôi chẳng biết Phật pháp và tăng hành xử như thế nào, cho nên chẳng dám thư từ qua lại. Sợ chẳng biết tình đời, họ đường xa tìm đến, chẳng biết đối xử như thế nào? Đi về phải tốn mấy chục đồng. Dẫu hoàn lại lộ phí cho họ, họ đã chịu thiệt thòi lớn, mà tôi cũng chẳng có sức làm chuyện ấy. Quang là một tăng nhân nghèo nàn, sao có thể bày ra chuyện đó để tự hại, hại người!

Năm ngoái do Trương Trí Giáp cho biết đã mở Niệm Phật xã, cho nên gởi sách, ngõ hầu họ biết lợi ích chân thật của Phật pháp, chẳng đến nỗi xen lẫn ngoại đạo vào Phật pháp. Chuyện gởi sách có lẽ có thể tiếp tục gởi, còn bất cứ chuyện nào khác đều chẳng thể giúp tiền hay tán trợ được. Tăng nhân chẳng biết pháp, thường dùng tiền bạc của thập phương thí chủ để nuôi nấng kẻ tục gia. Đó là hành vi của hạng người thô tục trọc đầu, là chủng tử địa ngục. Nếu mong mỏi Quang làm chuyện ấy, còn quá đáng hơn xem Quang là kẻ chẳng đáng nửa đồng!

Niệm Phật đường là chỗ đề xướng. Bình thường niệm Phật, hãy nên ai ở nhà nấy. Không chỉ chẳng phải bôn ba, mà còn chẳng lỡ làng công việc. Nếu không có chỗ kha khá, thì miếu Quan Đế ở ngoài cửa Đông, hoặc miếu Thành Hoàng trong thôn, hoặc từ đường của dòng họ, hoặc từ đường của chi họ, mỗi tháng một hoặc hai lần, tuyên nói đại lược đề xướng. Ngoài ra, ai nấy tự niệm Phật tại nhà mình sẽ tốt hơn nhiều! Cứ ắt muốn dựng đền miếu rồi mới siêng năng tu hành, tức là chẳng biết lẽ thật trong tu hành, chính là hành vi của kẻ chỉ cốt phô trương cái danh. Huống hồ hiện thời là lúc khẩn bách, nhận được tiền công đức, gặp chuyện khó khăn riêng, chẳng thể không dùng. Dùng rồi chẳng có cách nào hoàn lại, sẽ trở thành lỗi lầm to lớn.

Tôi từng nghe người già cả nói: Trong tộc họ của tôi, có ông X… trong thuở thái bình thời Đạo Quang - Hàm Phong, đã quyên mộ người giàu có trong Triều Ấp để xây cất Ngọc Cục Quán gồm chừng đó tòa điện đường, lại còn dựng Khôi

Tinh Lâu. Rốt cuộc Ngọc Cục Quán chỉ là một ngôi miếu nhỏ, Khôi Tinh Lâu chính là nơi đầu tường phía Đông của sân khấu bèn xếp mấy mảnh ngói thành Khôi Tinh Đường. Khoản tiền đóng góp ấy đều dành cho chính mình sử dụng. Về sau cả nhà ấy chết sạch. Tiền tài của mười phương chỉ có người đạo đức có thể nắm giữ. Nếu không, khó tránh khỏi gây nên thói tệ, chuốc lấy tai họa.

Quán Âm đường ở phía Đông xã ta bị giặc Hồi Hồi[33] đốt trụi, mấy năm sau mọi người đề xướng trùng tu, thầy phong thủy nói: "Xây cao thì chẳng có lợi phương Đông, nhưng có lợi cho phương Tây." Mời cha tôi và một vị lão nhân ở thôn Tây trông coi chuyện ấy. Ông ta nghe lời thầy phong thủy, cực lực muốn xây cao. Chẳng đầy một năm, ba đứa con của ông ta chết mất một. Đã thế, con dâu trong nhà nhảy xuống giếng tự tử. Muốn lợi cho phương Tây mà đâm ra phương Tây mắc họa, bất lợi cho phương Đông mà rốt cuộc phương Đông chẳng sao! Do vậy, biết mọi sự đều phải tuân theo lẽ công, chớ nên xen tạp ý riêng tư, xen tạp ý riêng sẽ khó đạt được kết quả tốt.

Năm Quang Tự 23 (1897) gặp trận đói lớn, ở Hợp Dương, phàm là người đọc sách lo liệu việc cứu tế, không ai chẳng vướng thói tệ. Sau trận đói năm ấy, người tố cáo có đến hơn 42 chỗ. Thôn ta cũng thế (mọi người ồn ào, nhưng chưa tố cáo). Chỉ có ở thôn Tây chẳng mời người đọc sách lo liệu. Một ông lái buôn già họ Ngỗ đã nghỉ hưu lâu ngày tại nhà, [đảm nhiệm việc cứu tế], trọn chẳng có mảy may thói tệ nào. Hễ nhận được gạo cứu trợ liền chia ngay, trọn chẳng giữ lại. Triều Áp cũng thế, chẳng có người đọc sách nào không vướng thói tệ. Một người buôn bán lo liệu cứu tế cũng giống như ông Ngỗ ở thôn Tây. Có thể thấy là thói đời, hễ hơi có quyền thế sẽ cậy thế hiếp đáp người khác. Hai người không vướng thói tệ ấy, chẳng phải là thật sự hiểu biết nhân quả, biết tội phước, mà là do không có quyền thế cho nên chẳng dám làm. Hễ làm, sẽ bị kẻ khác công kích, cho nên đạt được tiếng thơm. Do ông trẻ tuổi, có sức lực, sau này chắc sẽ được giao phó chuyện này nọ, cho nên tôi nói sẵn lẽ lợi hại vậy.

---

[33] Hồi Hồi là một sắc dân thiểu số ở Trung Hoa. Sắc dân này từ thời Đường vốn có tên là Hồi Hột (tức là cách phiên âm của chữ Uighur, nay phiên âm là Duy Ngô Nhĩ). Họ sống ở lưu vực Tây Bắc Hoàng Hà cho đến Sơn Tây, nhưng tập trung đông nhất tại Cam Túc, Thiểm Tây và Tân Cương. Họ vốn là hậu duệ của sắc dân Đột Quyết (Türklär) hỗn huyết với các sắc dân Mông Cổ, Ả Rập v.v.. Họ theo đạo Hồi, nên gọi là Hồi tộc, hay Hồi Hồi. Điểm phân biệt là tuy theo đạo Hồi, họ sử dụng tiếng Hán, và phần lớn tuân theo truyền thống văn hóa Hán tộc ngoại trừ các truyền thống của đạo Hồi (như không ăn thịt lợn, phục sức theo kiểu Hồi giáo). Thậm chí phụ nữ Hồi Hồi cũng bó chân giống như người Hán cho đến năm 1948 mới thôi. Trong khi đó, người Uighur tuy cũng theo đạo Hồi, nhưng có ngôn ngữ riêng cũng như tập tục văn hóa khác biệt, cho nên không được xếp vào tộc người Hồi Hồi. Loạn Hồi Hồi là cuộc khởi loạn người Hồi tại vùng Cam Túc và Thanh Hải vào năm 1895 do sự tranh chấp giữa hai giáo phái Sufi của đạo Hồi.

Thư gởi Tề Dụng Tu (thư thứ nhất)

Nhận được thư, do bận bịu cùng cực cho nên phúc đáp chậm trễ, hết sức tạ lỗi! Tôi gom góp hơn 700 chữ thành bài tựa về Xung Điền Phân Xã, nhưng rốt cuộc chẳng thể nói rõ về Phật quang. Mong ông hãy thỉnh lệnh sư là cư sĩ Dịch gọt giũa, ngõ hầu chẳng đến nỗi gai mắt người nhã. Tôi đã đọc bài thơ họa vận của thầy Dịch, ông ta nói tính ghép chung lại [nguyên xướng và bài họa cùng một chỗ trong bản in], sợ chẳng dễ thực hiện! Nếu thợ chưa xếp chữ tới phần đó, sẽ ghép sau các môn. Nếu thợ đã sắp chữ xong, chỉ đành xếp vào sau sách.

Các hạ túc căn sâu dày, nếu dùng công phu mười năm, sẽ có thể tự giương cao ngọn cờ trong Phật môn. Nếu thoạt đầu liền quy y với một ông tăng chỉ biết cơm cháo, há chẳng trở thành một chuyện nuối tiếc to lớn suốt đời ư? Vì thế chẳng dám vội vàng làm thầy quy y cho các hạ. Đã nhận được trước tác kỷ niệm mừng thọ mẹ của ông, ba mươi bài thơ mừng thọ rất hay. Lại nữa, Quang đã 71 tuổi, do đời trước ít vun bồi, tinh thần lẫn mục lực đều chẳng đủ. Thầy Đức Sâm tuy tuổi chưa già, tinh thần cũng khá suy nhược. Nay đang có Tịnh Độ Thập Yếu, Viên Tịnh lại muốn sắp chữ bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Ông Hứa Chỉ Tịnh biên soạn bộ Phật Học Cứu Kiếp Biên cũng chấp thuận giao cho Quang giảo chánh, đối chiếu rồi sắp chữ giùm. Đối với văn tập của thầy Dịch, không chỉ Quang chẳng có học thức ấy, mà cũng chẳng có tinh thần để thực hiện. Mong ông hãy chớ gởi đến để khỏi bị chậm trễ!

Thư gởi Tề Dụng Tu (thư thứ hai)

Bài văn về Phật Quang Phân Xã, ý nghĩa tợ hồ có thể chấp nhận được, nhưng văn từ khá vụng về, chất phác. Thế mà thầy Dịch và ông đều cho là hay, chắc là vì lòng yêu thương, dẫu văn chương chẳng hay vẫn cho là hay! Nói đến chuyện quy y, rất sợ sau này ông sẽ hối hận, cho nên chẳng dám đáp ứng. Nay ông nhắc lại, chỉ đành đem lầm đáp lỡ, đợi đến khi ông biết chắc chắn là sai, chẳng ngại coi tôi là người qua đường. Hoặc bảo ngược lại tôi hãy tôn ông làm thầy thì cũng chẳng phải là không thể. Nay tôi đặt pháp danh cho ông là Huệ Mậu (慧懋), ý nói dùng trí tuệ để tự khích lệ chính mình, khích lệ người khác, ắt mong sao ai nấy đều giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng hành các điều thiện, sanh tín phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Nếu có thể thực hành như thế sẽ chẳng cô phụ sự giáo hóa của đức Phật, chẳng phụ linh tánh của chính mình, hướng dẫn cả một làng, làm kim chỉ nam cho hàng hậu học, may mắn chi hơn?

Pháp môn Tịnh độ được gọi là "pháp khó tin". Xưa kia có pháp sư giảng kinh Hoa Nghiêm, mắng học nhân phát tâm niệm Phật là chủng tánh kém hèn! Gần đây nghe nói một pháp sư cũng giảng kinh Hoa Nghiêm, nghe chuyện có vị học nhân giảng Tâm Kinh cho thiện tín xong, lại cùng họ niệm Phật một lượt. Vị pháp sư ấy nói: "Ông đã làm giám đốc ngân hàng, sao lại đi bán đậu tẩm ngũ vị hương?" Trộm nghĩ: Ý thầy ấy cho niệm Phật cũng là chuyện nhục nhã to lớn lắm! Chẳng phải là Quang thích nói chuyện thị phi, mà là mong ông hãy khăng khăng một dạ làm theo hạnh tu trì của ngu phu ngu phụ, ngõ hầu chẳng đến nỗi vì nhân lành mà chuốc lấy quả ác, đáng thương, đáng xót lắm thay!

Thư trả lời Chu Tễ Quang

Nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Quang ăn nói chẳng nên hồn, sao có thể nêu tỏ đức hạnh cao đẹp của lệnh từ? Nhưng do thời cuộc hiện thời căm ghét hiếu thảo, cố nhiên chẳng thể không phụ họa chuyện đề xướng hiếu đạo, hòng cứu vãn phần nào thói tục xấu ác. Ghép 128 chữ thành bài ca tụng đức hạnh cao đẹp của cụ, chẳng biết có thể xếp cùng văn chương mênh mông của các bậc thông gia hay không? Phận làm con báo đáp cha mẹ hãy nên giữ lấy những điều chánh yếu, mong ông đừng chú trọng bày vẽ, chỉ thêm tốn kém. Hãy tiết giảm chi phí để làm chuyện từ thiện, công ích, không chỉ lợi ích to lớn cho mẹ lẫn chính mình, lại còn có thể mở mang phong thái, khiến cho khách khứa đến chúc tụng cũng đều được gieo phước, bắt chước làm theo. Hai bài văn số 5 và số 9 chữ quá nhỏ, mắt già khó xem được. Hơn nữa, những điều nói trong ấy, tôi chẳng biết, xin chớ gởi nữa!

Trộm cho rằng: Phàm muốn lập quốc, lập gia, đều phải nên dốc sức từ căn bản. Nếu chẳng tin tưởng đạo đức, tín nghĩa, nội chiến hằng ngày dấy lên, sẽ do đâu mà khống chế ngoại nhân? Nước ta suy yếu đến mức này, nói chung là do những kẻ nắm quyền chỉ lo theo đuổi hư danh. Hễ bị ngoại nhân dùng lợi dụ dỗ, ắt quốc gia, con cháu đều chẳng đoái hoài, chỉ ưa thích mối lợi. Do vậy đến nỗi hết thuốc chữa, suy yếu cùng cực đến nỗi nước hèn, dân nghèo. Chẳng vun bồi tín nghĩa, đạo đức, mà mong báo thù nỗi sỉ nhục, cứ khích động cái tâm quyết liệt, có khác gì xúi dân tay không, chân trần xông vào trận địa rừng đao, đất gai ư? Quang là kẻ xuất gia, vốn chẳng có tư cách bàn đến quốc sự. Bất quá do các hạ chẳng chê bỏ là phường ngu muội, chẳng ngại thổ lộ nỗi niềm chất chứa, cũng vốn là lòng ngu thành mong cầu thái bình vậy.

Nay kính gởi Văn Sao một bộ, Quán Âm Tụng bốn bộ để đáp tạ lòng quan hoài cao đẹp, cũng như thay cho lời chúc tụng. Lệnh từ đã ăn chay trường nhiều năm, kiền thành thờ phụng đức Quán Âm, càng phải nên đem pháp môn Tịnh độ

thường vì cụ khuyên nhủ, hướng dẫn, mong sao cụ tín, nguyện, hạnh mỗi mỗi đều đầy đủ vẹn toàn, để rồi năm nào hết tuổi thọ sẽ dự vào Liên Trì hải hội, thường gặp gỡ Di-đà, Quán Âm. Đó là đạo rốt ráo để vinh hiển và báo đền cha mẹ.

Các hạ đã có tín tâm, cố nhiên hãy nên dốc sức ở chỗ này. Các chuyện khác đều là chuyện thuộc về thế đế, xét theo thân, tâm, tánh mạng của cha mẹ đều chẳng liên quan cho mấy. Thành tựu cha mẹ được sanh về Tịnh độ tức là thành tựu cho cha mẹ thành Phật. Nếu cha mẹ thành Phật, chính mình ắt sẽ được nhiếp thọ. Trong Văn Sao của Quang có nói các chuyện cần nên biết khi cha mẹ còn sống, khi cha mẹ lâm chung và sau khi cha mẹ đã khuất. Mong hãy lắng lòng đọc, chưa hẳn là chẳng có lợi ích gì!

Thư gởi Mã Sĩ Hoằng

Người sống trong thế gian hãy nên ai nấy trọn hết bổn phận, bổn phận chính là "cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, vợ chồng hòa thuận, chủ nhân từ, tôi tớ trung thành". Mỗi người tròn hết bổn phận ấy, hoặc làm được hơn quá nửa. Phàm những gì thuộc về bổn phận của mình ắt cần phải chăm chú tròn hết bổn phận của chính mình. Người đời chẳng nói đến đạo lý "trọn hết bổn phận", vì vậy thiên tai nhân họa nối tiếp nhau dấy lên. Ai nấy đều trọn tình, trọn hết bổn phận, thiên hạ sẽ thái bình. Các bổn phận đều dễ trọn hết, chỉ có bổn phận của người làm cha mẹ nhiều người chẳng biết, cho nên mới tạo thành hiện tượng rối loạn trong hiện tại. Nếu người làm cha mẹ, khi con cái vừa bắt đầu hiểu biết liền dạy con đạo "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", và lý "nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi", con cái chắc chắn trở thành hiền nhân, thiện nhân. Phàm những đứa hung hăng mù quáng quấy rối và kẻ ác cường đạo, thổ phỉ từ đâu mà ra vậy? Lũ mù quáng quấy rối, cường đạo, thổ phỉ, tuy là tội của chính chúng nó, nhưng thật ra là vì cha mẹ của chúng nó chẳng biết đạo làm cha mẹ. Do đó đã biến tư chất "có thể thành bậc hiền thiện" của con cái trở thành trộm cướp! Ai mà chẳng có cha mẹ? Ai không có con cái? Chớ nên nghĩ nuông chiều con cái quen thói kiêu ngạo là thương con; dạy cho con đạo đức mới là lòng từ.

Nay cõi đời đã loạn cùng cực, ông làm y sĩ ắt quen biết nhiều, hãy nên thường bàn chuyện "khéo dạy con cái sẽ có thể đạt tới thái bình", ắt công đức sẽ to tát. Nếu ông thật sự có thể khéo dạy con cái, thanh danh của gia đình ông chắc chắn sẽ vang dội. Thứ nhất là cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, ngăn tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng hành các điều thiện. Các điều khác dễ biết, chỉ có chuyện bổn phận của người làm cha mẹ thì lắm kẻ chẳng biết! Vì thế tôi nói cặn kẽ trước. Ông hãy gắng công thì mới đáng là đệ tử đức Phật.

Nay đặt pháp danh cho ông là Đức Hoằng (德弘), hàm ý mang tâm tự lợi, lợi ích người khác. Phàm chuyện gì có thể làm, bèn tận lực làm; đối với chuyện chẳng có sức làm, hãy nên khiến cho cái thiện tâm ấy phát sanh, tăng trưởng. Chỉ phát tâm thiện, cũng có công đức. Ắt cần phải dùng thuốc men thế gian để trị thân bệnh cho người khác, dùng pháp dược của đức Phật để trị tâm bệnh của họ, và trị các bệnh do oán nghiệp mà thuốc men chẳng thể chữa trị. Gặp bệnh do oán nghiệp thì hãy dạy họ đổi ác hướng lành, kiêng giết phóng sanh, ăn chay niệm Phật, nghiệp lực tiêu ắt bệnh tự lành. Đấy là cách càng thử càng thấy hiệu nghiệm!

Y sĩ chẳng chuyên trọng tiền tài, sẽ tự có thể tích đức. Có hạng chủng tử địa ngục chuyên nghĩ tới tiền, bệnh nhẹ ắt khiến cho nặng hơn hòng có thể vơ vét, cầu lợi. Thầy thuốc kiểu đó, đời sau chắc chắn chẳng thể làm thân người! Hơn nữa, Tây y hễ gặp người bệnh nặng ăn chay, ắt bác sĩ sẽ bắt họ (bệnh nhân) ăn mặn. Tới chừng ăn mặn, bệnh nặng thêm, bác sĩ vẫn chẳng thay đổi phương châm. Loại người ác ấy đời sau chắc chắn thành loài động vật thỏa thích bụng miệng của kẻ khác. Ông đã làm nghề y thì hãy nên nghĩ tới điều này để vun bồi đức, há có nên do vậy mà tạo nghiệp ư? Các pháp tắc tu trì khác mong hãy đọc tường tận trong Văn Sao hay Gia Ngôn Lục, chẳng viết cặn kẽ ở đây.

Thư gởi cư sĩ Trương Cụ Nhụ

Tất cả các cảnh giới trong thế gian đều là vô thường. Mặt trời giữa Ngọ rồi sẽ chênh, trăng tròn rồi khuyết. Bờ cao thành hang, hang sâu thành vực. Biển xanh biến thành ruộng dâu, ruộng dâu thành biển xanh. Dân đen thành quan cao chức cả, quan cao chức cả trở thành thường dân. Đủ mọi nỗi cát hung họa phước đều đủ để tổn hại con người, mà cũng đều đủ để chu toàn con người. Không chỉ hung họa có thể tổn hại, mà phước lành cũng có thể tạo ích. Chỉ có bậc quân tử biết hành xử đúng theo địa vị, vui theo mạng trời, thì ở chỗ nào cũng đều đạt được lợi ích. Nếu không, chuyện gì cũng bị hao tổn! Vì thế sách Trung Dung dạy: *"Tố phú quý hành hồ phú quý, tố bần tiện hành hồ bần tiện, tố di địch hành hồ di địch, tố hoạn nạn hành hồ hoạn nạn"* (Ở trong cảnh phú quý bèn hành xử theo cảnh phú quý, ở trong cảnh nghèo hèn bèn hành xử theo cảnh nghèo hèn, ở nơi mọi rợ bèn hành xử theo hoàn cảnh mọi rợ, ở trong cảnh hoạn nạn bèn hành xử theo cảnh hoạn nạn). Ý chỉ của bốn câu ấy sâu lắm. Tiếc là người đời chẳng khéo hiểu, đến nỗi chẳng đạt được lợi ích. Nay tôi tiếm phận chú thích rõ ràng như sau: "Tố" (素) có nghĩa là "hiện tại", chẳng phải là hiểu theo ý nghĩa "cứ một mực như thế". Nay đang ở trong cảnh phú quý, hãy nghĩ người nghèo khó rất nhiều, phước tinh rất ít, ắt phải nghĩ phương cách cứu vớt kẻ khốn đốn và đói nghèo, hòng tạo hạnh phúc cho đồng bào, khiến cho người đời đều hưởng niềm hạnh phúc ấy, thì mới

có thể gọi là "hành hồ phú quý". Nếu kẻ phú quý chỉ theo đuổi tài lợi, cơm áo, để mong bản thân vinh hiển, con cháu dư dật, sẽ chẳng phải là đạo "hành hồ phú quý". "Hành hồ" (行乎) chính là ưu du tự tại, hợp với đạo nghĩa. "Tố bần tiện hành hồ bần tiện" chẳng phải là cứ một mực nghèo hèn, coi như lẽ dĩ nhiên, mà có nghĩa là kẻ một mực phú quý, bỗng dưng gặp họa, vụt trở thành nghèo hèn. Cố nhiên hãy nên nghĩ lui một bước, hãy nghĩ mình trước nay chưa hề phú quý, cái tâm sẽ thảnh thơi, giải thoát, trọn chẳng có ý niệm lo nghĩ, đau buồn, oán hận. Tức là gặp họa, trở thành nghèo hèn, vẫn là lợi khí hướng dẫn tốt lành thành tựu điều tốt đẹp cho người khác. Biết phú quý hay bần tiện đều do túc nghiệp hiện duyên mà ra, nhưng nghiệp do tâm tạo, cũng do tâm diệt. Chúng ta ở trong sanh tử luân hồi, ai có thể thường hưởng phước lành, chẳng gặp hung họa ư? Nhưng hung hiểm do nghiệp trong quá khứ cảm vời, ta hãy nên nghĩ vượt ra ngoài phạm vi của cát hung họa phước, vận dụng toàn thể đại dụng nơi tâm tánh vốn sẵn có của chính ta, làm một người hưởng an lạc dài lâu. Đó gọi là "liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh", chứng Phật tánh vốn sẵn có, thoát khỏi luân hồi huyễn vọng. Nhưng muốn được như thế, có rất nhiều cách tu. Mong tìm một cách dễ thực hiện nhất, dễ thành tựu nhất, không gì bằng niệm Phật cầu sanh Tây Phương là hay khéo nhất. Đã muốn vãng sanh Tây Phương, hãy nên chán các thứ nỗi khổ trong thế giới này. Nỗi khổ trong thế giới này nói chẳng thể tận! Cố nhiên trong thế giới này, khổ là khổ, mà lạc cũng là khổ, hãy nên vui thích các thứ lạc trong thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Đối với niềm vui nơi Tây Phương, hãy xem kinh Di-đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật sẽ tự biết. Đã sanh lòng tin thì phải nên phát nguyện lìa cảnh khổ này, vào cõi vui kia, giống như tù nhân mong thoát khỏi lao ngục, trở về quê nhà. Vì thế, trì niệm vạn đức hồng danh Nam-mô A-di-đà Phật để mong lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương. Cũng đem tất cả công đức do làm chuyện công ích trong thường nhật và thiện niệm "an phận, an vui trong cảnh nghèo, chẳng oán chẳng hờn" trong hiện thời dùng để hồi hướng. Cũng khiến cho người nhà, quyến thuộc đều suy nghĩ như thế, đều tu tịnh nghiệp. Tuy ở trong cảnh nghèo hèn, hoạn nạn mà vẫn vui với thiên chân của chính mình, tiến thẳng đến "chí đạo" (đạo cùng tột). So với kẻ gặp họa bèn sầu muộn, oán hờn, khiến cho thân tâm thường chịu khổ não thì khác biệt vời vợi há chỉ một trời một vực! Hai câu "tố di địch" và "tố hoạn nạn" có thể suy ra ý nghĩa, cho nên chẳng viết rõ.

Trong Văn Sao có phương pháp niệm Phật, cho nên chẳng viết cặn kẽ ra đây. Hãy nên đọc kỹ lá thư gởi cho Vệ Cẩm Châu trong Văn Sao. Đại sĩ Phó nói: *"Đắc như bổn hữu, thất như bổn vô"* (Được thì như vốn có, mất thì như vốn không).

Hai câu ấy hay khéo tột bậc! "Như vốn có" sẽ chẳng sanh vui mừng, "như vốn không" sẽ chẳng sanh ưu não. Cái tâm ấy chẳng chuyển theo cảnh, cho nên sẽ an vui. Chỉ là kẻ phú quý một mực quen thói phú quý vênh váo, một khi nghèo hèn sẽ cảm thấy mọi chuyện đều chẳng như ý. Hãy thử nghĩ khi xưa ta nghèo hèn, làm thế nào để sống sót? Dẫu ta từ lúc sanh ra đến nay luôn là kẻ phú quý, nhưng ông cha ta, khi xưa thuở chưa phú quý lại sống bằng cách nào? Dẫu cho sau khi đã phú quý, há nên quên cội gốc, liền muốn áo đẹp, cơm ngon, ở trong nhà cao, viện lớn, hô tớ gọi hầu, tùy thuận ý ta ư? Kẻ tiểu dân đầu tắt mặt tối suốt ngày còn khó no lòng, những người dân mắc tai nạn mong có vỏ cây, rễ cỏ đỡ lòng mà còn chưa được. Ta còn chưa đến nông nỗi ấy, hãy nghĩ tới nỗi khổ của họ, dẫu hằng ngày phải ăn gạo thô, người nhà tự nấu cơm, may áo, chẳng có kẻ hầu nào, cũng vẫn hưởng phước trời, niềm vui ấy chẳng thể thí dụ được. Đó là pháp môn mầu nhiệm nhất để *"tùy ngộ nhi an"* (dẫu gặp cảnh ngộ nào cũng vẫn an vui). Nếu chịu xét kỹ thì may mắn lắm thay!

Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật (thư thứ nhất)

(Do tạp chí bị thiếu trang, lá thư này chẳng đầy đủ)

…ăn đồ đã cúng. Điều này thuộc về tôn trọng Phật giới, cũng chớ nên quá chấp trước. Đối với chánh thần trong thế gian, chẳng ngại thuận theo tình lý thế gian để lễ bái, nhưng chớ nên thường lễ bái như đối với Phật, Bồ-tát. [Như thế thì đối với chuyện] ăn đồ đã cúng quỷ thần cũng sẽ hiểu trọn vẹn! Do sự bố thí ấy thuộc về làm phước. Nếu nói "nhất quyết chẳng thể ăn", như thế thì phẩm vật đã cúng tổ tiên, cúng thần đều vứt đi, trọn chẳng có lý ấy! Phật còn nhận thức ăn của con người, huống hồ người thọ ngũ giới chẳng thể ăn thực phẩm đã cúng cho quỷ thần ư? Kẻ thích Phật pháp mà chẳng coi trọng trì tụng, lễ bái thì đều thuộc về hạng nói suông vậy.

Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật (thư thứ hai)

(Đính kèm nguyên văn câu hỏi)

1. Hỏi: Bản thân đứa con trai cả do túc nghiệp, cũng do quan hệ di truyền với vợ chồng đệ tử, thiếu sự từ bi, hòa nhã, cố chấp dị thường! Con tính giao nó cho cư sĩ Giang Dịch Viên giáo hóa, nhưng bà nội kế của nó sợ đường xa, nếu bị bệnh tật sẽ không người chăm sóc, chẳng muốn cho nó đi. Vì thế nửa chừng phải bỏ dở. Đấy cũng là vì đứa con ấy bạc phước, chẳng sớm được bậc thiện tri thức hun đúc. Nhưng tâm nguyện đã phát, chắc sẽ có ngày được thỏa nguyện ư?

Đáp: Gởi đi xa theo Dịch Viên chẳng bằng tự dạy tại nhà tốt hơn! Mong hãy vĩnh viễn dứt bỏ ý niệm ấy. Đối với thói đời, Quang đã hiểu rõ. Ông đã khó dạy nó, Dịch Viên càng khó dạy hơn, vì chẳng dám nghiêm khắc quở trách. Nếu nó thật sự là đứa có căn khí, ở bên ngoài cũng thế, mà ở trong nhà cũng thế. Nếu không, ở bên ngoài chẳng bằng ở trong nhà, sẽ tốt hơn nhiều.

2. Hỏi: Ngạn ngữ nói *"gia phú bất như gia hòa"* (nhà giàu chẳng bằng nhà hòa thuận). Trong một nhà, đầu mối bất hòa bắt đầu từ vợ chồng, lan sang con cháu. Thói quen giận dữ, tranh chấp đã thành, thay đổi cực khó! Chỉ có cách cả nhà ăn chay trường, ngõ hầu huân tập lâu ngày, biến đổi xấu ác thành tốt đẹp. Trong nhà đệ tử, ngoài trừ đệ tử và đứa con gái lớn là hai người ăn chay trường, các đứa con khác vẫn chưa dám mười phần chẳng tuân theo. Nhưng do vợ đệ tử chẳng muốn trường trai, cho nên các con cũng đều ăn mặn theo, nếu vợ đổi sang ăn chay trường thì có thể cả nhà ăn chay. Lại nữa, đệ tử con cái đông đảo, tiêu dùng rất tốn kém, nhưng vợ chẳng biết đại thể, thường đến các phòng[34] đánh bạc. Mỗi tháng luôn lãng phí mười mấy đồng, lại còn khiến cho con cái bắt chước, con càng cảm thấy lo sợ. Đệ tử nhiều lần khuyên bà ta ăn chay trường, kiêng đánh bạc. Lại còn thường khuyên nhủ bà ta: "Nhà khác ít người, tiền bạc còn thong thả. Nhà ta đông con, tiền bạc ắt phải sớm lo liệu thì mới khỏi tan tác." Bà ta luôn chẳng nghe theo. Do vậy, con tính nói rõ với bà ta, từ nay nếu vẫn chẳng nghe lời, con sẽ bỏ mặc hết sạch việc nhà, ngầm lánh sang nơi khác. Hết thảy do bà ta tự chịu trách nhiệm! Chờ cho bà ta sửa chữa rồi mới quay về. Chủ trương như thế chẳng biết có được hay không? Kính xin thầy từ bi dạy rõ cho.

Đáp: Bọn họ chẳng thể đúng như pháp, một là cần phải dùng lời lẽ khuyên dụ, hai là cần đối trước Phật thay bà ta sám hối, mong được gia bị, khiến cho bà ta hồi tâm chuyển ý. Hãy nên tâm bình khí hòa, nói các chuyện như người phú quý do ham vui, buông lung, đến nỗi chịu khổ sở, người bần cùng do siêng năng, tiết kiệm mà được vui sướng v.v.. Hãy cứ rủ rỉ nói, lâu ngày chắc bà ta sẽ động tâm. Nếu nghiêm mặt, gằn giọng để nói ắt sẽ trở thành chống trái. Không chỉ là vô ích, mà bà ta càng sai trái thêm sâu. Hơn nữa, lời này chỉ nhằm đe dọa, chẳng phải là làm thật. Nếu ông thật sự bỏ đi, chẳng màng tới, ắt sẽ chẳng đầy một hai năm con cái chẳng được dạy bảo, chẳng thể nên người. Gia tư lẫn gia quy sẽ thất bại thảm

[34] "Các phòng" ở đây là nói theo các gia tộc lớn thuở đó. Tuy con cái đã lập gia đình, vẫn cùng sống trong một trang viên, thường xây theo kiểu tứ hợp viện, mỗi người có nhà riêng trong trang viên, hoặc các dãy phòng riêng dành cho gia đình và con cái, nhưng khi dùng cơm vẫn ăn chung với nhau. Nơi ở của con cả gọi là đại phòng, con thứ hai là nhị phòng v.v.. Cư sĩ Niệm Phật nói vợ "thường đến các phòng", tức là bà ta thường la cà sang phòng (nhà) các chị em bạn dâu để bài bạc, chứ thời đó phụ nữ nhà đàng hoàng không thể nào la cà nơi các sòng bạc (đổ phường) được.

hại! Sao ông lại nghĩ ra cách làm hỏng bét đến thế? Hãy vĩnh viễn đừng nói như thế, chỉ vận dụng hai cách khuyên nhủ và cầu đảo là được rồi.

3. Hỏi: Đệ tử đức mỏng, tài mọn, tâm lượng lệch lạc, thiển cận. Từ nay về sau tính tạ tuyệt ngoại duyên, ở nhà hiếu thảo với cha mẹ, dạy con, kiền thành tu tịnh nghiệp. Nếu gặp người hữu duyên sẽ tùy cơ khuyến thiện. Suốt đời như thế, cũng chẳng tiếc nuối! Một lòng thành khăng khăng, có được hay chăng?

Đáp: Tạ tuyệt ngoại duyên, ở nhà phụng dưỡng song thân, tùy cơ khuyến hóa, quả thật là chuyện không chi tốt lành bằng!

4. Hỏi: "Oan oan tương báo" có phải là "oán oán tương báo" bị nói lầm hay không?

Đáp: "Oán oán" (怨怨) là cừu hận, "oan oan" (冤冤) là oan khuất. Kinh điển đạo Nho và đạo Thích dùng lẫn lộn hai cách nói ấy. Theo kinh Hoa Nghiêm thì một nửa là oán, một nửa là oan. Nếu chú trọng kỹ càng, cố nhiên là nên tách ra để sử dụng.

5. Hỏi: Đệ tử nếu cùng người khác nảy sanh chuyện trái ý, lập tức dấy lên cái tâm chống đối, báo cừu. Lại gặp nữ sắc, chẳng dấy khởi quán bất tịnh được. Có phải là vì hai tập khí sân và dâm trong đời trước quá nặng đó chăng?

Đáp: Bệnh ấy hãy nên suy lường khi vô sự, thì khi hữu sự sẽ tự nhiên chẳng phát khởi ác niệm ấy. Đối với nữ sắc, nếu chẳng thể dấy khởi quán bất tịnh được thì hãy nên tưởng theo nhân quả, hoặc tưởng người nữ ấy là mẹ, chị em, con gái v.v., vậy thì ý niệm bất tịnh sẽ tiêu diệt.

6. Hỏi: Năm trước ân sư trả lời thư đã dạy rằng: "Tu pháp môn Tịnh độ phải có chuyên và viên. Do căn khí của chúng sanh chẳng đồng nhất, khiến cho chư tổ lập pháp bất đồng. Ngài Thiện Đạo dạy mọi người nhất tâm trì danh, đừng tu các tạp nghiệp khác, vì sợ kẻ căn cơ trung hạ do tạp nghiệp đến nỗi tâm trí khó chuyên nhất. Vì thế ngài dạy chuyên tu. Tổ Vĩnh Minh dạy 'vạn thiện cùng tu, hồi hướng Tịnh độ', vì sợ người thượng căn hành trì sẽ thiên lệch, đến nỗi phước tuệ chẳng thể xứng tánh viên mãn. Vì thế ngài dạy viên tu." Con trộm nghe: "Một câu Di-đà thích hợp khắp các căn, theo chiều dọc, thấu triệt năm thời; theo chiều ngang, bao trùm tám giáo. Lục độ vạn hạnh không gì chẳng được bao gồm. Nương theo đó để thành Phật vẫn còn có thừa." Cớ sao chuyên tu chỉ hạn chế trung hạ, thượng căn lại lo thiên lệch? Như thế thì đối với các nghĩa "thích hợp khắp, bao trùm v.v." tợ hồ mâu thuẫn! Đệ tử ngu muội, kính xin thầy dạy rõ.

Đáp: Sao ông lại coi lời nói viên thông thành lời thiên lệch? Một câu A-di-đà bao gồm toàn thể các pháp, thượng căn chẳng thể vượt ra ngoài, trung hạ sẽ do

vậy mà chuyên ròng, cho nên có thể đạt được lợi ích viên mãn. Thượng căn có thể tu trọn khắp, nhưng chỉ chuyên tu cũng chẳng phải là không được. Tuy vậy, đối với chuyện giáo hóa, sợ rằng chẳng thể nhiếp trọn khắp các căn cơ. Chí của ông thuở trước vốn to lớn không gì chẳng sót, nhưng cho đến nay vẫn có thiên kiến này, tức là do chưa thể thấu triệt lý mà ra.

7. Hỏi: Con kính hỏi, trong các chùa thường có thánh tượng A-di-đà Phật đặt ở phía Đông xoay mặt về phía Tây. Nếu tụng niệm xong bèn hướng về đó hồi hướng, tức là chính mình xoay lưng về phía Tây, tâm khá bất an. Con tính dời sang chỗ khác để hồi hướng cho thỏa đáng, có nên hay chăng? (nói theo lời một vị đệ tử, chẳng phải là tăng chúng trong chùa đều cho là như thế).

Đáp: Thế giới Tây Phương Cực Lạc, phương nào cũng đều có A-di-đà Phật. Có thể đúng pháp thì cố nhiên là tốt. Nếu không, tưởng như thế cũng chẳng trở ngại gì.

8. Hỏi: Đứa con gái lớn của con tánh tình chẳng sáng suốt, nhanh nhạy, nhưng khá điềm tĩnh, chuyên dốc. Như kinh A-di-đà, Cảm Ứng Thiên, Đại Học, Luận Ngữ, cháu đều tụng thông thạo. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, Nữ Luận Ngữ[35] cũng có thể đọc theo. Mỗi ngày lễ Phật 48 lạy, đọc kinh Di-đà, phẩm Hạnh Nguyện, Cảm Ứng Thiên mỗi thứ một lượt, niệm Phật một ngàn câu. Con còn tính dạy cháu học Mao Thi[36], khiến cho nó biết nhiều chữ hơn. Lại còn dạy kinh

---

[35] Nữ Luận Ngữ là một bộ sách do Tống Nhược Tân biên soạn trong niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường. Tống Nhược Tân đã dựa theo tư tưởng trong Luận Ngữ để đề ra các khuôn phép hành xử cho nữ giới, dùng hình thức vấn đáp để trình bày. Bà ta mượn danh một vị nữ học sĩ lừng danh thời Hán là Ban Chiêu để nêu ra quan điểm giáo dục phụ nữ. Theo Đường Thư, Tống Nhược Tân dùng sách này dạy các em nghiêm ngặt như thầy dạy trò. Về sau em gái của bà là Tống Nhược Chiêu viết thêm lời chú giải. Sách này cùng với các bộ Nữ Giới, Nội Huấn và Nữ Phạm Tiệp Lục được gọi là Nữ Tứ Thư. Sau này các Nho sĩ cộng thêm Liệt Nữ Truyện thành năm bộ sách phải học dành cho nữ giới cho đến khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc thành lập. Theo Đường Thư, sau khi Nhược Tân chết, bà Nhược Chiêu nối chí chị, hoằng truyền mạnh mẽ sách ấy, cho nên được Đường Mục Tông mời vào cung chưởng quản văn học của lục cung, và được phong tước là Ngoại Thượng Thư. Đồng thời kiêm nhiệm dạy học cho các hoàng tử (khi còn bé) và các công chúa, công nương. Bà dạy học trải qua các đời vua Đức Tông, Thuận Tông, Hiến Tông, Mục Tông, Kính Tông, được phong mỹ hiệu là phu nhân Lương Quốc.

[36] Mao Thi chính là kinh Thi do Mao Hanh và Mao Trành biên soạn vào thời Tiền Hán. Kinh Thi trong Thập Tam Kinh được lưu hành hiện thời chính là Mao Thi. Do Tần Thủy Hoàng đốt sách, chôn học trò, kinh điển thời Khổng tử bị thất lạc. Khi Khổng học được khôi phục dưới thời Tiền Hán (Tây Hán), các Nho sĩ phải sưu tầm, chỉnh lý từ các văn bản tản mát trong dân gian. Thời Hán, có bốn trường phái chỉnh lý, hình thành bốn phiên bản kinh Thi, được gọi là Tề Thi (do Viên Cố người nước Tề chỉnh lý), Lỗ Thi (do Thân Bồi biên tập), Hàn Thi (do Hàn Anh chỉnh lý) và Mao Thi. Kể từ sau thời Ngụy - Tấn chỉ còn Mao Thi được lưu truyền đến

Địa Tạng, phẩm Phổ Môn, kinh Ngọc Da Nữ, 48 nguyện, chương Cửu Phẩm trong Quán kinh v.v., chẳng biết có rườm rà quá hay không? Chẳng bằng dạy cháu chuyên niệm Phật khiến cháu dễ đạt tới nhất tâm ư? Cũng xin thầy chỉ điểm, khôn ngăn cảm kích.

Đáp: Vạn phần chẳng thể đọc Mao Thi, do trong Quốc Phong[37] phần nhiều là các bài thơ thuộc về tình cảm nam nữ. Các cô gái chưa thể đặt vững chân, hễ đọc sách ấy sẽ có thể nảy sanh mơ tưởng tình ái. Hãy nhớ kỹ nhé! Con gái thì có sự nghiệp của con gái, thêu thùa chẳng học cũng không sao, nhưng may vá quyết chẳng thể không học! Nếu chuyên nhất tu hành, hoặc chẳng lấy chồng, hoặc xuất gia, dẫu không học may vá cũng chẳng bị ảnh hưởng lớn lao, nhưng cũng cần phải học cho biết thì mới tốt. Nếu theo chồng, trọn chẳng thể không học may vá. Nếu không, sau này ắt sẽ bị hạn chế và bị kẻ khác bắt nạt!

Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật (thư thứ ba)

Ông X… nghe nói sách ấy giá quá cao, toan đem Thiên Phật Đồ Chinh Văn in thạch bản bán giá cao, đó là chẳng hợp lý. Có lẽ nên chỉ tính lời đôi chút thì sẽ hữu ích cho cõi đời. Bán giá cao thì người viết lời bạt cho sách ấy sẽ trở thành kẻ môi giới để kiếm lợi. Nói hay ho là để sách được lưu thông, nhưng nói thẳng ra là cầu lợi! Lại nghe nói tranh Phật do kẻ đó vẽ, đã tùy ý mình mà vẽ tướng khác lạ, cũng là chẳng đúng pháp. Quy tắc vẽ Phật và La-hán khác nhau. La-hán có thể vẽ thành các hình trạng khác nhau, nhưng Phật thì chỉ có thủ ấn (mudra) hơi khác đôi chút, sao lại vẽ mỗi vị Phật mỗi khác! Nếu vẽ mỗi vị mỗi khác, sẽ trở thành đùa bỡn, khinh nhờn, lỗi ấy chẳng nhỏ. Quang đã viết lời tựa và bài tụng xong xuôi mới nghe chuyện này. Nếu đã nghe từ trước, sẽ chẳng viết!

---

hiện thời. Mao Hanh chính là cháu của mưu sĩ Mao Toại (môn hạ của Bình Nguyên Quân Triệu Thắng), Mao Trành là cháu gọi Mao Hanh bằng chú.

[37] Quốc Phong chính là "Phong" trong ba bộ phận lớn của kinh Thi (Phong, Nhã, Tụng). Phong tức là tiếng gọi chung các khúc nhạc của nước chư hầu và nhà Chu kể từ đầu thời Tây Chu cho đến thời Xuân Thu. Đó chính là các bài dân ca của các nước, chia thành Chu Nam, Thiệu Nam, Bội, Dung, Vệ, Vương, Trịnh, Cối, Tề, Ngụy, Đường, Tần, Bân, Trần, Tào v.v. (tức là phân loại theo tên gọi của các nước chư hầu, hoặc các khu vực thời đó), bao gồm 160 bài, chiếm quá nửa nội dung của kinh Thi. Bài nổi tiếng nhất là bài Quan Thư, tức *"quan quan thư cưu, tại hà chi châu, yểu điệu thục nữ, quân tử hảo cầu. Sâm si hạnh thái, tả hữu lưu chi, yểu điệu thục nữ, ngụ mị cầu chi. Cầu chi bất đắc, ngụ mị tư phục, du tai, du tai, triển chuyển phản trắc…"* Tiên sinh Tạ Quang Phát dịch thành: "Quan quan kìa tiếng thư cưu, bên cồn hót họa cùng nhau vang dày, u nhàn thục nữ thế này, xứng cùng quân tử sánh vầy lứa duyên. So le rau hạnh lơ thơ, hái theo dòng nước ven bờ đôi bên. U nhàn thục nữ chính chuyên. Nhớ khi thức ngủ triền miên chẳng rời. Nếu cầu mà chẳng được người. Khi mơ, khi tỉnh, bồi hồi nhớ thương. Xa xôi trông nhớ đêm trường, chiếc thân trằn trọc trên giường nào yên."

Đối với chuyện ngài Linh Phong khuyên mọi người lễ Quán Âm vào ban đêm, chớ nên chấp chết cứng, cho rằng nhất định phải lễ vào ban đêm. Bất quá, do ban đêm yên tĩnh, tâm thanh tịnh, dễ thấy hiệu quả nhất. Chớ nên cho người khác biết, mà cũng chớ nên chấp trước, nhằm đối trị cái tâm háo danh. Nếu chẳng thể không khiến cho người khác biết thì người khác biết cũng chẳng có lỗi gì. Nếu khoe khoang sự tu trì của chính mình thì sẽ trở thành "cầu được tiếng tăm". Người đời nay chẳng tu Pháp Hoa sám pháp, cần gì phải kiểm nghiệm tướng trạng tu chứng của Pháp Hoa tam-muội? Phàm tu hết thảy các pháp môn, nói chung là dùng lòng chí thành, cung kính, cầu tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật, đừng chú trọng thấy cảnh giới thù thắng, mầu nhiệm, sẽ chẳng đọa vào ma sự. Nếu do vọng tâm bộp chộp, muốn thấy cảnh giới thù thắng, nhiệm mầu, tâm mong mỏi như đói, như khát, đó là duyên do đọa vào cảnh ma. Nếu hiện thời chẳng mất trí, phát rồ cũng là may lắm, chớ nên như thế!

Hai đứa con ông lười học cũng là do túc nghiệp khiến thành như thế, hãy nên bảo chúng nó lễ niệm Quán Thế Âm để tiêu trừ ngu si, chúng nó sẽ tự chịu học. Lại nên tạo công đức cho chúng nó và niệm Quán Âm, vì chúng nó cầu nguyện, sẽ dễ thấy hiệu quả.

Đối với căn bệnh của bạn ông, Quang có một toa thuốc tuyệt diệu, nếu chịu uống, không ai chẳng lập tức lành bệnh. Nhưng toa thuốc ấy cực kỳ khô khan, nhạt nhẽo, không chỉ ông ta chẳng chịu uống, mà sợ rằng vợ ông ta cũng chẳng chịu uống, sẽ khó thể thấy chuyển biến tốt đẹp được. Ông chỉ biết ông ta sau khi bị bệnh còn chưa bình phục hẳn, lại bị bệnh rồi lại chẳng lành hẳn, chẳng biết nguyên do dẫn đến bệnh tật và chưa bình phục của ông ta, sao có thể khiến cho bệnh tình của ông ta khỏi hẳn, thân thể khỏe mạnh được ư? Xét theo lời ông kể, Quang phỏng đoán là do ông ta làm chuyện phòng the quá độ, do vậy đến nỗi mắc bệnh. Bệnh còn chưa phục hồi như cũ, lại lo ân ái. Vì thế tâm trạng ủ rũ, tâm thần uể oải lờ đờ, ngủ mê mệt chẳng tỉnh, hành vi hỗn loạn. Nếu là kẻ chưa thể thường ở nhà thân thiết với vợ thì hoặc là do tà dâm, hoặc thủ dâm, hoặc mơ tưởng nữ sắc, tinh tiết ra, hoặc còn mộng tinh hay di tinh. Đó là bệnh chung của kẻ thiếu niên thông minh. Bệnh ấy chẳng trị, chắc sẽ đến nỗi chết, nói gì đến chuyện khỏe mạnh được. Huống hồ nay bạn ông ở nhà, sống chung với vợ, nguy hiểm còn hơn vào chốn vực sâu, đi trên băng mỏng. Nếu vợ hiền thục thì sẽ chẳng đến nỗi quá đáng; nếu vợ cũng coi đó là chuyện vui sướng, sợ rằng lâu ngày sẽ "than ôi, buồn thay", sẽ có cùng một kết quả như ông La Tế Đồng[38].

---

[38] Trong lời tựa cho sách Thọ Khang Bảo Giám, tổ Ấn Quang đã viết rõ như sau: "Một đệ tử của Quang là La Tế Đồng, người Tứ Xuyên, 46 tuổi, có thuyền buôn ở Thượng Hải, tánh tình khá trung hậu, tin sâu Phật pháp, cùng với nhóm ông Quan Quýnh Chi v.v. đồng sáng lập Tịnh

Nếu ông mong bạn ông sống lâu khỏe mạnh, hãy nên nói cặn kẽ với ông ta về nỗi hại của chuyện tình dục nam nữ, khiến cho ông ta và vợ cùng sanh lòng kiêng sợ. Hai người khuyên nhắc lẫn nhau, lập thệ ước đoạn dục một năm. Trong một năm ấy, không chỉ chẳng thể cùng ở chung một nhà với vợ, mà còn nên nhất quyết chẳng thấy nhau. Bảo vợ hãy thường ở bên nhà mẹ, ngõ hầu chẳng đến nỗi vì trông thấy nhau mà động tình, hoặc không thể tự kiềm chế, hoặc do kìm nén mà lập tức tiết tinh, sẽ trở thành vô ích. Lại nên thường niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để mong được âm thầm gia hộ. Phẩm Phổ Môn có nói: "Nếu có chúng sanh nhiều dâm dục, thường niệm Quán Thế Âm Bồ-tát sẽ được lìa dục." Lại đem Thọ Khang Bảo Giám bảo vợ chồng họ đều đọc kỹ, sẽ tự biết, tự yêu thương mình, chẳng đến nỗi do khoái lạc mà giết mất thân mạng.

Năm Dân Quốc thứ mười (1921), ông Mã Khế Giác ở Ninh Ba đang bệnh mà cưới vợ, chưa đầy nửa năm liền mắc chứng bệnh giống như bạn ông. Ông ta giữ sổ sách cho người khác, chẳng thể chống đỡ nổi. Mùa xuân năm sau bèn lánh

---

nghiệp xã. Trong những năm Dân Quốc 12, 13 (1923-1924), thường muốn đến núi Phổ Đà quy y, do bận việc nên chưa được thỏa nguyện. Năm Dân Quốc 14 (1925), ông ta mắc bệnh cổ trướng mấy tháng, tình thế cực nguy hiểm, chữa thuốc Tàu, thuốc Tây đều vô hiệu. Đến ngày 14 tháng 8, thanh toán tiền thuốc, vì số tiền quá lớn liền bực mình nói: "Từ đây dù có chết, ta cũng không uống thuốc nữa." Bà vợ bèn đối trước Phật cầu đảo khẩn thiết, nguyện suốt đời ăn chay niệm Phật, cầu cho chồng được lành bệnh. Ngay trưa hôm ấy, bệnh liền chuyển biến, đi tiêu xả ào ạt nước ứ ra, không thuốc gì mà hết bệnh. Cuối tháng 8 Quang đến đất Thân (Thượng Hải), ngụ tại chùa Thái Bình, ngày mồng 2 tháng 9 đến Tịnh nghiệp xã, họp mặt cùng ông Quan Quýnh Chi, ông Tế Đồng cũng có mặt. Tuy thân thể chưa hoàn toàn khỏe hẳn, nhưng khí sắc thuần tịnh, tươi tắn không ai bằng. Gặp Quang, ông ta vui mừng thưa: "Sư phụ đến rồi, con xin quy y tại đất Thân, chẳng cần phải lên núi nữa!" Ông ta chọn ngày mồng 8, cùng vợ đến chùa Thái Bình, cùng thọ tam quy ngũ giới. Lại thỉnh các cư sĩ Trình Tuyết Lâu, Quan Quýnh Chi, Đinh Quế Tiêu, Âu Dương Thạch Chi, Từ Trĩ Liên, Nhậm Tâm Bạch v.v. bồi tiếp Quang dùng cơm. Ngày mồng 10 lại mời Quang đến nhà dùng cơm, và nói: "Sư phụ chính là cha mẹ của bọn đệ tử, bọn đệ tử chính là con cái của sư phụ." Quang nói: "Cha mẹ chỉ lo khi con bệnh, nay bệnh ông tuy khá, nhưng chưa bình phục, hãy nên thận trọng." Tiếc là chưa nói rõ "chuyện phải thận trọng" chính là chuyện phòng sự (ân ái). Đến hôm cuối tháng, tại Công đức lâm mở hội Cảm Hóa Nhà Tù, ông ta cũng dự hội. Buổi hội giải tán xong, có mười mấy người giữ Quang lại dùng cơm. Ông ta vừa mới đến, bèn cùng người trông coi sổ sách trao đổi mấy câu rồi đi, sắc mặt giống hệt như người chết, Quang biết là do ông ta phạm phải phòng sự mà ra. Rất hối tiếc lúc đó chỉ nói "cha mẹ chỉ lo khi con bệnh", chưa từng nói rõ duyên do, đến nỗi ông ta lại bị nguy ngập. Muốn tu chỉnh sách này để khẩn thiết khuyên răn, nhưng do bận bịu, chưa làm được. Ngày mồng 6 tháng 9, Quang về núi, bèn gởi ngay một lá thư, trình bày hết sức tường tận lẽ lợi hại, nhưng đã không còn thuốc gì cứu được nữa, mấy ngày sau ông ta mất. Lúc mất, ông Quan Quýnh Chi mời các vị cư sĩ đều đến niệm Phật, ông La có được vãng sanh Tây Phương hay không thì chưa thể biết, nhưng không đến nỗi đọa lạc. Ôi, bị bệnh nặng mấy tháng, do tam bảo gia bị nên không dùng thuốc mà được lành bệnh, trong vòng mười mấy ngày, khí sắc tươi tỉnh vượt xa người bình thường. Do không biết thận trọng, lầm lẫn phạm phải phòng sự mà chết. Không chỉ là tự tàn hại cuộc đời, mà còn cô phụ từ ân của tam bảo quá đỗi!"

sang sống tại chùa Pháp Vũ, hằng ngày trì thánh hiệu Quán Âm suốt nửa năm mà vẫn chưa bình phục hẳn. Bà mẹ sợ ông ta xuất gia, lôi kéo bố vợ và chủ tiệm kêu ông ta quay về trông coi sổ sách như cũ. Nhưng mỗi lần trở về nhà, hình hài lại tiều tụy. Ông ta tự nói mấy tháng chẳng về, vẻ mặt rất tốt. Về nhà ở dăm ba bữa, đúng là giống như một người khác. Do thân thể bệnh tật chưa hoàn toàn bình phục, lại trải qua chuyện phòng sự gây hao tổn, cho nên đến nỗi như thế. Tháng 9 năm ngoái, Quang đến Thượng Hải, ông ta đến gặp Quang, vẻ mặt rất tốt. Tới khi Quang trở về núi, đến Ninh Ba thì vẻ mặt của ông ta đã kém xa trước kia. Quang hỏi: "Ông đã về nhà rồi à?" Ông ta hỏi: "Sao thầy biết?" Quang nói: "Nhìn sắc mặt ông, biết ông lại phạm chuyện phòng sự!" Ông ta thưa: "Con đã về nhà ở bốn hôm, chỉ hành sự hai lần, liền đổi khác ngay. Vì sao vậy?" Quang nói: "Người cường tráng bảy ngày mới có thể khôi phục sau khi hành phòng. Huống chi ông đã bị bệnh sẵn, trong vòng bốn ngày lại hành phòng hai lần ư?" Ông ta liền tự than thở, hổ thẹn. Người ấy khá có thiện căn, ăn chay trường, niệm Phật. Tuy chưa học hành nhiều, nhưng viết lách thư từ văn nghĩa rất trôi chảy, nhưng cũng may mà chẳng chết! Hơi chẳng cẩn thận thì xương đã khô từ lâu rồi, há còn có ngày nay ư? Vợ ông ta chẳng biết chữ, chẳng thông hiểu văn lý. Vợ bạn ông là người biết chữ, hiểu văn lý. Nếu chịu vâng theo đạo để bảo vệ chồng, bạn ông sẽ sống thọ, khỏe mạnh.

Do Quang thấy các ông coi Quang là thầy, giống như thầy thuốc chữa bệnh, ắt phải nói tường tận chuyện cấm kỵ. Đừng bảo Quang là tăng nhân mà bàn cặn kẽ chuyện phòng the của nam nữ rất không thích đáng, thì một phen khổ tâm của Quang chẳng đến nỗi đành đổ sông đổ biển, mà cái tâm yêu thương bạn của ông cũng đạt được hiệu quả thật sự. Mong hãy đưa thư này cho bạn ông xem, cũng nên sao thành một bản để vợ ông ta xem. Lại nên ai nấy đều giữ lấy, lâu lâu lại xem, sẽ thấy vợ chồng sống đến già, con cháu đều mập mạp, khỏe mạnh. Quang bàn về căn bệnh của bạn ông, vẫn sợ ông ta chẳng cho là đúng, hãy nên dẫn lời Mạnh lão phu tử để nói với ông ta. Mạnh tử nói: *"Dưỡng thân giả, mạc thiện ư quả dục. Kỳ vi nhân dã quả dục, tuy hữu bất tồn yên giả, quả hỹ. Tắc kỳ vi nhân dã đa dục, tuy hữu tồn yên giả, quả hỹ"* (Đạo dưỡng thân không gì bằng ít ham muốn. Kẻ làm người mà ít ham muốn, tuy có kẻ đã chết, nhưng số đó ít lắm. Kẻ làm người mà nhiều ham muốn, tuy có người sống sót, nhưng ít lắm). Thiếu niên chỉ biết dâm dục là vui, chẳng biết nó chính là cái gốc để tàn phá thân thể, mất mạng. Vui sướng trong một khắc, khổ suốt bao kiếp, chẳng đáng buồn ư?

Năm Dân Quốc thứ mười (1921) tôi sang Dương Châu, thuận đường đến Nam Kinh gặp Vương Ấu Nông. Ông ta giữ ở lại một đêm, để có dịp gặp một người bạn chưa hề gặp mặt là Lưu Viên Chiếu. Viên Chiếu mời bạn ông ta là Ngụy Mai

Tôn đến. Ông này vốn giữ chức Hàn lâm, nhà lại giàu có, cho nên cái tật thích ăn ngon đặc biệt nặng nề. Ông ta nói: "Tôi cũng tin Phật pháp, cũng chịu niệm Phật, cũng đã từng xem Văn Sao của thầy, chỉ là chẳng thể ăn chay." Quang nói: "Phú quý khó học đạo, nhưng ông muốn ăn chay, tôi cũng có cách." Ông ta hỏi: "Có cách gì vậy?" Quang nói: "Xin đọc thuộc lòng bài sớ về ao phóng sanh ở Nam Tầm của Quang, chắc chắn sẽ có thể ăn chay. Nếu đọc một hai lần sẽ chẳng được, cần phải đọc đi đọc lại, đọc tới đọc lui thì mới được." Lời ấy nói vào ngày 12 tháng 8 năm Dân Quốc thứ mười (1921). Tới tháng 10, nhằm dịp ông ta sanh nhật 60 tuổi, sợ sát sanh, bèn lánh sang Kim Sơn cho qua sanh nhật, trở về liền ăn chay trường. Năm sau đó liền phát tâm mở đạo tràng phóng sanh. Ông ta là kẻ chẳng thể ăn chay, một khi đã biết nguyên do, ngay lập tức trừ ngay thói ham ăn ngon. Bạn của ông nếu đọc nằm lòng bài sớ ấy và các văn tự kiêng giết trong Văn Sao của Quang cũng sẽ sanh lòng chẳng nỡ, không chỉ chẳng dám mua con vật còn sống về giết, mà con vật đã chết cũng chẳng đành lòng nuốt trôi được.

Thư đặt mua Đại tạng kinh bản khắc đời Tống được in theo lối ảnh ấn[39] cho Linh Nham Sơn Tự

Lời tựa đã viết xong, nay vì Linh Nham Sơn thỉnh một bộ. Khoản tiền 588 đồng (kinh là 552 đồng, bưu phí 20 đồng, bốn hộp đựng kinh là 40 đồng, bưu phí 3 đồng), mong hãy giao thư này cho hòa thượng Chân Đạt ở chùa Thái Bình. Quang có khoản tiền gởi ở chỗ thầy ấy, thầy ấy sẽ giao cho. Sách in ra, xin gởi cho bưu điện thuộc trấn Mộc Độc ở Tô Châu, giao cho thầy đương gia của Linh Nham Sơn là Diệu Chân. Mỗi lần gởi đều cần phải ghi rõ tổng cộng là bao nhiêu bưu kiện để chẳng đến nỗi thất lạc.

Thư trả lời cư sĩ Trâu Trí Chương

Hôm trước đã nhận được ảnh chụp và thư của ông gởi, do chẳng rảnh rỗi, đến nay mới trả lời. Người thông minh trong thế gian thường coi chuyện phòng the giữa nam nữ là chuyện bình thường như ăn cơm, uống trà, đến nỗi khá nhiều kẻ đoản mạng mà chết. Dẫu chẳng chết cũng trở thành tàn phế. Bệnh của ông, há thuốc men thế gian có thể trị lành được chăng? Mong hãy lắng lòng thường niệm "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát". Nếu thật sự chí thành khẩn thiết, gạt bỏ vọng

[39] "Ảnh ấn" thuở đó là lối in chụp các trang sách đã có sẵn, chế bản kẽm để in lại. Do đời Tống, ấn loát bằng mộc bản rất thịnh hành, các bản khắc ván thời Tống rất sắc sảo, nét chữ đẹp, chữ viết thường phỏng theo cách viết của các thư pháp gia nổi tiếng thời đó như Âu Dương Tuân, Nhan Chân Khanh, Liễu Công Quyền, Tô Đông Pha… Cách trình bày trang sách đẹp đẽ, hợp lý, dễ đọc. Vì vậy đối với kinh điển, người Hoa thường chuộng các bản khắc đời Tống.

niệm, ắt sẽ có thể ngưng thổ huyết, chẳng bị di tinh. Nếu cái tâm dâm dục chẳng dứt, tâm niệm Bồ-tát chẳng khẩn thiết, sẽ khó cảm thông, chớ quở Bồ-tát chẳng linh, lời tôi dối trá vậy!

Thư trả lời cư sĩ Hứa Huệ Phảng

Xem thư ông, biết ông đang bị bệnh, quá đáng thương! Hãy nên gạt bỏ hết thảy các chuyện râu ria, nhất tâm niệm Quán Thế Âm. Cớ gì lại muốn chép kinh để cầu lưu danh nơi công quán ấy? Nay tôi nói cho ông cách để chữa trị căn bệnh "không có cách gì chữa trị". Nếu ông thật sự có thể phát tâm chân thành tự lợi, lợi ích người khác ắt sẽ có thể nghiệp tiêu, bệnh lành.

Năm Dân Quốc thứ mười (1921), Từ Úy Như lo chuyện khắc Đại tạng kinh ở Bắc Kinh, do dụng tâm quá độ nên hai năm trước bị mắc bệnh lòi dom. Sau khi đại tiện phải nằm một khắc, chờ ruột rút lên rồi mới dám cử động. Đầu tháng Giêng do có công chuyện, sau khi đi tiêu xong liền ngồi xe đi, bị chà sát, ruột vĩnh viễn không co lên được. Suốt bảy ngày đêm đau đớn đến mức không thể chịu được, như bị nhiều cây kim cùng đâm. Đau đớn cùng cực, không làm sao được, vì thế ông ta phát tâm nói: "Bệnh này khổ quá, chỉ mong khi tôi bị nhiều bệnh khổ, nguyện cho cả thế gian không bị loại bệnh khổ này!" Rồi liền niệm Quán Thế Âm, không lâu sau ngủ thiếp đi. Đến khi tỉnh giấc, hoàn toàn bình phục, bệnh cũ suốt hai năm từ đấy vĩnh viễn hết tận gốc. Sau đó ông ta viết thư cho Quang, Quang nói: "Căn bệnh ấy của ông tuy do dụng tâm quá độ, cũng thuộc về túc nghiệp cảm vời. Do ông phát cái tâm đại Bồ-đề ấy cho nên được lập tức tiêu trừ túc nghiệp, đoạn dứt bệnh căn. Cái tâm ấy chẳng dễ phát." Ông ta nói: "Do lúc đó nhằm ngay lúc con đang giảo chánh phẩm Thập hồi hướng của kinh Hoa Nghiêm. Đối với đại nguyện và đại hạnh trong phẩm Thập hồi hướng, phàm phu và Nhị thừa chẳng thể mong bén mảng được!" Ông chẳng dụng tâm chân thật sám hối, lại dụng tâm nơi tiếng tăm hư huyễn, dẫu có lợi ích, sao chẳng hiềm túc nghiệp sâu nặng vậy thay?

Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Cung

Mỗi người nhập đạo đều có nhân duyên, gần đây một đệ tử ở Cam Túc tên là Trịnh Triết Hầu đã 64 tuổi. Trước lúc 60 tuổi, ông ta coi Phật như thứ ô uế, tránh xa còn chẳng kịp. Lúc 60 tuổi, thấy Văn Sao bèn đọc, suất lãnh cả nhà ăn chay, niệm Phật dường như sợ chẳng kịp. Năm nay nhiều lần gởi cúng dường các khoản tiền lớn, mong cầu siêu cho tổ tiên, sám hối tội lỗi, trai tăng, phóng sanh, thỉnh kinh, tạc tượng Phật, cũng như giúp cho mấy chỗ đang tu sửa đại điện. Người như thế, thoạt đầu chẳng muốn nghe danh hiệu Phật, nay bèn niệm, chỉ sợ chẳng đủ

thời gian. Cõi đời có thiện nhân chẳng chịu niệm Phật, cũng là do túc nghiệp khiến thành ra như vậy, chẳng biết Phật là chỗ nương cậy to lớn cho hết thảy chúng sanh.

Lại nữa, một đệ tử ở Vân Nam tuổi sắp bốn mươi, hiếu thảo với cha mẹ, hòa thuận với anh em đã thành tánh, khuyên cha mẹ ăn chay, niệm Phật. Cha người ấy rất thông hiểu các nghĩa của Nho và Đạo, lại tin Thiền tông, chẳng chú trọng niệm Phật. Người ấy đã nhiều cách khuyên nhủ và khuyên cha đọc các sách như Văn Sao v.v.. Cha người ấy bèn hướng dẫn người khác hành theo, chẳng tiếc sức thừa. Rằm tháng 4, người con bị bệnh chết đột ngột, người mẹ vì thấy con chết liền uống thuốc độc tự sát. Nào có biết sau khi uống thuốc độc, thân tâm an lạc, chánh niệm phân minh, niệm Phật an tường qua đời. Quàn xác hai ngày, trọn chẳng có mùi thối. Sáu bảy ngày sau, rải tro ngoài đồng, hiển hiện nhiều tướng lành như hoa sen v.v.. Lập tức người trong vùng ai nấy đều sanh tâm chánh tín. Niệm Phật đến lúc thuần thục, chất độc chẳng thể làm người ấy trúng độc được. Cha người ấy hôm trước có gởi thư đến, Quang gởi cho ông ta 70 gói sách để giúp cho việc giáo hóa, hướng dẫn. Trầm Nhất Cơ đã phát tâm quy y, ắt sẽ đề xướng to lớn. Do ông ta đã từng làm lâm trưởng, thích điều lành, chuộng bố thí, sẽ chuyên hoằng dương pháp môn này. Nay đặt pháp danh cho ông ta là Huệ Dương (慧揚), ý nói: Nương theo trí tuệ Phật pháp để hoằng dương, tự lợi, lợi người rộng khắp.

Thư trả lời cư sĩ Khế Như

Pháp danh được viết trong tờ giấy khác, mong hãy chuyển giao những người xin quy y. Doãn Minh 82 tuổi, hãy nên nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Cũng nên dạy người nhà, quyến thuộc niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Trừ hai chuyện ấy ra, hết thảy đều chẳng bận tâm tới. Lại cần bảo các quyến thuộc, khi cụ lâm chung, mọi người đều vì cụ trợ niệm Phật hiệu. Chớ nên lau rửa thân thể, thay áo sẵn, hỏi han hậu sự và an ủi thừa thãi. Cứ đợi cho tới sau khi cụ tắt hơi hơn ba tiếng đồng hồ, sau đấy mới sắp đặt chuyện mai táng, ngõ hầu chẳng đến nỗi do hiếu tâm mà lầm lạc đại sự sanh tử của cha mẹ. Hãy nên dựa theo Sức Chung Tân Lương để khuyên cả nhà và quyến thuộc. Ngoài ra, đều nên khuyên mọi người giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng hành các điều thiện, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật, quyết định cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, chớ nên cầu phước báo nhân thiên cho đời sau. Đó là điều hết sức trọng yếu. Chuyện viết lời tựa phóng sanh xin hãy thỉnh người khác viết, do tôi mục lực lẫn tinh thần chẳng

đủ, bận bịu lắm việc. Một cụ già đã 75 tuổi sao có thể thù tạc các chuyện như thế được!

Thư trả lời Hàn Thế Tử

Sách Vật Do Như Thử[40] đã giao cho Tập Cần Sở[41] sắp chữ ấn hành. Quang vì muốn sách được lưu truyền rộng khắp bèn sửa thành một quyển, thống nhất số trang. Đầu sách, Quang viết lời tựa, phàm các lời tựa trước đó đều xếp ngay sau đó. Mục lục cũng quy về một chỗ. Văn từ trong sách nhất loạt chẳng sửa đổi. Do mục lực của Quang chẳng đủ, chẳng thể xem. Ông Từ học thức khá phong phú, tiếc rằng đối với Phật pháp vẫn còn bị ngăn cách. Sách này chính là pháp thế gian, cho nên chẳng có gì không thích đáng. Chỉ có điều trong phần lời bình cho chương thứ nhất là Thông Huệ Giám (tấm gương thông huệ) dẫn lời chú giải Tâm Kinh của ngoại đạo, chẳng phải là không có tỳ vết nhỏ. Môn sinh nhỏ tuổi nhất của ông ta xuất gia tại Phổ Đà Sơn từng kể tường tận chuyện của thầy mình cho Quang nghe. Ông ta thọ 96 tuổi, khi lâm chung nhạc trời vang rền trên hư không, đó là đã sanh lên trời vậy.

Sách Vật Do Như Thử chỉ sắp chữ theo cỡ chữ số ba. Sách có khổ lớn, mỗi trang 12 cột, mỗi cột 32 chữ, cũng tính in ba vạn cuốn. Nếu quý xã cần dùng chỉ bản cũng có thể tặng cho một bản. Còn chỉ bản gốc thì vẫn phải dùng để ấn loát, chẳng giống như sách Kỹ Lộ Chỉ Quy cần phải sửa đổi thành văn ngôn. Nếu muốn

---

[40] Vật Do Như Thử (loài vật mà còn như thế) do Từ Khiêm biên soạn vào đời Thanh, tổng hợp các chuyện hiếu nghĩa của các loài vật được ghi chép trong kinh sách. Tổ Ấn Quang đã chỉnh lý, giảo định những lỗi do ấn loát sai lầm vào năm 1937 rồi cho ấn hành dự định là ba vạn quyển. Cuối cùng thành sáu vạn quyển. Từ Khiêm có tên tự là Ích Khanh, hiệu là Bạch Phảng, biệt hiệu là Hạc Tử, quê ở trấn Vĩnh Phong, huyện Quảng Phong, tỉnh Giang Tây, làm quan tại Hàn lâm viện, từng đảm nhiệm viện trưởng thư viện tại tỉnh Giang Tây do triều đình thành lập. Ông là người kiến thức uyên thâm, văn chương lỗi lạc, cẩn thận, liêm chánh, thích làm lành, tin Phật. Ngoài bộ Vật Do Như Thử, tác phẩm Hải Nam Nhất Chước (một giọt nước ở Hải Nam) của ông cũng được lưu truyền khá rộng. Ngoài ra, ông còn viết hơn 60 tác phẩm như Ngộ Tuyết Lâu Thi Tồn (34 quyển), Hiếu Kinh Giảng Nghĩa, Linh Sơn Di Ái Lục, Quế Cung Thê, Khủng Cụ Tu Tỉnh Lục, Nhất Quyển Băng Tuyết v.v..

[41] Tập Cần Sở có tên gọi đầy đủ là Thượng Hải Du Dân Tập Cần Sở là cơ cấu từ thiện được thành lập từ năm 1927, cho đến thời kháng chiến chống Nhật thì bị ngưng hoạt động và đóng cửa. Sau đó được hội Hồng Thập Tự phân hội Thượng Hải tiếp quản và đổi tên thành Thượng Hải Lưu Dân Tập Cần Sở, tồn tại cho đến năm 1949 thì bị chính quyền mới giải thể. Mục đích của hội là cứu tế dân nghèo đến Thượng Hải kiếm sống, hoặc những kẻ lang thang, ăn mày v.v.. Ngoài trợ giúp ban đầu cho họ ổn định cuộc sống, chủ yếu là dạy cho họ một nghề để kiếm sống (bao gồm các ngành ấn loát, thêu may, dệt, làm giày, nghề mộc, nghề đan bện mây tre, giặt tẩy hấp, hớt tóc, chăm sóc cây cảnh, làm vườn, công nhân vệ sinh, thợ gốm v.v.) và dạy chữ để nâng cao trí thức, giáo dục đạo nghĩa để họ trở thành công dân lương thiện. Cơ cấu này có nhiều doanh nghiệp để tạo công ăn việc làm cho di dân. Xưởng in đặt tại Tào Hà Kính (Thượng Hải) là xưởng in khá nổi tiếng, cho nên tổ Ấn Quang thường đặt in sách tại đây.

dùng xin báo cho biết, tôi sẽ bảo họ làm thêm một chỉ bản nữa. Chỉ bản của sách Kỹ Lộ Chỉ Quy đã tặng cho Bắc Bình Trung Ương Khắc Kinh Viện một bản, hiện còn ba bản. Sách Vật Do Như Thử cũng muốn làm theo cách ấy. Hiện thời thế đạo lẫn lòng người chẳng thể cứu vãn, do bởi sách này may ra có thể tạo ích lợi cảm phát vậy!

Thư trả lời cư sĩ Triệu Tuấn Phong

Trước kia chẳng dám gởi thư vì Nam Bắc đường sá xa xôi, hễ họ ra đi thì chẳng thể nào không tốn mấy chục đồng. Huống hồ thổ phỉ tràn ngập khắp nơi, nếu trên đường gặp phải chuyện kiểu này sẽ phải làm như thế nào đây? Hơn nữa tôi chưa từng gặp họ, thật giả khó thể biện định. Nếu họ đến, Quang cũng chẳng có cách nào xếp đặt ổn thỏa được! Do vậy một mực chẳng gởi thư từ chính là biện pháp ổn thỏa nhất. Nay đã gởi thư thì hãy nên nói với người ở quê nhà: "Ngàn vạn phần đừng đến phương Nam, vì hễ đến thì chẳng tốn mấy chục đồng sẽ không được." Hơn nữa, Quang định năm sau lìa Tô Châu ở ẩn thật xa, cho nên sẽ chẳng gặp. Dẫu gặp, Quang cũng chẳng thể giúp họ lộ phí trở về. Huống hồ bến tàu ở phương Nam có rất nhiều kẻ xấu, thấy người nhà quê, họ sẽ dùng mưu kế dụ dỗ, lường gạt, ắt sẽ khiến cho tất cả mọi thứ của kẻ khác thuộc về mình thì mới cam lòng.

Hơn nữa, pháp niệm Phật dựa theo những gì kinh điển đã nói để tu hành, chẳng có gì bí mật, trọn chẳng có đạo lý "miệng truyền, tâm trao", sao lại mạo hiểm tìm đến? Dẫu có đến, Quang cũng chẳng thể cung cấp chi phí cho quý vị được. Quang là một tăng nhân nghèo nàn, một mực chẳng có chùa, sống nhờ chùa người khác, cũng chẳng có một đồ đệ xuất gia nào. Dẫu có người biếu tiền cho tôi, hễ nhận được bèn dùng ngay, hoàn toàn chẳng giữ lại. Nếu đồng hương, đồng tộc tìm đến, đừng nói là chẳng có tiền để cung cấp, ngay cả chuyện ăn ở cũng khó ứng phó. Vì một người cung cấp cho ngần ấy người, sao có sức ấy? Lại còn hoàn toàn chẳng quen biết, sao lại mạo muội tìm đến? Đã là mạo muội tìm đến thì chỉ đành dùng cớ "chẳng quen biết" để cự tuyệt, hòng khỏi phải vì một người mà dẫn đến nhiều người lũ lượt làm phiền. Nếu một người biết "từ bụng ta, suy ra bụng người" ắt sẽ chẳng có kiểu mong mỏi vô đạo lý ấy! Nếu không, chỉ có tự chuốc lấy phiền não.

Thư trả lời cư sĩ Trương Tri Giáp

Mấy ngày trước nhận được thư ông và sách bổ ích, quý giá, do vậy bảo người ta gởi cho hai niệm Phật đường Xích Thành và Tử Quang mỗi nơi 125 gói kinh sách, giao cho Triệu Tuấn Phong và Vương Tín Phủ. Hôm qua tôi mới viết thư

cho hai người ấy, chỉ một lá thư để hai người cùng xem. Sách quý giá, bổ ích gởi kèm vào đó, không chỉ đỡ tốn lệ phí, mà còn ít bị lay động, hư hao. Ba ngày trước lại nhận được thư của nhóm ba người Triệu Vũ Khôn (em trai của Tuấn Phong), cho biết mùa xuân năm sau họ muốn đến Tô Châu. Trong thư gởi cho Tuấn Phong, Quang đã nói cặn kẽ nỗi họa hại do đến Tô Châu, bảo ông ta nói với mọi người để đôi bên khỏi cùng bị phiền lụy, hoàn toàn vô ích! Một lần đến phương Nam, cả trăm đồng sẽ chẳng đủ dùng. Bọn họ mỗi người lo liệu mấy chục đồng, sợ chẳng dễ dàng làm được. Nếu họ đến, Quang sắp xếp họ ở chỗ nào?

Huống hồ lại là người trọn chẳng quen biết, chỉ dùng danh nghĩa "đồng hương, đồng tộc" để đến. Một người đã chẳng dễ tiếp đãi, nhiều người thì sắp xếp như thế nào đây? Nếu hoàn toàn bù lại lộ phí cho họ, Quang chẳng thể nào lo nổi. Bọn họ uổng công một phen đi lại, lại còn tốn mấy chục đồng. Trong thế gian, kẻ không hiểu biết thường sẽ do khốn khó mà nảy sanh mong mỏi kiểu đó, đâm ra đã nghèo túng càng thêm nghèo túng, đôi bên cùng chịu tổn hại. Mong cư sĩ hãy phát tâm từ bi, cũng gởi thư cho Tuấn Phong và Tín Phủ, khuyên hết thảy mọi người chớ manh nha ý niệm xuống phương Nam. Chỉ nên dựa theo các sách đã gởi như Gia Ngôn Lục v.v. để tu trì, sẽ liền có thể đạt được lợi ích chân thật. Nếu cư sĩ có thể nêu cặn kẽ lợi hại, những kẻ vô tri sẽ chẳng đến nỗi riêng mình đến chịu khổ. Huống chi năm sau Quang sẽ lìa Tô Châu, ẩn cư nơi xa, một thân tôi còn ngại nhiều, không có chỗ nào để an thân. Huống hồ họ là đồng hương, đồng tộc trọn chẳng quen biết, làm sao có thể khiến cho họ đều được mãn nguyện trở về? Việc này quan hệ quá lớn! Nếu chẳng lập cách cực lực ngăn cản ắt họ sẽ nhọc nhằn vì chuyện này, có thể đến nỗi chết ở bên ngoài nhiều lắm. Mong ông hãy vì họ phát tâm từ bi, ngõ hầu Quang lẫn những người đồng hương, đồng tộc đều được hưởng lợi ích thực tế.

Chưa thể định được ngày ra sách của Cửu Hoa Chí, ước chừng trong mùa hè có thể ra sách. Khi có sách sẽ gởi cho ông một gói, cần gì phải hỏi sẵn ngày tháng? Chuyện này thuộc về công việc của nhà in, chẳng thể chuyên vì chuyện này mà buộc họ lập tức dựa theo kỳ hạn để giao sách được. Chuyện họ phải làm rất nhiều, cho nên mỗi chuyện đều phải thực hiện dần dần. Nay gia đình tôi lại lập tự (chọn người làm con thừa tự), hoàn toàn trái lẽ! Quang đã xuất gia, sao còn có thể lập tự? Đã bảo kẻ đó thừa tự anh cả của tôi cũng như thừa kế anh hai. Quang là tăng nhân, trong nhà thờ của gia đình quyết chẳng thể lập bài vị. Nếu lập thì tăng tục lẫn lộn, tràn lan, khiến cho tôn ty đều mất.

(Ngày 18 tháng 12)

Thư trả lời cư sĩ Giang Hữu Bằng

Quang một mực chẳng tin vào chuyện sửa chữa cuộc đất theo phong thủy, vì thế khi ở nhờ tại chùa Báo Quốc đã nói thẳng với họ: "Điều gì Quang chẳng biết thì sẽ chẳng dám giới thiệu cho người khác, do chuyện ấy can hệ rất lớn." Thường thấy những kẻ coi phong thủy luôn nói kiến trúc của tiền nhân không đúng, cũng chẳng biết những điều chính họ hiểu biết chưa thể nào ứng nghiệm ngay được, chỉ có thể khiến cho kẻ vô tri mê tín. Chẳng biết [họ phán điều này điều nọ như thế] lại đâm ra khiến cho người có kiến thức chẳng tin tưởng.

Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn (thư thứ nhất)

Tôi chẳng muốn trả lời thư lần trước, do ông chỉ biết một mà chẳng biết hai, chỉ biết buộc người khác làm như thế. Nếu bảo ông làm, cũng chẳng thể mỗi mỗi điều đều hoàn toàn trông cậy được! Ví như luận binh trên giấy, oai mãnh vô địch, nhưng nếu đến gần chỗ hai bên giao tranh, chỉ có bản lãnh to lớn là dùng kế sách đào tẩu. Quang chẳng dám tán thành kế hoạch của ông. Về phần trợ niệm suốt đêm, há có nên cắt bỏ chuyện [chia người tham gia trợ niệm thành] ba ban luân lưu niệm Phật mà nói là "chẳng lìa thể lệ ban đầu?" Do vậy, biết cách thức do ông đặt ra đều là do chưa đích thân thể nghiệm, xem xét. Đối với thư ông gởi cho vị đại pháp sư X… tuy ý nghĩa thật đáng khâm phục, nhưng lời lẽ thiếu uyển chuyển, hòa nhã. Rốt cuộc người ấy cho là hủy mạ, chẳng xin lỗi, sám hối lỗi lầm, tức ông ta là hạng người thường ngày tự phụ, "duy ngã độc tôn" đã hoàn toàn bộc lộ chẳng sót. Ông ta đương nhiên tán thành biện pháp "tinh tấn tổ" của ông, cũng có thể thấy rõ chí hướng của ông ta là kẻ hâm mộ những chuyện to tát, chẳng xét kỹ chi tiết.

Đối với bài trả lời Du Hữu Duy, Quang tột bậc bội phục, tiếc là người ấy đã mê đến cùng cực, thơm thối, tà chánh, chân ngụy, lợi hại, không gì chẳng hiểu lầm, cho nên cũng chẳng có hiệu quả "sửa đổi quay đầu". Đáng thương, đáng xót thay! Quang đã già rồi, chẳng có kính lão và kính lúp sẽ chẳng thể đọc thư gởi đến, nhưng chỉ đọc cũng đã rất mơ hồ, huống hồ còn trả lời thư ư? Vì thế đối với bất cứ ai đều dùng câu "từ nay đừng gởi thư đến nữa" để cự tuyệt, nhưng họ vẫn làm phiền như cũ.

[Đối với câu hỏi của ông về lá thư chất vấn tổ Liên Trì của Tào Lỗ Xuyên], những gì ông ta nêu ra là ý trong nhà Thiền, cần phải có ngộ xứ thì mới có thể biết thấu triệt. Lỗ Xuyên tự coi mình là bậc đại thông gia thông Tông thông Giáo, vẫn còn hiểu sai ý ấy. Các hạ nếu muốn tôi nêu bày ý ấy, đúng là câu hỏi đùa bỡn mà thôi! Các hạ hãy nên buông xuống hết thảy tri kiến thừa thãi, nhất tâm niệm Phật. Sau khi đã niệm đến mức "tâm lẫn Phật đều mất", sẽ tự cười to, vì đã hoàn toàn hiểu rõ. Chưa tới mức ấy, nếu nói với người khác, họ cũng chẳng biết. Ví

như đã đến điện Hàm Nguyên[42], các thứ trong điện ấy đều biết trọn hết. Nếu đối với kẻ chưa đến đó, dẫu nói rõ ràng, họ vẫn hệt như cũ mờ mịt, chẳng rõ. Câu nói trong nhà Thiền toàn là dạy người khác tham cứu, nếu hiểu theo nghĩa văn tự, không chỉ chẳng đạt được lợi ích mà còn coi hiểu lầm là ngộ, tội ấy rất lớn. Dẫu ngộ thật sự thì vẫn cách biệt liễu sanh thoát tử đã xa càng xa hơn. Do họ chỉ cậy vào tự lực, trừ phi sau khi đã đại ngộ bèn đoạn hết sạch phiền não hoặc nghiệp thì mới được. Nếu không, sẽ chẳng có cách nào.

Pháp môn niệm Phật nếu trọn đủ nguyện chân thành, tín thiết tha, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, nương vào từ lực của Phật, mang nghiệp vãng sanh. Căn tánh của các hạ chỉ có thể học theo cách tu trì của ngu phu ngu phụ, nếu lầm lạc phỏng theo thân phận của Tào Lỗ Xuyên, tôi thật sự sợ rằng ông chắc chắn sẽ đọa vào ba ác đạo. Vì lẽ nào vậy? Do chưa đắc mà cho là đã đắc, chưa chứng mà bảo là đã chứng. Vì thế hoại loạn Phật pháp, khiến cho chúng sanh ngờ vực, lầm lạc. Gởi cho ông một gói các sách như Văn Sao v.v.. Nếu chẳng chê là kém hèn, thô lậu, xin hãy đọc kỹ để hành theo, ngõ hầu chẳng uổng đời này, chẳng uổng dịp gặp gỡ này. Nếu cho là chẳng đáng để vào mắt thì xin hãy chuyển thí cho kẻ chẳng có mắt. Về sau chỉ có thể đàm luận cùng Phạm Cửu, chớ nên gởi thư cho kẻ chẳng thông huệ, vì tôi chẳng có tinh thần để thù tạc được.

Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn (thư thứ hai)

Sáng nay nhận được thư của ông và Chu Thiện Xương, ông chỉ mong ngóng kết quả của chuyện ấy. Thiện Xương đã phần nào thể hiện các chuyện diệt pháp như Quang đã nói, may mà gởi thư cho Quang, chẳng đến nỗi uổng công chuốc họa. Nếu gởi thư cho vị đại pháp sư ham cao chuộng xa, chắc chắn ông ta sẽ cực lực tán thành, mặc sức làm theo lòng ham muốn, vậy thì "phí tiền, mệt tâm" đã trở thành chuyện chẳng thể tưởng tượng nổi. Quang suốt đời chẳng cộng sự với người khác. Chùa Pháp Vân ở Nam Kinh là do Ngụy Mai Tôn kiên quyết lôi kéo gia nhập, nhưng cũng chẳng có lợi ích to lớn mỹ mãn cho mấy, vì người đời nay đều thuộc loại ích kỷ.

Tái bút: Tôi chỉ khoác cái danh suông là hội trưởng danh dự của chùa Pháp Vân. Lúc Mai Tôn còn sống, mọi chuyện đều gởi thư thương lượng. Khi ông ta

[42] Điện Hàm Nguyên là tòa điện thứ nhất trong cung Đại Minh của nhà Đường ở thành Trường An. Điện này được xây vào năm Long Sóc thứ hai (662) đời Đường Cao Tông, mất một năm mới xây xong. Công trình này được dùng để tổ chức lễ Nguyên Đán, cũng như dùng để thiết đại triều vào mùa đông, cũng như các dịp lễ long trọng như duyệt binh, hiến phù (giao nạp tù binh, báo công thắng trận), thưởng yến cho các quan, hoặc dâng tôn hiệu (cho cha mẹ hoặc các chú bác của vua).

khuất bóng, Quang chẳng hề hỏi đến nữa. Xin chớ nói lời ấy để khỏi bị người khác ghi hận.

Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn (thư thứ ba)

Đạo bất đồng sẽ chẳng cùng nhau mưu tính được, kẻ đó chẳng bỏ chuyện cầu cơ, chẳng thể cho quy y được! Trong tháng 10 có một kẻ theo đạo Kim Đan ở Thiên Tân viết thư xin quy y, ăn nói tột bậc khẩn thiết. Do những điều người ấy hỏi phần nhiều thuộc về ngoại đạo, Quang liền vạch ra chỗ cuồng vọng của kẻ đó, kẻ đó liền gởi thư chửi bới ầm ĩ. Phàm đối với những kẻ "tợ hồ đúng mà thật sự sai trái" ấy phải nên tuyệt giao với họ (hai chữ *"tuyệt giao"* được khoanh tròn), ngõ hầu chẳng đến nỗi phá hoại Phật pháp.

Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn (thư thứ tư)

"Như con nhớ mẹ, nhớ Phật niệm Phật, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" là diệu pháp thiết yếu nhất cho hết thảy những ai niệm Phật. "Giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng hành các điều thiện" là phương cách to lớn đáng nên tuân thủ trong cuộc sống thường nhật của người học Phật. Tự hành như thế, mà giáo hóa người khác cũng thế. Nếu bỏ cách này mà toan tạo lập những việc ngoài bổn phận, dẫu đạt được lợi ích nhỏ nhoi, ắt sẽ có nỗi họa to lớn ẩn tàng. Đừng bảo lão tăng bàn chuyện hủ bại thì may mắn lắm thay! Xin hiền khế[43] Đức Chấn hãy xét soi.

Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn (thư thứ năm)

Sanh trong thời mạt pháp này tự chẳng có vốn liếng, nương vào lòng bao dung của mọi người, trong đời loạn "sáng chẳng dám bảo đảm tối" này muốn cho kinh luận của các tông đều được lưu thông, hoằng dương pháp của các tông cho người dân đang trong cảnh "sáng chẳng bảo đảm tối", lời ấy chỉ có ông dám nói, chứ Quang chẳng dám nói. Vì lẽ nào vậy? Đừng nói ông không có bản lãnh ấy; dẫu có bản lãnh ấy, chẳng khác gì Phật, cũng chỉ là khế lý mà chẳng khế cơ, sao chẳng dùng Tịnh độ để đề xướng ư? Chắc là ông cho rằng đề xướng Tịnh độ sẽ chẳng thể bộc lộ sở đắc do đọc Đại tạng kinh, đánh mất thân phận đại thông gia của chính mình đó chăng? Ông hoàn toàn nói mớ trong mộng! Quang sợ sau này ông sẽ bị ma dựa phát cuồng cho nên chẳng tiếc sức rát miệng ngăn dứt tri kiến cuồng vọng của ông. Duyệt tạng (đọc Đại tạng kinh) thì [xem rộng kinh sách của các tông, các pháp môn] đều được, hoằng pháp thì phải có pháp chuyên biệt, chủ yếu.

[43] Hiền khế (賢契) là mỹ từ để gọi bạn bè, ý nói người có ý kiến khế hợp với mình.

Đối với pháp "thích hợp khắp ba căn, chín pháp giới cùng tuân hành" do đức Phật đã nói mà vẫn chưa muốn chuyên nhất ý chí trong thời buổi "sáng chẳng bảo đảm tối" này, đủ biết ông chẳng hiểu thời thế, cuồng vọng tự cho là đúng. Đã biết đến tác phẩm Duyệt Tạng Tri Tân[44], sao lại nói trước bao nhiêu chương trình? Quang cứ ngỡ là ông chẳng biết sách ấy, về sau ông lại nhắc đến, càng biết ông tự cho mình là kẻ thông minh, chẳng nương theo quy tắc cực thiện do cổ nhân đã thành lập sẵn. Để luận định các kinh luận chuyên biệt của mỗi tông, hãy nên xem bộ Pháp Hải Quán Lan (gồm hai quyển, Dương Châu Tàng Kinh Viện có sách ấy), sẽ thông suốt trọn khắp các tông. Hoằng pháp trong thời buổi "sáng chẳng bảo đảm tối, cứu chết chóc chẳng xuể" này, chắc chắn chẳng thể không nương theo pháp môn Tịnh độ. Đó là đường lối vạn phần chẳng nghi ngờ chi. Ông hãy nên tự lượng. Nếu không, sẽ chẳng phải là học trò của tôi.

Pháp danh của những người xin quy y được viết trong một tờ khác. Mồng 6, Quang sẽ sang đất Thân (Thượng Hải), 17 quay về. Ngày mồng 9 sẽ khởi thất, nhưng tôi chẳng nhập chúng niệm tụng, mà tự niệm trong liêu phòng. Buổi chiều chỉ nói khai thị một lần, bất luận người nào cũng đều chẳng tiếp, chẳng nhận quà cáp. Ngày 16 ở lại một hôm để truyền tam quy ngũ giới (chuyện này Quang chẳng chấp thuận, nhưng vì ông Khuất Văn Lục đôi ba lượt nhắc đến, cho nên nói một phen). Do mắt chẳng thấy chữ, chỉ chiếu theo phương diện bình thường để nói. Quang bảo người khác làm thay, họ không chịu, cũng chỉ đành thuận theo họ. Tất cả tiền hương kính, bất luận nhiều hay ít đều dùng làm chi phí cho hội, vậy sẽ chẳng đến nỗi mệt chết. Nếu không, chẳng thể không bị mệt đến chết (ngày 18 trở về, lại vào quan phòng để tránh các nơi mời mọc). Quang đã già rồi, từ nay vĩnh viễn chớ nên gởi thư đến nữa, cũng chẳng chấp thuận giới thiệu người khác đến quy y. Phàm các ghi chép khi duyệt kinh, các điều ông ngộ được, và các bản thảo nhằm nêu tỏ ý nghĩa trong Phật pháp đều chớ nên gởi đến, vì Quang chẳng có mục lực để thù tạc được.

Thư trả lời cư sĩ Quách Huệ Thái

---

[44] Duyệt Tạng Tri Tân là tác phẩm ghi lại những nét chánh yếu của mỗi bộ kinh trong Đại tạng kinh do tổ Ngẫu Ích viết vào năm Thuận Trị 11 (1654), gồm 48 quyển. Theo các nhà nghiên cứu, điểm đặc sắc của tác phẩm này là tổ đã dựa theo giáo nghĩa Thiên Thai để phân loại tam tạng, chia luận tạng thành thích kinh luận và tông kinh luận, đặt ra khái niệm tạp tạng (tức là các trước tác không thuộc kinh, luật, luận, nếu lý kiêm Đại thừa lẫn Tiểu thừa, hoặc dính dáng đến pháp thế gian, bèn xếp vào loại tạp tạng), và đối với các kinh được dịch nhiều lần, chỉ chọn lấy bản hoàn chỉnh nhất để trình bày. Pháp Hải Quán Lan cũng là một tác phẩm khác của tổ Ngẫu Ích, trần thuật đại cương một số kinh luận chánh yếu trong Đại tạng kinh.

Ông muốn phát khởi tín tâm cho hết thảy mọi người trong hiện tại và vị lai, há chỉ vài câu mà có thể đạt được ư? Nay tôi viết một bài tựa, gồm 642 chữ. Tuy văn chương chẳng tao nhã, nhưng ý nghĩa thì có thể chấp nhận được. Xin hãy mời người viết chữ đẹp, viết theo lối chữ khải to hơn một tấc, chớ nên dùng kiểu chữ hành thư nguệch ngoạc, triện thư, hoặc lệ thư v.v.. Lối chữ tục thể hoặc thiếp thể cũng đừng nên dùng. Khi viết cần phải lưu tâm, chớ để sai ngoa, hoặc thừa, hoặc sót chữ. Hãy nên làm một tấm biển bằng gỗ, hoặc dán, hoặc khắc lên đó. Phía sau tấm biển nên ken gỗ dày, dùng vải đay dày còn mới, cắt xéo thành từng giải, dùng sơn sống[45] đính lên, tấm biển ấy sẽ chẳng đến nỗi nứt toác, ngõ hầu có thể giữ được lâu dài. Treo ở chỗ mọi người hay trông thấy để được lợi ích. Phàm khuyên, điểm (chấm câu) cũng nên sử dụng như thế, ngõ hầu người ít học cũng có thể hiểu rõ ý nghĩa. Vạn phần đừng nên dùng vải đay cũ để bồi lưng tấm biển, vì chất sợi đã yếu, lâu ngày sẽ nứt ra. Quang đã già rồi, mục lực chẳng đủ, từ nay về sau chẳng chấp thuận người khác sai bảo viết lách. Nếu vẫn gởi thư đến, cũng chẳng trả lời thư. Chẳng phải là tôi không muốn kết duyên, mà là do chẳng có sức chống đỡ nổi!

Thư gởi pháp sư Trí Nguyện

Quang mục lực chẳng đủ, xem đại lược vài ba tờ, thấy đại ý khá hay. Chữ tấn (訊) trong "vấn tấn" (問訊, thưa hỏi, bái xá) do ngôn (言) và phàm (凡) ghép thành. Thầy noi theo lề lối thư nào cũng đều viết lời thăm hỏi, chớ nên dùng kiểu ấy. Tiếp đó lại coi chung một lượt, bèn bổ sung đại lược đôi chỗ. Sau này bất luận loại văn tự nào, nhất loạt mong đừng gởi đến, mong thầy rộng dung thì may mắn lắm thay!

Đính kèm thư của pháp sư Diệu Chân và Liễu Nguyện

Cách lễ bái kinh A-di-đà đã trình lên lão pháp sư Ấn từ bi phê duyệt, liền được ngài giám định là tốt. Nay tiện dịp hòa thượng Huệ Khai của chùa Pháp Tạng trở về đất Hỗ (Thượng Hải), đem dâng của báu đã tụ tập, mong hãy xem xét, thu nhận.

Thư trả lời cư sĩ Hồng Vô Ngã

[45] Sơn sống tức là nhựa cây sơn (tất thụ, rhus succedaneum, sơn ta, wax tree, japanese hazenoki tree), thuộc họ đào lộn hột. Nhựa sơn (lớp sơn trên cùng, gọi là sơn thượng, hay sơn nhất) chủ yếu dùng để chế thành sơn cánh gián và sơn then để phủ lên các tượng thờ, làm đồ sơn mài v.v.. Lớp sơn thứ nhì, thứ ba thì dùng để làm sơn bó, keo dính để trét kín như trét thuyền chẳng hạn.

Hôm qua nhận được thư, biết ông do tự tu tịnh nghiệp, lại còn khiến cho mẹ già 82 tuổi vãng sanh Tây Phương, đúng là khéo phụng sự mẹ. Nếu đem lợi ích ấy khuyên khắp hết thảy quyến thuộc và những người cùng hàng thì điều lợi ấy sẽ rộng khắp. Quang thuộc hạng tăng nhân chỉ biết cơm cháo, đối với Thiền, Giáo, Luật, Mật đều chẳng biết gì, chỉ biết pháp môn Tịnh độ là pháp môn đặc biệt trong một đời giáo hóa của đức Phật. Ông đã chẳng muốn làm đại thông gia, cho nên khéo khế hợp. Nhưng ông đã từng xem Văn Sao, ngoài những điều nói trong ấy ra, tôi chẳng còn có gì để có thể nói. Huống hồ gần đây mục lực suy yếu cùng cực, không thể viết nhiều.

Nay đặt pháp danh cho ông là Trí Đạo (智導), hàm ý dùng cái trí hiểu sâu xa pháp môn Tịnh độ để hướng dẫn trọn khắp hết thảy những người cùng hàng thoát khỏi đời ác ngũ trược, cùng lên cõi sen tứ đức (thường, lạc, ngã, tịnh) kia. Nay đem Thượng Hải Tức Tai Pháp Hội Khai Thị Lục từ năm trước, và bài Niệm Phật Khẩn Từ của ông Trịnh Đức Thuần tại Vân Nam gởi đến. Trong lời khai thị có lời tuyên truyền rộng khắp về chuyện "sữa độc giết trẻ", là một đại sự xưa nay chưa được nêu tỏ. Thoạt đầu tôi đã cho in sáu vạn bản, do đã được đặt trước, nên sách in ra sẽ gởi đi gần một nửa. Năm trước đường bưu điện không thông, Du Dân Tập Cần Sở lại bị ném bom, phàm các sách đã đóng gáy xong mà chưa gởi đi thì đều thành tro tàn. Quang bị tổn thất khoảng hai ngàn đồng. Ngoài ra còn có Vật Do Như Thử và danh mục các sách đã in được kèm theo trong đó. Phía sau Niệm Phật Khẩn Từ lại có in kèm Sơ Cơ Tiên Đạo. Trong ấy có bài Một Lá Thư Gởi Khắp, khá có quan hệ, hãy nên đọc kỹ để tùy cơ diễn nói. Cuối sách Khai Thị Lục có toa thuốc trị bệnh sốt rét, tột bậc linh nghiệm, hãy nên nói với hết thảy mọi người, không ai chẳng được trị lành. Món tiền 10 đồng của ông sẽ dùng làm chi phí in Văn Sao Tục Biên. Ước chừng mùa hạ năm sau sẽ có thể ra sách, sẽ gởi cho ông mấy gói để kết duyên. Lần này khác với cách thức ban đầu, từa tựa như văn khuyên đời, nhưng đối với hai chuyện sanh và tử, cùng với "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận", thiên sách nào cũng đều nói để mong toàn quốc đều cùng chú ý vậy.

Thư trả lời cư sĩ Thí Tông Đạo

Cha ông lúc lâm chung như thế, lại thêm các ông trợ niệm, đủ có thể vãng sanh Tây Phương. Hiện thời sát kiếp còn đang lừng lẫy, tiền đồ nguy hiểm, hãy nên khuyên quyến thuộc, cùng với người làng, ai nấy ăn chay, niệm Phật để cầu vãng sanh Tây Phương. Nếu không, đời sau làm người, chẳng biết sẽ khổ não đến mức nào! Khi hồi hướng trong khóa tụng sáng tối, Quang đọc tên cha ông để hồi hướng suốt bảy ngày cho trọn hết tình thầy trò. Pháp danh của 29 người xin quy

y được viết trong tờ giấy khác. Các sách như Văn Sao v.v. phải chờ đến đầu tháng 8, khi thầy Tánh Tịch trở về Tô Châu thì bảo thầy ấy gởi cho ông. Thầy Đức Sâm vì giảo duyệt sách nên phải ở chùa Thái Bình tại Thượng Hải, ước chừng tháng 9 có thể trở về Tô Châu. Chuyện Hoằng Hóa Xã hãy đợi thầy ấy quay về sẽ xét theo tình huống mà sắp xếp.

Hiện thời chỉ có cách chiếu theo giá gốc, các biện pháp tặng nửa giá hoặc biếu tặng hoàn toàn đều hủy bỏ, do chẳng có người duy trì, không thể giữ như cũ. May là bưu điện đã thông, nhưng trên đường còn có thổ phỉ, nếu gặp phải sẽ khó tránh bị thất lạc. Quang tính gởi cho ông mấy chục gói, mong ông hãy châm chước phân phối, hễ có nhiều thì tùy tiện kết duyên. Về sau hễ có ai muốn quy y thì hãy bảo họ quy y với vị tăng ở nơi đó, Quang chẳng có mục lực và tinh thần để thường thù tạc chuyện này. Năm ngoái tới núi khá an nhàn, kể từ tháng 6 bưu điện thông thuận, ngày càng rườm rà, nếu chẳng cự tuyệt ắt sẽ chẳng có ngày nào rảnh rỗi! Phàm những ai quy y, đều nên bảo họ ai nấy gắng hành "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng hành các điều thiện" để làm bậc thiện nhân trong thế gian. Ăn chay, bảo vệ sanh vật, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương hòng liễu sanh tử. Dùng các chuyện ấy để tự hành, lại còn giáo hóa người khác, khiến cho khắp những ai cùng hàng đều cùng hưởng pháp trạch. Nếu không, nỗi khổ mai sau chỉ hơn nỗi khổ trước mắt chứ chẳng kém. Than ôi, buồn thay! Cái gốc của nỗi họa ấy, gần là do giáo dục trong gia đình chẳng khéo dạy dỗ, xa là do tà thuyết của Trình Chu bài xích thật lý thật sự "nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo" ươm thành. Họ bảo đức Phật lập ra pháp ấy để làm căn cứ dụ dỗ kẻ ngu phu ngu phụ tôn phụng giáo pháp của ngài, chứ thật sự chẳng có chuyện ấy.

Thư trả lời cư sĩ Tô Trí Tường

Hôm qua nhận được thư của Cổ Nông và thư của ông, biết cặn kẽ ngoại đạo đang hưng thịnh nơi quý địa. Ông có thể bỏ ngoại đạo, mong tu Tịnh độ là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, cũng có thể nói là "xưa kia đã có thiện căn", nhưng đối với chỗ tự cao tự đại, trọn chẳng tự biết. Vì thế, tuy đọc kinh Phật nhưng cũng chỉ là da lông mà thôi! Cổ Nông là bạn bè, hễ gởi thư đến đều xưng là *"đệ tử X... hòa nam"* ("hòa-nam" (vandana) tức là dập đầu, đảnh lễ), 15 người các ông cậy Cổ Nông viết thư giới thiệu mà chẳng nói là *"gởi cho Quang"*, chỗ xưng danh chỉ ghi là Trí Tường ở Tô Châu *"hiệp thập"* (chắp mười ngón tay). Khi ông vào phái ngoại đạo, không chỉ chắp mười ngón tay mà thôi! Trong Văn Sao của Quang có nói Thanh Thế Tổ Chương Hoàng Đế (vua Thuận Trị) khi gởi thư cho đệ tử

của quốc sư Ngọc Lâm là thiền sư Lữu Khê Sâm[46], chỗ ký tên đều xưng là *"pháp đệ Hành Si hòa-nam"*. Nếu ông là hoàng đế, lại chẳng biết sẽ tự đại khinh người đến cỡ nào? Nay tôi đem thư của Cổ Nông gởi kèm theo. Lại mong ông tra duyệt quyển một của Văn Sao, trang 67, tức thư trả lời Vưu Tích Âm sẽ tự biết, ở đây không nói cặn kẽ.

Ông đã biết thị lực của Quang suy yếu, sao lại viết kiểu chữ nhỏ như thế này! Giấy viết thư vốn viết được 8 dòng, ông viết thành 16 dòng, sao lại tiếc giấy mà chẳng sợ khi Quang xem phải tốn sức? Xưa kia Quang đã tạo ác nghiệp to lớn nơi mắt, cho nên mới sanh ra 6 tháng liền bị bệnh mắt, suốt 180 ngày mắt chưa hề mở được. Sau đó có thể thấy bầu trời đã là hết sức may mắn! Nay đã 79 tuổi, dẫu chữ viết to cả tấc, không đeo kính vẫn chẳng thể thấy rõ. Phàm thư từ qua lại ắt phải dùng cả hai thứ kính lão và kính lúp thì mới phảng phất xem được, trả lời được. Ông cho rằng thư này gởi cho Cổ Nông chứ chẳng phải gởi cho Quang ư? Cổ Nông sẽ vì ông chép lại rồi mới gởi cho tôi, há có lý ấy hay chăng? Thầy là khuôn mẫu của người khác. Nếu chẳng huấn thị ở chỗ này, tức là tự khinh Phật, pháp, tăng, mà cũng khiến cho kẻ khác khinh thường tam bảo. Đừng bảo Quang chuộng được người khác cung kính, đấy chính là chỗ Quang cung kính người khác. Nếu không, đối với tam bảo mà còn chẳng chịu nói nhún nhường một chữ, huống hồ thật sự hành lễ kính ư? Học Phật như thế thì chắc chắn sẽ chẳng có lợi ích to lớn! Muốn siêu phàm nhập thánh, phải chờ tới năm con lừa, hoặc nằm mộng. Nếu [siêu phàm nhập thánh] trong các năm Ngọ, Mùi v.v. chi đó, trọn chẳng có chuyện không tương xứng nhân quả ấy. Vì thế nói là "Quang thật sự cung kính người khác". Những điều khác đã nói trong Một Lá Thư Gởi Khắp, không rườm lời nữa!

Thư trả lời pháp sư Viên Anh

Hôm trước nhận được thư, biết chuyện vu báng đã được làm rõ, trả lại giảng đường. Lại còn trong lúc nguy hiểm ấy, sư đạt được công phu đại tương ứng, có thể nó là do họa mà được phước. Chính là "chẳng trải một phen lạnh buốt xương, há được hoa mai thơm ngát mũi". Nguyện từ nay về sau, chuyên dùng pháp môn

[46] Ngài Lữu Khê Hành Sâm (1614-1677) là người xứ Tân La, tỉnh Quảng Đông, là một vị cao tăng thuộc tông Lâm Tế. Lúc 7 tuổi, sư xin xuất gia với ngài Tông Bảo Độc Công, về sau tham học với Vân Môn Viên Tín, cuối cùng trở thành đệ tử dưới pháp tòa của ngài Ngọc Lâm Thông Tú (tức quốc sư Ngọc Lâm, do ngài Ngọc Lâm được vua Thuận Trị phong tặng danh hiệu Đại Giác Phổ Tế Năng Nhân Quốc Sư). Năm Thuận Trị 17 (1660), sư vâng chiếu vào cung giảng pháp. Do từ chối tước hiệu được phong tặng, sư được vua Thuận Trị gọi thân mật là Từ Ông. Sau này sư ẩn cư tại chùa Long Khê (tức chùa Viên Chiếu sau này) thuộc Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang. Hiện thời còn có bộ Lữu Khê Sâm Thiền Sư Ngữ Lục được lưu truyền.

"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" để nói với các Phật tử đang còn ở trong lao ngục tam giới thì lợi ích ấy chỉ có Phật biết được. Còn như chuyện Quang và các sư trong chùa cầu nguyện chính là chuyện thuộc về bổn phận của chúng tôi, nào đáng để ca ngợi, cảm tạ? Khoản tiền sư gởi cúng đại chúng cũng có thể khiến cho mọi người tin sâu Phật lực - pháp lực - chúng sanh tâm lực, ba thứ đều chẳng thể nghĩ bàn, khiến cho ai nấy đều đạt được công phu "tịnh niệm tiếp nối", tức là tài thí mà là pháp thí, đều cùng cảm tạ. Tôi vốn muốn phúc đáp ngay, nhưng có chuyện được nhờ cậy chẳng thể trì hoãn, cho nên tới nay mới phúc đáp.

Thư gởi đại sư Diệu Chân (thư thứ nhất)

Nay có đệ tử ở Phụ Dương tên là Triệu Sư Viễn muốn ở lại núi trong thời gian ngắn mười mấy ngày, xin tôi giới thiệu. Người ấy và Vương Tông Nhất đều thuộc vào hàng thân thích, ở trên núi cũng chẳng cần phải đãi như khách, chỉ dùng cơm nước theo lệ thường, một ngày ba bữa là được rồi. Nếu ông ta có tinh thần thì cũng có thể tùy hỷ niệm Phật, chẳng cần câu nệ buộc phải thường xuyên đến niệm.

Tái bút: Nếu ông ta muốn chi tiêu, liền nói thẳng với ông ta, cũng chẳng cần đôi bên phải khắc khổ, chỉ cốt sao vừa phải là được rồi.

Thư gởi đại sư Diệu Chân (thư thứ hai)

Đúng dịp vợ ông Vương Bích Trần đến đây, nói một thân quyến nằm bệnh đã lâu ngày, muốn mở một Phật thất. Quang ước định có thể mời 15 người hay 20 người. Nếu đã ấn định ngày xong xuôi, thầy liền gởi thư cho biết.

Thư gởi đại sư Diệu Chân (thư thứ ba)

Buổi chiều hôm trước, vị phạn đầu[47] đến giao thư, do có khách đến nên chưa xem, đến tối mới xem, biết ngày hôm qua đã khởi thất, do vậy bèn báo tin ngay cho Vương Huệ Phong. Ông ta đến nhà họ Hoa thương lượng, bốn giờ đến đây, giao 300 đồng. Cúng cho 20 vị tham dự Phật thất 200 đồng, cúng cho bài vị trường sanh[48] 50 đồng, cúng Phật, tăng và tiền vàng hương là 50 đồng. Ước chừng vào sáng ngày 16 sẽ phái người dẫn Vương Huệ Phong và con gái của bệnh nhân (15

[47] Phạn Đầu (飯頭) là vị sư trông coi nhà bếp trong tùng lâm.

[48] Bài vị trường sanh còn gọi là "trường sanh lộc vị", tức bài vị viết tên người sống để cầu an, cầu phước, hoặc cầu tăng thọ, tiêu tai giải nạn cho người đó. Bài vị này thường viết bằng giấy đỏ, đặt trên bàn thờ Quán Âm, hay dán trên tường cạnh bàn thờ Quán Âm nếu trong chánh điện có bàn thờ Quán Âm Bồ-tát riêng.

tuổi) đến núi lễ Phật, buổi chiều về ngay. Tôi bảo họ chỉ mặc y phục thường ngày tại nhà để tránh bị kẻ tiểu nhân ngắm nghé.

Thư gởi đại sư Diệu Chân (thư thứ tư)

Nhà họ Hoa chỉ mở một Phật thất, thỉnh 20 vị, lập hai loại bài vị cầu siêu cho vong linh và tăng thọ. Hãy nên niệm A-di-đà Phật, do A-di-đà Phật chính là Vô Lượng Thọ. Cụ bà nhà họ Vương do thấy con dâu bị sốt rét rất nặng suốt hai mươi mấy ngày, dặn đem 10 đồng giao cho Linh Nham để cúng Phật và tăng. Quang đem toa thuốc trị sốt rét trao cho, ngày hôm sau liền lành bệnh.

Ông Dương Chấn Nhân, pháp danh Trí Siêu đã đến. Sáng nay đã đi theo thuyền của thầy Diệu Viên đến. Người này mọi việc chẳng thông thuận, hơi lãng tai. Hãy nên xét theo tánh cách của ông ta để sắp xếp làm các việc nhẹ, phục vụ trong phòng trà cũng được, chẳng nhất định phải bảo người quản sự thu nhận.

Thư gởi đại sư Diệu Chân (thư thứ năm)

Đại kiếp xảy đến, trọn chẳng có chỗ tránh né, Quang trọn chẳng thích di chuyển, huống hồ chuyện ném bom ác liệt nơi nào cũng đều có, há chịu xả nơi đã ở yên để dời sang chỗ khác ư? Vì thế điện tín cũng chẳng xem. Nghe nói cả nhà các vị cư sĩ Quý, Vương, Ngô, Hoàng, Lý đều đến núi, pháp hội rộng mở, cũng là chuyện may mắn to lớn trong khi bất hạnh. Nếu mọi người có thể chí thành niệm Quán Âm thì sẽ có thể khiến cho oai thế của quân ta bừng bừng mạnh mẽ. Đó cũng là chuyện tương trợ của người ở ngoài cuộc. Từ khi người Âu Tây vào Trung Quốc đến nay đã bảy tám chục năm qua, giao chiến với họ, trọn chẳng thắng trận nào. Ngày 6 tháng Giêng thắng một trận nhỏ, thắng trận lần này trước nay chưa hề có, một là do người Nhật quá hung tàn, hết sức trái nghịch lòng trời. Đằng khác là do nước ta gần đây người niệm Phật nhiều, cho nên được tam bảo gia bị mà có hiện tượng như thế. Quang sớm tối cầu tam bảo và Quán Âm gia bị người Nhật diệt dứt tâm ác, nảy sanh niệm thiện, chẳng gây chướng ngại cho Trung Quốc nữa.

Nghe nói cư sĩ Hoàng trước kia bị trúng mưa to gió lớn (do gởi thư có kể tên ông Hoàng, cho nên lão nhân nói như thế. Đức Sâm ghi chú), sợ sẽ sanh bệnh. Nay gởi cho thầy bốn bình sắt Tây đựng tro hương Đại Bi, nếu có người bệnh hãy bảo họ pha uống, sẽ có thể lành bệnh. Tro ấy đã được gia trì năm sáu ngàn biến chú Đại Bi. Từ bốn cái bình ấy có thể pha thành mấy trăm bình nước Đại Bi, cũng bảo Minh Tâm uống một chút. Mong thầy khuyên khắp dù tăng hay tục cùng niệm thánh hiệu Quán Âm, có lẽ chẳng lâu sau họ sẽ tự cầu hòa, nỗi nhục mấy

chục năm của nước ta cũng có thể gột sạch đôi chút. Đừng lo cho Quang, sống chết có số, huống chi Quang đã sắp tám mươi, còn có ý niệm sợ chết ư?

Thư gởi đại sư Diệu Chân (thư thứ sáu)

Chữ *kiến* tức là chọn lựa người thật sự có đạo tâm chừng mười vị, hoặc hai mươi vị, chỉ ở một chỗ, niệm thánh hiệu Quán Âm suốt ba ngày. Chính mình ắt phải thường lo liệu để tránh sơ sót. Cha ông Đậu Tồn Ngã chính là một người quật cường, chẳng hiểu việc đời. Do bọn con cháu thấy Tồn Ngã đối với họ khá tiếc tiền, nhưng làm công đức thì lại chẳng tiếc tiền, kẻ tiểu nhân bèn thừa dịp ấy xúi giục (chị dâu của Tồn Ngã khá thông minh, nhưng xấu nết). Cha ông ta tuổi cao, quyết ý muốn chia tách nhà để tự lo liệu, nhưng lại chẳng hiểu chuyện, lại không hiểu thói đời. Hễ ông cụ quản lý, sau này chắc đến nỗi cả nhà mắc họa. Tám chín năm trước, Tồn Ngã đã bỏ tiền in sách hai ba ngàn đồng. Chi phí ở chỗ thầy Minh Đạo, Linh Nham và Hoằng Hóa Xã rất lớn.

Trong lúc chẳng có cách nào giải quyết như thế này, chỉ đành cầu Bồ-tát gia bị, khiến cho cha ông ta một khi tỉnh ngộ, vẫn giao cho Tồn Ngã [quản trị gia nghiệp] thì còn có thể cứu vãn. Nếu không, chẳng phải chỉ một nhà không yên ổn! Khoản tiền ấy sẽ quy về Quang bỏ ra, chớ cùng người khác nói nguyên do, chỉ khuyên ông ta phát tâm báo ân, cầu Đại sĩ gia bị là được rồi. Sáng nay Hải Lan tới, nói cặn kẽ tình hình chung, hai giờ chiều ông ta rời đi. Ba giờ chiều thì Tồn Ngã đến, biết ông ta trọn chẳng có cách nào, tôi bảo ông ta niệm Quán Âm, và ông ta cũng hứa tự mình sẽ giúp đỡ Linh Nham.

Lại nữa, cha ông ta hoàn toàn chẳng hiểu việc đời, vì thế đã 76 tuổi, vẫn vì yêu thương cháu mà cho họ tách ra, lại còn thu hồi sổ sách (một bà vợ bé trước đó đã trốn đi. Nếu bà ta chẳng tốt cho lắm sẽ cuỗm tiền bạc mang theo). Một mai ông cụ mạng chung, sự nương cậy của cả nhà sẽ bị kẻ xấu trộm mất, liền trở thành kẻ nghèo hèn không nơi nương tựa, đáng sợ tột bậc.

Thư gởi đại sư Diệu Chân (thư thứ bảy)

Thư hôm qua cũng chưa trả lời, trưa nay Trần Tài Hoa chuyển khoản 500 đồng nhưng chưa nhận được. Có đệ tử quy y là Hà Huệ Can ở Như Cao dẫn con và hai bà cụ trong thân quyến muốn tới triều bái Thiên Trúc, lại muốn đến núi lễ Quán Âm, và lễ niệm Phật. Hôm nay họ nghỉ lại núi, sáng mai trở về Tô Châu, buổi chiều ngồi thuyền nhỏ sang Hàng Châu xin được chỉ dạy. Tôi cũng bảo họ tùy hỷ niệm Phật để gieo thiện căn. Ngay trong buổi chiều, đối với trái cây và hương họ mang đến, cũng bảo họ mang theo. Lại có một cái hộp không, bèn dùng đựng tro hương đã trì chú Đại Bi để khi có dịp cần đến, cho họ trữ sẵn mang theo.

Thư trả lời Đỗ Ấm Nam

Xem thư gởi đến, biết ông xưa đã có huệ căn, nhưng chỉ mong làm bậc đại thông gia, chẳng thể khăng khăng một mực thật sự lo chuyện liễu sanh tử trọng yếu. Tín tâm chân thật, nguyện chân thật, sao chẳng chịu thường niệm Phật vậy? Pháp niệm Phật cực dễ tu trì, hoàn toàn chẳng cần phải gác bỏ sự nghiệp kiếm sống. Sớm tối tùy thuộc công phu của mỗi người, lập một công khóa. Ngoài ra, hết thảy mọi lúc, hết thảy mọi chỗ đều có thể thường niệm, hoặc niệm ra tiếng, hoặc niệm thầm, miễn sao thuận tiện cho mỗi người. Lại cần phải nhiếp tai lắng nghe (pháp này mầu nhiệm tột bậc, Đại Thế Chí Bồ-tát nhiếp trọn sáu căn, hễ nghe thì tâm quy về một chỗ, gọi là "tịnh niệm"). Lâu ngày chầy tháng, tâm tự nhiên quy nhất. Nay chỉ vì niệm chưa được bao lâu đã mong chẳng có vọng niệm, há có được chăng?

Thư trả lời Đào Dã Công

Hôm qua nhận được thư của ông và thư của phu nhân Thiệu, biết rõ hết thảy. Ông Thiệu liều mình vì nước, tuy chết mà có công. Phu nhân Thiệu hãy nên dứt buồn niệm Phật, ngõ hầu người mất lẫn kẻ còn đều được lợi ích. Nếu chỉ đau xót thì đối với ông Thiệu cũng như chính mình đều bị tổn hao nhiều, chẳng có ích lợi nhỏ nhoi gì. Bởi lẽ, ông Thiệu do vợ đau thương sẽ khó quên tình, giải thoát. Bản thân bà ta không chỉ chẳng đạt được lợi ích to lớn do niệm Phật, mà còn hứng chịu thân tâm đau khổ. Do bà ta hoàn toàn chẳng biết cội nguồn của pháp môn Tịnh độ, cho nên chỉ sanh lòng đau khổ cảm thương, chẳng tu tập lợi ích siêu độ.

Pháp môn niệm Phật là pháp môn quy túc cho Luật, Giáo, Thiền, Mật. Đẳng giác Bồ-tát còn cần phải đem công đức của mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc để mong viên mãn Phật quả. Huống hồ hết thảy các vị Bồ-tát thuộc các địa vị thấp hơn và các vị đại đức đang tu học ư? Bổn địa của ngài Vĩnh Minh là đã chứng Phật quả từ lâu, nhưng do ngài thị hiện sanh trong thế gian, ắt cần phải thực hiện hạnh tự lợi lợi tha. Niệm Phật vãng sanh Tây Phương chính là pháp tự lợi lợi tha tối thượng. Vì thế, ngài dùng thân làm gương, cực lực đề xướng, để mong trọn hết chức trách gánh vác Phật pháp, an ủi bổn hoài thuyết pháp của Như Lai. Người thời nay phần nhiều không nghiên cứu, hoặc hoàn toàn chẳng biết, đó gọi là "quen làm mà chẳng xem xét". Hoặc là sợ đề xướng pháp môn Tịnh độ sẽ bị kẻ khác coi rẻ, cho là kẻ không có trí tuệ, vì thế

chẳng dám! Điều này chính là như Mạnh tử đã nói "chung thân do chi"[49], chẳng biết phương hướng của đạo.

Cần phải biết pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt trong hết thảy các pháp môn suốt một đời thuyết pháp của đức Thế Tôn. Ngu phu ngu phụ tâm chẳng có thành kiến, dễ sanh lòng tin. Kẻ thông Tông thông Giáo biết là pháp môn đặc biệt, ắt sẽ cực lực đề xướng. Nếu kẻ thông Tông thông Giáo mà luận định pháp môn đặc biệt như pháp môn bình phàm, sẽ không chỉ chẳng sanh lòng tin, mà còn bài bác. Do vậy gọi là "pháp khó tin". Vì thế Quang thường nói: "Pháp môn Tịnh độ là pháp môn tổng trì để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thành tựu từ lúc phát tâm cho đến lúc chứng quả. Vì thế pháp này được chín pháp giới (lục phàm tam thánh là chín pháp giới) cùng hướng về, mười phương đều xưng tán. Ngàn kinh cùng xiển dương, vạn luận đều tuyên nói." Ông có thể tin tưởng, chắc chắn sẽ có phần vãng sanh!

Mong hãy đem thư này đưa cho phu nhân Thiệu xem. Nếu bà ta lãnh hội được, sẽ lập tức lành bệnh. Nếu không, chỉ là tình nghĩa vợ chồng trong thế gian mà thôi. Bà ta gởi đến 40 đồng, sẽ dùng để in kinh sách, hòng tiêu túc nghiệp cho vợ chồng, mẹ con họ, tăng trưởng thiện căn vãng sanh, cũng do họa mà đạt được đại hạnh phúc liễu sanh thoát tử. Viết đến đây, bài viết về tiểu sử của ông Thiệu mới gởi đến, Quang do mục lực chẳng đủ, gượng xem lời lược thuật tiểu sử của ông ta, biết ông ta chẳng phải là tầm thường. Điều đáng tiếc là ông ta chuyên tâm nơi pháp thế gian, trọn chưa từng bén mảng Phật pháp. Người thông minh như thế, nếu lại nghiên cứu Phật pháp thì sự nghiệp phát huy, sẽ chẳng chỉ như vậy. Bởi lẽ những bậc lập đại công tạo đại nghiệp từ xưa, lòng tinh trung chói lòa nhật nguyệt, hạo khí lấp thiên địa đều do học Phật đắc lực mà ra. Nhưng sử quan chỉ chép sự tích của họ, chẳng nói rõ nguồn đạo, vì thế cõi đời phần nhiều chẳng biết. Trong lời bạt cho tác phẩm chép kinh chú của Lâm Văn Trung Công[50], Quang đã nêu tỏ nghĩa ẩn tàng ấy. Mong hãy đọc kỹ, sẽ tự biết lời Quang nói chẳng sai!

---

[49] Đây là một câu nói khá nổi tiếng của Mạnh tử: *"Hành chi nhi bất trước yên, tập hỹ nhi bất sát yên, chung thân do chi nhi bất tri kỳ đạo giả, chúng dã."* Câu này được diễn giải là: "Tuy làm như thế mà hoàn toàn chẳng hiểu nguyên do, đã làm quen tay rồi mà vẫn chẳng hiểu sâu sắc nguyên do, nguồn cội; suốt đời tuân hành mà chẳng hiểu rõ đường lối. Kẻ như thế đông lắm."

[50] Lâm Tắc Từ (1785-1850), tự Nguyên Phủ, có các biệt hiệu là cư sĩ Bình Tuyền, tản nhân Lịch Xã, lão nhân Sĩ Thôn, quê ở Phước Châu, tỉnh Phước Kiến, từng làm Tổng đốc Lưỡng Quảng, Tổng đốc Thiểm Cam, Tổng đốc Vân Quý. Khi làm Tổng đốc Lưỡng Quảng, ông hạ lệnh thiêu hủy hơn 20.000 hòm thuốc phiện của người Anh tại Quảng Đông, dẫn đến cuộc chiến tranh nha phiến lần thứ nhất giữa Anh và Trung Hoa. Tuy bị cách chức, đày đi Y Lê (vùng Tân Cương), nhưng đến đâu, ông cũng có tài cai trị, chú trọng phát triển nông nghiệp tại địa phương, nhất là kiến thiết các công trình thủy lợi. Do khi mất, ông được tặng thụy hiệu là

Thư trả lời cư sĩ Dư Huệ Thông

Viện Đại Hùng ở Lư Sơn được xây dựng rất tốt, nhưng tăng sĩ chân thật chẳng dễ có! Cố nhiên chẳng thể không lưu tâm suy xét. Phàm học Phật pháp, ắt trước hết hãy nên vì liễu sanh tử. Nay cư sĩ tại gia, kẻ hơi thông minh phần nhiều đều muốn làm bậc đại thông gia, mong tuyên nói trước đám đông, và lưu lại tác phẩm để lưu danh cho hậu thế, khiến cho hiện tại lẫn vị lai đều cho rằng ta là X… là bậc đại thông gia. Còn chuyện đối trị tập khí phiền não, và làm như thế nào để có thể tự liễu thoát trong cõi đời hiện tại đều chẳng buồn hỏi tới. Nếu có gã phường tuồng nào đóng giả làm đế vương thiên tiên, đại chúng sẽ ưa thích khôn ngằn, chẳng biết đó chỉ là giả trất, đời sau kiếp sau chẳng biết đầu mặt lại là tướng trạng như thế nào? Cũng đáng buồn lắm thay!

Thư trả lời cư sĩ Lưu Đạm Nhiên ở Lưu Dương

Xem thư ông gởi đến, ngữ khí quá lớn! Hễ là người thật thà niệm Phật sẽ trọn chẳng chịu nói những ý kiến của riêng mình, mà sẽ một mực nương theo lời dạy của các vị thạc đức trong Tông hay Giáo để mong mỏi. Nếu cứ thích như thế (cứ ăn nói phô trương kiến giải của chính mình như thế) thì sẽ liễu sanh thoát tử vào năm con lừa! Đức Phật đã vì hết thảy phàm thánh lập ra pháp môn Tịnh độ này. Ông và tôi là hạng phàm phu lè tè sát đất, trong ý ông dường như đã chẳng vừa ý pháp này, lại cầu Quang bố thí vô úy hòng chữa tâm bệnh. Tôi làm sao có thể thí vô úy cho ông được? Đức Phật bố thí pháp vô úy có thể chữa tâm bệnh cho ông, ông chẳng cho là đúng. Ấn Quang tôi là một phàm phu đầy nghiệp lực, há có thể ở ngoài pháp môn Tịnh độ phổ độ phàm lẫn thánh của đức Phật mà lại lập ra một pháp môn khác ư? Xét theo lời lẽ ông đã nói, đúng là Quang chẳng dám phúc đáp, huống hồ làm thầy quy y ư? Nếu chẳng coi lời Quang là vô dụng, xin hãy đọc kỹ Văn Sao hoặc Gia Ngôn Lục, nương theo đó để tu, chắc chắn là khi sắp mạng chung sẽ nương vào từ lực của Phật mà vãng sanh Tây Phương, đúng là pháp để chân thật đạt được đại vô úy, trừ khử tâm bệnh. Muốn cầu vô úy ở ngoài pháp ấy cần phải là bậc tái lai thì mới có thể đích thân đạt được. Ông và tôi muốn đạt được, chắc là khi nằm mơ thì may ra có thể mộng thấy không chừng! Trừ khi nằm mộng, trọn chẳng có lẽ ấy. Nay đặt pháp danh cho ông là Trí Viên (智圓). Các điều khác xin hãy đọc kỹ trong Văn Sao để thực hành, đó là chuyện trọng yếu. Quang đã già rồi, tinh thần chẳng đủ, chẳng thể thù tạc, mong đừng gởi thư đến, cứ gởi đến sẽ thật sự khó thể trả lời.

Văn Trung nên để tỏ lòng tôn kính, người Hoa thường gọi ông là Lâm Văn Trung Công Tắc Từ.

Thư trả lời cư sĩ Tôn Khánh Trạch về chuyện tang lễ chẳng dùng đồ mặn

Hiện thời thế đạo suy đồi, lễ pháp hoại loạn, phàm tiến hành mọi chuyện đều mong sao phô trương, tráng lệ, chẳng biết điều gì nên làm, điều gì nên tránh. Thuở sanh tiền, mẹ ông đã ăn chay, niệm Phật, lâm chung còn có tướng lành ứng hiện, đừng nói chẳng nên dùng đồ mặn, mà còn phải nên gắng tuân theo ý mẹ, toàn thể đều dùng đồ chay. Cổ nhân trong tang lễ trọn chẳng dùng rượu thịt. Khi Tùy Dượng Đế làm thái tử, mẹ ông ta chết, ông ta chẳng dám ăn thịt, lén lút sai người dùng ống tre đựng thịt, dùng sáp bịt kín miệng ống, nhét vào bọc để dâng lên. Đủ thấy dùng thịt trong tang lễ, bậc cổ Nho nghiêm ngặt như thế đó. Dẫu là thái tử vẫn sợ người khác biết, bèn làm theo cách ấy. Người thời nay chính mình cũng ăn thịt, lại còn dùng thịt đãi đằng khách khứa. Khách khứa đều chẳng biết tang sự là chuyện ra sao, cứ nghiễm nhiên uống rượu, ăn thịt, coi đó là dịp để hưởng một hồi náo nhiệt, vui sướng. Chuyện này hoàn toàn trái nghịch lễ pháp của tiên vương, chỉ biết mong sao khoe khoang đẹp mặt với người khác. Nếu muốn tránh bị chê bai là "dùng đồ chay để giảm chi tiêu", hãy nên nêu bày ý nghĩa to lớn, đặc biệt đề xướng "bỏ ra bao nhiêu tiền để làm chuyện công ích", thì người ta sẽ tự chẳng đến nỗi trách móc tang chủ muốn giảm bớt chi tiêu.

Phận làm con phải nên khiến sao cho thần thức của cha mẹ được an ổn. Kẻ làm con trong hiện thời phần nhiều đều coi chuyện "quăng đá người đã té xuống giếng" là hiếu. Nếu chẳng chịu ném đá, tợ hồ giống như hổ thẹn chẳng còn mặt mũi nào gặp người khác. Ném đá càng nhiều, càng tự đắc ý! Đáng thương cha mẹ suốt một đời vì con cái, cho tới khi chết, chúng nó lại mượn dịp tang sự để sát sanh, hại mạng, cúng tế vong linh, đãi đằng khách khứa, hoặc tự ăn nuốt. Đã thế còn nhơn nhơn tự đắc, đắc ý bảo: "Đối với đám tang của cha mẹ, ta đã mổ mấy con lợn, mua bao nhiêu gà, vịt, cá, tôm đãi đằng khách khứa. Cha mẹ ta sanh ra ta một phen, cũng có thể nói là ta đã trọn hết tấm lòng rồi!" Chẳng biết do đám tang của cha mẹ mà sát sanh, khiến cho cha mẹ hứng chịu quả báo do giết chóc. Mắt phàm chẳng thấy, bảo đó là "hành hiếu". Thiên nhãn nhìn vào, thấy chuyện đó càng đáng thương xót hơn giết cha mẹ. Vì lẽ nào vậy? Do sát sanh nhiều, khiến cho cha mẹ và chính mình cùng với khách khứa đời đời kiếp kiếp phải đền trả lẫn nhau, chẳng đáng buồn ư?

Đứa con đã thành gia lập nghiệp, chẳng vay lãi nặng, huống hồ muốn thể hiện lòng hiếu mà vay nợ tánh mạng ư? Ông tuy quy y Phật pháp, sợ chẳng hiểu rõ lý này, vì thế tôi nói với ông. Nếu anh em trai, chị em gái trong nhà có kẻ chẳng biết lý này, hãy nên đem lời Quang đưa cho họ xem, nói rõ nguyên do cho họ. Nếu họ hiểu rõ lý này, ai chịu hành hiếu theo kiểu "ném đá người đã té giếng". Hành hiếu

kiểu "ném đá xuống giếng", dẫu cọp sói còn chẳng nỡ lòng, huống con người ư? Nhưng do người đời chẳng biết nhân quả ba đời, cố chấp các chuyện thuộc vào tập quán thế gian để cử hành tang lễ, trái nghịch to lớn với tang lễ của tiên vương. Ông và Quang chưa gặp mặt, mẹ ông và Quang cũng chẳng quen biết, cớ gì Quang phải lằng nhằng, lan man mà chuốc lấy người khác phiền lòng, nói những lời rỗng tuếch ấy để làm gì? Bất quá, nghĩ ông vẫn tin tưởng Quang, mẹ ông suốt đời siêng năng, tiết kiệm, nhân từ, rộng rãi, niệm Phật, tu thiện, Quang chỉ muốn mẹ ông được lợi ích, chẳng muốn mẹ ông do ông chẳng hiểu rõ lý to lớn đến nỗi bị tổn hại. Nếu các ông chẳng sợ mẹ mình bị tổn hại, chẳng chịu để cụ đạt được lợi ích thì cũng chỉ đành tùy lòng các ông. Há Quang có thể ép buộc các ông chẳng làm ư? Nhưng Quang đã nói rồi thì tâm Quang chẳng thẹn. Nếu Quang chẳng nói, sẽ đánh mất thân phận của chính mình. Vì lẽ nào vậy? Do ông coi Quang là thiện tri thức. Ví như có người muốn trở về nhà, hỏi đường với người khác, người được hỏi ắt cần phải chỉ cho con đường chánh đáng nên đi, chỉ rõ con đường ngoắt ngoéo chớ nên đi. Nếu ông vẫn noi theo ý mình, nhất định muốn đi theo con đường ngoắt ngoéo chẳng nên đi, đó là lỗi của ông, chẳng liên quan gì đến người chỉ đường. Mong hãy xét kỹ lời tôi là lừa gạt ông hay là thành tựu hiếu đạo cho ông? Kẻ biết tốt xấu sẽ chẳng coi lời tôi là sai lầm!

Thư trả lời cư sĩ Hoàng Tụng Bình ở Tương Âm

Quang là loại tăng nhân chỉ biết cơm cháo, một mực thẳng ruột ngựa, trọn chẳng chịu hư dối ca ngợi người khác, mà cũng trọn chẳng muốn người khác ca ngợi mình hư dối. Lời lẽ nơi trang thứ nhất của bài văn các hạ viết, tôi rất chẳng muốn nghe, do chẳng phải là thân phận của tôi, sẽ trở thành nỗi nhục không gì lớn bằng. Bệnh từ thân sanh, thân do nghiệp sanh, hãy nên thống thiết sám hối để tiêu túc nghiệp. Lại cần phải hết sức phòng ngừa chuyện phòng the để bệnh khỏi nặng hơn. Bất luận bệnh gì, chẳng kiêng chuyện phòng the thì chắc chắn khó thể lành bệnh! Khổng tử nói: *"Phụ mẫu duy kỳ tật chi ưu giả"* (Cha mẹ chỉ lo về căn bệnh ấy), do chuyện phòng the là cội gốc của hết thảy các bệnh.

Trong khi thân đang bệnh tật, cần gì phải đến Cư sĩ lâm theo đại chúng niệm Phật? Chỉ ở tại nhà lắng lòng tĩnh niệm, đó là tốt nhất. Còn như ông nói nghiên cứu Phật lý với thiện tri thức, do thân đang vương bệnh nặng, chỉ nên nghiêm túc tu trì. Hãy nên chí thành niệm Phật và niệm Quán Âm, lúc này chẳng cần phải nghiên cứu. Hễ nghiên cứu, ngược lại sẽ trở thành rối ren. Ví như có bệnh, có được một viên linh đan, liền chú trọng dùng ngay. Chớ nên trước hết nghiên cứu xem viên linh đan ấy do thuốc gì chế thành, thuốc sẽ đi theo kinh lạc nào, trị bệnh

gì? Ắt mong hiểu rõ từng điều rồi mới chịu uống thuốc ư? Ông trọn chẳng biết nguyên do của học giải và học hành, cho nên chẳng đạt được lợi ích chân thật.

Danh mục của ngoại đạo chất chứa thành trăm, thành ngàn loại, nhưng cách dụng công của họ nói chung chẳng ngoài luyện đan, vận khí. Dẫu chúng nó dạy người ta xem kinh, niệm Phật đều là màu mè ngoài mặt, chứ cố nhiên chúng nó chẳng cho đấy là đạo. Muốn đắc đạo của chúng ắt phải khẩn thiết đến cực điểm. Ban đêm một mình vào phòng, đóng chặt cửa cái, cửa sổ, bên ngoài phái người tuần tra, chỉ cho phép một người vào phòng. Trước hết cần phải phát lời thề cực ác, cực thảm: "Nếu trái nghịch giáo đó, nhất định chịu loại thảm báo ấy." Thề độc rồi, họ sẽ điểm khiếu, chỉ huyệt, hoặc nơi đầu, mặt, hoặc ở trong thân. Đối với các huyệt trong thân, ắt phải cởi sạch áo ngoài lẫn áo lót, sờ soạng để chỉ điểm. Cách làm như thế chính là mánh khóe mê hoặc người khác, nhưng hết thảy các ngoại đạo thoạt đầu dùng một "kinh" để truyền đạo "chẳng tu các pháp khác mà có thể ngay lập tức thành tựu". Nếu bỏ cách bí mật để dạy rõ cho người khác, chẳng bắt thề độc mà cho phép người khác tùy ý nhập đạo hay bỏ đạo, ngoại đạo sẽ chẳng có căn cứ để tồn tại được.

Phật pháp chẳng có chuyện bí mật truyền dạy riêng tư, cũng chẳng buộc kẻ khác thề độc. Hễ tin thì nương theo đó để tu, chẳng tin thì tùy ý lìa bỏ. Ông đã niệm Phật, vẫn toan tính theo ngoại đạo, tức là ông hoàn toàn chẳng biết sự tà chánh giữa Phật pháp và ngoại đạo, chỉ noi theo người khác mà sanh tín tâm, thật sự chẳng phải là chân tín. Nếu sanh lòng tin chân thật sẽ chỉ dốc sức tu trì, há còn nghĩ ngợi ngoại đạo đông đảo, hoặc hãm nhập vào đó ư? Ông đã có túc nghiệp, mắc bệnh hiểm nghèo, hãy nên ăn chay, niệm Phật để làm chuyện siêu độ oán gia. Nói tới "siêu độ" thì cũng chẳng bắt buộc phải thỉnh tăng làm Phật sự, nhưng chính mình phải nghiêm túc, khẩn thiết, chí thành niệm Phật, niệm Quán Âm. Đừng bảo "chỉ niệm một vị Phật, một vị Bồ-tát, há có thể lành bệnh ư?" Cần phải biết: Niệm Phật là pháp viên đốn nhất, thẳng thừng, nhanh chóng nhất trong Phật pháp, lợi ích vượt xa hết thảy các pháp môn. Chỉ vì tâm chí thành hay không mà thành ra sai khác, chẳng phải là pháp có linh hoặc chẳng linh. Tôi giải đáp các câu hỏi khác như sau:

1. Ông hỏi: *"Tịnh độ đã chỉ do tâm tạo, phải nên nói 'duy tâm', sao lại nói tới Tịnh độ là cái được tạo bởi tâm? Đã là Tịnh độ được tạo bởi tâm, sao lại chỉ là duy tâm, chẳng có cảnh ở ngoài Tịnh độ vậy?"* "Duy tâm Tịnh độ" là dùng cái tâm thanh tịnh để niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ. Cho tới lúc lâm chung, do tịnh tâm của chính mình, cảm Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương. Như thế mới là "duy tâm Tịnh độ". Nếu chẳng có Tịnh độ, chỉ nên nói là "duy tâm", sao có thể

từ trong không sanh ra có, thêm vào một cái Tịnh độ? Lại thêm vào một cái "được tạo" ư? Vốn chẳng có Tịnh độ, tạo cái gì chứ? Kẻ tà kiến ngăn trở người khác tu trì, tự ăn nói lớn lối, chẳng biết lời nói của chính mình hoàn toàn tương phản. Muốn phá sự tu trì của người khác, thật ra là tự phá, tự bộc lộ tà kiến, kiến giải sai lầm. Nước ta loạn lạc đến nỗi phế kinh điển, phế luân thường, phế hiếu, vứt bỏ liêm sỉ, giết cha, giết mẹ hết thuốc chữa, đều do người thuở trước ăn nói lớn lối, xướng lên tà thuyết phá nhân quả, luân hồi, bảo "Phật lừa kẻ ngu tuân phụng giáo pháp của ngài" mà ra. Giả sử ai nấy đều biết "ba đời nhân quả, lục đạo luân hồi" là thật lý, thật sự, ai dám phô phang ý kiến ức đoán nhất thời để tạo khổ báo bao kiếp mãi mãi, khiến cho người đời sau trong thiên hạ hứng chịu sự độc hại vô cùng ấy?

2. *"Chẳng phải là người thuộc địa vị lãnh đạo, chẳng toan tính phương cách cai trị."* Ông là người tiêu túc nghiệp để mong bệnh hiểm nghèo được lành còn chưa xuể, sao lại xằng bậy luận định chuyện chiến đấu, giết chóc của nước nhà ư? Binh lực là thứ bất tường, thánh nhân bất đắc dĩ phải sử dụng. Quốc gia có đường lối của quốc gia, chúng ta sao có thể xen vào? Xét theo lý để luận bàn thì hãy nên dùng đạo đức, nhân nghĩa làm căn bản, dùng hình pháp và quân đội để phụ trợ. Nếu không, cực kỳ hiếu chiến, dẫu là đại quốc hay cường quốc cũng sẽ diệt vong, huống hồ nước nhỏ, nước yếu ư? Như bọn Trương Tông Xương[51] chẳng tiếc mỡ máu của nhân dân để cung ứng vui sướng cho chính mình, nay đang ở đâu? Đó là do hiếu chiến mà chết, hay là vì không có quân đội mà chết? Do vậy, biết văn hiến và đức hạnh có thể an dân, vũ bị có thể bảo vệ đất nước. Tuy sẵn có mà chẳng phải dùng đến thì mới là thượng sách. Nếu chuyên chú trọng dùng vũ lực, ắt có mối họa diệt quốc, táng thân! Nếu có thể dụng tâm như Tào Bân[52] thì có thể nắm giữ binh quyền. Nếu không, đều sẽ thành kết quả như Tào

---

[51] Trương Tông Xương (1881-1932) là thủ lãnh quân phiệt tỉnh Sơn Đông thời Dân Quốc, bị người Âu Tây gọi là "tướng quân đê tiện nhất", có xước danh là *'cẩu nhục tướng quân'* (tướng quân thịt chó), cực kỳ hiếu chiến và hành xử tàn nhẫn. Thời hắn ta làm thủ lãnh Sơn Đông đã tăng sưu thuế rất nặng, in tiền vô tội vạ, phung phí công quỹ, tiêu diệt kẻ chống đối không nương tay, thiết lập hành dinh ở Tế Nam xa xỉ như cung điện vua chúa thời cổ, tiệc tùng liên miên. Khi quân của chánh quyền Dân Quốc tiến hành Bắc phạt (diệt trừ các thủ lãnh quân phiệt ở miền Bắc), hắn ra lệnh cho kỹ sư người Đức chế tạo nhiều máy bay để phản kích, nhưng các máy bay ấy vô dụng đến nỗi không cất cánh được. Bị tướng Bạch Sùng Hy của chánh quyền Dân Quốc đánh bại, hắn phải chạy ra Mãn Châu. Trên đường rút chạy, hắn còn ra lệnh cướp bóc dân chúng dữ dội. Khi thủ lãnh quân phiệt vùng Phụng Thiên là Trương Học Lương ký kết hòa ước với chánh quyền Dân Quốc, hắn còn tổ chức phản công, nhưng bị đánh bại, cuối cùng phải nương cậy người Nhật. Sau đó phải sống lưu vong tại Nhật. Khi trở về Tế Nam vào ngày 3 tháng 9 năm 1932, hắn bị ám sát bởi cháu của một sĩ quan đã từng bị hắn sát hại trước kia.

[52] Tào Bân (931-999), tự Quốc Hoa, là danh tướng thời Bắc Tống, lập nhiều chiến công to lớn, được xếp vào 24 công thần được ghi danh trong Chiêu Huân Các. Ông là người thanh liêm,

Hàn[53], đáng tiếc lắm thay! Ông bàn đến chuyện này, bảo là "noi theo Phật pháp, phải phế sạch binh lực và hình phạt", tức là chẳng biết Phật pháp có pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Pháp thế gian là pháp trị đằng ngọn, pháp xuất thế gian là pháp trị đằng gốc. Như Khổng tử nói: *"Đạo chi dĩ chánh, tề chi dĩ hình, dân miễn nhi vô sỉ. Đạo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ, hữu sỉ thả cách"* (Dùng chánh lệnh để cai trị, dùng hình pháp để uốn nắn họ tuân theo đạo đức. Chỉ cốt sao dân chúng chẳng "phạm tội bị trừng phạt" thì người lãnh đạo chẳng hổ thẹn. Hướng dẫn dân chúng bằng đạo đức, dùng lễ giáo để cảm hóa họ, dân chúng không chỉ biết hổ thẹn [vì không tuân thủ lễ giáo], mà lại còn tin phục, nghiêm túc tuân thủ). Thánh nhân tuy chẳng phế bỏ binh lực, nhưng chẳng coi binh lực là điều chủ yếu để trị quốc. Nay ngoại trừ binh lực thì hết thảy đều chẳng nói đến, ắt binh lực là mối hại của dân, chẳng có thuốc nào chữa được. Buồn thay!

3. Độc ác và từ thiện chẳng trái nghịch. Nếu ai chẳng có tâm độc ác, rắn cọp cũng có thể làm bạn. Dẫu chưa đạt đến mức độ ấy, nhưng nếu là thiện nhân thường niệm Phật, niệm kinh, quyết chẳng bị các thứ ấy làm hại. Do giữ lòng từ thiện, có thể chuyển hóa các thứ độc ác ấy. Huống hồ người tu hành thường có thiện thần bảo vệ. Đoạn văn này của ông tội lỗi vô lượng, dạy thiên hạ vô duyên vô cớ sát hại sanh mạng, tôi sợ họ càng giết càng nhiều, mà kẻ làm chuyện giết chóc đều bị diệt môn, tuyệt diệt, kiếp sau đời đời thường bị kẻ khác giết, đều do lời ấy của ông gây lầm lẫn. Ông há có nên dễ dãi thốt lời ư?

4. Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, mà bệnh vẫn chưa lành, đâm ra do vậy mà sanh nghi. Như thế thì các điều ác sẽ đều làm, các điều lành đều phế, làm sao có thể lành bệnh cho được? Cần phải biết "đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện" mà bệnh vẫn chẳng lành, tức là hạng người phô phang cái danh bên ngoài, chưa thể tận lực thật sự thực hiện. Hoặc là vẫn tự làm ác, chẳng biết những gì đã làm là ác. Như ông tăng ở chùa Tinh Kiến tận lực dùng thịt để dâng cho cha mẹ, cho đó là hành hiếu. Kẻ thế tục thích ăn thịt, hùa nhau ca tụng. Chẳng biết kẻ đó đã phạm giới cấm của Phật, lại còn dấy lên tà kiến. Phá giới, phá kiến, khiến cho cha mẹ lẫn người khác đều bị lầm lạc. Đứa con hiếu

---

cẩn trọng, giản dị. Ông giỏi dùng quân, nhưng nhân từ. Khi cầm quân diệt Nam Đường, vây chặt thành Kim Lăng (Nam Kinh), ông đã nhiều lần trì hoãn, để mong vua Nam Đường tự đầu hàng. Thành sắp hạ được, ông cáo bệnh, không tấn công. Chư tướng đến hỏi thăm. Ông buộc họ thề khi chiếm thành không giết bừa bãi, cướp bóc một ai, đốt hương thệ nguyện rồi mới cho tấn công, khiến cho vua quan, dân chúng ở Nam Kinh không ai bị tàn sát oan uổng.

[53] Tào Hàn (924-992) cũng là danh tướng thời Bắc Tống, lập nhiều chiến công, nhưng tánh tình hung bạo, ưa tàn sát, tham ô, khoe khoang, khi làm quan thì cậy thế, thích tăng thuế khóa, bỏ bê chánh sự. Cảm Ứng Thiên có chép chuyện Tào Hàn do tàn sát vô cớ quá nhiều, đã biến thành lợn nhiều kiếp.

thảo phải lấy chuyện "dùng đạo để khuyên nhủ cha mẹ" làm gốc. Người có lòng nhân cúng tế tổ tiên, ắt cầu thóc gạo từ chỗ người có lòng nhân. Ông tăng hiếu thảo với mẹ, ngược ngạo tìm thịt từ nhà đồ tể. Cố nhiên hiếu tâm của người ấy thì có, nhưng chẳng biết cái hiếu tâm kiểu đó chẳng khác chính mình giết mẹ cho mấy. Đề cao tấm lòng của ông tăng "có hiếu" ấy tức là tán đồng phàm là kẻ làm con đều phải nên tận lực cung ứng thịt cho cha mẹ. Nếu không, chính mình đã dùng thịt để dâng cho song thân, sao có thể cấm người khác dùng thịt dâng cho cha mẹ ư? Đối với kẻ chưa mở mang chánh nhãn như thế ấy, ông còn thêm một chữ *cao*, đáng thương cho vị "cao tăng" ấy chẳng biết đã ươm mầm cho bao nhiêu kẻ khác giết cha, giết mẹ trong đời sau? Buồn thay!

5. Chưa đạt tới địa vị "chân cùng, hoặc tận", tự nhiên thân, tâm, thế giới là có thật. Đã đạt tới địa vị "chân cùng, hoặc tận" thì đối với người ấy sẽ đều là không; nhưng đối với kẻ chưa đắc đạo đó thì đều là có. Chớ nên lẫn lộn lý sự giữa phàm và thánh để rồi hàm hồ nói xằng. Bản thể của cái tâm chúng sanh chính là chân như thật tướng, hiềm rằng do chưa ngộ, tuy suốt ngày nương vào sức chân như, nhưng bao kiếp chẳng biết chân như ở đâu! Nói tới vô minh, vốn chẳng có cội nguồn, đầu mối, nhưng vì chưa ngộ, lại muốn chỉ ra nó vốn chẳng có, nên nói là "chân như chẳng giữ lấy tự tánh mà dấy khởi vô minh". Thật ra chẳng phải là thoạt đầu thì không, sau đó bèn có, nói như vậy vì muốn cho người ta dễ biết bản thể đó thôi. Ví như vàng lẫn lộn trong quặng, chẳng phải ban đầu là thuần vàng, sau đó mới sanh ra quặng. Cần phải biết: Vàng ở trong quặng, vàng vẫn chẳng phải là quặng. Luyện quặng thì lộ ra vàng, quặng chẳng xen tạp chất vàng. Chúng ta hãy nên dốc sức ở chỗ phá vô minh, chẳng lo thế giới là có hay là không, hư vọng sanh nghị luận nơi danh từ "vô minh sanh diệt". Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm bát-nhã ba-la-mật-đa, cho nên có thể chiếu kiến "ngũ uẩn đều là không". Thân, tâm, thế giới chính là ngũ uẩn. Chúng ta chưa đạt được địa vị bát-nhã sâu xa, hãy nên là "thật có". Thế giới hư huyễn, phàm phu thường nghi là vọng. Nếu hết sạch phàm tình, núi sông đất đai đều chẳng ngăn ngại. Vì thế cổ đức nói: "Nếu có thể ngay lập tức vong tình, vách núi còn thể vượt thẳng qua." Ông vừa xọc chân vào, liền muốn biện luận tranh cãi với họ, đủ biết ông học Phật là để ăn nói lưu loát, chẳng thật sự vì thân, tâm, tánh mạng mà tính toán. Ông bài bác họ, họ bài bác ông, suốt ngày khó có tinh thần và thời gian để đấu đá, biện bác, vô ích cho chính mình, mà cũng vô ích đối với pháp. Hãy nghiêm túc tu trì thì sẽ đạt được lợi ích thật sự, sẽ tự có hiện tượng "chẳng nói mà tin, chẳng dạy mà tuân theo".

6. Người đời sống uổng chết phí. Người tu Tịnh độ liễu sanh thoát tử, đối với các hành vi trong thế gian đều là giữ vẹn "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ".

Nhưng có kẻ do thấy người tu Tịnh độ chán lìa Sa-bà, bèn gán cho cái nhãn là "tiêu cực". Đấy đúng là "thà mua một ngàn gánh giả, chẳng mua một gánh thật", ngược ngạo sanh tham đắm đối với thứ chẳng thực tế, cho đó là "tích cực". Ngược ngạo cho rằng "vận dụng công phu nơi luân lý cương thường, thân, tâm, tánh mạng" là tiêu cực. Tôi nguyện người đời đều tiêu cực như thế thì thế giới Sa-bà sẽ chuyển thành cõi Phật thanh tịnh vậy.

7. Chẳng thể nương theo toàn bộ, nếu thuận theo ý người khác, chẳng thể gọi là phù hợp Phật pháp được. Trứng cũng chớ nên ăn, do có mầm sống, lại có chất độc. Sách thuốc của Trương Trọng Cảnh[54] có chép kẻ ham ăn gà và trứng, về sau trong bụng sanh ra gà và trứng. Trọng Cảnh bảo người ấy ăn tỏi chín, bèn ói sạch ra mà lành bệnh. Trọng Cảnh bảo suốt đời chớ ăn nữa, hễ ăn sẽ chẳng thể trị được.

8. Cao tăng dùng thơ và văn chương để hoằng pháp lợi sanh thì được, chứ dùng thơ và văn chương để trà trộn vào văn xã rượu thịt thì chẳng thể được.

9. Kẻ cuồng luôn mong cao hơn hết thảy mọi người xưa nay, cho nên có kẻ bài bác Phật, cho rằng kinh Phật toàn là do người đời sau ngụy tạo. Đối với Khởi Tín, Lăng-nghiêm, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa cũng có kẻ cho là ngụy tạo. Kẻ thốt lời ấy muốn chuốc lấy cái hư danh "kiến thức cao siêu", chẳng màng cái họa thật sự "bao kiếp đọa vào địa ngục". Do vậy, thông minh phải biết dùng, khéo dùng thì sẽ lợi mình, lợi người, chẳng khéo dùng thì sẽ tự lầm, lầm người. Ông và tôi hãy ăn nói thận trọng, nỗ lực niệm Phật, mặc cho kẻ khác lật mây đảo mưa, nhất loạt chẳng nghe tới, hỏi tới.

10. Phật giáo chẳng có pháp bí mật chẳng thể nói cho người khác. Tĩnh tọa dụng công tùy theo từng người mà tu. Người niệm Phật khi ngồi, trong tâm thầm niệm Phật hiệu, ắt sao cho từng chữ từng câu, tai nghe cho rõ ràng. Còn như cách ngồi thì hoặc là bán già (đơn già phu, chân nọ chồng lên chân kia), hoặc xếp bằng (song già phu, ngồi theo thế liên hoa tọa). Nếu chẳng thể ngồi xếp bằng thì ngồi khoanh chân cũng được.

Đối với các sách ông xin thỉnh, tôi đều chiếu theo đó mà gửi. Ngoài ba gói sách, gởi thêm một gói sách lẻ và tượng. Hơn nữa, kinh Phật do ông Lâm Văn Trung Tắc Từ viết là do chắt của ông ta gởi tới. Hãy đọc bài phát ẩn và lời bạt thì

---

[54] Trương Trọng Cảnh (150-219), tên thật là Cơ, tên tự là Trọng Cảnh, quê ở huyện Niết Dương, quận Nam Dương (tỉnh Hà Nam), là một danh y vào cuối thời Đông Hán, được tôn xưng là Y Thánh. Y thuật của ông ngang ngửa với Hoa Đà. Tác phẩm Thương Hàn Tạp Bệnh Luận của ông cho đến nay vẫn được coi là một trong các bộ y thư cơ bản của Trung y. Danh y Đào Hoằng Cảnh đời Lương cũng hết sức ca ngợi lý luận y thuật trong bộ sách này. Một tác phẩm khác của ông là bộ Kim Quỹ Yếu Lược ghi chép bệnh trạng và cách chữa trị các bệnh nội ngoại khoa cũng rất có tiếng.

sẽ biết bậc đại nhân thời cổ ẩn mật tu trì nhiều lắm. Sau khi đã nhận được thư và sách, chỉ nên gởi một mảnh giấy báo tin đã nhận được thư và sách, chớ viết những lời khen hư huyễn rỗng tuếch giống như chửi người [trong thư báo tin ấy]. Sau này tại Tây Phương sẽ lại gặp gỡ, lại trò chuyện, đời này quyết chẳng thể thù tạc các hạ được!

Thư trả lời cư sĩ Trình Viên ở Phong Kính

Xem thư gởi đến, biết ông coi chuyện học Phật như học vấn, trọn chẳng chú trọng liễu sanh tử. Nếu hời hợt nghiên cứu các tông, dẫu đối với mỗi tông đều lãnh hội ý chỉ, nhưng sanh tử xảy đến vẫn phải theo nghiệp duyên mà đi. Tu hành cậy vào tự lực, chưa đoạn sạch làu phiền hoặc trong tam giới, quyết chẳng có phần liễu sanh tử, khó khăn như lên trời. Nếu ông là bậc thánh nhân đã đoạn hoặc, chẳng cần phải cưỡng ép ông chuyên tu pháp môn Tịnh độ. Nếu muốn tiến cao hơn, vẫn cần phải phát tâm đại Bồ-đề, cầu sanh Tây Phương. Nếu ông là phàm phu đầy dẫy triền phược, chưa đoạn mảy may phiền hoặc, tuổi tác đã cao mà vẫn cứ muốn hời hợt, phù phiếm, đàm huyền thuyết diệu, sợ một khi Diêm-la lão tử đến mời, ông có thể thị hiện thật tướng chân không, khiến cho ông ta chẳng thấy thân hình của ông hay chăng?

Người đời mỗi khi thấy ngu phu ngu phụ niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì liền miệt thị pháp môn Tịnh độ. Chẳng biết bậc Bồ-tát đã chứng pháp thân như Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, cùng với Đẳng giác vẫn cần phải dùng công đức của mười đại nguyện vương để hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc hòng viên mãn Phật quả. Ngu phu ngu phụ có thể niệm Phật thì có thể liễu sanh tử ngay trong đời này. Người đại thông minh, đại trí tuệ mà chẳng chịu niệm Phật, đến nỗi đời sau mê muội, tạo ác nghiệp, đọa ác đạo, bị ngu phu ngu phụ đã vãng sanh thương xót, muốn cứu giúp nhưng kẻ nghiệp chướng chẳng có cách nào thoát khổ quá nhiều!

Thư trả lời cư sĩ Tử Tâm

Các nơi như Cư sĩ lâm, Phật giáo hội v.v. là chỗ đề xướng, chẳng phải là đạo tràng để mọi người thường trụ, tu trì. Người đời nay chuyện gì cũng đều muốn phô trương to tát, chẳng biết lợi ích do người tại gia tùy phận tùy lực tu trì trong nhà. Chương trình của ông nói ra thì rộng lớn, nghiêm mật, hoàn toàn chẳng nói tại gia thì phải nên tu trì như thế nào. Nếu nhất quyết "phải vứt bỏ gia đình thì mới tu trì được", Quang nhất quyết chẳng chịu để cho ông dùng hai chữ Ấn Quang, vì sợ mọi người sẽ bảo Quang là tà ma ngoại đạo, vứt bỏ luân lý! Chương trình tinh tấn của ông quyết chẳng thể tiến hành được, dẫu có thể tạo lợi ích to

lớn, vẫn có đại họa và thói tệ to lớn ngầm ẩn trong đó. Ông hoàn toàn chẳng biết tình người trong đời mạt, chỉ biết ăn nói lớn lối, trọn chẳng nghĩ lại rốt cuộc sẽ dẫn đến đâu, trở thành tình trạng như thế nào.

Quang suốt đời tâm thẳng tuột, ăn nói thẳng tuột, thà bị người khác chửi bới, chẳng dám khiến cho người khác bị lầm. Ông nhất quyết chẳng nghe theo lời Quang, Quang cũng chẳng dám ép ông, nhưng từ nay về sau vĩnh viễn chấm dứt giao tình, mặc cho ông phô trương rình rang cỡ nào, Quang chẳng hỏi tới. Nếu lôi tên Ấn Quang vào đó, ắt chẳng đáp ứng. Nếu ông cứ lôi Quang vào đó, sau này nếu tôi đăng báo thanh minh, mong chớ trách móc. Cách làm như thế của Quang, một là khiến cho ông tỉnh cơn mê, hai là ngăn thói tệ kẻ gian bắt chước làm theo ông, chẳng phải là do lửa vô minh to lớn, cho nên chẳng tán thành chuyện tốt của người khác đâu nhé! Do ông hoàn toàn chẳng hiểu cách tu của người tại gia. Nếu pháp ấy được thực hành rộng rãi, ắt có họa diệt pháp. Có lẽ ông chẳng trông thấy, nhưng Quang đã sớm biết, chẳng nỡ không nói với ông. Ông nghe theo thì cũng chẳng qua lại với ông, ông chẳng nghe thì cũng chẳng qua lại với ông, do chẳng có mục lực và tinh thần để thù tạc.

Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm

Hai lần nhận được thư gởi theo đường tàu thủy, do công việc bận rộn, chưa thể trả lời ngay. Công khóa do ông đã lập, chẳng có gì là không được. Đối với lời huấn từ dành cho trường nữ sinh của ông, đã ngay trong ngày hôm sau khi nhận được thư thứ hai theo đường thủy và thư của ông, đều gởi liền cho Vân Đài, đừng lo!

Đạo lý của Mật tông chẳng thể nghĩ bàn, nhưng hiện thời người truyền, kẻ học Mật tông đều chú trọng thần thông, chẳng khỏi đánh mất ý chỉ cội gốc. Người truyền còn chẳng có thần thông thật sự, kẻ học có ai thật sự đắc thần thông? Nặc Na[55] đến chùa Thái Bình ở Thượng Hải, bàn về Mật tông, cũng nói "chú trọng

[55] Nặc Na Hô Đồ Khắc Đồ (Norha Hotogtu, 1865-1936) là người huyện Xương Đô, Tây Khang, vốn là người Hán, con trưởng nhà họ Từ ở Xương Đô. Họ Từ là một gia đình nhiều đời theo Hồi giáo. Theo các đệ tử, ông ta được công nhận là Hoạt Phật đời thứ mười bốn của chùa Nặc Na (Nuona) ở Kim Đường thuộc Hồng Giáo Tây Tạng (Cổ Mật - Nyingmapa). Lúc mới 3 tuổi, ông ta được tăng sĩ chùa ấy rước về, và tấn phong lên ngôi Pháp Vương chùa ấy lúc 7 tuổi. Tương truyền, ông ta đã bế quan hơn 20 năm để tu Mật pháp. Do vùng Khang Tạng, Hắc giáo (đạo Bon - một tôn giáo bản địa cổ truyền của Tây Tạng, người Hoa thường gọi là Bổng giáo) hoạt động rất mạnh, Nặc Na liền suất lãnh quân binh đánh nhau với họ nhiều lần, nhưng không thắng. Theo môn đồ, để báo thù, ông ta đã lập đàn Đại Phẫn Nộ Kim Cang Pháp trong vòng 6 năm để sát hại 5 vị pháp sư của Hắc giáo và hơn một ngàn "thổ phỉ" Hắc giáo. Về sau ông ta tự tuyên bố là Phục Tạng Sư (Terton), tức người có khả năng tìm được các mật điển do đại sĩ Liên Hoa Sanh (Padmashambava) chôn giấu, bèn hoàn tục, nhưng vẫn làm thống lãnh các lạt-

vãng sanh Tây Phương", nhưng chủ trương trì A-di-đà Trường Thọ Đà-la-ni[56] ở ngay mỏ ác, liền có thể tùy ý trường thọ, hoặc liền vãng sanh. Sao có thể nói nhất

---

ma tại vùng Xương Đô. Tổng đốc Tứ Xuyên thời ấy là Triệu Nhĩ Phong trọng dụng Nặc Na, giao toàn thể vùng Xương Đô cho Nặc Na cai trị. Sau Cách Mạng Tân Hợi (1911), Trung Hoa Dân Quốc thành lập, Tây Tạng tuyên bố độc lập, chánh quyền Lhasa muốn tách Xương Đô khỏi ảnh hưởng Trung Hoa. Chính Nặc Na đã cùng với các tướng Bành Nhật Thăng, Trương Nghị Tướng v.v. liên minh đánh bại quân đội của Đại-lai Lạt-ma thứ 13. Do Bành Nhật Thăng đột ngột trở giáo đầu hàng quân Đại-lai Lạt-ma, Nặc Na bại trận, phải trốn khỏi Xương Đô, tập hợp tàn quân, liên kết với đại lạt-ma Giang Kha Tùng Minh tiếp tục đánh nhau với quân Tây Tạng, nhưng lại thua trận, bị giải về Lhasa, bị giam cầm dưới địa huyệt nhiều ngày. Về sau, Nặc Na thừa cơ trốn thoát qua Nepal (Các tín đồ bịa chuyện ông ta dùng thần thông tàng hình ra khỏi nhà lao). Trong quá trình lang thang khất thực, do dâng thuốc chữa lành bệnh cho con gái tiểu vương trong vùng nên được vị vua ấy giúp đỡ đưa sang Ấn Độ. Ở Ấn Độ một thời gian, ông ta ngồi thuyền sang Trung Hoa tới Hương Cảng rồi lên Bắc Kinh vào năm 1924. Nặc Na nhiều lượt đến cầu cạnh Mông Tạng Viện và Chấp Chánh Phủ của Trung Hoa Dân Quốc, xin họ cấp viện binh để giành lại Tây Khang, nhưng do không thông tiếng Hán, quần áo rách nát nên Nặc Na luôn bị đối xử lãnh đạm, xua đuổi. Về sau, gặp được Lý Huyền của Chấp Chánh Phủ giúp đỡ, đưa về sống ở Ung Hòa Cung, tiến cử lên Đại Chấp Chánh Đoàn Kỳ Thụy. Cũng trong năm ấy, do tranh chấp quyền bính với Đại-lai Lạt-ma, Ban-thiền Lạt-ma phải tỵ nạn sang Trung Hoa. Liên kết với Ban-thiền, Nặc Na vận động, dựa vào thế lực quân đội Quốc Dân Đảng, trở về Trùng Khánh (Tứ Xuyên) để mưu chiếm lại Tây Khang. Năm 1928, Nặc Na được chánh quyền Nam Kinh cử làm Ủy Viên của Mông Tạng Ủy Viên Hội tại Bắc Kinh. Rồi được cử làm Tây Khang Tuyên Úy Sứ vào năm 1935. Ông ta đã tích cực bày mưu hiến kế cho Lưu Tương hãm hại đối thủ là Lưu Văn Hy. Do tranh chấp một mục trường chăn nuôi gia súc với một tộc trưởng, ông ta đã bị bắt giữ và giao cho hồng quân vùng Chiêm Hóa quản lý. Do bị sốt cao, ông ta mất vào tháng 5 năm 1936 tại Cam Tư, trước khi hoàn thành giấc mộng tái chiếm Tây Khang. Hiện thời, những môn đồ của ông ta tạo thành một tông phái riêng với danh xưng Tây Tạng Hồng Giáo Viên Giác Tông, tự tuyên bố Nặc Na được truyền thừa trực tiếp từ Kim Cương Tát Đỏa (Vajrasattva), hoàn toàn phớt lờ các vị tổ sư và các vị thầy truyền giới, truyền pháp của Nặc Na. Tổng đàn là tinh xá Hoa Tạng ở Đài Bắc. Thủ lãnh hiện thời của giáo phái này là thượng sư Trí Mẫn và Huệ Hoa, hoạt động rất mạnh tại Đài Loan và Bắc Mỹ nhờ tuyên truyền nhị vị thượng sư có thể chú nguyện khiến cho tín đồ được vãng sanh Cực Lạc, lưu xá-lợi đủ màu. Họ tuyên bố hoằng truyền tinh hoa của bốn tông phái Mật giáo Tây Tạng, Tịnh độ tông, Thiên thai tông và Thiền tông, thành tựu mật pháp biến thân thành hào quang cầu vồng v.v..

[56] Đây chính là bài thần chú Thánh Vô Lượng Thọ Quang Minh Vương Đà-la-ni trong phần Thập Chú của công phu sáng trong nhà Thiền (tuy phiên âm hơi khác và ngắn hơn so với các bản ghi trong Đại tạng). Trong Đại tạng kinh, thần chú này được ghi trong ba kinh:

1. Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, còn gọi là kinh Thánh Vô Lượng Thọ Tông Yếu (mất tên người dịch).

2. Kinh Phật Thuyết Đại Thừa Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà-la-ni, do ngài Pháp Thiên dịch vào đời Tống.

3. Kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Đại Trí Đà-la-ni, do ngài Pháp Hiền dịch.

Học giả Rudolf Hoernle đã dựa theo bản chép tay của kinh Mật tông tại Đông Đột Quyết (East Turkestan) để phục hồi nguyên âm tiếng Phạn của chú này như sau: "Oṃ namo bhagavate aparimitāyur jñāna suviniścita tejorājāya tathāgatāyārhate samyak saṃbuddhāya, tadyathā: Oṃ puṇya mahā puṇya aparimita puṇya aparimitāyu puṇya jñāna saṁbhāropacite. Oṁ sarva

loạt kiểu đó cho được? Đừng nói ông và tôi chẳng thể, ngay cả Nặc Na cũng chẳng thể tùy ý vãng sanh. Nặc Na nói ông ta bị Đạt-lai Lạt-ma nhốt trong một địa lao. Hằng ngày từ bên trên thòng xuống ít cháo để kéo dài mạng sống. Ông ta dùng tay moi vách địa lao, sáu năm mới khoét thủng, trốn sang Trung Quốc. Ông ta nói trong ngục chẳng có vật gì, ngay đũa cũng chẳng có một chiếc. Dùng tay moi đất đào vách địa lao, khổ sở chẳng thể kể xiết! Huống hồ bị nhốt trong địa lao, phân tiểu bừa bãi, thối bẩn khôn kham, sao trong lúc ấy chẳng vãng sanh Tây Phương? Quang thoạt nghe ông ta nói, cho rằng kẻ này hoàn toàn chẳng biết Phật pháp. Nếu không, sẽ chí thành trì chú để cầu tự thoát ra, sao lại phải dùng tay moi? Sau đó lại nghe ông ta có thể chữa bệnh cho người khác rất hiệu nghiệm, do vậy được mọi người ngưỡng mộ. Đệ tử đem chuyện này hỏi Quang, Quang trả lời: "Lý sự ấy đích xác là thật sự có, nhưng chẳng thể nói là ai cũng đều có thể!"

Hiển Ấm (đồ đệ của pháp sư Đế Nhàn) đã đắc chân truyền của Mật tông, về nước gặp thầy. Thầy bảo ông ta: "Thanh danh của con rất lớn, hãy nên bế quan, chân thật dụng công ba năm thì mới nên." Ông ta học đầy một bụng Phật pháp, nghe thầy mình nói như vậy, giống như dao chọc vào tim, liền ngã bệnh. Ngày hôm sau liền qua Cư sĩ lâm Thượng Hải để dưỡng bệnh, được hơn một năm liền chết. Khi chết chẳng tỉnh táo, chú cũng chẳng niệm, mà Phật cũng chẳng niệm. Các vị cư sĩ niệm Phật cho ông ta. Hiển Ấm là bậc đại quán đảnh a-xà-lê, Hiển lẫn Mật đều thông mà còn như thế đấy.

Đại Ngu[57] hoằng dương Mật tông ở Thượng Hải, người ta đua nhau kéo về như xua vịt, ông ta dạy người khác thành Phật trong một trăm ngày. Một tòa nhà

---

saṃskāra pariśuddha dharmate gagaṇa samudgate svabhāva. Pariśuddhe mahānaya parivāre, svāhā."

[57] Pháp sư Đại Ngu (1888-1947), tên thật là Lý Thục Bồi, tự Tông Đường, hiệu Thời Am, sanh quán ở Vũ Hán (tỉnh Hồ Bắc). Trước khi xuất gia, ông ta từng làm chủ quản ty hải quan Vũ Hán, Hồ Bắc Tỉnh Tham Nghĩa Hội Nghị Viên, và thứ trưởng Bộ Giáo dục của Trung Hoa Dân Quốc. Về sau, sau khi nghe đại sư Thái Hư giảng kinh Duy-ma-cật vào năm 1919 tại Bắc Kinh, bèn xin thọ tam quy với đại sư vào năm 1920 tại Hán Khẩu, có pháp danh là Huệ Dung. Sau đó vào năm 1923 xin xuất gia tại Ngọc Hoa Luật Tự ở Nam Kinh, được đại sư Thái Hư ban pháp hiệu là Đại Ngu. Sau đó ông ta sang Đông Lâm Tự, quyết chí khổ tu. Thoạt đầu tu theo pháp môn Tịnh độ. Kế đó, sau một thời gian hành ban-chu tam-muội vào năm 1926, tự xưng cảm được Phổ Hiền Bồ-tát ứng hiện truyền dạy pháp môn tâm trung tâm, bỏ tu Tịnh độ, chuyên tu Mật tông. Ông ta tuyên bố do pháp ấy được Phật Bồ-tát trực tiếp gia trì, tu hành dễ mà thành công cao, đề ra pháp tu tâm mật y cứ theo bộ kinh Phật Tâm (tức quyển thượng của kinh Đại Tùy Cầu Đà-la-ni), thành lập pháp môn ấn tâm. Ông ta tuyên bố đấy là pháp tu "thành Phật tức thời ngay trong thân hiện tại", và chính thức truyền đạo vào cuối năm 1928. Sau đó hoàn tục. Đệ tử truyền pháp của ông ta là cư sĩ Vương Tương Lục. Về sau ông Vương chỉ định lão nhân Nguyên Âm là người thừa kế.

Tây ba tầng, thuê trọn cả sáu bảy chục gian (tòa nhà ấy ở đường Kim Thần Phụ[58], nơi ấy phòng trống rất nhiều), có thể biết người đông cỡ nào. Từ giữa năm Dân Quốc 17 (1928) cho đến mùa hè năm Dân Quốc 18 (1929), ở Bắc Kinh có kẻ muốn nhờ vào đó để trục lợi, dùng hơn một ngàn đồng làm lộ phí, mời ông ta đến Bắc Kinh. Cả nước như cuồng, coi ông ta khác nào Phật sống xuất thế. [Ông ta tuyên bố "ai học theo pháp của ông ta"], 48 ngày liền có thể thành Phật. Tới nửa năm sau đã có hiềm nghi, tiếng tăm dần dần giảm. Sau đó đối với những kẻ muốn phát tài, muốn được thắng lợi, hướng về ông ta, ông ta đều nói có thể đạt được, nhưng họ đều thất bại, căm hận ông ta thấu xương. Từ đấy về sau, Bắc Kinh lẫn Thiên Tân không ai quan tâm đến ông ta. Lúc đó đúng là lúc nên dùng pháp Trường Thọ Đà-la-ni để vãng sanh, nhưng ông ta bỏ về nhà làm người thế tục. Đủ thấy những giáo nghĩa như "tức thân thành Phật" (thành Phật ngay trong hiện đời) v.v. như Mật tông đã nói đều chẳng phải là chuyện kẻ bình phàm mà mong mỏi được. Những kẻ ấy đều khoác lác thần thông!

Mấy năm trước, Bạch lạt-ma[59] ở Nam Kinh làm pháp hội Kim Quang Minh, nhằm lúc trời hạn hán, lại cầu lập đàn cầu mưa. Cho tới khi viên mãn, một giọt mưa cũng chẳng rơi xuống! Mùa hạ năm nay, gã X… ở Hàng Châu lập pháp hội Thời Luân (Kalachakra), đất Hàng còn bị hạn hán nặng hơn các nơi khác. Về sau hắn ta tới Thượng Hải, một kẻ tin tưởng, xin hắn ta cầu mưa, cũng chẳng được một giọt nào. Hắn ta lại còn đem tiền của Trung Quốc mua súng ống, muốn

---

[58] Kim Thần Phụ lộ vốn có tên là Route Pere Robert, là tên gọi được đặt ra khi người Pháp chiếm vùng Hoàng Phố của Thượng Hải làm tô giới. Đường này hiện thời có tên gọi là Thụy Kim Nhị Lộ (đường Thụy Kim số hai).

[59] Bạch lạt-ma (1870-1027) tên là Quang Pháp, tự là Phổ Nhân, là người Mông Cổ, sống tại Nhiệt Hà, tu ở Ung Hòa Cung từ đầu thời Dân Quốc. Do ông ta họ Bạch, lại là lạt-ma, nên thường được gọi là Bạch lạt-ma. Ông ta tự xưng từng triều bái núi Ngũ Đài, được Văn-thù Bồ-tát điểm hóa, tự thông suốt Phật pháp. Các đệ tử của ông ta tô vẽ truyền thuyết: Năm 1914, quanh Bắc Kinh phát sanh lũ lụt lớn, Bạch lạt-ma biết là do rồng đất quậy phá, bèn tập hợp sáu vị lạt-ma lập đàn trấn yểm. Bạch lạt-ma nhập định, thấy rồng hiện ra, bèn dùng ngọn đèn cúng Phật thắp bằng bơ ném vào đầu rồng, rồng tháo chạy, hôm sau hết lụt! Sáu vị lạt-ma tham gia hàng phục rồng đều là kẻ bị chết, người bị què, hay mù lòa, hay bệnh liệt giường, chỉ riêng Bạch lạt-ma vô sự. Do Bạch lạt-ma tu pháp dạ-xoa đại tướng theo kinh Kim Quang Minh, nên thường cử hành pháp hội Kim Quang Minh. Năm 1925, khi Ban-thiền lạt-la ngạch-đức-ni (Panchen Lama Erdeni) đời thứ chín mâu thuẫn với Đại-lai lạt-ma XIII, lưu vong sang Bắc Kinh, nghe danh Bạch lạt-ma, cho mời ông ta đến. Bạch lạt-ma bèn bái Ban-thiền làm thầy, được ban phẩm vị Kham Bố (Khenpo), tức là không theo đúng quy trình đào tạo chính quy của một vị Kham Bố đúng nghĩa. Do khéo tuyên truyền, ông ta được Đoàn Kỳ Thụy (tổng thống của chánh quyền Bắc Dương) thỉnh chủ trì đứng đầu 108 lạt-ma làm pháp hội Kim Quang Minh và Bạch Tán Cái suốt 21 ngày. Sau đó được mời đến Tịnh nghiệp xã của chùa Giác Viên ở Thượng Hải để cử hành pháp hội Kim Quang Minh. Tiếng tăm lừng lẫy đến nỗi Phạm Cổ Nông cũng bị mê hoặc, theo ông ta làm hộ pháp khắp các nơi như Hàng Châu, Gia Hưng, Trường Sa, Vũ Hán, Cửu Giang, Nam Kinh v.v..

chuyển về Tây Tạng, cũng có khi bị cường đạo cướp mất, cũng có khi bị người mua bớt xén, hoặc cuỗm tiền trốn mất. Nếu hắn ta thật sự có thần thông, cớ sao đối với các chuyện kiểu ấy đều chẳng thể biết?

Cần phải biết yếu chỉ của Mật tông là ba nghiệp tương ứng. Nếu tam nghiệp tương ứng đã lâu ắt sẽ có thể tùy lòng mong muốn. Chưa đạt đến mức độ "tâm không" mà đã hư vọng muốn đạt được thì có thể sẽ bị ma dựa. Đấy là một điều quan hệ to lớn trong Mật tông. Lời này chớ nên nói công khai để khỏi mắc họa ngấm ngầm. Nay những gã đại dũng mãnh đều hướng theo chuyện hoằng dương Mật tông, chẳng thể không cẩn thận!

Thư trả lời Cố Hiển Vi và Hoàng Hàm Chi

Hai vị cư sĩ Hiển Vi và Hàm Chi nhã giám! Chuyện cá ở hồ Hàng Châu, hôm trước Chung Khang Hầu ở Hàng Châu đã gởi đến chương trình và thông báo, bảo Quang viết lời sớ. Vốn tính ngày hôm qua liền gởi đi, nhưng do có khách tới, đến nỗi chưa viết xong. Hôm qua Khang Hầu lại gởi thư, lại còn đem điều bàn bạc đã được quyết định và văn bản phê duyệt của chánh phủ gởi đến, nay tôi sẽ đem lời sớ gởi đi. Ông Chung vốn bảo gởi một bản cho Hàm Chi, nay nghe nói đã bảo Hứa Chỉ Tịnh viết. Văn chương của Chỉ Tịnh cao hơn Quang rất nhiều. Nay đem bản thảo gởi tới, may ra có thể cùng sử dụng, cũng có thể khiến cho người ta tỉnh ngộ sâu xa. Văn của Quang mộc mạc, chỉ có ý nghĩa mà thôi! Văn của ông Hứa thì từ ngữ lẫn nghĩa lý đều hay khéo. Nếu cùng sử dụng thì cũng nên đem bài của ông Hứa gởi cho Khang Hầu, nay Quang đã gởi thư bảo đảm rồi. Bài Niệm Phật Ca vẫn mong cư sĩ Hiển Vi sửa chữa thì mới tốt đẹp được.

Trong mùa xuân, Quang tính rút ra từ 1.000 đồng tiền in sách, do chuyện trước đó chưa hoàn thành, cho nên chẳng dám đảm nhiệm. Nay việc đã thành, cũng nên giúp đỡ đôi chút. Khi trước Giang Dịch Viên gởi 200 đồng nhờ phóng sanh, Quang xét kỹ thời cơ chưa dám làm, do vậy bèn đổi thành in sách. Đã ghi vào danh sách công đức ấn loát Bạch Thoại, Gia Ngôn v.v.. Nay vẫn dùng món tiền đó để phóng sanh. Lại còn ông Tào Thạch Như gởi 200 đồng để cầu siêu cho mẹ, một nửa để niệm Phật, một nửa để làm việc thiện. Nay cũng dùng 100 đồng ấy để phóng sanh. Mong các vị đến chùa Thái Bình, yêu cầu thầy Chân Đạt giao cho 300 đồng tính vào khoản chi của Quang. Về danh sách quyên góp thì ghi ông Giang Dịch Viên cúng 200 đồng, 100 đồng kia thì đề tên Tào Thạch Như, đừng đề tên Quang, hoặc ghi là "Quang rút từ khoản tiền in sách của ông Giang và ông Tào bao nhiêu đó" thì cũng được. Quang vốn chẳng muốn đề tên, nhưng nếu muốn nhờ vào đó để tiện giúp cho việc đề xướng thì cũng là chuyện hữu ích.

Tiền đồ của Phật giáo nguy hiểm muôn dạng, tình cảnh ở Phổ Đà chẳng dễ bàn nói. Tuy chưa hung hiểm như ở Hoàng Nham, Vĩnh Khang, nhưng hai ba năm qua càng ngày càng sâu, trực tiếp trở thành "xông vào nhà múa giáo, binh lính ồn ào đoạt chủ", nhưng tăng chúng trên núi không có người cầm đầu đứng ra cáng đáng mọi việc, lại chẳng có người có đạo đức, học vấn, kiến thức để đảm nhận. Quang vốn là kẻ ăn nhờ ở đậu, do họ đã chẳng có người có khả năng lo liệu, Quang cũng chẳng thể ra sức. Muốn cho tiền đồ chuyển biến tốt đẹp, nếu chẳng do Bồ-tát hiển đại thần thông thì sẽ muôn đời vô vọng! Mong hãy nói duyên do với cư sĩ Hậu Tại, Quang bận nhiều việc, chẳng rảnh rỗi gởi thư riêng cho ông ta.

Thư gởi vị sư X… ở chùa Báo Quốc (thư thứ nhất)

Giá sách của Dương Lệ Đình (tức là như trong lần trước đã bảo gởi), cũng trừ vào khoản ấy. Tàng kinh các còn bị mối hay không? Nếu vẫn còn, chẳng ngại rải nước Đại Bi một hai lần nữa để bảo toàn gác ấy và kinh sách. Tại Linh Nham, loài ong đục gỗ (carpenter bee) đục rất hung, rải nước Đại Bi một lần thì chúng chẳng đục nữa. Do hãy còn có chút ít, bèn rải một lần nữa, chúng hoàn toàn chẳng đục nữa. Phật lực, pháp lực, chúng sanh tâm lực đều chẳng thể nghĩ bàn. Muốn được Phật lực và pháp lực, trước hết cần phải có tâm lực chí thành khẩn thiết thì mới có cảm ứng. Quang sống ở Báo Quốc tám năm, hiện thời chẳng lâu sau sẽ thiêu hóa, hy vọng lầu ấy chẳng hư hoại thì kinh sách sẽ có thể tồn tại lâu dài. Các chuyện khác nhất loạt chẳng hỏi tới.

Thư gởi vị sư X… ở chùa Báo Quốc (thư thứ hai)

Dương Lệ Đình đến xin thỉnh Quán Âm Bổn Tích và Văn Sao mỗi thứ ba gói. Khoản tiền ấy cũng trừ vào khoản tiền của tôi. Các con vật đã mua đưa sang ao phóng sanh, giao cho thầy đương gia. Hễ có người lên núi bèn bảo họ đem đi. Lại mua hai cây chổi rơm dày, chổi trên núi đã hết sức mỏng rồi. Dùng chổi ấy để quét chỗ đất chẳng sạch.

Thư gởi vị sư X… ở Linh Nham

Thầy Diệu Viên là vị tăng sống theo thói thế tục, người tỉnh An Huy, là đồ đệ của sư Chung Phương thuộc Thanh Hư Các ở Phổ Đà, là đồng hương của lão hòa thượng Chân Đạt. Thầy Chân Đạt chính là sư thúc của ông ta. Chiều ngày 29 tháng 10 tới đây (trước nay chưa hề đến), cho biết ông ta đến nhà Lôi Doãn Thượng, do nhà ông ta (ông Lôi) từng đến Phổ Đà mà quen biết. Ông ta đến nhà họ Lôi trước (ắt là để hóa duyên), nói đồ vật để ở nhà họ Lôi, tay không đến đây,

ở lại hai đêm. Hôm qua sau khi dùng cơm chiều, ngồi xe kéo quay về, nửa đường sắp chết. Cảnh sát đến báo tin, vội sai Ngô Cốc Nghi đến xem thì đã chết thật rồi. Khiêng đến thất của thầy Minh Đạo, trong đêm phái người niệm Phật, canh chừng. Sáng sớm thuê thuyền, sai người cẩn thận chèo thuyền, sai các công nhân trẻ khiêng hòm xuống sẵn, đợi thuyền tới sẽ chuyển hòm đến hang hóa thân, đợi sau mấy ngày liền hỏa táng, đưa tro vào tháp Phổ Đồng. Ông ta nói chẳng có đồ đệ, trụ tại am Hoằng Ẩn. Khi thầy Kiến Ngộ quay về sẽ đến chùa Thái Bình ở Thượng Hải báo tin là được rồi, chẳng còn dính dáng tới nữa. Hoặc là trước hết đừng nhập tháp, đợi cho sau này không ai nhận tro rồi mới nhập.

II. TỰ, BẠT, SỚ

Bài tựa nêu duyên khởi của Phật thất vĩnh viễn

Vốn nghe *"tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh"* (nhà tích lũy điều thiện, niềm vui có thừa). Hậu duệ của tổ tiên nhiều đời đức hạnh thường vượt xa những kẻ cùng hàng, chỉ vì tích đức đã sâu, cho nên sẽ tỏa sáng; do vun bồi cũng sâu, cho nên phát khởi cũng lâu dài. Lý ấy vốn tất nhiên là như thế. Gia đình ông Ngô Hằng Tôn ở thành Tô Châu nhiều đời truyền thừa đức hạnh, thích làm lành, chuộng bố thí. Hễ gặp dịp cứu chẩn tai nạn hay cứu nạn gấp đều công khai hoặc âm thầm quyên góp. Đấy là vì muốn trọn hết tấm lòng của mình, nhưng chẳng mong bộc lộ tên tuổi. Mẹ và vợ ông ta đều quy y tam bảo, khẩn thiết hộ trì. Năm nay bổn tự dựng ngôi lầu niệm Phật đường và hơn 30 gian nhà. Trừ khoản tiền quyên tặng của lão hòa thượng Chân Đạt, cũng như khoản tiền dư từ các Phật Thất của thường trụ, và sự trợ giúp của những vị thiện tín các nơi, cho tới khi công trình sắp hoàn thành thì còn thiếu mấy ngàn đồng. Dẫu muốn vay mượn cũng chẳng thể được! Thái phu nhân Ngô bèn khảng khái chấp thuận giúp cho hoàn thành, cả nhà cùng giúp hơn 5.700 đồng. Lại bỏ ra khoản tiền bảy trăm 700 đồng để tạo khám thờ Tam Thánh, ngõ hầu khi xây dựng xong, thường trụ chẳng đến nỗi mắc nợ. Cảm kích hậu ý ấy, bổn tự quyết định mỗi năm kể từ mồng 1 tháng 4 sẽ bắt đầu một khóa Phật thất vĩnh viễn do toàn thể đại chúng thường trụ cùng niệm. Trong bảy ngày ấy, quyết chẳng vì gia đình nào khác mà niệm Phật. Từ nay trở đi, trong khóa Phật Thất ấy nhất loạt chẳng thu lệ phí. Tới lúc đó sẽ chỉ thông báo trước mà thôi. Nho giáo nói *"đầu đào, báo lý"* (đưa cho đào, trả lại mận), Phật giáo dạy "tài thí lẫn pháp thí đều bình đẳng bố thí", dùng công đức của Phật thất ấy cầu cho cả nhà họ Ngô hiện thời nghiệp tiêu, tăng thọ, hết thảy cát tường. Trong tương lai nhờ vào từ lực của Phật, vãng sanh Tây Phương. Con cháu đều kế thừa đức của tiền nhân, đều thành bậc đáng được mọi người trọng vọng, sống thì dự vào bậc thánh hiền, thác sẽ về cõi Cực Lạc.

(Ngày mồng 8 tháng Chạp, năm Dân Quốc 21 (1932),
tức năm Nhâm Thân âm lịch)

Bi ký [trần thuật duyên khởi] lập Phật thất vĩnh viễn để ghi nhớ công đức giúp tu tạo đại điện của núi Linh Nham

Từ khi khởi công kiến tạo Đại Hùng bảo điện tới nay, công trình to lớn, tiền công lẫn vật liệu đắt đỏ, lại còn thêm hạn hán, đói kém, quyên mộ gian nan, khiến cho công trình mấy lượt khốn khó. Tiền công thợ, tiền mua vật liệu, ngoại trừ các khoản lạc quyên từ các vị hộ pháp, vẫn chẳng đủ chi trả. Do thương lượng với hai

vị lão nhân Ấn, Chân (Ấn Quang và Chân Đạt) đồng ý, [bổn tự quyết định] phát khởi hai khóa Phật thất vĩnh viễn. Mỗi khóa Phật thất thì mỗi người tán trợ sẽ giúp 500 đồng. Đã có 15 người gia nhập (trong đó có cư sĩ Hoàng Hành Thu một phần. Ông Hoàng chính là người phát khởi tu bổ đại điện. Năm ngoái một mình ông ta đã giúp 5.000 đồng). Quyết định bắt đầu từ ngày 11 tháng 11 âm lịch, toàn thể mọi người trong niệm Phật đường đều niệm, cho đến ngày 17 là viên mãn, vĩnh viễn làm như thế. Khóa Phật thất khác thì mỗi phần sẽ giúp 100 đồng, người gia nhập đã có 18 phần, cũng là năm nào cũng tổ chức đúng lệ, chỉ dựa theo số người và thời gian để châm chước, cân nhắc.

Pháp môn niệm Phật chính là dùng phàm tình để khế nhập thánh trí, dùng quả giác làm nhân tâm (cái tâm tu nhân), chín pháp giới đều hướng về, chư Phật cùng xưng tán. Công đức rộng lớn, lợi ích sâu rộng, phàm những điều mong cầu đều được toại nguyện. Dẫu ngay trong đời này mong được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử vẫn có thể đạt được, huống hồ những điều thấp hơn ư? Bởi lẽ pháp này chính là pháp môn tổng trì để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thành tựu từ lúc phát tâm cho đến lúc chứng đắc. Hiềm rằng người đời tu trì phần nhiều cậy vào tự lực, vứt bỏ Phật lực, phần nhiều mong cầu phô trương mà sơ sót lợi ích thực tế, đến nỗi gieo nhân mà chẳng đạt được cái quả thật sự, bỏ vốn mà rốt cuộc chỉ thành uổng công, cũng đáng cảm khái lắm thay!

Linh Nham là đạo tràng cổ đã 1.600 năm. Từ đời Tấn, quan Tư không Lục Ngoạn[60] biến nhà thành chùa, trải qua các đời Hậu Lương, Đường, Tống, Minh, Thanh đều được sắc phong tu tạo. Lại còn được Trí Tích Bồ-tát hoặc dùng hình vẽ, hoặc hiện tướng trạng tăng sĩ để hiển lộ sự linh dị, khiến cho đạo tràng này đứng đầu đất Ngô. Cuối đời Thanh, chùa gặp nạn binh hỏa, rốt cuộc thành chốn

[60] Lục Ngoạn (278-341) còn có tên là Lục Lưu, tự là Sĩ Dao, quê ở Ngô Huyện thuộc Ngô Quận (nay là thành phố Tô Châu tỉnh Giang Tô), là một nhà thư pháp nổi tiếng thời Đông Tấn. Ông là người rộng lượng, nhân hậu, đã có tiếng tốt từ bé. Về sau ông làm thuộc cấp của thừa tướng Tư Mã Duệ, sau đó thăng lên làm Thị trung, Lại bộ Thượng thư, Thượng thư Tả bộc xạ. Khi loạn Tô Tuấn xảy ra, ông cùng với anh là Lục Diệp thành công khuyên phản tướng quy hàng. Do vậy ông được thăng làm Thượng thư lệnh, rồi được phong làm Tư không. Ông khiêm hư, luôn chú trọng tiến dẫn nhân tài. Chức quan Tư không được lập ra dưới thời Tây Chu, là một trong năm chức quan (Tư mã, Tư khấu, Tư sĩ, Tư đồ và Tư không) trực thuộc quyền quản trị của Lục khanh (Thái tể, Thái tông, Thái sử, Thái chúc, Thái sĩ, Thái bộc). Tuy vậy, có người đã căn cứ theo Chu Lễ cho rằng Tư không là một chức vị thuộc Lục khanh. Theo họ, Lục khanh gồm Trủng tể, Tư đồ, Tông bá, Tư mã, Tư khấu và Tư không. Tư không chưởng quản công tác thủy lợi, kiến tạo cung điện. Đến thời Tây Hán thì bỏ chức quan này. Tới đời Hán Thành Đế, vua lại gọi Ngự sử đại phu là Đại tư không. Đời Đông Hán, chức quan Tư không lại đảm nhiệm công tác chưởng quản kiến tạo. Từ đời Minh - Thanh trở đi, Tư không là danh xưng để gọi Công bộ Thượng thư.

gò hoang, chỉ còn một tòa tháp bằng gạch sừng sững. Do được ông Cung Bảo Bành Ngọc Lân lập phương cách, thoạt đầu dựng một ngôi điện nhỏ, hai mươi mấy gian nhà nhỏ. Tăng chúng thường trụ hành đạo vẫn chưa lo xuể. Năm Tuyên Thống thứ ba (1911), bạn tôi là hòa thượng Chân Đạt do được vị hương thân trong ấp là ông Nghiêm Lương Xán gởi thư thỉnh làm trụ trì. Thầy Chân Đạt liền muốn khôi phục quy chế cũ. Chờ đúng thời cơ, vào năm Dân Quốc 15 (1926), đổi chùa thành đạo tràng thập phương chuyên tu Tịnh độ, suốt năm niệm Phật, chẳng khác gì Phật thất phổ thông[61]. Chưa đầy hai ba năm, đạo phong lan xa. Các chỗ như Thượng Hải, Thiên Tân, Phước Kiến, Cam Túc v.v. đều gởi thư xin đả thất. Do vậy chúng tăng thường trụ đã đông, không thể nào chẳng khởi công tu tạo lớn. Niệm Phật đường và các liêu xá cần thiết đã lần lượt cất xong, chỉ có công trình đại điện to lớn, tuy đã khởi công nhưng chi phí thiếu hụt quá lớn. Do thời cuộc gian nan, chẳng tiện quyên mộ, hóa duyên. Vì thế nhóm họp đại chúng làm Phật thất vĩnh viễn, mỗi người bỏ ra 500 đồng, dùng công đức ấy để hoàn thành đại điện. May được các vị đại cư sĩ như Quý Thánh Nhất, Tào Tung Kiều v.v. đều giúp đỡ, công trình tu tạo đại điện mới chẳng đến nỗi bỏ dở nửa chừng. Do vậy, cung điện mênh mông chẳng mấy chốc sẽ hoàn thành, mãn nguyệt kim dung sẽ thường trụ bao kiếp. Tứ chúng chiêm lễ gieo phước điền xuất thế, cùng nhau trì tụng trong tinh thần lục hòa để thành tựu đạo nghiệp siêu phàm. Công đức ấy há có thể diễn tả nổi chăng?

Chọn ngày 11 tháng 11 âm lịch làm ngày khởi thất cho đến ngày 17 là ngày thánh đản của A-di-đà Phật thì viên mãn. Dùng công đức ấy để siêu độ tiên linh, cầu cho cha mẹ tăng thọ, sám hối nghiệp chướng mà do chính mình đã trót tạo, tạo phước ấm cho con cháu, hậu duệ. Lại cầu mưa thuận gió hòa, thóc lúa chín rộ, trong ngoài nước thường hòa thuận, giúp đỡ lẫn nhau, thiên hạ vĩnh viễn thái bình. Tứ sanh cửu hữu cùng lên Tịnh độ huyền môn, bát nạn tam đồ cùng vào biển nguyện Di-đà. Từ nay về sau, mỗi năm vào dịp này đều mở Phật thất, người tham dự nhất loạt chẳng phải bỏ tiền, quả thật là phương cách thuận tiện cho tăng lẫn tục. Phương danh của những người quyên tặng sẽ ghi đầy đủ trong phần sau.

Lời tựa cho bài ký giảo chánh đối chiếu phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện

(Chữ lệ (丽) chính là chữ lệ (麗) viết theo lối cổ, chọn chữ này cho dễ khắc đó thôi)

---

[61] Gọi là *Phật thất phổ thông* tức là chia làm sáu thời niệm Phật, có nghỉ ngơi, có khai thị, khác với *Phật thất tinh tấn* suốt 24 tiếng đồng hồ đều niệm Phật không gián đoạn, người nào mệt sẽ lui ra, nghỉ ngơi, hoặc tùy theo ban đã phân chia mà niệm Phật, nhưng trong niệm Phật đường không lúc nào chẳng có người niệm Phật.

Đây chính là phẩm kinh cuối cùng của kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm; nói đầy đủ là phẩm Nhập Bất Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyện, nói gọn là phẩm Nhập Pháp Giới, tức 16 quyển cuối cùng trong bản dịch kinh Hoa Nghiêm gồm 60 quyển đời Tấn, và 21 quyển cuối cùng trong bản dịch Hoa Nghiêm 80 quyển đời Đường. Hai bản dịch ấy tuy đại lược hay chi tiết, nhưng chánh văn đều chưa được truyền đến Trung Hoa đầy đủ. Cho tới khoảng niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường Đức Tông, kinh văn bằng tiếng Phạn của trọn phẩm mới được truyền tới, dịch thành 40 quyển. Trong Duyệt Tạng Tri Tân, đại sư Linh Phong đã viết: "Áp chót kinh này, Phổ Hiền Bồ-tát đã vì Thiện Tài ca ngợi công đức thù thắng của Như Lai xong, lại nói mười đại nguyện vương, hướng dẫn Hoa Tạng hải chúng trở về thế giới Cực Lạc." Hiện thời chỉ lấy quyển cuối cùng của phẩm này, nối vào sau bản Đường dịch 80 quyển để cùng lưu thông rộng khắp. Nhưng bản dịch này văn lẫn lý đều xuất sắc, chẳng kém cách dịch của ngài Thật-xoa-nan-đà[62]. Lời khai thị của bậc tri thức (Phổ Hiền Bồ-tát) lại càng tường tận rõ ràng. Thiết thực vận dụng trong thường nhật, thiết thực cứu thói tệ trong đời mạt, thích hợp nhất để lưu thông chung.

Tiếc là kinh văn đã lâu chỉ hạn cuộc trong Đại tạng, chưa thể truyền rộng. Vào thời Tống, Nguyên, kinh văn của phẩm này còn chưa bị sai ngoa cho lắm. Tới đầu thời Minh, khi khắc in Nam tạng[63], do người chủ trì chưa giảo chánh cặn kẽ, đến nỗi sai ngoa lũ lượt xuất hiện. Sau này, Bắc tạng, Thanh tạng và Thư Sách

---

[62] Lục Thập Hoa Nghiêm (Hoa Nghiêm bản 60 quyển) còn gọi là Cựu Hoa Nghiêm hoặc Tấn kinh, được dịch bởi ngài Phật-đà-bạt-đà-la vào thời Đông Tấn. Bát Thập Hoa Nghiêm (bản dịch 80 quyển) còn gọi là Tân Hoa Nghiêm hoặc Đường kinh, do ngài Thật-xoa-nan-đà xứ Vu Điền dịch vào đời Đường. Tứ Thập Hoa Nghiêm (bản 40 quyển) tức phẩm Nhập Bất Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyện, do ngài Bát-nhã dịch vào thời Đường Đức Tông. Bản này còn được gọi là Trinh Nguyên kinh (do dịch trong niên hiệu Trinh Nguyên).

[63] Nam tạng còn gọi là Hồng Vũ Nam tạng, tức là Đại tạng kinh được khắc tại Nam Kinh theo lệnh của Minh Thái Tổ vào năm Hồng Vũ thứ năm (1372). Tạng kinh này được giao cho chùa Tưởng Sơn giảo đính, chủ trì, mất 27 năm mới hoàn thành; chia thành 1.600 bộ kinh, gồm hơn 7.000 quyển.

Bắc tạng còn gọi là Vĩnh Lạc Bắc tạng được khắc in tại Bắc Kinh. Công trình này bắt đầu từ năm Vĩnh Lạc 19 (1421) đến năm Chánh Thống thứ năm (1440) mới hoàn thành, gồm 1.621 bộ kinh. Thanh tạng tức Càn Long Đại tạng kinh, chủ yếu dựa theo Vĩnh Lạc Bắc tạng.

Cao Ly Đại tạng kinh (còn gọi là Bát Vạn Đại tạng kinh) vì gồm 81.259 khuôn mộc bản. Đây là Đại tạng kinh được khắc vào năm 1087 khi quân Khiết Đan xâm chiếm vương triều Cao Câu Ly. Công trình giảo chánh đã tiến hành từ năm 1011. Bản kinh này dựa chủ yếu vào bản Đại tạng kinh đời Bắc Tống. Mộc bản lần đầu bị quân Mông Cổ thiêu hủy phần lớn khi họ xâm lăng Cao Ly vào năm 1232. Cho đến năm Cao Tông thứ 24, vua Cao Ly là Cao Tông đã cho khắc lại Đại tạng kinh, mãi cho đến năm 1249 mới hoàn thành. Đó chính là Bát Vạn Đại tạng kinh hiện thời, được lưu trữ tại chùa Hải Ấn từ năm 1398, được coi là quốc bảo của Đại Hàn.

tạng[64] cuối đời Minh đều noi theo sự sai ngoa ấy, thật đáng đau xót! Bản kinh in theo lối Thư Sách này thật sự dựa theo Đại tạng đời Minh được in lại theo lối Thư Sách. Vào những năm cuối thời Quang Tự, Lượng[65] đã lấy hai tạng đời Minh và Thanh cùng với phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm giảo chánh đại lược, ghi chú bên cạnh, cao hơn chánh kinh một dòng. Mùa xuân năm nay, tôi nói chuyện này với cư sĩ Từ Úy Như ở Hải Diêm[66], ông ta bèn phát tâm sửa chữa. Do vậy lấy bản kinh của Lượng, và Tống, Nguyên, Cao Ly, Nam, Bắc, Thanh sáu tạng kinh để đối chiếu giảo duyệt. Dụng tâm ấy khá vất vả, cần cù, nhưng so trong sáu tạng, chỉ có Cao Ly tạng là tốt nhất, cho nên phần nhiều dựa theo đó. Những chữ sai ngoa, khác biệt được ghi thành từng tấm thẻ, dán cao lên một dòng so với chánh kinh, chuyển đến cho Lượng. Do vậy tôi liền giảo đính, xem xét, nương theo đó để sửa chữa bản thảo. Đối với các chữ nhất định cần phải sửa, tôi dùng chữ to ghi rõ quyển nào, trang nào, dòng nào, chữ nào. Phía dưới dùng chữ cỡ nhỏ ghi chú chỗ sai lầm và dựa theo tạng kinh nào để sửa chữa. Cũng có chỗ chỉ ghi chú chữ sai, không nêu rõ tạng kinh nào, vì các tạng kinh đời Tống, Nguyên và tạng Cao Ly giống nhau, không cần phải viết rõ. Có chỗ thì chữ X… phải là chữ Y… Và các chữ [nếu xét theo mạch văn thì] hoặc thừa, hoặc sót, tuy xét theo nghĩa rất đích xác, nhưng do chẳng có chứng cứ trong các tạng kinh để thêm hoặc bớt các chữ ấy, chẳng dám xằng bậy tự tiện sửa đổi, tăng giảm. Để tỏ lộ sự thận trọng, chỉ dùng chữ to viết bên cạnh đó mấy hàng, phía dưới dùng chữ nhỏ để chỉ ra ý nghĩa sai hoặc đúng hòng giúp cho việc nghiên cứu. Lại có chỗ ý nghĩa thật sự chẳng sai, nhưng chữ dùng trong bản nào đó hay hơn, các văn bản ghi khác nhau, nhưng ý nghĩa thật sự bình đẳng, thì đều chẳng sửa, cũng dùng chữ cỡ nhỏ ghi dưới trang đó, dòng đó để tránh cho các bậc hậu hiền dựa theo các tạng kinh để đối chiếu, sẽ lại nảy sanh tranh luận. Nay do chuyện tu chỉnh văn bản lần này mà khắc bài ký này, ghép vào cuối kinh để lưu truyền, ngõ hầu người đọc mai sau sẽ bớt tâm lực, chẳng có ý niệm nghi ngờ!

Lời tựa cho phần Bổ Sung Duyên Khởi Khắc In Đại Tạng Kinh

Đại sư Tử Bách, húy Chân Khả, tên tự là Đạt Quán, hiệu Tử Bách, ngài mong pháp hóa rộng khắp, đề xướng khắc in Đại tạng kinh theo lối in sách như thế tục (tức lối Thư Sách, hay còn gọi là Phương Sách). Nhất thời, tể quan, cư sĩ và các

---

[64] Thư Sách tạng chính là Đại tạng kinh in theo lối sách vở thế tục, tức là các trang dùng chỉ khâu gáy đóng thành quyển (thường gọi là Thư Sách, hay Phương Sách), khác với lối Phạm Sách (tức là kinh trên một trang giấy dài, cuộn thành trục, hay xếp thành sách, không khâu gáy).

[65] Tổ Ấn Quang có pháp danh là Thánh Lượng, cho nên đôi khi ngài tự xưng là Lượng.

[66] Hải Diêm là một huyện trực thuộc thành phố Gia Hưng, tỉnh Chiết Giang.

bậc kỳ túc các phương đua nhau phụ họa, bèn được thành tựu nguyện ấy. Tới khi toàn bộ Đại tạng kinh khắc xong, bèn trích yếu các bài văn đề xướng khắc kinh, gồm 18 bài, đem khắc thành một quyển, đặt tựa đề là Khắc Tạng Duyên Khởi, ghép kèm theo Đại tạng để lưu thông hòng khiến cho mọi người biết nguyên do mà thấu hiểu lợi ích của Phật pháp. Nhưng do lời văn đề xướng lúc ban đầu của đại sư có những câu bàn đến thói đời biến đổi vô thường, cõi đời bình trị hay loạn lạc há có thể nghịch chuyển, an định được chăng v.v., sợ phạm đến điều kỵ húy của quốc gia cho nên chưa khắc. Lại nữa, tuy chuyện ấy đã xong, nhưng bài văn nêu rõ lợi ích do khắc Đại tạng của ngài Tử Bách, bài văn sai đại sư Huyễn Dư quyên mộ lý sâu chữ khéo, trọn chẳng có các lời lẽ phạm kỵ húy, chẳng biết do lẽ nào cũng chẳng được đăng tải, sao lục, rất đáng than thở! Vì thế chép lại hai bài ấy từ trong Tử Bách Tập, bổ sung vào phía sau, ngõ hầu đời sau đều biết, đều thấy một phen tâm huyết "vì pháp vì người" của đại sư.

Lời nhận định về duyên khởi khắc in Đại tạng kinh (thứ nhất)

Phàm những gì thuộc về kinh Phật, theo lý phải nên tôn kính, vì được tắm gội bởi từ ân của Phật, tuân phụng giáo huấn rõ ràng của Phật. Chớ nên vì kinh được in theo lối Phạm Sách hay Phương Sách mà cho là sai khác. Nhà Nho thường có thói xấu, coi kinh truyện của thánh hiền chẳng khác gì giấy cũ, trọn chẳng kính sợ. Cứ thế thành thói quen, rốt cuộc chẳng biết là sai trái, cho rằng kinh sách nhà Phật được in theo lối Phương Sách cũng giống như thế. Nay đã đem kinh Phật sửa thành in theo lối Phương Sách để mong được lợi ích rộng khắp, cố nhiên phải giáng xuống một búa thống thiết, khiến cho họ đối với kinh Phật được in theo lối Phương Sách phải sanh ý tưởng khó gặp gỡ, cần phải chuyên chú dốc cạn lòng thành, trọn hết lòng kính, như trung thần tuân phụng thánh dụ (chiếu chỉ của nhà vua), hiếu tử đọc di chúc, nghiêm túc, cung kính, e sợ, chẳng dám coi thường, trọn chẳng thể noi theo thói quen cũ của nhà Nho để đối đãi kinh Phật, ngõ hầu ai nấy đều được hưởng pháp lợi, cùng được độ thoát. Chỉ sợ có kẻ hiểu lầm, chỉ chú trọng lưu thông, chẳng tôn kính, kiêng dè, chẳng thể nào không nêu đại lược lời luận bàn thẳng thắn!

Lời nhận định về duyên khởi khắc in Đại tạng kinh (thứ hai)

Những chuyện như đốt tượng, vứt kinh v.v. là các hành vi vượt ngoài khuôn khổ của nhà Thiền, chớ coi đó là khuôn phép. Các vị đó cũng bất quá thỉnh thoảng làm như thế, há có nên phỏng theo hành vi ấy để mắc tội, tự lầm, lầm người! Nếu cho rằng nhà Thiền cố nhiên chẳng tôn kính kinh tượng, há không chỉ là chẳng biết thực tế của Thiền, mà còn chẳng biết hình tích và nguyên do của các hành vi

lập bày của nhà Thiền. Cần phải biết pháp chẳng có tướng cố định, hễ gặp duyên bèn đề cao. Kẻ đốt tượng, vứt kinh vẫn là Thiền, há kẻ tôn kính kinh tượng chẳng phải là Thiền ư? Người thời nay nếu muốn hiểu rõ Thiền, ắt cần phải khởi đầu bằng tôn kính kinh tượng, đem chuyện tôn kính kinh tượng làm câu thoại đầu, từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, tâm tâm niệm niệm, đừng coi thường, quên bẵng. Sẽ tự nhiên nghiệp tận tình không, tâm nguyệt vằng vặc, lý lẫn sự hai đằng đều đạt được, phước lẫn tuệ đều trang nghiêm vậy!

Lời nhận định về duyên khởi khắc in Đại tạng kinh (thứ ba)

Đọc sách thánh hiền đều phải nên rửa tay, súc miệng, ngồi ngay ngắn, giống như đối trước thánh hiền, đích thân nghe dạy bảo, huống hồ kinh Phật ư? Cư sĩ Lục Mộng tinh thông sâu xa Phật pháp, nhưng xét theo lời ông ta nói về hai hành vi "nghiêm cẩn kính phụng kinh Phật được in theo lối Phạm Sách", và bắt bẻ chuyện nhiều lượt rửa tay khi đọc kinh Phật v.v. thì đúng là ông ta cho rằng: Đối với kinh Phật in theo lối Phạm Sách thì phải giữ lòng kính sợ, còn đối với kinh điển in theo lối Phương Sách thì có thể tùy ý. Đấy gần như là thói quen thô lậu của Nho gia, chẳng biết đó là sai trái. Ông ta lại nói: "Chẻ vi trần lấy kinh, vậy thì trần chính là kinh, sao lại phải kiêng ô uế? Phiền não chính là Bồ-đề, vậy thì phiền não chính là kinh, sao lại thiên vị nghiêm kính [kinh điển nhà Phật]?" Đúng là chấp lý phế sự, phá hoại tướng pháp thế gian, rơi vào cuồng huệ. Kẻ tâm ý hời hợt, nông cạn nghe hai thuyết ấy ắt sẽ dốc lòng tuân phụng như khuôn phép, nỗi hại ấy không thể kể xiết!

Người học đạo ắt cần phải hiểu lý tột bậc viên dung, đối với nghi quỹ (khuôn phép nghi thức) bèn chẳng hỗn tạp hoặc trái vượt mảy may thì mới có thể hoằng dương, lưu thông Phật pháp, tự lợi lợi người. Nếu không, đối với kẻ nói, chỉ trở thành hý luận; người nghe rồi làm theo, ắt sẽ tạo nghiệp chịu khổ vô cùng. Cần phải biết, hễ là kinh Phật và các sách hoằng truyền, xiển dương Phật pháp, bất luận là Phạm Sách hay Phương Sách, dẫu viết trên vách, khắc trên tràng, khắc trên núi đá, đúc nơi chuông, khánh đều phải nên cung kính. Vì đấy là pháp để siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, lợi ích vô biên, ân đức quá sâu! Nếu có thể trọn hết lòng thành, tận hết lòng kính, ắt nghiệp chướng như băng tan, phước tuệ như trăng tròn, đoạn hoặc chứng chân còn có thể đạt được, huống hồ minh tâm ư? Nếu không, dẫu minh tâm vẫn khó thoát khổ. Do chỉ chuộng hiểu biết hư huyễn, chẳng chú trọng thật tu, tất cả ngộ giải đều trở thành cuồng huệ. Tuy thuộc loại nhân lành, ngược ngạo chuốc lấy ác quả. Người muốn đạt được lợi ích thực tế trong Phật pháp xin hãy tìm cầu từ lòng cung kính.

Bài sớ nêu duyên khởi quyên góp tư lương để tái giảo đính cho quy tắc tu trì trong đạo tràng Tịnh độ chùa Di-đà ở Hàng Châu

Có cuộc đất tối thắng thì mới có thể hoằng dương đạo tối thắng, để kiến lập chuyện phi thường ắt phải đợi bậc phi thường. Muốn hưng khởi pháp môn Tịnh độ cần phải có đủ nội hộ và ngoại hộ. "Nội hộ" là bậc thiện tri thức thật sự, đề xướng, gợi mở, hướng dẫn, dẫn dắt đại chúng hành đạo; "ngoại hộ" là bậc cư sĩ chánh tín ngăn ngừa sự lấn hiếp từ bên ngoài, cung cấp tư lương. Cả hai đằng đều đủ, pháp đạo sẽ tự có thể hưng thịnh to lớn, nhân dân đều được cảm hóa. Huống hồ đại chúng đích thân dự vào đạo tràng, há chẳng đạt được lợi ích chân thật ư?

Chùa Di-đà ở Tùng Mộc Tràng, Hàng Châu chính là đạo tràng Tịnh độ do hai vị pháp sư Diệu Nhiên và Ngọc Phong kiến lập, tới nay đã hơn 50 năm. Mười mấy năm gần đây đã khá hoang vắng. Từ năm Dân Quốc thứ mười (1921), pháp sư Trí Huệ trụ trì cho tới nay, điện vũ thảy đều rạng rỡ, tứ chúng đều chú trọng chân tu, mọi người xa gần đều khen ngợi. Mùa xuân năm nay, cư sĩ Ngô Bích Hoa và Chung Khang Hầu thuộc Phật học hội Hàng Châu triều bái Đại sĩ, có nói đất Hàng chùa chiền san sát, nhưng người thật sự tu tịnh nghiệp đã hiếm hoi như sao buổi sớm. Nếu chẳng sốt sắng đề xướng, pháp Tịnh độ chắc sẽ hầu như bị ngưng dứt. Làm sao có thể sống thì đắc tam-muội, lợi khắp trời người, mất bèn lên thượng phẩm, nhanh chóng chứng Vô sanh ư?

Thầy Trí Huệ than: "Người tu pháp môn Tịnh độ ắt cần phải thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật. Lại còn phải nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối. Người có thể làm như vậy, trong đời hiện tại nhất định có thể đích thân đắc tam-muội, sau khi mất ắt được lên thẳng thượng phẩm, lợi mình lợi người, hai đằng đều trọn đủ! Thoạt đầu tôi trụ tại chùa này, liền muốn phỏng theo quy củ xưa kia của Đông Lâm và Phạm Thiên[67], chỉ vì chẳng có tư lương, chẳng dám tiến hành. Nay các vị cư sĩ đã phát tâm này, nguyện đứng ra khởi xướng, hướng dẫn, ngõ hầu nguyện ấy được viên thành, may mắn lắm thay!"

[67] Đông Lâm là đạo tràng của Sơ tổ Huệ Viễn. Chùa Phạm Thiên tức Phạm Thiên Giảng Tự thuộc Hàng Châu (tỉnh Chiết Giang) ở phía Đông chân núi Phượng Hoàng. Chùa được xây trong niên hiệu Càn Đức (963-968) đời Bắc Tống. Thoạt đầu có tên là chùa Nam Tháp, đến niên hiệu Trị Bình (1064-1067) mới đổi thành Phạm Thiên. Đây là đạo tràng của vị tổ thứ 11 của Tịnh tông tức ngài Tỉnh Am Thật Hiền Tư Tề (1686-1734). Còn một ngôi chùa khác là Phạm Thiên Thiền Tự ở Hạ Môn (tỉnh Phước Kiến) được khai sơn trong niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy. Chùa này cũng rất nổi tiếng với các vị thiền sư như Hoàng Bá, Huệ Nhật, Quán Chí, Vô Vi, Pháp Tướng, Vô Nghi, cũng như các vị danh tăng thời cận đại như Hội Tuyền, Ngọc Cơ, Tánh Nguyện, Hoằng Nhất, Hoằng Thuyền, Ấn Thuận v.v., nhưng hoàn toàn chẳng liên quan đến Tịnh tông.

Khéo sao hai vị cư sĩ ở Thượng Hải là Vương Nhất Đình và Trầm Tinh Thúc vừa đến, bàn tới chuyện này, họ đều cực lực nguyện tán trợ.

Trong tháng 5, thầy Trí Huệ đến đất Hỗ (Thượng Hải), thương lượng với sư Đế Nhàn và Quang, cùng các vị cư sĩ, thảy đều hoan hỷ tán thán. Các vị cư sĩ cũng hứa tùy sức giúp đỡ, bèn tái giảo định quy tắc, mong sao chúng thường trụ hành trì chân thật, thiết tha, hoàn thành trong một đời. Hạn ngạch cố định là 48 vị, niệm Phật quanh năm, chẳng hề lơi lỏng chút nào. Phàm người đến trụ, tối thiểu tu trọn một năm, kế đó là ba năm, kế đó là suốt đời, ắt mong đạt được tâm và Phật tương ứng, tịnh nghiệp thành tựu mới thôi. Nhưng cơm áo, chi dụng của các vị tăng ấy, mỗi người hàng năm cần hơn 100 đồng, 48 vị cần tới hơn 5.000 đồng. Chi tiêu to lớn, chẳng do mọi người phát tâm Bồ-đề to tát sẽ chẳng có cách nào thực hiện được. Khẩn cầu mười phương thiện tín hoan hỷ vui thích giúp đỡ, khiến cho đạo tràng tối thắng này được thành tựu viên mãn, công đức và lợi ích ấy chỉ Phật có thể biết. Vì thế viết ra duyên khởi, mong hãy rủ lòng khéo xét soi!

Lời bạt cho Vương Mẫu Uông Thái Quân[68] Vãng Sanh Ký

Vãng sanh Tây Phương chú trọng tín nguyện, do nương vào Phật lực, dẫu kẻ trọn chẳng tin Phật, cho đến khi lâm chung hễ được thiện tri thức khơi gợi, hướng dẫn, nếu có thể sanh lòng tin, phát nguyện, xưng danh, cầu sanh sẽ đều được sanh về cõi ấy. Do cái tâm ấy chính là tâm tối hậu, hữu lực nhất. Lại còn được tri thức hướng dẫn, khơi gợi chánh tín. Lại thêm gia quyến, quyến thuộc, thiện hữu trợ niệm, khiến cho tâm được thanh tịnh, chuyên dốc sức nơi Phật hiệu, trọn chẳng có niệm khác xen tạp. Vì vậy có thể đạt được lợi ích thật sự. Cõi đời có người suốt đời niệm Phật, lúc lâm chung bị con cháu chẳng hiểu Phật pháp phá hoại chánh niệm của người ấy, đến nỗi chẳng thể vãng sanh, không biết là bao nhiêu. Vương mẫu được vãng sanh là do con của cụ là Trạm Nhiên và Trác Nhiên biết rõ đại thể, hiểu Phật pháp. Do vậy có thể thành tựu chánh niệm cho cụ. Nếu các con của cụ chẳng biết đại thể và ý nghĩa trợ niệm, ắt cụ chưa chết mà con cháu đã tắm gội, thay quần áo, buồn bã, quyến luyến than khóc. Đừng nói Vương mẫu là người công hạnh nông cạn cho nên chẳng được vãng sanh, dẫu là bậc công hạnh sâu xa, vẫn chẳng thể vãng sanh. Chỉ có bậc đã chứng nhẫn thì mới có thể chẳng bị phá hoại, chứ những kẻ khác không ai chẳng bị hiếu tâm kiểu "đã té

[68] Thái quân là tước hiệu gia phong cho mẹ của các quan viên. Từ đời Đường, mẹ của quan viên ngũ phẩm và tứ phẩm được phong là thái quân. Đến đời Tống, tùy theo cấp bậc của con mà mẹ được phong là quận thái quân hay huyện thái quân. Sau này, mẹ của những người có chức có quyền đều được gọi là thái quân. Bà này là mẹ của ông Vương, họ Uông, nên gọi là Vương mẫu Uông thái quân.

giếng còn bị ném đá" đó khiến cho lỡ làng. Tôi mừng vì Vương mẫu được trợ niệm mà vãng sanh, buồn vì những ai do bị phá hoại mà vẫn luân hồi như cũ trong cõi này. Vì thế đặc biệt chỉ rõ sự tổn hại và lợi ích, mong sao những kẻ làm con trong cõi đời và hết thảy mọi người, hễ thấy có kẻ lâm chung sẽ đều trợ niệm như thế, khiến cho người chết ấy cùng được vãng sanh. Mong mỏi lắm thay! Nguyện những ai thấy nghe thảy đều chú ý.

Lời tựa cho bộ Sơ Cơ Học Phật Trích Yếu *(vốn có tên là Cư Sĩ Học Phật Cương Yếu)*

Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn rốt ráo để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thành tựu từ lúc phát tâm cho đến khi chứng quả. Trên là cho đến bậc Đẳng giác, dưới là cho tới phàm phu nghịch ác, đều là căn cơ được thâu nhiếp bởi pháp môn này. Pháp môn to lớn không chi hơn được. Ví như biển cả dung nạp trọn khắp muôn sông. Do vậy cổ nhân nói: "Hết thảy các pháp môn, không gì chẳng từ pháp giới này lưu xuất. Hết thảy các pháp môn, không gì chẳng quy hoàn pháp giới này." Tu pháp môn này so với tu các pháp môn khác sẽ thẳng chóng, nhanh lẹ hơn, dễ đạt được lợi ích. Do pháp môn này dùng quả địa giác làm nhân địa tâm, cho nên nhân bao trùm biển quả, quả thấu triệt nguồn nhân. Chúng sanh đời mạt pháp căn cơ mỏng cạn mà bỏ pháp môn này, sao có thể yên được?

Cư sĩ Trầm Tiểu Thuyên ở Như Cao, bẩm tánh chân thành, chất phác, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, đối với Tịnh độ lại càng chú ý. Hễ gặp kẻ hữu duyên sẽ liền tuyên nói, chỉ mong mọi người đều biết trọn khắp. Vì thế, từ trong các sách hoằng dương Tịnh độ xưa nay trích ra mười mấy chương, đặt tên là Cư Sĩ Học Phật Cương Yếu, in ra để thí tặng cho người khác. Cư sĩ Lý Huệ Thật quen thân với ông ta, nhưng trọn chẳng tin Phật. Do được Tiểu Thuyên khéo léo hướng dẫn, bèn sanh khởi tín tâm to lớn. Cho tới khi Tiểu Thuyên niệm Phật về Tây, Huệ Thật càng sanh tâm cảm kích, mong báo ân hướng dẫn, chỉ vẽ trong nẻo mê của ông Trầm, muốn tái bản sách này, mong truyền bá rộng rãi. Nhưng sách Tịnh độ tuy nhiều, người nghèo túng thường khó thể mua được. Vì thế dùng sách này làm phương tiện tiếp dẫn kẻ sơ cơ. Do vậy, tôi đổi tên là Sơ Cơ Phật Học Trích Yếu, và lược thuật đại cương, duyên khởi này nọ.

Lời tựa cho kinh Địa Tạng Bồ-tát Bổn Nguyện

Địa Tạng Bồ-tát thệ nguyện rộng sâu, từ bi rộng lớn. Trong vô lượng kiếp trước, cố nhiên ngài đã chứng tam đức bí tạng, nhưng do lòng độ sanh ân cần, chẳng ở địa vị Phật, vận dụng lòng bi đồng thể, dấy lòng từ vô duyên, phân thân

trong các cõi nước nhiều như vi trần hòng độ thoát chúng sanh. Đối với các pháp mà ngài dùng để hóa độ và người được ngài hóa độ, ba đời chư Phật chẳng có cách nào nói trọn, huống hồ chúng sanh trong Sa-bà ương ngạnh, khó giáo hóa. Bởi thế Bồ-tát có nhân duyên rất sâu đối với thế giới này. Do đó trên cung trời Đao-lợi, Như Lai phóng quang minh nhóm họp đại chúng, nêu rõ các chuyện về nhân hạnh, phát nguyện v.v. của Bồ-tát trong bao kiếp trước. Điều đó thường được nói là "chúng sanh độ hết, mới chứng Bồ-đề. Địa ngục chẳng trống, thề chẳng thành Phật". Cõi Sa-bà may mắn cỡ nào mà có được sự nương tựa ấy?

Tuy văn từ trong kinh này dễ hiểu, nghĩa lý cực sâu rộng. Cõi đời lắm kẻ chẳng suy xét, cho là chuyên bàn nhân quả để khuyên dụ kẻ ngu muội u mê, trọn chẳng thấu hiểu ý chỉ "hiếu tâm của Bồ-tát tinh thuần, chuyên dốc, nguyện lực rộng lớn, ba đời chư Phật chẳng thể tán dương, chúng sanh trong chín pháp giới đều cùng quy y". Như vậy thì có khác nào bỏ vàng, gánh gai, mua rương trả lại châu ư? Kinh này gồm 2 quyển, 13 phẩm, do ngài Thật-xoa-nan-đà dịch vào đời Đường. Trước kia, tuy có bản dịch của Pháp Đăng và Pháp Cự, kể từ khi đại sư Liên Trì chủ trương dùng bản dịch của ngài Thật-xoa-nan-đà, bản của Pháp Đăng chẳng được lưu thông. Ngay như bản dịch của ngài Thật-xoa cũng có hai quyển hay ba quyển sai khác, lắm người ngờ vực. Cần phải biết hai quyển là theo cách phân chia trong Đại tạng, còn ba quyển là bản lưu thông. Theo bản của Đại tạng kinh thì quyển thượng gồm 6 phẩm, quyển hạ gồm 7 phẩm. Bản lưu hành thì quyển thượng có 4 phẩm, quyển trung 5 phẩm, quyển hạ gồm 4 phẩm. Tuy số quyển khác nhau nhưng kinh văn chẳng khác. Chỉ vì lưu truyền đã lâu cho nên câu chữ có sai khác đôi chút. Vì thế hãy nên lấy bản trong Đại tạng làm chủ yếu, nhưng cũng chẳng cần phải sửa đổi bản lưu thông, do hai bản cùng được lưu hành, trọn chẳng ngăn ngại.

Lời tựa cho Mộng Đông Thiền Sư Di Tập

Triệt Ngộ Ngữ Lục là khai thị trọng yếu nhất trong Tịnh tông. Nếu ngài sanh trước thời lão nhân Ngẫu Ích thì chắc chắn tác phẩm ấy sẽ được chọn đưa vào bộ Tịnh Độ Thập Yếu. Nhưng người có pháp nhãn, há chịu để cho sách này chôn vùi chẳng được lưu truyền ư? Vì thế cư sĩ Tiền Y Am vào năm Gia Khánh 24 (1819) đã chọn lựa trích yếu, đặt tên là Triệt Ngộ Thiền Sư Di Cảo, cho khắc in lưu truyền ở phương Nam. Năm Đồng Trị thứ bảy (1868), thầy Thẩm Tây ở Hàng Châu dựa theo bản của Y Am, khắc in lại tại Hàng Châu. Năm Đồng Trị thứ mười (1871), cư sĩ Dương Nhân Sơn lại rút gọn đôi chút, đổi tên là Ngữ Lục, cho khắc in ở Kim Lăng. Năm Quang Tự 16 (1890), hòa thượng Quán Thông ở Dương Châu khắc Tịnh Độ Thập Yếu, đã dựa theo bản của ông Nhân Sơn, ghép thành

phụ lục của Thập Yếu để lưu hành. Nay sắp xếp phần chánh văn của Tịnh Độ Thập Yếu để ấn hành, đem tác phẩm này ghép vào sau tác phẩm thứ mười của sách Thập Yếu, vẫn dựa theo bản của Nhân Sơn, nhưng thêm vào bài tựa của ông Tiền ở đầu sách để người đọc biết nguyên ủy của sách này. Mong rằng người thấy nghe sẽ đều cùng thâm nhập pháp giới Tịnh tông, lên thẳng đài sen thượng phẩm, ngõ hầu chẳng phụ bạc một phen tâm từ của lão nhân Triệt Ngộ.

Lời tựa nêu duyên khởi của Phật giáo Cư sĩ lâm Triều Dương

Trong thánh giáo của Như Lai có vô lượng pháp môn. Nương theo một pháp môn, dùng tâm đại Bồ-đề để tu tập đều có thể liễu sanh tử, thành tựu Phật đạo. Nhưng trước khi tu chứng, không gì chẳng là khó dễ, nhanh chậm khác biệt. Cầu một pháp chí viên chí đốn, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, khế lý khế cơ, tu chính là tánh, tánh chính là tu, thích hợp khắp ba căn, lợi căn lẫn độn căn đều gồm thâu, là chỗ quy túc của các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật, là con đường nhanh tắt cho trời người, phàm thánh chứng chân, không gì bằng pháp "tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương". Ấy là vì hết thảy các pháp môn đều cậy vào tự lực, pháp môn niệm Phật kiêm cậy vào Phật lực. Cậy vào tự lực thì chẳng đoạn hết sạch phiền hoặc, sẽ chẳng thể vượt thoát tam giới. Nương vào Phật lực, nếu tín nguyện chân thật, thiết tha sẽ có thể cao đăng chín phẩm sen. Người hiện thời muốn liễu thoát đại sự sanh tử trong đời hiện tại mà bỏ pháp này, sẽ trọn chẳng có hy vọng! Cần phải biết pháp môn Tịnh độ, pháp nào cũng đều viên thông, như vầng trăng vằng vặc sáng ngời giữa bầu trời, sông nào cũng đều hiện bóng. Thủy ngân rơi xuống đất, giọt nào cũng tròn xoe. Không riêng gì cách vật trí tri[69], cùng lý tận tánh, mà đối với chuyện giác ngộ cõi đời, yên ổn dân chúng, bình trị đất nước, an ổn quốc gia, đều giúp ích to lớn; dẫu sĩ nông công thương muốn phát triển sự nghiệp, hay già trẻ nam nữ muốn tiêu diệt bệnh khổ, không ai chẳng đều do cảm vời mà ứng theo, được thỏa lòng mãn nguyện.

Hiện thời lòng người chìm đắm, cõi đời đã loạn lạc cùng cực, phế kinh điển, phế luân thường, vứt bỏ lòng hiếu và liêm sỉ, thực hành chuyện biến thành loài thú. Đủ loại tà thuyết bùng nổ, được cực lực đề xướng. Nếu chẳng cứu vãn ắt loài người gần như diệt mất. Vì thế các vị hữu tâm khắp nơi đua nhau đề xướng Phật pháp, phô rõ nhân quả ba đời, hiển lộ sự luân hồi trong lục đạo, nêu bày cõi Sa-bà trược ác, biểu lộ Cực Lạc trang nghiêm thanh tịnh, để mong người trong cõi

[69] "Cách vật trí tri" theo Tống Nho là thấu hiểu sự vật để đạt đến sự thấu hiểu tột cùng, nhưng tổ Ấn Quang lại giảng là "cách trừ vật dục, phương khả trí tri", tức là trừ khử ham muốn đối với vật chất thì mới đạt đến trí tuệ chân thật.

đời này khắc phục tư dục, tuân giữ lễ pháp, còn sống thì dự vào địa vị thánh hiền, liễu sanh thoát tử, mất thì về cõi Cực Lạc.

Các vị cư sĩ ở Triều Dương như Quách Huệ Thái, Huệ Hải, Phạm Trí Siêu, Chu Huệ Thật, Diêu Khắc Sơ, Tiêu Sỉ Phàm, Ngưỡng Tuyên, Lâm Thận Chi v.v. đã lập Phật giáo Cư sĩ lâm trong huyện thành. Ngày mồng 1 và Rằm mỗi tháng, và ngày thánh đản Phật, Bồ-tát, nhóm họp đại chúng niệm Phật. Buổi chiều, sau khi niệm Phật xong, thỉnh bậc tăng hay tục thông văn lý, diễn nói đạo "ở trong cõi trần mà học đạo, chẳng cầm quyền mà hộ quốc, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện", và pháp "thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, khiến cho trọn khắp những người cùng hàng vượt thoát biển khổ", ngõ hầu hết thảy mọi người đều biết nguyên do "ai cũng có thể là Nghiêu Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật", thực hành tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", tận lực thực hiện tám sự "cách vật trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", sẽ trong hết thảy mọi lúc, hết thảy mọi nơi đều chú trọng học theo thánh, học theo Phật. Đấy thật sự là pháp môn đại phương tiện để "chẳng nắm giữ địa vị cai trị mà hộ quốc, cứu dân, thay đổi phong tục mà chẳng lộ hình tích".

Lâm hữu đều do Cư sĩ lâm đã thành lập, sẽ dùng đại nghĩa để dạy khắp những kẻ thông sáng trong mai sau, ngõ hầu dù thấy hay nghe đều phát khởi tín tâm, cùng hoằng dương đạo này, thiên hạ sẽ tự có thể thái bình, nhân dân yên vui. Họ gởi thư cậy Bất Huệ soạn lời tựa, bèn viết những điều này cho xong trách nhiệm!

Lời tựa nêu duyên khởi của Phật giáo Cư sĩ lâm Lũng Hữu

Trong thánh giáo của Như Lai có vô lượng pháp môn. Nương theo một pháp môn, dùng tâm đại Bồ-đề để tu tập, đều có thể liễu sanh tử, thành tựu Phật đạo. Nhưng trước khi tu chứng, không gì chẳng là khó dễ, nhanh chậm khác biệt. Cầu một pháp chí viên chí đốn, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, khế lý khế cơ, tu chính là tánh, tánh chính là tu, thích hợp khắp ba căn, lợi căn lẫn độn căn đều gồm thâu, là chỗ quy túc của các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật, là con đường nhanh tắt cho trời người, phàm thánh chứng chân, không gì bằng pháp "tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương". Ấy là vì hết thảy các pháp môn đều cậy vào tự lực, pháp môn niệm Phật kiêm cậy vào Phật lực. Cậy vào tự lực mà chẳng đoạn hết sạch phiền hoặc, sẽ chẳng thể siêu thoát tam giới. Nương vào Phật lực, nếu tín nguyện chân thật thiết tha, liền có thể cao đăng chín phẩm sen. Người hiện thời muốn liễu thoát đại sự sanh tử trong đời hiện tại mà bỏ pháp này, sẽ trọn chẳng có hy vọng!

Cần phải biết pháp môn Tịnh độ, pháp nào cũng đều viên thông, như vầng trăng vằng vặc sáng ngời giữa bầu trời, muôn sông đều hiện bóng. Thủy ngân rơi xuống đất, giọt nào cũng tròn xoe. Không riêng gì "cách vật trí tri, cùng lý tận tánh", mà đối với chuyện giác ngộ cõi đời, yên ổn dân chúng, bình trị đất nước, an ổn quốc gia, đều giúp ích to lớn; dẫu sĩ nông công thương muốn phát triển sự nghiệp, hay già trẻ nam nữ muốn tiêu diệt bệnh khổ, không ai chẳng đều do cảm vời mà ứng theo, được thỏa lòng mãn nguyện. Hiện thời lòng người chìm đắm, cõi đời đã loạn lạc cùng cực, phế kinh điển, phế luân thường, vứt bỏ lòng hiếu và liêm sỉ, thực hành chuyện biến thành loài thú. Đủ loại tà thuyết bùng nổ, được cực lực đề xướng. Nếu chẳng cứu vãn ắt loài người gần như diệt mất. Do vậy, các bậc hữu tâm ở mọi nơi đua nhau đề xướng Phật pháp, nêu tỏ nhân quả ba đời, hiển lộ sự luân hồi trong lục đạo, phô bày sự trược ác trong cõi Sa-bà, biểu lộ sự trang nghiêm thanh tịnh của cõi Cực Lạc, để mong người trong cõi đời này khắc phục tư dục, tuân giữ lễ pháp, còn sống thì dự vào địa vị thánh hiền, liễu sanh thoát tử, mất thì về cõi Cực Lạc.

Cư sĩ Tịnh Niệm Tần An Thành ở Cam Túc gởi thư xin quy y, bèn đặt pháp danh là Huệ Kiện (慧健). Tiếc là ở nơi hẻo lánh, Phật pháp suy vi, do vậy gởi tặng một trăm mấy chục gói kinh sách để giúp đề xướng. Các vị cư sĩ gần huyện thành lập ra Phật giáo Cư sĩ lâm Lũng Hữu[70]. Vào mồng 1 và ngày Rằm mỗi tháng, và các dịp khánh đản Phật Bồ-tát, nhóm họp đại chúng niệm Phật. Buổi chiều, sau khi niệm Phật xong, thỉnh bậc tăng hay tục thông văn lý, diễn nói đạo "ở trong cõi trần mà học đạo, chẳng cầm quyền mà hộ quốc, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện", và pháp "thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, khiến cho trọn khắp những người cùng hàng vượt thoát biển khổ", ngõ hầu hết thảy mọi người đều biết nguyên do "ai cũng có thể là Nghiêu Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật", thực hành tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", tận lực thực hiện tám sự "cách vật trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", sẽ trong hết thảy mọi lúc, hết thảy mọi nơi, đều chú trọng học theo thánh, học theo Phật. Đấy thật sự là pháp môn đại phương tiện để "chẳng nắm giữ địa vị cai trị mà hộ quốc, cứu dân, thay

[70] Lũng Hữu (隴右) có nghĩa là bên phải của rặng Lũng Sơn (tức Lục Bàn Sơn, 六盤山), còn được gọi là Lũng Tây, vì người Hán quan niệm phía Nam là chánh diện, nên phía Đông là trái, phía Tây là phải (nếu đối mặt với phương Nam). Do vậy, Lũng Hữu và Lũng Tây có cùng nghĩa. Lũng (隴) là tên gọi tắt của tỉnh Cam Túc. Lũng Hữu thường được hiểu là danh xưng chỉ chung toàn thể tỉnh Cam Túc. Ở đây, Lũng Hữu chỉ nhằm nói đến huyện Lũng Tây, thuộc thành phố Định Tây, tỉnh Cam Túc. Huyện này được coi là tỉnh hội của Cam Túc từ xưa, các tuyến đường hành lang Hà Tây và con đường tơ lụa thời cổ đều đi ngang khu vực này.

đổi phong tục mà chẳng lộ hình tích". Lâm hữu đều do Cư sĩ lâm đã thành lập, sẽ dùng đại nghĩa để chỉ dạy trọn khắp những kẻ thông sáng trong đời vị lai, ngõ hầu dù thấy hay nghe đều phát khởi tín tâm, cùng hoằng dương đạo này, thiên hạ sẽ tự có thể thái bình, nhân dân yên vui. Họ gởi thư cậy Bất Huệ soạn lời tựa, bèn viết những điều này cho xong trách nhiệm!

Thuyết minh nguyên do quyên mộ và biện pháp ấn hành Quán Thế Âm Bổn Tích Cảm Ứng Tụng

Quán Thế Âm Bồ-tát trong quá khứ vô lượng kiếp trước thành tựu Phật đạo đã lâu, hiệu là Chánh Pháp Minh, nhưng do tâm từ bi khẩn thiết, lòng cứu khổ ân cần, chẳng rời cõi Tịch quang, hiện hình trong chín pháp giới, tùy loại hiện thân để độ thoát chúng sanh trong mười phương vô lượng thế giới. Phẩm Phổ Môn nói: "Đáng nên hiện thân nào để độ được, bèn hiện thân ấy để thuyết pháp." Tuy mười phương thế giới, không cõi nào chẳng hiện, nhưng ngài có nhân duyên rất sâu với thế giới Sa-bà. Tuy các thân trong mười pháp giới, chẳng thân nào không hiện, nhưng người đời đều dùng danh xưng Bồ-tát để xưng tụng. Tuy chỗ ngài ứng hóa trọn khắp hoàn vũ, nhưng Phổ Đà ở Chiết Giang là nơi rõ rệt nhất. Ấn Quang chịu ơn rất lớn, đội ân rất sâu. Thoạt đầu xuất gia tại Nam Ngũ Đài Sơn[71] ở Thiểm Tây, là đạo tràng nơi đức Quán Âm hiện thân hàng phục độc long. Kế đó sống nhờ tại Phổ Đà trong Nam Hải là thánh địa chiêm bái Quán Âm trong chuyến đi về phương Nam của Thiện Tài.

Thường nghĩ người đời chẳng biết lòng từ bi rộng sâu của Bồ-tát, muốn sưu tập từ Đại tạng và các sách vở, phàm là hạnh nguyện nơi bổn địa của Bồ-tát, cùng với sự tích cảm ứng ở các nơi để viết thành bài văn ca tụng, lại còn chú giải cặn kẽ, ngõ hầu những người cùng hàng trong cõi đời đều biết được tâm từ bi to lớn của đức Quán Âm, cũng như thật lý, thật sự "tùy loại hiện hình, tầm thanh cứu khổ" của ngài, mong sao ai nấy cùng trì thánh hiệu, cùng tiêu nghiệp chướng, cùng tăng phước tuệ, sống thì là người thân tâm thanh tịnh, thác thì dự vào hội của Liên Trì hải chúng. Dùng điều đó để uốn nắn lòng người cho ngay thẳng hòng vãn hồi kiếp vận để mong thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc. Tuy đã phát cái tâm ấy, nhưng do học thức nông cạn, thô lậu, văn chương vụng về, mộc mạc, chẳng thể ngay lập tức thực hiện. Khéo sao bậc đại văn học gia ở Giang Tây là cư sĩ

[71] Núi Nam Ngũ Đài thuộc thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây, vốn là phần tiếp nối của rặng Chung Nam Sơn. Do núi này có năm ngọn cao vót là Đại Đảnh, Thanh Lương, Văn-thù, Linh Ứng và Quán Âm, nên gọi là Ngũ Đài. Huyện Diệu ở phía Bắc tỉnh Thiểm Tây cũng có một rặng núi gồm năm ngọn, nên cũng gọi là Ngũ Đài. Gọi là Nam Ngũ Đài Sơn nhằm phân biệt với rặng Ngũ Đài ở huyện Diệu.

Hứa Chỉ Tịnh đến núi thăm viếng, vừa gặp gỡ bèn thành bạn tâm đầu ý hợp. Do vậy đem chuyện này nhờ cậy, ông ta liền vui vẻ chấp thuận, lắng lòng viết lách trải qua hai năm, biên soạn thành tụng văn hơn hai vạn chữ. Đối với mỗi câu sự tích đều chú giải sau mỗi đoạn, khiến cho độc giả vừa xem liền hiểu ngay, tổng cộng là ba quyển. Lại sao lục các nghĩa trọng yếu trong kinh, đặt tên là Kinh Chứng (經證, dùng kinh điển để làm chứng) gồm một quyển, ghép vào sau phần Tụng Văn (頌文, phần văn chương ca tụng). Lại còn ghép thêm bài ca tụng công đức của kinh Kim Cang vào cuối sách, khiến cho người tụng kinh, niệm Phật đều biết phương hướng, những mong do phàm tâm mà thấy Phật tâm, thỏa nguyện độ sanh của Như Lai.

Vì thế giao cho thợ sắp chữ, ấn loát. Mỗi bộ gồm 200 trang, mỗi trang gồm 26 hàng, mỗi hàng gồm 35 chữ. Phần sách chính dùng loại giấy phỏng theo giấy đời Tống. Bìa sách thì dùng loại giấy bìa bền nhất có màu sắc theo kiểu cổ có sức chịu nén đến một trăm pounds để in. Mỗi bộ được chia làm hai tập, dùng chỉ khâu gáy sách. Nếu in hai vạn bộ, mỗi trang trong phần nội dung chính của sách sẽ tốn 30 đồng. Mỗi bộ sách, giá bìa và in chữ trong phần thư căn[72] là 3 xu. Nếu sách sắp chữ xong, có đủ cả 200 trang, cứ một vạn bộ sẽ có giá là 3.300 đồng. Nếu bớt đi một trang, chi phí in sẽ giảm 30 đồng. Nhiều trang hơn hay ít hơn, cứ chiếu theo đó mà suy (do hiện thời chưa sắp chữ xong, số trang chưa thể xác định, nhưng cũng chẳng quá một, hai, ba, bốn trang nhiều hơn). Mỗi gói sách khi gởi đi sẽ dùng bao bì của bưu điện để tiện gởi cho người khác. Bưu phí gởi sách được tính kèm trong đó, mỗi bộ chừng 3 cắc 3 xu. Cách làm này chính là thay cho thiện tín in sách, chẳng phải là theo lệ quyên mộ tiền bạc để tự làm thiện sự. Nếu có ai phát tâm đứng ra chịu tiền in sách, muốn in một vạn bộ thì giao 3.300 đồng, một ngàn bộ thì giao 330 đồng. Tháng 2 năm sau có thể ra sách. Khi sách đã in ra, cứ dựa theo tiền đã giao mà gởi sách, chẳng chiết khấu bộ nào. Nếu ai muốn ủy thác chúng tôi thay cho người ấy thí tặng, chính mình chỉ muốn nhận một số ít, cần phải nói rõ trước để có thể gởi thay. Nếu không, sẽ gởi toàn bộ sách ứng với số tiền đã giao cho người gởi tiền, chẳng giảm bớt mảy may. Tại Thượng Hải thì không cần bưu phí, sẽ giao thẳng đến nhà. Các nơi khác nếu là thành thị lớn, có thể nhờ công ty chuyển vận gởi giùm. Số lượng nhỏ thì gởi qua bưu điện. Chi phí ấy hoặc khấu trừ vào số lượng sách, hoặc người gởi sẽ giao thêm chi phí bổ sung, đều tùy theo ý của người đứng in.

---

[72] Thư Căn tức là phần giấy trắng ở mỗi trang sách đối diện với gáy sách. Do sách in theo lối cổ của Trung Hoa, sẽ in theo từng cột dọc, từ phải qua trái, phần đối diện với gáy sách được gọi là Thư Khẩu. Trong mỗi trang sách, phần trang sách gần Thư Khẩu sẽ được gọi là Thư Căn. Phần này thường dùng để in dòng chữ ghi tên sách, số trang, số quyển, và tên chương sách.

Hiện thời, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, thế đạo lòng người đã chìm đắm đến cùng cực. Đặc biệt nhờ vào chuyện này để đẩy lùi cơn sóng cuồng, nâng đỡ thế đạo, làm hướng dẫn để cùng đạt lên bậc thánh, cùng chứng Bồ-đề. Nguyện thiện tín có sức cùng bỏ ra tịnh tài, ngõ hầu những người cùng hàng trên cõi đời ai nấy đều được gội từ ân của Quán Âm Bồ-tát, hòng cùng được đích thân chứng Phật tánh vốn sẵn có, viên mãn giác đạo vô thượng. Tấm lòng khăng khăng như thế mà thôi! Phàm những ai muốn đứng ra ấn hành, xin chuyển khoản trực tiếp đến Nhà xưởng ấn loát thư cục Trung Hoa ở ngõ Cáp Đồng, đường chùa Tĩnh An, Thượng Hải, giao cho hai vị tiên sinh Du Trọng Hoàn và Đường Tử Quyền thu nhận. Khi họ nhận được sẽ giao biên lai. Khi sách được in ra sẽ dựa theo khoản tiền đã gởi mà giao sách, quyết chẳng đến nỗi sai lầm.

Nguyên do đính kèm Phật Pháp Đạo Luận vào sau bộ Phật Học Cứu Kiếp Biên

Phật Học Cứu Kiếp Biên là vì người đời chẳng biết sự lý "nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi", cho nên suy nghĩ và hành xử đều trái nghịch với lòng trung hậu, khoan dung, từ bi. Tuy muốn lợi lạc cho chính mình, chẳng biết nếu tự lợi trái lý ắt sẽ khiến cho kẻ khác mắc hại, tuy chính mình tạm thời được lợi, nhưng trong chốn âm thầm ắt sẽ đến nỗi có chuyện khiến cho các lợi ích chính mình đáng được hưởng bị mất đi, gây thành mối họa vô cùng cho nhiều đời nhiều kiếp nơi thân sau của chính mình và con cháu. Nếu mọi người biết điều ấy, ai chịu vì điều lợi nhỏ nhoi mà chuốc lấy đại họa ư? Do vậy, dùng sáu loại kinh Phật để đề xướng, khiến cho hết thảy mọi người, ai nấy thọ trì tam quy ngũ giới, dùng chuyện tu thập thiện để mong thành bậc thiện nhân "ba nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh". Nếu ai thật sự nương theo đó để tu trì, phong thái cạnh tranh sẽ tự chấm dứt, ý niệm "chúng sanh là ruột thịt, là đồng loại của ta"[73] sẽ tự sâu thêm, sao còn có kiếp vận được nữa? Lại còn chỉ bày pháp môn Tịnh độ nương vào từ lực của Phật để liễu sanh thoát tử ngay trong hiện đời. Không chỉ chẳng tạo ác nghiệp, chẳng thọ ác báo, mà ngay cả thiện báo nhân thiên cũng chẳng buồn hưởng. Ấy là vì chẳng liễu sanh tử, dẫu được hưởng phước báo trong nhân gian, nhưng vì chưa đoạn phiền hoặc, khó tránh khỏi do hưởng phước mà lại tạo ác nghiệp đến nỗi càng thêm đọa lạc. Dẫu sanh lên trời, nhưng khi phước trời đã hết, lại sanh xuống nhân gian. Nếu có túc nghiệp, hoặc tạo oan khiên mới, lại vẫn đọa lạc trong tam đồ ác đạo. Đáng sợ lắm thay! Vì thế, khuyên họ kiêm tu pháp môn tín nguyện

[73] Nguyên văn là "bào dữ" tức là nói tắt của thành ngữ "dân bào, vật dữ", có nghĩa: Dân chúng là ruột thịt của ta, loài vật cùng có sanh mạng giống như ta. Thành ngữ này có hàm nghĩa "yêu thương trọn khắp muôn loài".

niệm Phật để mong siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Đấy chính là đạo cứu kiếp rốt ráo.

Sách này gồm ba quyển, chia thành hai tập. Tập thượng dày, tập hạ mỏng, chẳng thể chia đều thích đáng. Do vậy năm ngoái, cư sĩ Lý Viên Tịnh biên soạn bộ Phật Pháp Đạo Luận khá khế hợp sơ cơ, tông chỉ của sách ấy khá giống như Cứu Kiếp Biên. Cách dùng chữ, lập luận trong ấy càng dễ dẫn khởi tín tâm của giới học thuật trong thời gần đây. Đem ghép vào tập hạ của sách Cứu Kiếp Biên thì hai tập cân bằng, lại còn khiến cho người đọc đạt được lợi ích "đôi bên chứng nghĩa lẫn nhau". Nhưng người chuộng đơn giản, chẳng ngại xem trước sách Đạo Luận; đợi tới khi đã biết chỗ chỉ quy, sẽ lại xem kỹ cả bộ sách, sẽ đọc dễ dàng với khí thế như chẻ tre, mới biết: Chẳng thông suốt Phật pháp, sẽ chẳng thể thành tựu vẹn toàn rốt ráo thế pháp được! Vì thế xưa nay các bậc lập đại công, dựng đại nghiệp lớn, chánh khí lấp trời đất, ân trạch thấm đẫm dân sanh, phần nhiều là do học Phật đắc lực mà thành. Nếu có thể xem trọn khắp các sách vở, lắng lòng suy xét cẩn thận, sẽ đều có thể biết rõ. Nếu xem bằng cái tâm hời hợt ắt sẽ không ai chẳng phải là đã chạm mặt mà bỏ lỡ. Nếu có tri kiến ấy thì Phật pháp và thế pháp hai đằng không chỉ trở ngại nhau, mà đôi bên còn thành tựu lẫn nhau. Như hai vầng trăng soi lẫn nhau, hai tay giúp đỡ nhau, ao chuôm nhuần thấm lẫn nhau, hai bánh xe cùng tiến, ngõ hầu vận đời trở về thuở đại đồng, nhân dân hưởng an lạc, may mắn chi hơn?

Lời sớ nêu duyên khởi giảng kinh Thỉnh Quán Âm và phẩm Phổ Môn

Quán Thế Âm Bồ-tát là chỗ nương cậy cho hết thảy chúng sanh trong chín pháp giới, là chỗ nương về cho vô biên hàm thức[74] trọn hết hư không giới. Ấy là do ngài đã trọn đủ đạo và chứng, đức vượt xa bậc Thập địa, đã sớm thành Chánh giác từ vô lượng kiếp trước. Nhưng do tâm từ bi tha thiết, lòng độ sanh ân cần, cho nên ngài lại chẳng lìa cõi Tịch quang, rủ lòng hiện thân trong chín pháp giới, tùy theo từng loại mà hiện thân, tầm thanh cứu khổ, đủ loại phương tiện độ thoát chúng sanh. Đáng nên dùng thân gì để độ được, bèn hiện thân ấy để thuyết pháp. Ví như vầng trăng rạng ngời giữa trời, in bóng trọn khắp muôn sông; xuân về trên đại địa, trăm loài thảo mộc cùng tươi tốt. Dấu tích từ bi cảm ứng của ngài chẳng thể nghĩ bàn được nổi. Vì thế trong các kinh như Pháp Hoa, Đại Bi v.v., đức Thích-ca Thế Tôn đã riêng khen ngợi công đức nơi bổn tích của ngài, và đạo "hưng khởi lòng từ, vận dụng lòng bi", khiến cho khắp chúng sanh đều hưởng từ ân của Đại sĩ. Nhưng trong các kinh Hoa Nghiêm, Lăng-nghiêm v.v., đại sĩ tự nói

[74] *"Hàm thức"* chính là hữu tình chúng sanh.

đại lược các chuyện "tùy loại hiện thân, tầm thanh cứu khổ", khác nào lên cao hô một tiếng, trăm hang đều vọng tiếng dội. Phàm là hữu tình, chẳng có kẻ nào không kính ngưỡng. Nhưng đức Thế Tôn mẫn niệm chúng sanh Sa-bà, muốn khiến cho họ đều được che chở, ngài bèn đặc biệt thừa dịp nhân dân nước Tỳ-xá-ly (Vaiśālī) bệnh khổ, dạy trưởng giả Nguyệt Cái lễ thỉnh thế giới Tây Phương Cực Lạc Quán Thế Âm Bồ-tát tiêu trừ độc hại cho họ. Do vậy, Bồ-tát giáng lâm thành Tỳ-xá-ly, cành dương vừa rẩy, muôn bệnh bình phục. Lại dạy họ tụng niệm danh hiệu tam bảo và thần chú, khiến cho người trong nước ấy thường được cát tường. Đó là nói về nguyên do của kinh Thỉnh Quán Âm[75].

Ấy là vì Bồ-tát phân thân trong các cõi nhiều như vi trần, độ thoát chúng sanh, lại có nhân duyên rất sâu với thế giới Sa-bà. Đức Thế Tôn nặng lòng lo cho nỗi khổ của chúng sanh trong đời vị lai, cho nên đặc biệt nhường chuyện cứu khổ cho Quán Âm, mong cho đời sau có chỗ nương cậy. Tới khi kinh truyền đến cõi này, đại sư Trí Giả đặc biệt chú sớ giải thích. Đối với phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa, ngài lại dốc hết tâm ý phát huy, mong cho hết thảy người thấy nghe đều cùng ngộ Phật tánh vốn sẵn có trong tâm, cùng tu tịnh nghiệp "phản vọng quy chân".

Tới nay đã hơn một ngàn năm, kinh sớ cố nhiên vẫn còn, nhưng chẳng có ai đề xướng, đúng là chuyện đáng tiếc nuối! Huống hồ mười mấy năm qua binh đao nhiều phen dấy lên, đói kém lắm lượt, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống. Vận mạng quốc gia nguy ngập, dân chúng lầm than, phàm những ai hữu tâm không người nào chẳng đau thương. Vì thế, những người cùng có lòng nhân toan thỉnh bậc thượng tọa trong tông Thiên Thai là pháp sư Đế Nhàn giảng hai kinh này tại chùa Bồ-đề, kỳ hạn là 21 ngày, để cầu cho mọi người đều được an ổn. Nguyện khắp người thấy nghe, cùng dùng tâm của đức Quán Âm làm tâm của chính mình, cùng coi chuyện của ngài Quán Âm là chuyện của chính mình, ắt sẽ mất tướng ta người, ngưng dứt cái tâm đấu tranh, tâm tình từ ái thiết tha, tâm tàn hại tiêu trừ. Do vậy tự lập lập người, tự lợi lợi tha, ắt phong thái đại đồng há khó thấy trong hiện thời ư? Nguyện những vị cùng hàng với tôi đều dự hội thù thắng

[75] Bộ kinh này có tên gọi đầy đủ là kinh Thỉnh Quán Âm Tiêu Phục Độc Hại Đà-la-ni Chú, do ngài Trúc-nan-đề dịch vào thời Đông Tấn. Trong kinh này, ngoài việc xưng tán danh hiệu của Quán Thế Âm Bồ-tát, còn có nhiều bài thần chú như Thập Phương Chư Phật Cứu Hộ Chúng Sanh Thần Chú, Phá Ác Nghiệp Chướng Tiêu Phục Độc Hại Đà-la-ni, Đại Cát Tường Lục Tự Chương Cú Cứu Khổ Thần Chú v.v.. Kinh này được tông Thiên Thai hết sức coi trọng, Quán Âm sám pháp hoàn toàn dựa vào kinh này. Tổ Trí Giả (đại sư Trí Khải) đã viết sớ giải cho bộ kinh này. Trong bộ Ma-ha Chỉ Quán, tổ còn dựa theo kinh này để xiển minh *phi hành phi tọa tam-muội*.

này, ai nấy xướng niệm danh hiệu tốt lành để làm duyên khởi "cùng được gội Phật ân trong hiện thời, tương lai cùng thành Phật đạo".

Sớ tạo lập niệm Phật đường chùa Phước Nghiêm tại huyện Sùng Đức tỉnh Chiết Giang

Đấng đại giác Thế Tôn do thương xót chúng sanh mê muội cái tâm mầu nhiệm vốn có mà phải luân hồi sanh tử, bèn thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng chánh giác. Ngài thuận theo căn cơ của chúng sanh, nói đủ loại pháp. Tuy lớn nhỏ, quyền thật bất đồng, thiên viên, đốn tiệm khác nhau, nhưng đều vì muốn khiến cho chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật, rốt ráo thành Phật mới thôi. Nhưng chúng sanh căn tánh có lớn nhỏ, mê có cạn sâu, chẳng thể ngay lập tức thỏa thích bổn hoài của Phật. Đã thế, chúng sanh thời mạt, nghiệp chướng sâu dày, trí tuệ nông cạn, thọ mạng ngắn ngủi, bậc tri thức hiếm hoi, chẳng cậy vào Phật lực, quyết khó thể liễu thoát. Vì thế, ngài đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh độ, thâu nhiếp các pháp thuộc chặng đầu, chặng giữa, chặng cuối, độ trọn khắp các căn cơ thượng trung hạ, khiến cho bậc đã chứng pháp thân sẽ nhanh chóng thành Phật đạo, kẻ chưa đoạn phiền hoặc cũng thoát khỏi luân hồi. Đấy là lợi ích siêu xuất trong giáo pháp suốt một đời đức Phật. Do một đằng chuyên cậy vào tự lực, một đằng kiêm nhờ vào Phật lực. Ví như kẻ thọt, suốt ngày chỉ có thể đi được vài dặm, nếu nương theo luân bảo của Chuyển Luân Thánh Vương, trong một ngày có thể đến khắp bốn châu. Vì thế chín pháp giới cùng quay về, mười phương đều xưng tán, ngàn kinh cùng xiển dương, vạn luận đều tuyên nói. Do đấy là pháp môn tổng trì để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thành tựu từ thuở phát tâm cho đến khi chứng quả.

Xét ra, kể từ khi đại giáo truyền đến phương Đông, Viễn công (Sơ tổ Huệ Viễn) mở liên xã đầu tiên, bậc cao tăng, cự nho thuở ấy tham dự hội có đến 123 người. Từ đấy về sau, đời nào cũng có bậc cao nhân, tiếp lửa truyền đèn (tục diệm truyền đăng) rộng khắp trong ngoài nước. Đại pháp của Như Lai có năm loại là Luật, Giáo, Tông (Thiền), Mật, Tịnh, chỉ có pháp Tịnh độ là dễ tu trì nhất, dễ thành tựu nhất, là chỗ quy túc cho Luật, Giáo, Tông, Mật. Vì thế, các bậc tri thức trong Luật, Giáo, Tông, Mật xưa nay đều chú trọng ngầm tu, nhiều vị còn cực lực khuyến hóa hiển nhiên. Pháp này chân lẫn tục đều viên dung, khế lý lẫn khế cơ. Không chỉ là pháp để người học đạo thoát khỏi luân hồi, mà còn là nền tảng để người cai trị đất nước ngồi yên hưởng thái bình. Vì thế vãng thánh tiền hiền, người thông hiểu, bậc trí tuệ đều chú trọng tu trì. Ví như các ngôi sao chầu về Bắc Đẩu, các dòng nước chảy xuôi về Đông. Chùa Phước Nghiêm ở Sùng Đức chính là đạo tràng Tịnh độ đã 1.500 năm. Năm Thiên Giám thứ hai (503) đời

Lương, pháp sư Đông Hy hâm mộ đạo của Viễn công, chuyên tu tịnh nghiệp, ý mong lợi khắp người đồng hàng, lập ra chùa Phước Nghiêm để làm đạo tràng Tịnh độ, hơn một ngàn năm qua đạo phong chẳng giảm. Đầu đời Thanh, thiền sư Phí Ẩn Dung làm trụ trì, pháp đạo trung hưng. Trong thời Hàm Phong - Đồng Trị, do gặp loạn Hồng Dương[76] bèn trở thành chốn hoang tàn. Về sau dần dần tu bổ kiến tạo, mới hơi khôi phục lại quang cảnh cũ.

Gần đây do nhiều lần gặp cảnh mất mùa, ruộng dâu biển xanh biến đổi, đến nỗi chẳng đủ lương thực và chi dụng, Phật đường ngưng hoạt động. Đại sư Tánh Không gần đây tới làm trụ trì, mong khôi phục quy củ cũ, an trụ đại chúng niệm Phật, sợ chi dụng, lương thực chẳng đủ, có lẽ khó được như nguyện, cậy Quang viết sớ để báo với thiện tín. Quang cho rằng mọi việc đều phải lấy chí thành làm gốc: "Ông đã chí thành, ắt các sư tăng chí thành sẽ đến ở. Do sư tăng chí thành, niệm thánh hiệu Di-đà, xa gần nghe đồn, cùng sanh lòng tin tưởng hướng về, ắt sẽ có bậc đại đàn-việt tin sâu Phật pháp tranh nhau đến bố thí, chẳng khiến cho cơm áo bị thiếu thốn."

Sớ cầu siêu cho tổ tiên

Đầu lá sớ của cư sĩ Dương X… đề tên chính mình, hướng dẫn con là Đạt Quyền thưa rằng: - Trộm nghĩ đệ tử… đời trước đã gieo nhân lành, được sanh tại Trung Hoa, gần độ tuổi cổ hy (bảy mươi), lại được nghe Phật pháp. Tuy thuở trẻ vâng theo gia phong tứ tri[77], tuổi già thọ khuôn phép tam quy, càng sợ thiếu sót phản tỉnh, tự xét, chẳng bớt tội khiên. Huống nay đã bảy mươi, phụng dưỡng mẹ

[76] Loạn Hồng Dương tức là loạn Thái Bình Thiên Quốc do Hồng Tú Toàn và Dương Tú Thanh lãnh đạo, nên sử sách thường gọi là loạn Hồng Dương. Hồng Tú Toàn xuất thân từ thôn Phước Nguyên, huyện Hoa tỉnh Quảng Châu. Vì nhiều lần đi thi không đậu, hắn đâm ra bất mãn với thời thế và chánh thể đương thời. Do đọc sách của hội truyền đạo phương Tây, hắn ta tự tuyên bố mình gặp Thượng đế trong mơ, tự xưng được Thượng đế khải thị hắn ta là con thứ hai của chúa trời, gọi chúa Jesus bằng anh. Sẵn tâm trạng bất mãn với chế độ khoa cử và tài khéo ăn nói, hắn lập ra đạo Bái Thượng Đế để sách động dân chúng làm loạn. Năm 1850, sau khi chiếm được một số vùng tại Quảng Tây, hắn ta thành lập chính quyền mới, gọi là Thái Bình Thiên Quốc, tự xưng là thiên vương. Chỉ trong nửa năm, quân Thái Bình Thiên Quốc chiếm 16 phủ, 600 huyện. Tới năm 1853 chiếm luôn cả Nam Kinh, mãi cho đến năm 1864, Thái Bình Thiên Quốc mới bị quân đội Thanh triều dẹp tan. Trong cơn chiến loạn này, các chùa miếu tại Hoa Nam bị tổn thất nặng nề do quân Thái Bình Thiên Quốc đã phá hủy, cướp bóc.

[77] Tứ tri là câu nói nổi tiếng của Dương Chấn được chép trong Hậu Hán Thư. Theo đó, khi Dương Chấn làm quận thú, đã tiến cử Vương Mật ở Kinh Châu làm ấp lệnh Xương Ấp. Về sau, Dương Chấn có chuyện đi qua Xương Ấp, Vương Mật đang đêm tìm đến yết kiến, đem ngàn vàng dâng biếu hòng tạ ơn. Dương Chấn quở trách, Vương Mật cứ nài nỉ, lại nói: "Đêm khuya không ai hay biết!" Dương Chấn quở: "Trời biết, đất biết, tôi biết, ông biết, sao lại nói là không ai hay biết." Do vậy, "gia phong tứ tri" là từ ngữ để ca ngợi người liêm khiết, chánh trực, không làm chuyện gì đáng phải hổ thẹn.

chưa tròn, nào dám chẳng dốc cạn tấc lòng thành cầu siêu tổ tiên. Do vậy, kính cẩn trong ngày hôm nay, tại núi Linh Nham thỉnh sư tăng giới đức bao nhiêu vị, xưng niệm vạn đức hồng danh Nam-mô A-di-đà Phật suốt một ngày, dùng công đức này, ngưỡng mong Phật quang chiếu trọn khắp, khiến cho pháp giới đều được thọ ân, khiến cho tiên khảo, tiên tỷ[78] tiêu trừ ác nghiệp từ vô thỉ, tăng trưởng thiện căn thù thắng, liền được đức Phật từ bi, rủ lòng đích thân tiếp dẫn lên thượng phẩm nơi chín phẩm sen, được Phật thọ ký ngay trong một đời. Lại nguyện ông X… và thân quyến, thân tâm an lạc, các duyên thuận lợi vừa ý, hiện thời đồng tu tịnh nghiệp, tương lai cùng sanh về Tịnh độ, báo chung bốn ân, giúp khắp ba cõi, pháp giới chúng sanh cùng viên thành chủng trí. Cung kính xin đức Bổn sư hai cõi và mười phương vô tận tam bảo chứng minh nhiếp thọ. Đại lược là như thế, hãy nên châm chước để sử dụng.

[78] Tiên khảo, tiên tỷ (先考先妣) là từ ngữ kính xưng để con cái nói về cha mẹ đã mất.

III. PHÁP NGỮ KHAI THỊ

Phương pháp niệm Phật theo kiểu thập niệm ký số

Gần đây Quang tìm ra một phương pháp nhiếp tâm niệm Phật, nếu đã thành phiến, cố nhiên chẳng cần cách này; nếu chưa thành phiến, cách này rất dễ ra sức. Trong khi niệm Phật, chỉ dùng mười niệm để nhớ số, từ một tới mười, tâm và miệng niệm cho rành mạch, tai nghe rành mạch. Lại còn từng câu ghi nhớ rõ ràng rành rẽ. Nếu có thể nhớ rõ ràng từ một tới mười thì vọng niệm chẳng thể do đâu mà dấy lên được. Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, hãy dùng chuyện này làm tiền phương tiện. Chỉ dùng tâm để nhớ, chớ nên lần chuỗi. Từ một tới mười, rồi lại từ một đến mười, chẳng thể là hai mươi hoặc ba mươi. Cần phải biết nếu tới hai mươi hay ba mươi, tâm lực sẽ chẳng chịu nổi, ắt đến nỗi bị bệnh. Như Lai dạy pháp sổ tức (đếm hơi thở) cũng chỉ từ một tới mười mà thôi. Trong Liên Tông Bảo Giám đã viết sai là từ một tới mười, tới trăm, tới ngàn, tới vạn, gây hại chẳng nhỏ!

Lại nữa, pháp thập niệm này khác với pháp thập niệm vào buổi sáng, do pháp kia coi hết một hơi là một niệm, chẳng luận số câu niệm Phật là bao nhiêu. Ở đây lấy một câu làm một niệm. Cách kia chỉ có thể dùng vào buổi sáng, hễ thường dùng sẽ bị tổn khí thành bệnh. Cách này thì từ sáng đến tối, hoặc niệm ra tiếng, hoặc niệm thầm, hoặc nhanh, hoặc chậm đều sử dụng được, không gì chẳng thích hợp. Nhưng khi làm việc sẽ khó nhớ rõ, hãy cứ thẳng thừng mà niệm. Đến khi xong việc lại tiếp tục, nhưng vẫn là mười niệm. Nếu nhớ một lèo cảm thấy tốn sức, hãy từ một đến năm, từ sáu tới mười. Hoặc từ một đến ba, từ bốn đến sáu, từ bảy đến mười. Tùy theo tâm lực của chính mình, tuy niệm hai hơi hay ba hơi, hoàn toàn chẳng ngưng chút nào, chỉ dùng tâm để ghi nhớ như thế mà thôi.

Răn cấm đóng ấn có danh hiệu Phật, Bồ-tát lên đệm ngồi

Phụ nữ có tín tâm vùng Giang Chiết[79] thường hay dùng vải trắng trải lên mặt đất để lễ Phật, gọi là "thủ phương" (手方, khăn vuông lót tay), hoặc có khi dùng lót ngồi để giữ cho y phục khỏi bị hư. Chuyện ấy cố nhiên chẳng phải là không được, nhưng chớ nên đóng con dấu có danh hiệu Phật, Bồ-tát lên đó. Nếu đã đóng dấu, muôn vàn chớ nên trải ra để quỳ lên đó lễ Phật, huống hồ làm đệm ngồi lên

[79] Giang Chiết là danh xưng phiếm chỉ vùng đất ở phía Nam Trường Giang (sông Dương Tử) và phía Bắc sông Tiền Đường, bao gồm các vùng Hoàn Nam (phía Nam tỉnh An Huy), Tô Nam (phía Nam tỉnh Giang Tô), Thượng Hải, Chiết Giang. Đầu đời Thanh, chữ Giang Chiết dùng để gọi chung hai tỉnh Giang Nam (tức Giang Tô, Thượng Hải và An Huy ngày nay) và tỉnh Chiết Giang.

ư? Có kẻ cho rằng ngồi lên nửa phần vải chưa in dấu thì chẳng trở ngại, chẳng biết: Nếu đã có chữ viết mà đem trải xuống đất thì vẫn là khinh nhờn, huống hồ đã ngồi trên nửa dưới tấm vải không có chữ, nửa trên vẫn dựa sát vào phần dưới thân thể của chính mình, hoặc có kẻ hoàn toàn ngồi trên chỗ vải đã đóng dấu.

Cần phải biết chữ trên con dấu đều là thánh hiệu của Phật, Bồ-tát. Theo đúng lý thì phải nên đặc biệt tôn trọng, sao lại khinh nhờn đến thế? Con dấu tại chùa A-dục Vương lại là ấn bảo tháp chân thân xá-lợi của Thích-ca Như Lai. Còn con dấu tại chùa Phổ Tế ở Phổ Đà chính là Sắc Kiến Nam Hải Phổ Đà Thiền Tự Quán Âm Bảo Ấn (Phổ Đà Thiền Tự chính là tấm biển được sắc phong vào năm Vạn Lịch 33 (1605). Tới năm Khang Hy 38 (1699) đời Thanh, mới đổi thành tấm biển sắc phong Phổ Tế Thiền Tự. Như vậy thì chắc cái ấn ấy là ấn đúc trước năm Khang Hy 38). Ấn của chùa Pháp Vũ thì là Nam Hải Phổ Đà Thiên Hoa Pháp Vũ Quán Âm Bảo Ấn. Những thứ khác có thể suy ra tương tự. Vải đã đóng dấu chỉ có thể cất trong khám thờ Phật tại nhà, hoặc để trong khám thờ thần, sẽ có công đức. Nếu dùng để trải xuống đất lễ Phật, tội ấy chẳng nhỏ, huống hồ dùng làm đệm ngồi ư? (Lại nữa, Thủ Phương đã dùng để lót xuống đất lễ Phật, chỉ nên giặt sạch rồi đốt đi, đừng nên cất trong khám thờ Phật).

Ví như con cháu dùng tên của cha ông, viết lên vải, dùng để trải xuống đất khi lễ bái tổ phụ và khi ngồi xuống đất vì sợ bẩn quần áo, dùng vải ấy để lót làm đệm ngồi ắt người khác sẽ cho là bất hiếu, mà tâm chính mình cũng chẳng nỡ. Sao lại dám dùng thánh hiệu của Phật, Bồ-tát in trên vải lót đất để bảo vệ quần áo vậy thay? Nguyên do là vì tăng nhân chẳng biết sự vụ, chỉ muốn in cho nhiều để có nhiều tiền, chẳng màng loại vải ấy muôn phần chẳng thể đóng dấu. Dẫu các tăng sĩ kiểu đó có tu trì, cũng sẽ đọa lạc, do đã vì kẻ khác đóng dấu loạn xạ, khiến cho hết thảy hàng phụ nữ có tín tâm cùng tạo đại tội khinh nhờn Phật, Bồ-tát. Nguyện các hàng tăng tục hãy thống thiết răn dè. Lại mong những người biết chữ, thấy nghe lời này, hễ gặp người khác bèn khuyên răn, khiến cho hết thảy mọi người đều sửa đổi thói quen này, công đức sẽ là vô lượng vô biên vậy!

Pháp ngữ trong dịp Ban-thiền Lạt-ma tổ chức cúng trai tăng một ngàn vị tăng tại chùa Phổ Tế ở núi Phổ Đà *(viết thay hòa thượng Liễu Tín)*

Pháp đạo của đấng Pháp Vương trọn khắp trần hoàn, do túc duyên đã lãnh nhận lời căn dặn hoằng pháp; vị nắm quyền cai trị lẫn lãnh đạo giáo pháp đất Tây Tạng, vì lễ đấng Phổ Môn mà đến Nam Hải. Nay có đại lạt-ma Ban-thiền Hoạt

Phật[80] của Tây Tạng, xưa kia đã nhận lời chúc lụy của đức Phật, nương theo nguyện mà thị hiện giáng sanh làm bậc thầy khuôn mẫu cho đất Tạng, hoằng dương đại giáo của Như Lai, Hiển và Mật cùng trì, chân và tục viên dung, ngự nơi pháp vương chánh vị, thực thi kế sách to lớn để bình trị. Do ngưỡng mộ lòng từ bi của Đại sĩ, đến Bổ-đát-lạc-ca[81] để lễ yết. Lại muốn kết pháp duyên rộng khắp, bình đẳng cúng dường đại chúng, vốn toan tự mình thăng tòa, vì khắp đại chúng tuyên dương, chỉ vì ngôn ngữ chẳng thông, cho nên bảo sơn tăng nói thay. Đại chúng hãy nên biết: Hết thảy chúng sanh đều trọn đủ Phật tánh, do mê trái mà oan uổng làm chúng sanh. Hoạt Phật là do chúng sanh bao kiếp tu trì mà thành. Trọn chẳng có chuyện trời sanh Di-lặc, đất nảy Thích-ca, chẳng do tu trì mà thành Chánh giác được! Nay đặc biệt nêu ra một pháp môn nhanh tắt, để trong hết thảy mọi lúc, hết thảy mọi nơi, thấy sắc nghe tiếng, xúc động căn cơ, gặp cảnh giới đều quán ngược lại sự "thấy nghe hay biết" ấy rốt ráo đều là nương vào sức của ai? Do ai sai khiến? Quán lâu ngày thì "thấy nghe hay biết" trọn chẳng thể được, tự nhiên linh quang riêng chiếu, chứng thấu triệt chân thường. Tuy là như thế, do trai tăng bèn vui mừng tán thán một câu để làm gì vậy? Chống trượng, bảo: "Quán Âm không cõi nào chẳng hiện thân, Hoạt Phật vốn là tâm từ bi."

Báo cáo trong lễ khai mạc Phật Giáo Từ Ấu Viện ở Nam Kinh *(trích lục những điều chánh yếu)*

Giữa khoảng thu - đông năm Dân Quốc 11 (1922), các vị cư sĩ như cụ Phùng Mộng Hoa, Ngụy Mai Tôn, Vương Ấu Nông, Bàng Tánh Tồn, và hai vị sư Diệu

---

[80] Hoạt Phật (Phật sống) là tiếng người Hoa dùng để dịch chữ Tulku (hóa thân). Ban-thiền Lạt-ma (Panchen Lama) là vị lãnh tụ tinh thần đứng hàng thứ hai sau Đại-lai Lạt-ma của tông phái Gelugpa tại Tây Tạng. Panchen là từ ngữ do hai chữ Pandita và Chenpo (vĩ đại) ghép lại, có nghĩa là "đại học giả". Vị Ban-thiền Lạt-ma đầu tiên là Lobsang Chokyi Gyaltsen (1570-1662) vốn là thầy của Đại-lai Lạt-ma đời thứ năm (Lobsang Gyatso); nhưng do truy tặng ba đời "hóa thân" trước đó của Ban-thiền, nên sử Tây Tạng thường gọi Lobsang Chokyi Gyaltsen là Ban-thiền Lạt-ma đời thứ tư. Do Đại-lai Lạt-ma thứ năm tự tuyên bố là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ-tát, cho nên ông ta tôn xưng thầy mình (tức Ban-thiền Lạt-ma) là hóa thân của A-di-đà Phật. Đại-lai Lạt-ma đời thứ năm yêu cầu Ban-thiền chọn tu viện Tahsilhunpo làm trụ xứ của mình. Từ đó các đời Ban-thiền Lạt-ma đều là tu viện trưởng của tu viện này. Năm 1713, vua Khang Hy nhà Thanh phong tặng danh hiệu Erdeni (được người Hoa phiên âm là Ngạch-đức-ni, có nghĩa là "báu vật" trong tiếng Mãn Châu). Từ đó các chiếu chỉ của Trung Hoa luôn gọi vị này là Ban-thiền Ngạch-đức-ni Hoạt Phật. Vị Ban-thiền Lạt-ma được nói ở đây là Ban-thiền Lạt-ma đời thứ chín (Thubten Choekyi Nyima), do bất hòa với Đại-lai Lạt-ma đời thứ 13 (Ngawang Lobsang Thupten Gyaltso Jigdral Chokley Namgyal) khi ông này cầm tù các cận thần của Ban-thiền, hạn chế quyền lực của Ban-thiền. Ban-thiền Lạt-ma bèn bỏ trốn sang Mông Cổ, tìm cách cầu viện nhà Thanh can thiệp. Ông này được bầu làm Ủy viên trong Mông Tạng Ủy Viên Hội của chánh quyền Dân Quốc và mất tại Trung Hoa vào năm 1939.

[81] Bổ-đát-lạc-ca là cách phiên âm khác của chữ Potalaka (Phổ-đà, Phổ-đà-lạc-già).

Liên, Tâm Tịnh, do thấy đại đức của trời đất là "sanh", bèn tổ chức hội phóng sanh. Anh em cư sĩ Phương Tuấn Sanh đã đem cuộc đất thuộc hạ trang viên do tổ tiên để lại ở sông Tam Xoa nhượng lại, chỉ lấy nửa giá, phần còn lại dùng làm công đức. Trong lúc bàn bạc quyết định về am Quán Âm, đúng dịp Ấn Quang đến Ninh Ba, tán thành quyết định ấy, bèn được các ông Vương và Ngụy thôi thúc ký tên đầu tiên cùng với cụ Phùng Mộng Hoa. Trong mấy năm qua được các vị đại thiện tín hớn hở hoan hỷ giúp đỡ, trước sau xây dựng điện đường, đào ao nhiều chỗ, quy mô vừa tạm đủ. Trong việc lo toan kiến tạo công trình, thầy Tâm Tịnh đổ công tốn sức khá nhiều. Trong mùa xuân năm Dân Quốc 12 (1923), ông Nhậm Tâm Bạch nhiều lượt gởi thư đề nghị: "Trong khu vực ao phóng sanh, hãy lập một cô nhi viện." Cụ Phùng Mộng Hoa, cụ Vương Nhất Đình, cụ Từ Tích, các ông Ngụy, Vương, Bàng nhất trí tán thành. Do vậy lại tổ chức kiến lập *Phật giáo từ ấu viện* (cô nhi viện Phật giáo), được các vị đại thiện tín khảng khái vui vẻ giúp đỡ, quyên tiền cũng tới mấy vạn, cho nên các tòa nhà của viện mồ côi sớm được hoàn thành. Đúng lúc cụ Phùng Mộng Hoa lo toan giúp đỡ nạn nhân chiến tranh tại vùng Hoài Từ, chọn gởi tới ba mươi mấy đứa trẻ là nạn nhân chiến tranh, cùng với mấy đứa cô nhi không nơi nương tựa ở Kim Lăng và huyện Thành Sương, tổng cộng là năm mươi mấy đứa. Kể từ đầu tháng Giêng đã bắt đầu dạy bảo. Nhằm lúc Ấn Quang đến Ninh Ba, từ ấu viện bèn cử hành lễ khai mạc, được tỉnh trưởng, huyện trưởng, các vị đại thiện tín quang lâm chỉ giáo, cảm thấy may mắn khôn cùng.

Viện này mới bắt đầu hoạt động, hết sức non nớt, càng hết sức mong mỏi tỉnh trưởng, huyện trưởng, các vị đại thiện tín luôn rủ lòng đốc thúc, sách tấn. Trẻ trong viện quá nửa đến từ các vùng bị chiến tranh, hiện thời lìa khổ được vui, càng cần phải nhớ kỹ cái nhân gây khổ, hăng hái dốc lòng cầu học, ngõ hầu chẳng phụ lòng thiết tha trông mong của tỉnh trưởng, huyện trưởng và các vị đại thiện tín. Nền đất của chùa Pháp Vân chưa định, lại được anh em cư sĩ Phương Tuấn Sanh đem hai trang viên thượng và trung hoàn toàn bán nhường cho, cụ Đặng Phác phát 48 nguyện, xây cất đại điện. Do quyên góp cũng đã được quá nửa, chẳng lâu sau sẽ có thể khởi công. Điều khó bỏ mà có thể bỏ được, điều khó làm mà có thể làm, đều là nhân duyên hy hữu vô thượng!

Pháp ngữ khai thị trong ngày Quán Âm thành đạo tại Phật giáo Cư sĩ lâm Thế Giới

Hôm nay là ngày lành Quán Thế Âm Bồ-tát thành đạo, đặc biệt trần thuật bổn tích cảm ứng của Bồ-tát như sau: Cõi đời truyền tụng có ba ngày kỷ niệm Bồ-tát, tức là 19 tháng 2, 19 tháng 6 và 19 tháng 9. Ngày 19 tháng 2 thật sự chẳng thể

khảo chứng, có người nói đó là ngày Bồ-tát đản sanh. Ngày 19 tháng 6 chính là ngày ngài thị hiện ở Nam Ngũ Đài Sơn. Ngày 19 tháng 9 tức là ngày hôm nay, được truyền tụng là ngày thành đạo; nhưng Bồ-tát đã sớm thành Phật từ bao kiếp lâu xa, hiệu là Chánh Pháp Minh. Nay điều truyền tụng bất quá là sự tích cảm ứng nơi thân ứng hóa của Bồ-tát, khiến cho chúng sanh kẻ thấy người nghe gieo các thiện căn mà thôi! Thật ra chẳng ngày nào không phải là ngày sanh của Đại sĩ, không giờ nào chẳng phải là lúc Đại sĩ nhập niết-bàn. Trong lúc tu nhân, Đại sĩ do nhĩ căn mà chứng nhập, từ văn tư tu mà nhập tam-ma-địa. Do tam-muội ấy bèn đắc viên thông. Xét theo quả, do chúng sanh xưng danh mà ngài quán âm thanh ấy, khiến cho họ được giải thoát, vì thế có hiệu là Quán Thế Âm Bồ-tát. Tuy Bồ-tát an trụ trong cõi Tịch quang, nhưng phân thân trong các cõi nhiều như vi trần, tùy loại hiện thân. Hoặc hiện thân Bồ-tát, hoặc hiện thân Duyên giác, hoặc hiện thân Thanh văn, hoặc hiện thân trời, thân a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, như phẩm Phổ Môn đã nói: "Đáng nên dùng thân gì để độ được, bèn hiện thân ấy thuyết pháp."

Cần phải biết: Một niệm tâm tánh của chúng sanh chẳng hai, chẳng khác với chư Phật, Bồ-tát. Đại sĩ chẳng chứng gì khác, hoàn toàn là chứng tâm tánh chúng sanh vốn sẵn có. Chúng sanh bỏ mê về ngộ, cũng sẽ giống như Đại sĩ ứng hiện khôn ngằn thuận theo căn cơ, hưởng niềm vui pháp hỷ tịch diệt. Ngài đã là trượng phu, ta cũng vậy, sao lại tự khinh để rồi thoái khuất? Bọn chúng ta nếu mong sanh nhằm lúc Quán Âm tu trì, rất ư là khó. Nay Bổn sư Thích-ca Mâu Ni Phật đã chỉ dạy cặn kẽ pháp tắc tu trì, ví như tổ tiên đã sáng lập gia nghiệp, chỉ cần con cháu khéo gìn giữ, sẽ chẳng đến nỗi bại vong. Đại sĩ đã sáng lập gia nghiệp của Phật, chỉ cần chúng ta có thể y giáo tu trì, liền có thể hưởng thụ tự tại. Y giáo tu trì như thế nào? Hãy nên lấy tâm Quán Âm làm tâm của chính mình, lấy hạnh Quán Âm làm hạnh của chính mình. Tâm Quán Âm là đại từ bi, hạnh Quán Âm là tự lợi lợi tha. Nếu chúng sanh tin tưởng, ngưỡng mộ Bồ-tát, dẫu gặp phải các cảnh giới ác như đao binh, nước, lửa, giặc cướp, tai nạn ngang trái, cũng chớ nên có một niệm gián đoạn. Sự nhân quả thông ba đời, lý nhân quả phát xuất từ tự tâm. Đạo ở trong lòng người, như nước ngầm trong đất. Chịu đào bới sẽ liền được nước, chịu niệm sẽ được thọ dụng. Hễ cầu sẽ đạt được, không cầu bèn đánh mất. Tuy nói là "cảm ứng đạo giao", thật ra cũng do chính tự tâm cảm ứng. Hư không chẳng ngăn ngại cương giới, cương giới chẳng trở ngại hư không. Một vầng trăng sáng vằng vặc giữa trời, bất luận sông to rạch lớn, dẫu bé như một giọt nước, một hớp nước, hễ ánh trăng chiếu đến bèn hiện bóng. Chỉ có nước trong lặng, trăng bèn hiển hiện; nước đục, dao động, bóng trăng bèn ẩn mất. Cái tâm của chúng sanh như nước, A-di-đà Phật như trăng. Chúng sanh do tín nguyện trọn đủ, chí thành cảm Phật,

ắt Phật sẽ ứng hiện, như nước trong, trăng hiện. Nếu tâm chẳng thanh tịnh, chẳng chí thành, tương ứng với tham sân si, trái nghịch Phật, Phật sẽ chẳng thể cảm, giống như nước đục ngầu, xáo động, bóng trăng ẩn mất. Tuy trăng vẫn chiếu soi chẳng sót, nhưng chẳng thể hiện bóng rõ ràng.

Trong thế gian hiện thời, họa loạn và hoạn nạn rất dữ dội, muốn tìm một pháp trọn khắp hết thảy các pháp, tu ngay trong đời này liền chứng ngay trong đời này, là đường tắt tu hành, chỉ có niệm Phật là bậc nhất! Đại chúng đã là đệ tử đức Phật, cần phải có con mắt sáng suốt để chọn lựa pháp. Phật pháp vô lượng vô biên, mọi người cần phải tự lượng căn tánh của chính mình. Bậc thượng căn lợi trí, hiện thân thành Phật, dẫu Phật tại thế cũng chẳng được thấy nhiều, còn nói chi đến hạng độn căn trong thời mạt pháp đời này ư? Hết thảy các pháp môn đều cần phải có công tự lực sâu xa, đoạn hoặc chứng chân, chẳng còn sót mảy may kiến tư hoặc thì mới liễu sanh tử. Đã đoạn kiến hoặc liền chứng Sơ quả, dự vào dòng thánh, gọi là Tu-đà-hoàn. Vẫn phải bảy lần sanh lên trời, bảy lượt trở vào nhân gian, đoạn tư hoặc, dần dần chứng địa vị Tứ quả La-hán thì mới liễu sanh tử. Pháp môn niệm Phật chẳng vậy, chỉ cần chí thành khẩn thiết, tâm hợp với Phật, tâm hợp với đạo, khi lâm chung tự có thể được Phật tiếp dẫn, phẩm vị cao hay thấp do tu trì sâu hay cạn quyết định. Tuy sanh vào cõi Đồng cư trong bốn cõi của Cực Lạc, mà cũng thuộc địa vị Bất thoái, lập tức có thể nhanh chóng vượt lên Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập-địa, mang nghiệp vãng sanh, hoàn toàn cậy vào Phật lực. Ví như trăm ngàn vạn tảng đá to, muốn vượt qua biển lớn, đặt trên chiếc tàu to thì có thể chẳng chìm mà chuyển sang nơi khác. Nếu không, một dúm đất cát cũng liền chìm ngay. Tự lực mà mong liễu sanh tử như bỏ thuyền vượt biển, trừ phi có lông vũ để có thể chắp cánh tự bay lượn được. Nếu không, chẳng ai không rơi xuống, chìm đắm. Cậy vào Phật lực để liễu sanh tử, giống như an ổn ngồi trên thuyền, chốc lát liền tới bờ kia. Kẻ tu học, điều thứ nhất là chớ nên có hai ba tâm, bị xoay chuyển theo cảnh, đối với Thiền, Giáo, Mật tông trọn chẳng có định kiến. Rốt cuộc bỏ công sức lớn lao mà đạt được lợi ích nhỏ nhoi, không chỉ đời này chẳng liễu sanh tử, dẫu đời sau cũng chẳng dễ gì. Pháp niệm Phật luận về tu học sẽ là đơn giản, dễ dàng, ổn thỏa, thích đáng; luận theo pháp môn thì rộng lớn khôn ngằn.

Ngài Đế Nhàn giảng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện tại chùa Viên Thông, đối với sự lý Tịnh độ đã phát huy nhiều điều, nay tôi lại trần thuật thêm. Thiện Tài tham học với khắp các vị tri thức, cuối cùng được đức Phổ Hiền dạy dỗ, sau khi đã chứng bằng chư Phật, dùng mười đại nguyện vương hồi hướng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc để mong viên mãn Phật quả. Lại còn khuyên trọn khắp hải chúng trong Hoa Tạng. Hải chúng trong Hoa Tạng chẳng có vị nào là phàm

phu hay Nhị thừa, đều là Pháp thân đại sĩ, phá vô minh, hiển pháp tánh, thế mà vẫn cần phải vãng sanh. Ta là hạng người như thế nào mà dám chẳng vâng theo? Pháp môn niệm Phật quả thật là trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, là con đường để phàm thánh cùng noi theo, là pháp môn thành tựu từ lúc tu nhân cho đến khi chứng quả. Người tu hành ai nấy hãy nên trọn hết bổn phận, cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng, vợ theo, ba nghiệp thân miệng ý chẳng ô uế, phát tâm Bồ-đề, tự lợi lợi người, mới gọi là "chân tu". Nếu miệng nói tu hành, tâm ôm ấp điều bất thiện, thì là "giả thiện nhân". Nhân địa đã hư ngụy, làm sao đạt được lợi ích chân thật? Lại nữa, đối với chuyện lợi người, nếu kẻ khác chẳng tin thì hãy nên nín lặng mà thôi. Đối với cha mẹ, quyến thuộc, do thiên tánh liên quan, nếu có ai chẳng tin thì hãy nên vì họ chân thành sám hối thay, lâu dần sẽ tự có thể cảm hóa. Đó gọi là "lòng thành đến tột bậc, sắt đá cũng cảm động". Nếu cha mẹ và quyến thuộc nghiệp tiêu trí rạng, chính mình tu trì chân thành, chuyên dốc, người khác nhìn vào sẽ tốt lành theo. Cổ nhân nói: *"Dĩ ngôn giáo giả tụng, dĩ thân giáo giả tùng"* (dùng lời nói để dạy sẽ có tranh cãi, dùng thân làm gương, người khác sẽ thuận theo). Dùng thân làm gương, nói ra mọi người sẽ tuân theo, hiệu quả cực lớn. Người có đủ tín tâm chớ nên học theo ngoại đạo cầu phước quả sanh trong cõi trời người, và quả báo phú quý, dục lạc trong đời sau. Tôi bảo đảm Phật nhất định tiếp dẫn, quyết định hoa nở thấy Phật.

Nay có vị cư sĩ hỏi tôi: *"Ý của tổ sư từ phương Tây đến Đông độ, trước sân một cây bách"*, người ấy thật sự chẳng có mảy may tâm đắc! Ý của tổ sư, cây bách trước sân, đại thụ chót vót, học nhân thấy ngay trong một niệm hiện tiền, khiến cho người đó tham cứu mà tự đạt được. Nếu không, tâm địa vốn sáng suốt chẳng được thấu tỏ, sẽ thấy bất quá là cây bách mà thôi. Tất cả các câu chữ trong nhà Thiền, mỗi mỗi đều nhằm chỉ quy tự tánh ngay trong cái tâm, trọn chẳng có nghĩa lý để có thể suy lường. "Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật" chính là thấy danh tự Phật ngay trong tự tánh thiên chân, chẳng phải là đấng Lưỡng Túc Tôn phước tuệ viên mãn rốt ráo niết-bàn. "Minh tâm kiến tánh" là ngộ, chẳng phải chứng. Sau khi đã ngộ, cần phải đoạn kiến hoặc, chứng địa vị Sơ tín, tiến vào dòng thánh. Đoạn tư hoặc chứng Thất tín bèn liễu sanh tử. Bát tín, Cửu tín và Thập tín phá trần sa, chế phục vô minh. Phá một phẩm vô minh, chứng một phần tam đức bí tạng, chứng địa vị Sơ trụ tức là Pháp thân đại sĩ. Lại trải qua Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, cho đến Thập-địa, Đẳng giác, lại phá một phẩm vô minh, chứng một phần tam đức bí tạng mà thành Phật. Người học chớ nên hiểu lầm. Cổ nhân nói: "Thế giới Tây Phương Cực Lạc chỉ có một chữ *lạc*, tiếc là người đời chẳng thể toàn thân nương cậy." Đại chúng đã nghe pháp vốn

sẵn có, đã hiểu rõ, tôi mong mỏi sâu xa quý vị sẽ chí thành khẩn thiết tu trì. Tôi bảo đảm trong tương lai sẽ có phần thành Phật. Hãy gắng lên, hãy cố lên nhé!

Pháp ngữ về sách Quán Thế Âm Bồ-tát Cảm Ứng Linh Khóa[82]

Quán Thế Âm Bồ-tát nghĩ thương chúng sanh, tầm thanh cứu khổ. Phàm làm thiện sự, khẩn cầu Bồ-tát ắt sẽ được ngài rủ lòng gia bị, khiến cho việc ấy được thành tựu. Nếu làm việc ác, ngài cũng rủ lòng gia bị, khiến cho việc ấy quyết chẳng thành. Bởi chuyện ác ấy được thành thì sẽ là tạo tội, đọa vào chốn khổ sở. Đó là cứu vớt khổ nạn vậy! Đấy là chân từ đại bi của Bồ-tát. Kẻ muốn quyết nghi, mà nếu thờ tượng Bồ-tát, hãy đối trước tượng Bồ-tát dâng hương lễ bái. Nếu không có, liền hướng về khóa bổn này mà thắp hương lễ bái. Dùng 5 đồng tiền sạch, hơ qua khói hương, trong tâm thầm niệm cầu đảo chuyện muốn hỏi, dựa theo bài kệ được liệt kê trong phần sau, và niệm Bồ-tát chừng bao nhiêu tiếng. Cầm tiền trong tay lắc mấy lượt, khiến cho các đồng tiền đảo lộn thứ tự. Sau đó gieo xuống bàn, dựa theo thứ tự mấy đồng sấp, mấy đồng ngửa, chiếu theo khóa bổn để tra là quẻ nào, sẽ được dạy cho biết điều tương ứng.

Pháp ngữ trong lễ thượng lương điện Quán Âm chùa Nam Thiên Trúc tại Hàng Châu

Đại sĩ vốn chẳng có thân và tâm, tùy duyên ứng hiện trọn khắp các cõi nhiều như vi trần. Hôm nay trùng tu chùa Thiên Trúc, khiến cho khắp mọi loài được gội từ ân. Đặt kèo rường cho điện báu thênh thang, đại chuyển pháp luân xiển dương Phật quang. Đàn-việt hộ pháp trợ duyên được nhờ vào pháp lực mà con cháu muôn đời hiền thiện, hưng thịnh trăm đời.

Pháp ngữ thượng đường[83]

(Gồm 67 bài, trích từ nguyên gốc Văn Sao Tam Biên bản chép tay)

1. Một câu Di-đà diệu khó lường,
Phàm thánh cùng nương chứng chân thường,

---

[82] Đây là sách dạy gieo quẻ, thường gọi là Quán Âm Linh Thiêm (thường đọc trại là Quán Âm Linh Xăm) gồm 32 quẻ. Tương truyền sách này do ngài Huyền Trang được đích thân Quán Thế Âm Bồ-tát chỉ dạy để tiên đoán cát hung, hay thưa hỏi khi có nghi vấn.

[83] "Pháp ngữ thượng đường" là các lời khai thị trước khi ngồi thiền, hay một dịp lễ lạc nào đó (chẳng hạn trai tăng), do vị trụ trì, hay viện chủ, hay một vị tôn túc được đại chúng cử ra nói pháp ngữ nhằm nhắc nhở hành nhân tấn tu, hay trao một đề tài cho hành nhân tham cứu. Cấu trúc của pháp ngữ thường là mở đầu bằng một bài kệ bốn câu, những câu nói sau đó sẽ triển khai ý chính của bài kệ ấy. Kết thúc bằng việc người tuyên pháp ngữ giơ cao hay gõ thiền trượng, kết lại bằng một hai câu kệ để đại chúng suy gẫm sâu hơn.

Chỉ nguyện pháp này truyền bá rộng,
Cùng tột ba đời, khắp mười phương.

Đức Như Lai thuyết pháp, chúng sanh đắc độ, khó dễ, nhanh chậm khác biệt rất lớn. Do vậy, viên âm[84] vừa diễn, kẻ căn cơ chín muồi liền chứng Bồ-đề. Một trận mưa thấm khắp, kẻ tiểu căn chỉ tăng trưởng phân tấc. Do vậy rộng lập các giáo Đốn, Tiệm, Thiên, Viên để phù hợp căn cơ; mở toang các môn Luật, Giáo, Thiền, Mật hòng lợi lạc chúng sanh. Cầu một pháp phàm thánh cùng tu, đại tiểu nhất trí, vừa cạn vừa sâu, thực hiện dễ mà thành công cao, chí viên chí đốn, dùng sức ít mà đạt được hiệu quả nhanh chóng, Đẳng giác Bồ-tát nương theo đó để viên thành Phật đạo, chúng sanh nghịch ác nương vào đó để thoát lìa luân hồi, không gì thù thắng, siêu tuyệt bằng pháp Tịnh độ. Trong đời chánh pháp và tượng pháp xưa kia, đời nào cũng có cao nhân "tiếp lửa truyền đèn" (tục diệm truyền đăng) rạng ngời Thiên Trúc và Chấn Đán (Trung Hoa). Đời mạt căn cơ kém hèn, muốn liễu sanh tử mà bỏ pháp môn này, làm sao yên được? Mọi người ai nấy hãy nên chí thành khẩn thiết, trì danh hiệu Phật. Phật niệm vừa dấy lên, phàm tình nhanh chóng đoạn dứt. Núi phước chót vót, biển nghiệp cạn khô, sương tội tiêu, tuệ nhật rạng ngời, mới biết pháp trì danh này vốn là thật tướng. Hễ sanh vào Tịnh độ sẽ thẳng thừng khế nhập Tịch quang.

(Chống trượng nói):
Thênh thang một nẻo về nguồn,
Thẳng bước về nhà há hỏi han!

2. Một câu Nam-mô A-di-đà,
Đúng là tâm yếu của đức Phật.
Dọc thấu năm thời Tiểu Đại thừa,
Ngang trùm tám loại giáo Quyền, Thật.

Đức đại giác Thế Tôn thị hiện sanh trong thế gian, căng rộng lưới giáo để độ thoát chúng sanh. Dùng một vị đề-hồ, tùy cơ nghi mà nói khác biệt. Với kẻ căn cơ chín muồi liền dạy họ thẳng thừng chứng nhập, kẻ căn cơ sống sít bèn giúp hun đúc dần dần. Từ thuở mới thành đạo cho tới khi nhập niết-bàn, thuyết pháp 49 năm, giảng kinh hơn 300 hội. Tuy Đại, Tiểu, Thiên, Viên, Quyền, Thật, Đốn, Tiệm, không pháp nào chẳng đủ, không hạnh nào chẳng vẹn. Nhưng trong các hội, đối với một môn Tịnh độ này lại càng liên tiếp tán thán, ra rả căn dặn, muốn

[84] Âm thanh thuyết pháp của đức Phật chỉ dùng một loại tiếng mà tất cả các loài chúng sanh đều hiểu. Hơn nữa, tùy theo căn tánh mà mỗi loại chúng sanh đều lãnh ngộ khác nhau, đều đạt được pháp ích. Ngoài ra, mỗi câu mỗi chữ của Phật đã nói đều chứa đựng vô lượng ý nghĩa. Do vậy âm thanh thuyết pháp của đức Phật được gọi là "viên âm".

cho chín pháp giới cùng lên Phật giới, ba thừa cùng chứng Nhất thừa. Vì thế phí sạch tấm lòng đau đáu, chẳng tiếc kim khẩu răn dạy. Ngày nay các vị may mắn được nghe, ắt phải cảm ân đức của Phật, chuyên trì thánh hiệu, nhiếp trọn sáu căn, buông xuống muôn duyên, sao cho tâm lẫn cảnh rỗng rang, tĩnh lặng, khác nào không hợp với không, Phật niệm khế hợp, hệt như nước hòa vào nước, sẽ chẳng lìa một niệm hiện tiền, mau chóng chứng chân thường. Lời Phật thành thật, ai nấy đều nên tin nhận.

(Chống trượng nói):
Há đợi Long Hoa được thọ ký?
Ao quý lên thẳng sen tử kim.

3. Thầy của mười phương hết thảy Phật,
Vốn là Tây Phương A-di-đà.
Một câu "súc miệng" của Triệu Châu,
Khiến khắp hàm thức thoát Sa-bà.

Bậc thượng sĩ tham thiền, hàng cao nhân học Phật, muốn đắc vô sư trí, cần phải biết pháp hữu sư. Xưa kia có vị tăng hỏi ngài Triệu Châu: "Mười phương chư Phật có thầy hay không?" Triệu Châu nói: "Có." Hỏi: "Như thế nào là thầy của chư Phật?" Triệu Châu đáp: "A-di-đà Phật, A-di-đà Phật." Phàm sở chứng sở đoạn của hết thảy chư Phật thảy đều bình đẳng, chẳng hề sai kém mảy may. Vì thế kinh Hoa Nghiêm dạy: *"Thập phương chư Như Lai, đồng cộng nhất pháp thân, nhất tâm, nhất trí tuệ, lực vô úy diệc nhiên"* (Mười phương các Như Lai, cùng chung một pháp thân, một tâm, một trí tuệ, lực, vô úy cũng thế). Vì sao ngài Triệu Châu nói A-di-đà Phật là thầy của mười phương chư Phật? Hãy nói xem ý chỉ là như thế nào? Nếu có thể hiểu thấu triệt, may mắn chi bằng? Nếu chẳng liễu giải, xin hãy chuyên trì thánh hiệu Di-đà. Trì tới lúc "toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm và Phật chẳng hai, tâm lẫn Phật cùng mất", bỗng dưng ngã giữa đất bằng, đột nhiên xoay người đứng phắt dậy, mới biết đạo của Triệu Châu vốn rộng thênh thang, lời lẽ vượt ngoài khuôn phép, chẳng dấy can qua, ngồi yên hưởng thái bình. Các vị còn thấy Triệu Châu nữa chăng?

(Chống trượng nói): Yết đế, yết đế, ba la yết đế.

4. Hãy nên phát nguyện, nguyện vãng sanh,
Khách đường trược ác gấp khởi hành.
Tự mình chẳng về, về liền được,
Gió trăng quê cũ, có ai giành?

Đức đại giác Thế Tôn nghĩ thương chúng sanh, mở ra pháp môn Tịnh độ, chỉ bày con đường tắt trở về nguồn. Gộp chung ba thừa, năm tánh cùng lên cõi tịnh, dẫn thượng thánh, hạ phàm đều chứng chân thường. Vì vậy Như Lai do hành chuyện khó này, mau thành Bồ-đề. Đời mạt pháp chỉ cậy vào niệm Phật hòng thoát sanh tử. Hoa Nghiêm khuyến tấn, Văn-thù phát nguyện. Hành phương tiện tối thắng, Mã Minh dạy trong luận Khởi Tín. Đạo dễ hành chóng đạt, Long Thọ xiển dương trong luận Tỳ-bà-sa. Trí Giả là hậu thân Thích-ca, nói luận Thập Nghi khuyên khắp mọi người vãng sanh. Di-đà thị hiện thân Vĩnh Minh, soạn Tứ Liệu Giản hòng chuyên chỉ Tịnh độ. Vì thế vãng thánh tiền hiền, người người tiến hướng; ngàn kinh vạn luận, chốn chốn chỉ về. Các vị hãy nên dùng Phật hiệu để đối trị phàm tình, khiến cho mỗi căn mỗi trần không gì chẳng niệm Phật, ngõ hầu mỗi pháp mỗi sự đều chứng viên thông. Tâm tánh tự mình vốn có, do đấy triệt để tỏ lộ trọn vẹn. Bổn hoài xuất thế của chư Phật mới có thể rốt ráo vui thỏa.

(Chống trượng nói):

Báu cột nơi áo gã nghèo,
Chính là châu tại đỉnh đầu Luân Vương.

5. Một câu Di-đà vượt khuôn khổ,
Vô biên pháp tạng thảy gồm trong.
Bóng trăng đáy nước do trăng rọi,
Đầu ghềnh lùa gió, gió lùa hang.

Pháp dược vô lượng, hễ trị được bệnh thì là thuốc hay. Biển giáo vô biên, pháp khế cơ là diệu. Các pháp môn khác, mỗi pháp thích hợp một loại căn cơ, chẳng thể thích hợp khắp ba căn. Nói pháp Đại, tiểu căn chẳng thể nhập; nói pháp Tiểu, đại căn chẳng cần phải tu. Chỉ có pháp Tịnh độ này vượt ngoài thể lệ, Đại lẫn Tiểu cùng nhiếp, lợi căn lẫn độn căn gồm thâu, toàn thể tánh thành tu, thượng thượng căn chẳng thể vượt ngoài phạm vi của pháp này. Toàn thể sự chính là lý, hạ hạ căn cũng có thể đạt tới cõi ấy. Nương theo từ lực của đức Di-đà, mở toang tri kiến của Như Lai, thoạt đầu là nhiếp trọn sáu căn, kế đó là nhất tâm bất loạn. Dùng cái tâm niệm Phật để nhập Vô sanh nhẫn, mới biết trăm ngàn pháp môn chẳng rời một tấc vuông (chân tâm). Diệu đức nhiều tợ cát sông Hằng, đều thuộc nguồn tâm. Ví như đã tắm trong biển cả, ắt dùng nước của trăm sông. Thân đã ở trong điện Hàm Nguyên, cần gì phải hỏi Trường An chi nữa? Hễ nhập môn này, việc làm đều xong. Chỉ chịu bằng lòng, quyết chẳng thua thiệt. Đấy thật sự là phương tiện siêu xuất vô thượng Thiền tông.

(Chống trượng nói):

Chỗ được nắng xuân vừa chiếu đến,
Không đâu hoa chẳng trổ tươi hồng!

6. Một câu Nam-mô A-di-đà,
Vô tận pháp tạng được tổng trì.
Tín, nguyện, hạnh nếu như đầy đủ,
Đời này chắc chắn chứng Bồ-đề.

Một môn Tịnh độ thông trên thấu dưới, sơ cơ và hậu tâm cùng tu. Đối với chuyện vãng sanh, giúp tu trì từ đầu đến cuối. Tiểu phàm, đại thánh đều tiến nhập; chí viên, chí đốn, tối diệu, tối huyền là chỗ quy tông cuối cùng của Hoa Nghiêm, là lời đàm luận tột bậc triệt để vì chúng sanh của Như Lai. Đừng luận những ai đã thấu triệt ba cửa ải, ngũ nhãn viên minh, dẫu bậc hiểu ngộ bằng đức Chánh Pháp Minh trong quá khứ, vẫn phải nên thân cận A-di-đà trong hiện tại. Nếu tham mà chưa ngộ, hoặc đã ngộ mà chưa thấu triệt, hãy nên lấy một câu Nam-mô A-di-đà Phật này làm bổn mạng nguyên thần. Thời thời hệ niệm, khắc khắc giữ gìn. Bỗng dưng năng lẫn sở cùng mất, nhanh chóng thấy "tâm và Phật chẳng hai", mới biết "mười đời xưa nay, từ đầu đến cuối chẳng rời một niệm hiện tại". Vô biên cõi nước, ta cùng người nào cách mảy lông. Do vậy nghiệp tiêu, trói buộc tự rớt, sanh vào nhà Như Lai, an trụ trong tam đức bí tạng, thường hưởng pháp lạc, khắp mười phương sát hải rộng độ chúng sanh.

(Chống trượng nói):
Lâu đài gần nước được sáng trước,
Hoa cỏ hướng dương sớm gặp xuân.

7. Rung đất, rền trời, siêng niệm Phật.
Đập cửa, giộng cổng khuyên tu hành.
Hỏi ai cớ gì luôn bận bịu?
Chỉ sợ chúng sanh lọt lửa hầm.

Một môn Tịnh độ gồm trọn vạn hạnh, thỏa thích bổn hoài xuất thế của chư Phật, là đường tắt để chúng sanh trở về nguồn. Nói đại lược, chỉ một chữ tịnh có thể nhiếp trọn chẳng sót. Đó gọi là "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối". Tịnh đến mức cùng cực, ắt thông đạt rạng ngời, tịch chiếu trọn hư không. Sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền. Viên mãn Bồ-đề, trở về chỗ chẳng có gì để đạt được. Đấy là tịnh đến tột cùng, trừ Phật Thế Tôn ra, ai dám đảm đương? Nói rộng thì dẫu đàm luận viên dung trong tam tạng mười hai bộ, diệu nghĩa của các vị thầy trong năm tông vẫn diễn tả chẳng trọn. Dẫu hết thảy chúng sanh trong thế giới hải trọn

hết mười phương cùng thành Chánh giác, dùng sức thần thông, vi trần nói, cõi nước nói, hừng hực nói, nói chẳng gián đoạn, há có thể trọn hết ư? Bởi lẽ pháp môn Tịnh độ vốn chẳng thể nghĩ bàn! Do vì lẽ ấy, các kinh Đại thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v.v., các vị đại Bồ-tát như Văn-thù, Phổ Hiền v.v., các vị đại tổ sư như Mã Minh, Long Thọ v.v., các đại thiện tri thức như Thiên Thai, Vĩnh Minh v.v., ai nấy đều dùng pháp này để chỉ dạy, khuyên bảo khiến cho chúng sanh vãng sanh. Do pháp này chính là chỗ quy túc của các pháp, là tâm ấn của Phật, tổ vậy!

(Chống trượng nói):
Họ là trượng phu, ta cũng thế.
Ao báu ai nấy chiếm cành sen!

8. Muốn được đời này lìa kết phược,
Tâm thần mau gởi chốn Liên Bang.
Vãng sanh cầu chứng bằng chư Phật,
Vốn sẵn Hoa Nghiêm bước cuối cùng.

Như Lai do một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời, tùy theo căn cơ mà thí giáo, nói đủ loại pháp, không gì chẳng nhằm khiến cho chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật mà thôi. Tuy chúng sanh vốn sẵn có tri kiến của Phật, nhưng mê muội từ vô thỉ cạn hay sâu khác nhau. Kẻ mê cạn tu bất cứ pháp nào, cũng đều có thể ngộ nhập. Người mê sâu, chẳng cậy vào thệ nguyện lực sâu rộng của đức Di-đà, quyết khó thể chứng đắc. Huống hồ pháp này chính là bí yếu của chư Phật, là sự tu chứng tột bậc. Như Lai lúc mới thành Chánh giác bèn nói kinh Hoa Nghiêm, trọn đủ vô lượng pháp môn, thâu nhiếp căn tánh Nhất thừa. Nhưng Thiện Tài sau khi chứng bằng chư Phật, Phổ Hiền Bồ-tát bèn dạy phát mười đại nguyện vương, hướng dẫn về Cực Lạc, còn khuyên Hoa Tạng hải chúng cùng sanh về Tây Phương. Các kinh Đại thừa đều khơi mở lẽ trọng yếu ấy, các bậc Khai sĩ đều vào môn này. Xét các điều này, có thể dứt sạch hồ nghi, chuyên trì Phật hiệu, mong thân cận Di-đà chốn Tịch quang, vĩnh viễn nêu gương giác ngộ cho thời mạt.

(Chống trượng nói):
Kể từ hải chúng về Tây,
Cõi đời ai cũng noi theo tuân hành.

9. Tây Phương từ phụ A-di-đà,
Thệ nguyện rộng sâu, lợi ích nhiều.

Chỉ chịu nhất tâm thường nghĩ nhớ,
Quyết được tiếp dẫn thoát Sa-bà.

Pháp môn Tịnh độ được khởi xướng bởi đức Di-đà đạo sư, được diễn bày bởi Thích-ca Thế Tôn, mười phương chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài tán dương. Cao tăng hai cõi (Ấn Độ và Trung Hoa) phát kim cang tâm lưu truyền. Quy củ tu trì chia thành bốn loại, tức là trì danh, quán tượng, quán tưởng, thật tướng. Trì danh dễ nhất, thật tướng khó nhất. Nhưng có thể trì tới mức nhất tâm bất loạn, tâm lẫn Phật cùng mất, diệu lý thật tướng sẽ tỏ lộ toàn thể. Do vậy biết trì danh chẳng khác thật tướng. Trăm ngàn pháp môn trong một thời giáo hóa của đức Phật, không gì chẳng nhằm khiến cho mọi người đích thân chứng thật tướng đó thôi! Đã chứng thật tướng, sẽ tình không, cảnh không, tâm tịnh, cõi tịnh. Như gió mạnh lùa qua, muôn ống sáo vang tiếng vi vu, như một vầng trăng in bóng khắp ngàn sông. Quang minh, thọ mạng, theo chiều ngang trọn khắp, theo chiều dọc tột cùng, lâu bền rộng lớn giống hệt như Di-đà Thế Tôn. Như vậy thì có kinh nào chẳng phải là kinh Tịnh độ, có hạnh nào chẳng phải hạnh Tịnh độ? Do vậy, biết pháp này gồm trọn pháp tạng, toàn thể sự chính là lý, toàn thể vọng chính là chân, nhân bao trùm biển quả, quả thấu triệt nguồn nhân, là môn trọng yếu để nhập đạo, là chỗ nương tựa cho cả chín pháp giới.

(Chống trượng nói):
Pháp môn Tịnh độ như biển cả.
Ngàn dòng, muôn phái thảy chầu về.

10. Tâm ta, tâm Phật, tâm chúng sanh,
Cả ba rốt ráo chẳng sai biệt.
Nếu trái vọng để trở về chân,
Lập tức, sáng sanh mà tối diệt.

Cái tâm của chúng sanh và tâm của chư Phật vốn giống hệt như nhau, trọn chẳng sai khác. Do chúng sanh mê, hư vọng hứng chịu sanh tử, nhưng oai thần chẳng giảm. Chư Phật vì ngộ, đích thân chứng niết-bàn, mà đức tướng chẳng tăng. Đó gọi là chư Phật nương vào sức ngu si của chúng sanh, phá sạch vô minh, thành Đẳng chánh giác, giăng mây đại pháp, tuôn mưa pháp lớn, khiến cho nóng bức được mát mẻ, khiến cho đêm dài mau sáng. Chúng sanh nương theo sức trí tuệ của chư Phật, phát sanh vô minh, luân hồi lục đạo, tạo các nhân gây khổ, hứng chịu các khổ báo. Do mê Phật tánh nên chẳng giác, quên mất viên châu trong chéo áo, trái nghịch, xa rời bổn phận, lực, dụng, lẽ thật v.v.. Mê ngộ tuy khác, tâm tánh chẳng hai. Hiểu rõ điều này, sẽ bỏ mê trở về ngộ, bỏ chúng sanh theo Phật, thẳng

thừng khiến cho chúng sanh trong tâm Phật, tâm nào cũng đều làm Phật, chư Phật trong tâm chúng sanh, niệm nào cũng chứng chân, như khơi thông Trường Giang, Hoàng Hà, cuồn cuộn chẳng thể ngăn được. Nhưng cần phải cậy vào từ lực của Phật, vãng sanh Tây Phương thì mới có thể "hễ đắc bèn vĩnh viễn đắc", chẳng đến nỗi bỏ lừng giữa chừng. Ví như khách làm kẻ bần tiện, mà là con ông trưởng giả[85], vô lượng trân bảo chẳng cầu mà tự được.

(Chống trượng nói):
Di-đà từ phụ pháp trung vương,
Hun đúc thánh phàm chứng chân thường.

11. Nguyện đem uế độ ba ngàn cõi,
Gieo hết Lạc Bang chín phẩm sen.
Nhắn gởi thượng nhân đang tham học[86],
Cực Lạc gấp về giống Phổ Hiền.

Một niệm tâm tánh của chúng ta bất sanh bất diệt, chẳng phải sắc, chẳng phải không, theo chiều dọc chẳng có trước sau, theo chiều ngang trọn chẳng ngằn mé. Bất biến tùy duyên, trải chín pháp giới mà chẳng giảm. Tùy duyên bất biến, chứng Phật đạo, nhưng chẳng tăng. Quang minh thấu triệt, thọ dụng tự tại, đúng là chẳng hai, chẳng khác với chư Phật. Nhưng do mê chân mà đuổi theo vọng, trái giác theo trần, khiến cho chúng sanh và Phật cách xa, khổ lạc khác biệt vời vợi. Do vậy, đức Thế Tôn dùng ngôn giáo rộng diễn, vì thật mà hành quyền, lập trọn các địa vị thuộc năm thừa. Khai quyền hiển thật, đồng nương về pháp môn tam đức. Không gì chẳng nhằm khiến cho họ bỏ vọng theo chân, trái trần hợp giác, phục hồi thiên chân sẵn có, đích thân chứng giác đạo vô thượng. Lại muốn cho khắp cả ba căn thành tựu ngay trong đời này, đặc biệt mở ra Tịnh độ, chuyên khuyên vãng sanh. Dù là Đẳng giác Bồ-tát hay nghịch ác phàm phu đều dạy họ nghĩ nhớ Di-đà, vãng sanh Tây Phương. Ấy là vì nương vào từ lực của Phật, khiến cho phàm phu nhanh chóng thoát khỏi sanh tử, Bồ-tát mau thành Chánh giác. Đúng

---

[85] Đây là một thí dụ trong kinh Pháp Hoa: Đứa con của ông trưởng giả giàu có bỏ cha trốn đi, lênh đênh nhọc nhằn, khổ sở, làm thuê kiếm sống. Ông trưởng giả đi kiếm con, trải qua nhiều thành, dừng chân tại một nơi. Đứa con lưu lạc đến đó, trưởng giả ngầm nhận biết, thuê nó làm công. Lần hồi từ dọn phân rồi giao cho nó trông coi gia sản. Tới khi gần chết, trưởng giả nhóm họp đại chúng và thân quyến, báo cho mọi người biết gã nghèo làm công chính là con mình, giao gia sản cho nó.

[86] Nguyên văn *"ký ngữ nam tuân chư thượng sĩ"* (nhắn lời đến các bậc thượng sĩ đang đi về phía Nam): "Đi về phía Nam" là đi tham học, dựa theo ý Thiện Tài đồng tử tham bái Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, được ngài điểm ngộ, dạy tham học với các vị thiện tri thức. Vị nào cũng dạy Thiện Tài đi về phương Nam. Do đó, từ ngữ "nam tuân" được dùng để chỉ sự tham học với các vị thiện tri thức.

là cương tông của pháp tạng, là đường tắt tu trì. Ai nấy hãy nên hăng hái phát khởi đại tâm, đừng cô phụ Phật tánh sẵn có.

(Chống trượng nói):
Chỉ nên gởi thân nơi ao sen,
Mau chứng thân Tịch quang thường trụ.

12. Chân như pháp tánh vô hình thể,
Tâm, sắc, hữu, không, thảy chẳng màng.
Thanh tịnh trang nghiêm diệu khó tưởng,
Chẳng lìa động tác nói năng chi!

Chân như pháp tánh vốn chẳng có tên gọi "chúng sanh, Phật, phàm, thánh". Viên giác diệu tâm há có tướng trời, người, thăng, giáng? Chỉ vì mê chân, đuổi theo vọng, xuôi theo dòng[87], quên mất cội nguồn, đến nỗi luân hồi trong sáu nẻo bao kiếp chẳng thôi! Đại giác Thế Tôn đặc biệt rủ lòng thương xót, dạy cho biết quê nhà vốn sẵn có, chỉ đường tắt trở về nguồn. Cực lực bàn Tịnh độ, khuyên khắp vãng sanh. Nếu có thể niệm đâu nghĩ đó, trì danh hiệu Phật, lâu ngày chầy tháng, sức tột bậc, công tinh thuần, tự nhiên năng lẫn sở đều vắng lặng, tâm lẫn Phật cùng mất, chẳng lìa một niệm hiện tiền, đích thân chứng tam-muội, hiểu thấu triệt tự tâm, đạt được đại tổng trì. Như thế thì vẫn ở trong Sa-bà mà đã là con thật sự của đức Di-đà, chưa sanh về Cực Lạc mà đã là bạn lành của Đại sĩ. Dẫu căn cơ yếu kém, chưa đạt tới mức ấy, vẫn có thể trong đời hiện tại phước sâu thọ dài, ngàn điều lành tụ tập nơi thân, lâm chung chư thánh ứng hiện, Phật tiếp nghênh, bao kiếp ngao du Tịnh độ. Hãy nói xem vì sao được như thế?

(Chống trượng nói):
Dây leo cổ thụ hơn ngàn cỏ[88],
Nước vào biển cả vua trăm sông.

13. Bốn sắc hoa sen giữa lá xanh
Mỗi hoa chở một đức Di-đà
Đừng ngờ Tịnh độ đường xa thẳm

[87] "Dòng" ở đây là tâm thức chấp trước. Kinh thường dùng chữ "tuần lưu" (循流, theo dòng) để nói chúng sanh do một niệm vô minh dấy lên, chấp trước tác dụng dẫn khởi từ chân tâm thể hiện qua các căn khi tiếp xúc cảnh, nảy sanh chấp trước. Chấp trước càng mê sâu, càng bị cuốn theo căn, trần, cảnh, nảy sanh vô lượng phiền não.
[88] Dây leo cuốn quanh thân cây cổ thụ sẽ cao hơn các loài cỏ cây thấp lè tè quanh đó.

Giọt mưa đời người còn nhiều hơn[89].

Đấng giáo chủ Lạc Bang Di-đà Thế Tôn tế độ không ngằn mé, dẫn dụ chẳng lường được. Trong lúc tu nhân, ngài phát ra 48 đại nguyện, đắc quả thâu nhiếp hữu tình thuộc chín pháp giới khắp mười phương. Do vậy sông tuôn sóng vỗ, cùng về cõi Tịnh. Biển chứa hư không, đều chứng chân thường. Trên thì Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền là bậc Đại quyền Bồ-tát, dưới thì con vẹt, sáo, nhồng, địa ngục, ngạ quỷ, phàm phu dẫy đầy triền phược, nếu trọn đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, không một ai chẳng được nhiếp thọ. Do dùng tín nguyện của chính mình để cảm lòng từ bi của Phật, nương vào sức oai thần, thẳng thừng vượt thoát ngũ trược. Đã sanh vào Tịnh độ, nhờ duyên thù thắng ấy, sáu căn tiếp xúc không gì chẳng phải là Phật cảnh. Vì thế nhanh chóng đoạn phiền hoặc, mau lên bờ giác. Cổ đức nói học đạo trong các môn khác như con kiến bò lên hòn núi cao, niệm Phật vãng sanh giống như căng buồm thuận nước. Lòng từ lồng lộng đời này, lòng bi thấu tột mạt kiếp, dẫu là thánh nhân vẫn còn có điều chẳng biết, phàm phu há còn gì để khoe khoang? Khẩn thiết cầu mong ai nấy hãy cung kính tin lời Phật, gấp cầu vãng sanh.

(Chống trượng nói):
Phát trọn ba tâm siêng niệm Phật
Ai mà sen báu chẳng sanh vào?

14. Gạt sóng tìm nước, vốn không nước,
Biết nước thành sóng, nước tràn trề.
Muốn đắc Như Lai chân giải thoát,
Tâm hạnh chúng sanh gấp nghiên cầu[90].

Tâm tánh của Phật và chúng sanh vốn đồng, do mê hay ngộ mà phân cách, khổ lạc khác xa vời vợi. Nơi chúng sanh thì trái giác, theo trần, trọn đủ vô lượng phiền não hoặc nghiệp, công đức trí tuệ chẳng có cách nào hiển hiện, như nước do gió lùa mà thành sóng. Nơi chư Phật bèn "trái trần hợp giác", trọn đủ vô lượng công đức trí tuệ, phiền não hoặc nghiệp sạch làu chẳng sót, như sóng do gió lặng mà thành nước. Nếu muốn thành Phật, bỏ chúng sanh, trái trần hợp giác, ắt phải dùng cảnh giới của Phật làm tăng thượng duyên, phát trọn ba tâm, chấp trì thánh hiệu, khăng khăng vâng giữ, đau đáu dấy khởi, tám gió chẳng thể động, vạn duyên chẳng thể dời, niệm nào cũng phản chiếu nguồn tâm, tâm nào cũng đoạn trừ gốc

[89] Ý nói: Hành nhân thường thấy kinh văn nói cõi Cực Lạc cách Sa-bà mười vạn ức cõi Phật, bèn nghi Cực Lạc quá xa xôi, làm sao có thể vãng sanh về đó được, nhưng nếu so với số lượng giọt mưa trong suốt một đời người thì con số giọt mưa còn nhiều hơn khoảng cách ấy rất nhiều.
[90] Tìm tòi, thấu hiểu.

vọng. Một mai sức tột cùng, công đã thuần, tâm không cảnh lặng, hết sạch vô minh, Phật tánh tỏ lộ rạng ngời, tự hồi phục thiên chân vốn có, thành tựu giác đạo vô thượng. Hãy nói xem một câu "quay lại gốc, trở về nguồn" phải nói như thế nào đây?

(Chống trượng nói):
Mây trôi lờ lững đã cuốn sạch,
Tự nhiên trăng tỏ rạng bầu trời.

15. Nếu ai chỉ niệm Di-đà Phật,
Thì là vô thượng thâm diệu thiền.
Tam thừa, Thập-địa sanh từ đó.
Lục độ, vạn hạnh thể vẹn toàn.

Một pháp Tịnh độ siêu việt các pháp khác, không gì lớn mà ra ngoài được, không gì nhỏ chẳng gồm trong, không căn cơ nào chẳng thâu nhiếp, không căn tánh nào chẳng thích hợp, không pháp nào chẳng nhiếp, không hạnh nào chẳng vẹn. Trên thì trọn khắp mười phương, dưới thì cứu vớt tam đồ. Hết thảy các pháp Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, không gì chẳng từ pháp giới này lưu xuất. Hết thảy các hạnh Đại, Tiểu, Quyền, Thật, không gì chẳng quy hoàn pháp giới này. Chẳng đoạn hoặc nghiệp mà được dự vào Bổ xứ, ngay trong đời này quyết định chứng Bồ-đề. Chúng sanh trong chín pháp giới lìa pháp này, trên là chẳng thể viên thành Phật đạo; mười phương chư Phật bỏ pháp này, dưới là chẳng thể lợi khắp quần sanh. Từ sau hội Hoa Nghiêm khuyến tấn, hết thảy các vị Bồ-tát trong các thế giới hải tận hư không, chẳng vị nào không cầu sanh Tịnh độ. Từ lúc được diễn thuyết ở Kỳ Viên cho tới nay, phàm hết thảy các trước thuật tại Tây Thiên, Đông Độ, đều có nguyện dẫn về liên bang. Đấy là chuyện mà đấng vô thượng pháp vương, từ phụ đệ nhất mới chứng biết được, chẳng lời lẽ nào có thể diễn tả nổi!

(Chống trượng nói):
Phát trọn ba tâm, vượt chín giới.
Chẳng rời đương niệm, đắc tự tại.

16. Tây Phương có nẻo ít người đi
Một câu Di-đà tối thượng thừa
Nắm tay lôi đi, chẳng chịu bước
Kẻ ấy chịu đi, mới tương ưng.

Pháp môn Tịnh độ giống như biển cả, theo chiều dọc, sâu không đáy; theo chiều ngang, rộng không bờ. Dung nạp trọn khắp trăm sông, nuốt trọn vạn phái.

Vô biên giáo võng đều là cước chú của pháp này[91], vô lượng hành môn đều làm trang nghiêm. Vì vậy, Hoa Nghiêm hải chúng đều tuân theo mười đại nguyện vương. Xưng niệm một lần như kinh Pháp Hoa đã dạy, ắt đều chứng thật tướng của các pháp. Mười phương chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài để tán dương, cao tăng trải các đời phát kim cang thệ nguyện lưu truyền. Quý vị đã xuôi vào biển Phật, hãy nên vào phổ môn, dùng pháp phản văn của đức Quán Âm để trì thánh hiệu Di-đà. Như gà ấp trứng, như con nhớ mẹ, sáng ở đâu, tối tại đó, niệm đâu chú tâm vào đó, bỗng dưng tâm lẫn Phật cùng mất, trước sau đều đoạn, tự nhiên mây mê hết sạch, bầu trời chân tánh rạng ngời. Uế nghiệp tiêu, tịnh báo hiện tiền. Nhập cảnh giới Phật, thọ dụng như Phật, chẳng rời một niệm hiện tiền, đích thân chứng pháp thân. Sau đó nương theo nguyện luân của chính mình, vào biển sanh tử, cho đến hết đời vị lai độ thoát hữu tình, chẳng còn cõi để sanh vào mà đều thành Phật đạo.

(Chống trượng nói):
Do đây, đường thẳng thênh thênh
Lập tức quay về gặp chủ nhân.

17. Một câu Di-đà: quyền trong thật,
Phải biết trong giáo có chân truyền.
Hồng danh vừa dấy, phàm tình đoạn,
Mây tan, trăng rạng giữa lưng trời.

Pháp tạng mênh mông, khó lường sâu rộng. Phật địa xa thẳm, ai thấu đạt ngằn mé. Chẳng nương theo giáo pháp phù hợp căn cơ, sao có thể triệt để trở mình? Nếu đạt được môn phương tiện, tự có thể thẳng thừng chứng nhập. Do vậy đức Thế Tôn phát tâm đại bi, khiến cho khắp chúng sanh chuyên tu tịnh nghiệp, ngõ hầu bọn phàm phu đang bị phiền não trói buộc sẽ trì thánh hiệu Di-đà, dùng quả đức của ngài làm cái tâm tu nhân, chuyển biến phàm tình, thành tựu thánh trí. Do ghét uế mà lìa uế, như gột nhơ để chẳng nhơ. Do ưa tịnh mà đạt được tịnh, như nhuốm hương mà được thơm tho. Đoạn tam độc bèn viên minh tam trí, diệt lục tặc mà lục thông tự tại. Thâm nhập biển tát-bà-nhã (sarvajña, nhất thiết trí), cao đăng địa vị A-bệ-bạt-trí. Trong một niệm, cúng dường chư Phật trọn khắp mười phương. Tột đời vị lai, độ chúng sanh tột cùng pháp giới. Tuy là như thế, hãy nói một câu "ngay từ phàm mà thành thánh" rốt cuộc là để làm gì vậy?

(Chống trượng nói):
Do đất ngã, từ đất đứng dậy,

[91] Ý nói các giáo môn khác đều nhằm dẫn đường cho chúng sanh tiến nhập pháp Tịnh độ.

Chuyển phàm thành thánh do lý này.

18. Một câu Di-đà không - giả - trung
Ngàn môn vạn phái thâu tóm trọn
Niệm tới tâm lẫn Phật cùng mất
Thoáng chốc lại gặp chủ nhân cũ.

Chỉ thú của Tịnh độ mầu nhiệm chẳng lường! Nhất chân dứt bặt đối đãi, tam đế viên dung. Nhân thấu triệt biển quả, chúng sanh và Phật vốn tự như một. Quả thấu triệt nguồn nhân, phàm thánh vốn chẳng hai. Tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Pháp "chỉ thẳng tâm người" còn kém phần lạ lùng, đặc biệt. Niệm Phật trong đời này, thành Phật ngay trong đời này. Trải nhiều kiếp tu chứng, càng thêm ngưỡng mộ phong thái cao vời. Thích hợp trọn khắp căn cơ thượng, trung, hạ, thống nhiếp Luật, Giáo, Thiền tông. Như trời rộng che khắp các loài, tợ đất dày nâng đỡ muôn vật. Dạy chẳng sót một ai, như mưa đúng thời nhuần tưới vạn vật, ba loại cỏ, hai loại cây[92] đều sum suê. Hễ hướng về, liền được nhiếp thọ, dường biển cả dung nạp trăm sông, ngàn dòng muôn nước đều đổ hết vào đó. Quý vị muốn thoát sanh tử, hãy gấp mau vâng thuận, cốt sao tâm mình chỉ có Phật hiệu đúc thành một khối, chẳng chia ta người, trọn chẳng có năng sở. Như thế thì diệu tánh vốn có mới có thể triệt để hiển lộ trọn vẹn, vô thượng Bồ-đề mau được viên mãn rốt ráo.

(Chống trượng nói):
Chuyên niệm Như Lai Vô Lượng Thọ,
Liền theo Thế Chí chứng viên thông.

19. Phật chân pháp thân trọn vô tướng,
Ứng cơ để cảm thường thích hợp.
Trăng in ngàn sông, chẳng sai lệch,
Xuân về thảo mộc thảy xanh tươi.

Chân pháp thân của Phật tròn đầy pháp giới. Theo chiều dọc, cùng tột ba đời; theo chiều ngang, trọn khắp mười phương. Chẳng động chân tế, thích hợp trọn khắp các căn cơ. Vừa khéo phù hợp, trọn chẳng sai lệch. Giống như mùa xuân ôn hòa, tăng trưởng trăm loài thảo mộc, há xuân bận lòng? Cũng giống như vầng trăng trong mát vằng vặc, in bóng trọn khắp ngàn sông, nhưng trăng chẳng khởi ý. Vì thế kinh Hoa Nghiêm dạy: *"Phật thân sung mãn ư pháp giới, phổ hiện nhất*

[92] Đây là thí dụ về căn tánh của chúng sanh được nói trong phẩm Dược Thảo của kinh Pháp Hoa.

thiết chúng sanh tiền, tùy duyên phó cảm mỵ bất châu, nhi hằng xử thử Bồ-đề tòa" (Thân Phật trọn khắp trong pháp giới, hiện khắp trước hết thảy chúng sanh, tùy duyên cảm ứng chẳng hề sót, luôn ngự trên tòa Bồ-đề này). Sơn tăng chẳng thích xuôi dòng, căng buồm, tốt nhất là ngược gió, bẻ lái. Lại hỏi các vị: "Còn được thấy thân Phật nữa chăng?" Nếu nói "chưa từng thấy"; thân Phật đã là trọn khắp pháp giới, trong mười hai thời, nơi sáu căn của các vị, phóng quang, rúng động đại địa, vì sao chẳng thấy? Nếu nói "đã từng thấy", thân Phật tướng mạo ra sao, hãy thử nói xem? Hồi lâu mà các vị vẫn tiếc nuối chẳng đáp, sơn tăng chẳng khỏi nói thay một câu chuyển ngữ vậy.

(Chống trượng nói):
Giữa mây, mặt trời mọc rạng rỡ
Biển thẳm, sóng thu vỗ dập dềnh.

20. Như Lai phước đức trí tuệ tướng,
Trọn trong một niệm của chúng sanh.
Gió quét sạch mây, rốt ráo trọn,
Khắp trời đều thấy vầng nhật hồng!

Tâm, Phật, chúng sanh, cả ba chẳng khác biệt, do mê hay ngộ mà tách rời, thăng trầm khác nhau vời vợi. Dẫu khác nhau vời vợi, thể vốn chẳng khác. Như vàng ở trong kho, viên châu nơi chéo áo, do trọn chẳng biết, hư vọng chịu nghèo túng. Nếu gặp bậc có trí từ bi chỉ dạy, thì vô tận bảo tạng vốn là của báu trong nhà, tùy ý thọ dụng, từ đó đắc đại tự tại. Vì thế, đức Thế Tôn lúc mới thành Chánh giác đã than rằng: "Lạ thay, lạ thay! Hết thảy chúng sanh đều có trí tuệ và đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng, nhất thiết trí, tự nhiên trí liền được hiện tiền." Hãy nên biết, mê thì trí tuệ lẫn đức tướng hoàn toàn trở thành vọng tưởng, chấp trước; ngộ thì vọng tưởng, chấp trước vốn là trí tuệ và đức tướng. Giống như nước đông thành băng, băng tan thành nước. Mọi người hãy gấp nên nội chiếu, khôi phục tâm tánh vốn có, ngõ hầu chẳng đến nỗi mê muội chính mình, đuổi theo sự vật, mai một thân pháp vương. Hãy nói thân pháp vương là như thế nào vậy?

(Chống trượng nói):
Ánh nắng, bóng mây bàn chân đế.
Sắc núi, tiếng suối hiện bảo dung.

21. Bồ-tát trăng trong mát,
Dạo chơi rốt ráo không.

Chúng sanh tâm thủy lặng,
Hiện hình bóng Bồ-đề.

Bồ-tát niệm nào cũng muốn độ chúng sanh, chúng sanh tâm nào cũng nhớ nghĩ Bồ-tát, giống như hai tấm gương chiếu lẫn nhau, ngàn viên châu hiện bóng lẫn nhau, cảm ứng đạo giao, tự đạt được tế độ. Nếu tâm chẳng chân thành, sẽ khó đạt được lợi ích, do tự mình che ngăn, chẳng phải lỗi của Bồ-tát. Bậc đại sĩ Viên Thông, thệ nguyện rộng sâu, tế độ chẳng ngằn mé, phương tiện khó lường. Cõi cõi trần trần, nơi nơi chốn chốn, hễ có cầu đều ứng, không cảm nào chẳng thông. Như một vầng trăng in bóng ngàn sông, trọn chẳng có trước sau sai lệch, mà ngàn sông đều hiện một vầng trăng, bóng trăng ấy có thể có sáng tối, đến đi sai khác. Cần phải biết Bồ-tát như vầng trăng nơi tâm, tâm chúng sanh như nước. Nước trong lặng, trăng hiện toàn thể. Trăng hoàn toàn chẳng chọn lựa nước để hiện bóng. Nước nhơ bẩn, xáo động, trăng chẳng có ánh sáng cố định, trăng chẳng bỏ nước mà đi. Nơi nước bèn có trong đục, động tĩnh, nơi trăng chẳng có lấy bỏ, đến đi. Nếu nương theo nghĩa này để cảm Bồ-tát, chắc chắn nghiệp chướng tiêu trừ, trí tuệ khai phát, hiểu rõ tự tâm ngay trong một niệm, thành Phật quả trong tương lai. Tuy nhiên, do trai tăng mà vui mừng tán dương, lại làm như thế nào đây?

(Chống trượng nói):
Lòng thành vừa cảm,
Ngồi tòa ngàn hoa,
Vạn phước khôn ngằn,
Trăm đời hưng thịnh.

22. Ân trạch Bồ-tát khắp mười phương,
Đàn tín chí thành, quang soi rọi.
Muốn biết chỗ cảm ứng đạo giao,
Xin nhìn trăng in ngàn sông rạch.

Tâm Bồ-tát trọn đủ đại từ bi, như trời che khắp, như đất chở đều, chẳng có chúng sanh nào chẳng mong độ thoát. Tâm chúng sanh trọn đủ đại oai thần, trọn chẳng có một điều ác, viên mãn các đức, vốn chẳng hai, chẳng khác với Bồ-tát. Chỉ vì tùy thuận nhiễm duyên, đến nỗi mê muội bản thể. Ví như trong phòng tối, đụng phải chất báu, không chỉ chẳng thọ dụng được, ngược lại còn bị tổn thương. Mọi người chẳng sợ trèo non vượt biển tới đây cúng dường Bồ-tát, trai tăng, thỉnh pháp, rốt cuộc là nương vào sức của ai, có thể biết nổi hay chăng? Nếu có thể biết rõ, tốt lành chi bằng! Giả sử chưa hiểu, ắt cần phải chí thành khẩn thiết, lễ bái, cúng dường Quán Thế Âm Bồ-tát, xưng danh hiệu của ngài. Trong mỗi niệm,

phản quán nội chiếu, quán âm thanh ấy, từ đâu khởi lên, sẽ rơi vào đâu, sức đạt đến cùng cực, công đã thuần thục, sẽ thấy thấu triệt nguồn tâm, mới biết tự tâm vốn tự thanh tịnh. Đó gọi là "chúng sanh tức chẳng phải là chúng sanh".

(Chống trượng nói):
Chẳng phải một phen sương buốt lạnh,
Há ngửi hoa mai nở ngát hương.

23. Trí lực bát-nhã chẳng nghĩ bàn,
Vừa chiếu, ngũ uẩn thảy rỗng rang.
Ai nấy đã muốn thoát khổ ách,
Sao chẳng dốc chí mà ngưỡng vọng?

Bản thể của ngũ uẩn là Như Lai tạng. Chúng sanh chẳng hiểu, hư vọng dấy tham đắm. Do vậy, vừa mê thì bao kiếp luân chuyển. Chỉ có đức Đại sĩ ta dùng trí bát-nhã chiếu kiến các uẩn đều không, vượt khỏi các khổ ách, viên thành giác đạo. Chánh trí ấy như khối lửa lớn, bốn phía đều chẳng thể tiến vào được. Hễ tiến vào, sẽ bị lửa thiêu. Như ao trong mát, chung quanh đều có thể gột rửa, hễ gột rửa bèn lìa chất nhơ. Như thuốc a-già-đà, trị khắp các bệnh. Như Chuyển Luân Thánh Vương cai quản bốn châu. Như Kim Cang Vương có thể phá hoại hết thảy, chẳng vật nào có thể phá hoại nó. Như thái hư không có thể chứa đựng muôn vật, trọn chẳng có một pháp nào có thể trốn thoát. Mọi người ai nấy hãy nên phỏng theo bậc tiên giác, phản chiếu uẩn tánh. Chiếu thể đã lập, các uẩn đều nhanh chóng rỗng không. Từ đấy khế nhập bát-nhã sâu xa, vượt các khổ ách. Vô minh hết mà diệu tánh phô bày toàn vẹn, các pháp đều không, triệt chứng vô sanh. Noi theo chư Phật, thành Vô thượng đạo, kế thừa chư tổ, truyền Bất nhị tông. Tuy nhiên, lại có sự nhiệm mầu chẳng truyền của Phật, tổ, các vị còn e ngại gì nữa hay chăng?

(Chống trượng nói):
Không mây che ngang núi,
Trăng in nơi sóng tâm.

24. Tâm cảnh hai pháp đều đối lập,
Vô biên sanh tử khởi từ đó.
Nếu ngay nơi cảnh hiểu vô tâm,
Liền chứng *như như* thể sẵn có.

Cái tâm trong một niệm hiện tiền vốn tự vô sanh, do cảnh mới sanh. Hết thảy các cảnh hiện tiền vốn chẳng có, do tâm mà có. Mê là do mê cảnh bèn mê tâm. Ngộ là vì ngộ tâm liền ngộ cảnh. Đó gọi là "căn và trần cùng nguồn, trói buộc và

giải thoát chẳng hai". Cũng như do đất mà té, do đất mà đứng dậy. Nếu có thể biết rõ cảnh chính là tâm, cảnh sẽ chẳng thể được. Do tâm chính là cảnh, tâm do đâu mà có? Tự nhiên hai đằng đều dứt bặt, chẳng ngự nơi trung đạo. Lìa khỏi giả danh "phàm, thánh", khế hợp tâm ấn của Phật, tổ, viên mãn vô thượng giác đạo, chứng pháp thân thường trụ. Nghĩa "tâm và cảnh sanh ra nhau, diệt lẫn nhau" như sơn tăng vừa nói trên đây, sợ mọi người chưa thể tin chắc chắn! Chẳng khỏi dẫn lời một vị cổ đức để chứng minh. Ngài Bàn Sơn nói: *"Tâm nguyệt cô viên, quang thôn vạn tượng. Quang phi chiếu cảnh, cảnh diệc phi tồn. Quang cảnh câu vong, phục thị hà vật?"* (Vầng trăng trong tâm riêng tròn, ánh sáng nuốt chửng muôn hình tượng. Quang chẳng chiếu cảnh, cảnh cũng chẳng còn. Quang và cảnh đều mất, lại là vật gì?) Mọi người có hiểu rõ hay chăng?

(Chống trượng nói):
Nước vẫn chảy về biển,
Trăng rọi chẳng lìa trời!

25. Lay động một giọt nước Tào Khê,
Đại thiên lập tức lưu truyền khắp.
Nếu ai vừa khẽ nhép mồm mép,
Năm uẩn rỗng toang, muôn đức tròn.

Nếu luận định chuyện này, ai nấy đều hiện thành, vẹn đủ thánh trí, trọn chẳng có phàm tình. Chỉ vì mê vọng, mất ngay sự sáng suốt vốn có, đến nỗi khiến cho Phật tánh ngược ngạo trở thành chúng sanh. Các vị đã muốn quay lại gốc, trở về nguồn, hãy theo dấu bậc tiên giác. Cần phải biết pháp vị Tào Khê để nối tiếp tâm tông. Xưa kia, có vị tăng hỏi thiền sư Pháp Nhãn: "Như thế nào là một giọt nước Tào Khê?" Ngài Pháp Nhãn nói: "Là một giọt nước nơi nguồn Tào." Vị tăng chẳng hiểu ý chỉ ấy, như vào phòng tối, chẳng thấy bản thân. Quốc sư Thiên Thai Thiều đúng lúc ở ngay bên cạnh, nghe lời ấy giống như cái thùng thủng đáy. Pháp Nhãn nói: "Ông thấy đạo lý gì, nói thử xem?" Thiều công nói: "Là một giọt nước nơi nguồn Tào." Pháp Nhãn bèn ấn khả. Lại nói vị tăng ấy và Thiều công cùng nghe lời đó, mà ngộ và chẳng ngộ, hãy thử kiểm điểm xem! Nếu kiểm ra được, đúng là ở trong biển sanh tử nóng bức, giăng mây đại từ, xối trận mưa pháp lớn, nhuần thấm trọn khắp hết thảy chúng sanh khô khao. Nếu kiểm chẳng ra thì hãy kiểm xem chẳng thấy thứ gì vậy?

(Chống trượng nói):
Điệu lưu thủy cao sơn,

Tử Kỳ[93] mới thấu hiểu.

26. Hết thảy các ác đều chớ làm
Tất cả điều thiện đều phụng hành
Thân tâm thanh tịnh sạch trần cấu
Vô thượng Phật đạo mau viên thành.

Như Lai xuất thế, giáo hóa chúng sanh, không gì chẳng nhằm dạy họ thâu nhiếp thân miệng ý, đoạn ác tu thiện, khôi phục tâm tánh vốn có, thành vô thượng đạo mà thôi. Xưa kia Bạch Cư Dị hỏi thiền sư Ô Khỏa: "Như thế nào là đại ý của Phật pháp?" Sư nói: "Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện." Ông Bạch nói: "Đứa con nít 3 tuổi cũng có thể nói như thế." Sư bảo: "Tuy đứa con nít 3 tuổi nói được, nhưng ông cụ 80 tuổi vẫn chưa làm được." Nói đúng sự thật, chỉ có Phật thấu hiểu rốt ráo! Người đời chẳng biết, coi đó là thiển cận. Vì thế chẳng gắng tu đức, chẳng ra sức sửa lỗi, bao kiếp luân hồi sanh tử. Nhưng hai câu ấy chính là đệ nhất nghĩa đế. Nếu muốn đích thân chứng, hãy nên cầu trong cuộc sống thường nhật. Phàm các chuyện trái nghịch "trung, hiếu, tiết, nghĩa" đều triệt để lìa bỏ, phàm các chuyện phù hợp "trung, hiếu, tiết, nghĩa" hãy toàn thân gánh vác, ắt khiến cho lòng ham muốn của con người đều hết sạch, thiên lý lưu hành. Tự nhiên diệu tánh hoàn toàn phô bày, khác nào vẹt mây, mặt trăng lộ ra, mới biết trước kia đoạn ác tu thiện đều thuộc vào quang cảnh nơi bổn địa của đệ nhất nghĩa đế. Tuy vậy, do trai tăng mà vui mừng tán dương, lại nên làm như thế nào?

(Chống trượng nói):
Ngàn điều lành mây nhóm,
Trăm phước tranh nhau đến.

27. Thử hỏi tâm này do lẽ nào?
Như ma-ni theo sắc đổi màu.

---

[93] Bá Nha tên thật là Du Thụy, tên tự là Bá Nha, người nước Sở, nhưng làm quan Thượng đại phu nước Tấn. Ông là người tài hoa, nổi tiếng về đàn cổ cầm thời ấy, đến nỗi Tuân Huống ca ngợi: "Cổ nhân chơi đàn thì cá cũng phải ngoi lên nghe, Bá Nha chơi đàn khiến sáu ngựa ngừng ăn." Tử Kỳ tên thật Chung Huy, tên tự là Tử Kỳ, là một danh sĩ ẩn dật, sống bằng nghề đốn củi để nuôi cha mẹ già. Khi phụng chỉ đi sứ sang nước Sở, trở về ngang qua sông Hàn, gặp dịp trăng thanh gió mát, Bá Nha gảy đàn thì dây bị đứt. Ngờ là thích khách, Bá Nha sai quân truy lùng, bắt được Tử Kỳ. Tử Kỳ cho biết mình là một tiều phu, nghe tiếng đàn hay quá, nên dừng chân nghe. Khi Bá Nha đàn, Tử Kỳ thốt lên: *"Nguy nguy hồ nhược cao sơn, đãng đãng hồ nhược lưu thủy"* (Vòi vọi thay như núi cao, lưu loát thay như nước chảy). Hai người bèn kết nghĩa kim lan, hẹn Trung Thu năm sau sẽ lại gặp gỡ. Đúng hẹn, Bá Nha đến gặp mặt thì Tử Kỳ đã chết, Bá Nha bảo thế gian không có ai tri âm, treo đàn trước mộ Tử Kỳ, suốt đời không gảy cổ cầm nữa.

Khi các sắc hiện, biết bản thể.
Viên thành Vô thượng Phật Bồ-đề.

Chân tâm thường trụ, diệu tánh niết-bàn, Phật và chúng sanh chẳng hai. Chỉ vì trong hành xử thường ngày chẳng biết, bèn thành luân chuyển bao kiếp dài lâu. Cần phải biết cái tâm này từ vô thỉ đến nay, suốt ngày tùy duyên, nhưng suốt ngày bất biến. Suốt ngày bất biến, mà suốt ngày tùy duyên. Tuy tùy duyên nhưng rốt ráo bất biến, như vàng đúc thành tượng Phật hay đại pháo, thiện ác khác biệt vời vợi, thể chẳng đổi khác. Dẫu chẳng thay đổi, nhưng mặc tình tùy duyên, như gương hiện bóng người Hồ, người Hán, đẹp xấu lần lượt hiện, thể chất của gương chẳng tăng giảm. Thuận theo nhiễm duyên bèn luân hồi lục đạo, theo tịnh duyên bèn vượt khỏi tam thừa. Thăng trầm tuy khác, tâm và tánh chẳng hai. Như châu ma-ni thuận theo các sắc mà hiện, gặp trắng bèn trở thành màu trắng, gặp đen bèn đen, biến hiện chẳng đồng nhất, bản thể vẫn như cũ. Nếu có thể ngay trong lúc tùy duyên mà thấy thấu triệt bản thể bất biến, người ấy liền có thể cùng với ba đời chư Phật, lịch đại tổ sư, kề vai cùng đứng, nắm tay cùng đi. Tuy vậy, hãy nói xem: Cái thể bất biến, thấy như thế nào vậy?

(Chống trượng nói):
Núi trổ hoa tợ gấm,
Nước khe lắng xanh rì!

28. Một niệm tâm nhỏ bé của ta
Xa lìa có, không, các danh tướng
Ngàn hiền vạn thánh chẳng thể nói
Thể ấy chẳng chân cũng chẳng vọng.

Chân như diệu tâm, giác tánh viên minh, ai nấy sẵn đủ, chẳng có ai không có, thật sự là chánh nhân để thành Phật, là căn bản của trí tuệ. Chẳng không chẳng có, xa lìa trọn vẹn lỗi của tứ cú. Chính là sắc, chính là không, đôi đằng đều dứt bặt. Đoạn giả danh "chân, vọng", dứt bặt danh xưng "chúng sanh, Phật". Tròn xoe xoe, sáng ngời ngời, ngũ nhãn chẳng thể nhìn phớt cái thể ấy. Sạch trần trụi, đỏ lừ lừ, tứ biện tài đều chẳng thể diễn nói tướng của nó. Kẻ mê cái tâm ấy thì gọi là "phàm", hư vọng hứng chịu vô biên nỗi khổ sanh tử, nhưng công năng chẳng giảm. Người ngộ cái tâm này được gọi là "thánh", thường hưởng vô tận niềm vui niết-bàn, nhưng lực dụng chẳng tăng. Mê và ngộ đã chia, thăng trầm cách biệt. Khổ lạc tuy khác, bản thể chẳng khác. Sơn tăng chẳng tiếc khẩu nghiệp, vì khắp mọi người, lôi kinh to lớn từ trong vi trần, chỉ bày viên minh châu nơi

chéo áo. Xin ai nấy hãy lãnh nạp của báu sẵn có trong nhà, tùy phần thọ dụng. Còn nói "chính là như thế nào" nữa ư?

(Chống trượng nói):
Hiểu rõ bàn chân đến đỉnh đầu.
Thanh trước, sắc sau tỏ rành rành.

29. Đừng trụ vào đâu mà sanh tâm.
Sanh tâm rốt ráo không chỗ trụ,
Bất động chân tế, xen tạp duyên,
Rành rành hiện bóng muôn sông rạch.

Bồ-tát nương theo lẽ chân mà trụ, vì thế trụ vào "vô sở trụ". Tùy nguyện sanh tâm, cho nên sanh mà "không có gì để sanh". Vì thế kinh Bát-nhã dạy: "Hãy đừng trụ tâm vào đâu để sanh tâm." "Chẳng trụ vào đâu" là biết rõ căn và trần vốn là không, thức tánh như huyễn. Giống như núi sông trong mộng, hoa và liễu trong gương. Do đó có thể ở trong cõi trần mà chẳng nhiễm, trọn chẳng có tâm tham đắm thế tục. Bản thể của phật, pháp, tăng bảo là chân, Bồ-đề và niết-bàn sẵn có trong tâm. Do vậy xứng tánh khởi tu, chẳng thấy tướng năng tu và sở tu[94]. Kẻ sanh cái tâm ấy, dùng diệu tâm vô trụ để tu trọn vẹn đạo phẩm vô tác. Mây trùm cửa độ, sóng trào biển hạnh. Trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Chỉ mong lợi khắp ta, người, chẳng tiếc đầu, mắt, tủy, não. Phá hai chấp sạch làu, thấu đạt tam luân thể không. Vô trụ mà sanh tâm, sanh tâm mà vô trụ. Tịch chiếu chẳng hai, chân tục viên dung. Vì thế, Lục tổ vừa nghe bèn nhanh chóng chứng chân thường, đã biết chỗ chứng của Lục tổ hay chưa?

(Chống trượng nói):
Vốn chẳng có một vật,
Chỗ nào nhuốm bụi trần?

30. Thiền cơ vốn tự lìa ngôn thuyết.
Diệu thể viên thành chứng trước tiên.
Linh quang riêng chiếu, chạm cảnh thức.
Giơ hoa liền truyền nối tiếp tâm.

Chân như diệu tánh ai nấy đều viên thành, chẳng phải tâm, chẳng phải sắc, lìa tướng, lìa hình. Không và hữu đều chẳng thể toan tính, phàm lẫn thánh đều chẳng thể gọi tên. Pháp nào cũng đều là nó, mê thì ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ. Pháp nào

[94] Năng tu là người tu tập, hay cái tâm tu tập. Sở tu là đối tượng được tu, tức là các pháp do đức Phật dạy, hoặc hiểu theo nghĩa hẹp là các hạnh môn trong Phật pháp.

cũng đều chẳng phải, hễ ngộ thì toàn thể rạng ngời. Vì thế ngài Quy Sơn[95] nói: "Linh quang riêng chiếu, vượt thoát căn trần." Thể lộ chân thường, chẳng câu nệ văn tự. Tâm tánh vô nhiễm, vốn tự viên thành. Chỉ lìa vọng niệm, chính là như như Phật. Mọi người đã tham cứu "ý của tổ sư từ phương Tây đến Đông Độ", mong tiếp nối tông phong hướng thượng. Đối với căn trần, đã từng nhận biết linh quang riêng chiếu hay chưa? Nếu vẫn chưa thể, sơn tăng chẳng khỏi lắm mồm! Nơi mắt là thấy, nơi tai là nghe, nơi mũi phân biệt mùi, nơi lưỡi thì đàm luận. Chỉ vì xuôi theo trần lao, trái nghịch giác tánh, rong ruổi theo vọng, mê chân, khiến cho diệu tâm niết-bàn sẵn có muôn kiếp trầm luân trong sanh tử, vô thượng như ý bảo châu bị chôn vùi dài lâu trong tình trần.

(Chống trượng nói):
Sơn tăng đặc biệt nêu lần nữa,
Mưa báu rải trân cứu kẻ nghèo.

31. Tánh nghe vốn sẵn thường viên thông,
Động, tĩnh, thức, ngủ luôn rạng ngời.
Nếu xoay cái nghe nghe tự tánh,
Sa-bà lập tức là Tịch quang.

Giáo thể trong Sa-bà hay khéo ở chỗ nghe tiếng. Tánh nghe trong một niệm chính là căn bản để thành Phật. Thanh có, chẳng sanh; thanh không, chẳng diệt. Hết thảy chúng sanh từ vô thỉ đến nay, do mê trái cái nghe vốn có, đuổi theo thanh mà lưu chuyển, chỉ cầu đa văn, chẳng hiểu quán tâm. Dẫu trì pháp do chư Phật đã nói, chẳng hiểu cái tâm "có thể nghe" của chính mình, cho nên chẳng thể khế hội cái sẵn có, lãnh nhận của báu gia truyền. Vì thế kinh Lăng-nghiêm dạy: "Tương văn trì Phật Phật, hà bất tự văn văn. Phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo."[96] Quán Thế Âm Bồ-tát xưa kia được Quán Thế Âm Như Lai dạy

---

[95] Tức là ngài Quy Sơn Linh Hựu (771-853), người sáng lập tông Quy Ngưỡng trong nhà Thiền. Ngài họ Triệu, sống vào đời Đường, quê ở Trường Khê, Phước Châu, nay là huyện Hạ Phố thuộc thành phố Ninh Đức, tỉnh Phước Kiến. Ngài là đệ tử thủ tọa của tổ Bách Trượng Hoài Hải. Do Ngài vâng lệnh Tổ sang Đại Quy Sơn khai sơn chùa Đồng Khánh tại Đàm Châu, nên thường được gọi là Quy Sơn Linh Hựu, hay Quy Sơn. Đệ tử xuất sắc của Ngài là Ngưỡng Sơn Huệ Tịch hoằng truyền pháp mạch của thầy. Vì thế, tông phái Thiền này được gọi là Quy Ngưỡng Tông.

[96] Do câu kinh này quá hàm súc, chúng tôi không biết chuyển ngữ như thế nào, đành để nguyên và dẫn lời giảng của pháp sư Tịnh Giới như sau: "Tương văn trì Phật Phật: Chữ Phật thứ nhất là nói đến mười phương chư Phật, chữ Phật thứ hai là Phật pháp. Câu này có ý nói quý vị đã có thể nương vào tánh nghe trong nhĩ căn để nghe và thọ trì pháp môn của mười phương chư Phật, vì sao chẳng "tự văn văn". Chữ văn thứ nhất chỉ nhĩ căn, chữ văn thứ hai chỉ tánh nghe, tức bổn lai diện mục. Ý nói: Vì sao quý vị chẳng từ tánh nghe mà xoay ngược lại nghe nơi tự

dùng văn - tư - tu để nhập tam-ma-địa, bèn nhập lưu vong sở[97], chứng viên thông chân thật. Mọi người sau khi đã nghe tiếng, và trước lúc chưa nghe, hãy quán ngược lại cái tánh nghe này là "do thanh mà sanh, theo thanh mà diệt" ư? Hay là "chẳng do thanh mà sanh, chẳng theo thanh mà diệt" ư? Quán sát như thế, sức đến cùng cực, công đã tinh thuần, tự nhiên văn trần (thanh trần) thanh tịnh, tánh nghe rõ ràng, tức là Đại sĩ Quán Âm chẳng thể hay khéo một mình được. Hải chúng hiện tại và vị lai, đều phải xếp hàng thành đội ngũ chỉnh tề sau người đã hiểu điều đó. Tuy vậy, hãy nói một câu cuối cùng, lại làm gì nữa đây? (Ra oai quát lớn, bước xuống pháp tòa).

32. Trên tri kiến lập thêm tri kiến,
Đó là cái gốc của vô minh.
Tri kiến chẳng thấy tức niết-bàn,
"Chẳng lập" liền đều cùng thoát khỏi,
Diệu đế ngàn thánh chẳng thể truyền.

Chúng sanh trầm luân sanh tử, chư Phật chứng đắc niết-bàn, đều do một niệm làm căn bản. Nhưng một niệm ấy, vốn trọn đủ chân giới, chân định, chân tuệ, vốn chẳng có vọng tham, vọng sân, vọng si. Chúng sanh mê trái tự tâm, rong ruổi hướng ra bên ngoài truy cầu, chẳng thể biết rõ cái vốn sẵn có. Đối với cái vốn chẳng có, cho là pháp thật sự có. Vì thế, do sáu căn tiếp xúc sáu trần, dẫn khởi sáu thức. Từ đấy phát sanh vô lượng các thứ tri kiến, chẳng biết căn và trần vốn là không, thức tánh như huyễn. Không thể phản quán nội chiếu, khôi phục bổn thể, đến nỗi luân chuyển sanh tử chẳng có kỳ hạn. Nếu biết tất cả tri kiến hiện tiền này vốn tự chẳng sanh, tự nhiên đối với các trần cảnh chẳng dấy lòng nắm níu. Hễ chẳng duyên theo trần, căn chẳng có duyên gặp gỡ, liền nhanh chóng chứng Bồ-đề niết-bàn. Vì thế, kinh Lăng-nghiêm dạy: *"Tri kiến lập kiến, tức vô minh bổn. Tri kiến vô kiến, tư tức niết-bàn vô lậu chân tịnh"* (Từ trên sự hay biết mà lập thêm một cái thấy nữa. Đó chính là cái gốc của vô minh. Chẳng thấy có sự hay biết thì chính là niết-bàn vô lậu chân tịnh). Đó gọi là *"vạn cảnh bổn nhàn, duy tâm tự náo"* (vạn cảnh vốn thanh nhàn, chỉ có tâm tự náo động). Hễ tâm chẳng sanh, vạn pháp đều dứt! Lại nói một câu cuối cùng để làm gì vậy?

---

tánh. Do đó, câu kế tiếp là nhắc lại biện pháp tu tập nhĩ căn viên thông, do xoay lại nghe nơi tánh nghe, cho nên từ ngay nơi cái tánh ấy mà chứng ngộ vô thượng đạo."

[97] Theo pháp sư Thánh Nghiêm, "nhập lưu" chính là tương phản với "xuất lưu". Xuất lưu là tâm thức duyên theo thanh trần, hướng ra ngoài rong ruổi. Còn nhập lưu là chẳng chấp vào thanh trần, mà từ sự cảm nhận thanh trần bèn quán ngược lại để thấy được tánh nghe. Vì thế gọi là nhập lưu. Do đối tượng của tánh nghe là thanh trần chẳng bị chấp trước, giống như vứt bỏ, lãng quên, nên gọi là vong sở (quên mất đối tượng nhận biết của tâm tánh).

(Chống trượng nói):
Hoa trên cành, xuân nở.
Đầm lạnh, bóng trăng in.

33. Chuyện này không lúc nào chẳng hiện
Mọi pháp, mọi sự vốn tự nhiên
Chạm cảnh mà hay biết tự tánh
Há còn nhọc lòng hỏi tổ thiền?

Nếu luận theo đệ nhất nghĩa thì nơi mỗi người vốn đã tự sẵn có, chẳng thừa chẳng thiếu. Chuyện nào cũng đều hiển lộ, pháp nào cũng phô bày trọn vẹn. Khác nào xuân đến hoa nở, chẳng khác kênh đã hình thành, nước bèn chảy theo. Tùy theo "đi đứng nằm ngồi" mà hiển lộ thần thông vốn có. Trong "thấy nghe hay biết" làm Phật sự to lớn. Khạc nhổ, nhấc tay, mặc áo, ăn cơm, mỗi mỗi đều là ý "[tổ sư Đạt-ma] từ phương Tây đến Trung Hoa". Bát-nhã luôn khế hợp tổ sư thiền. Ba đời dứt bặt, trọn chẳng có biến đổi từ đầu đến cuối. Mười pháp giới lặng chìm, há có nóng lạnh đắp đổi? Nhưng vầng trăng rạng ngời giữa trời, sông nào cũng đều hiện bóng. Ví như thủy ngân rơi xuống đất, giọt nào cũng tròn xoe. Đúng là khó gọi tên, khó hình dung, quả thật tối diệu, tối huyền. Ngàn trăm năm trước, cổ nhân đã sẵn biết tự thọ dụng tam-muội do người hiện thời chứng đắc, đã viết sẵn một bài kệ tụng như sau: *"Nhất khí bất ngôn hàm hữu tượng, vạn linh hà xứ tạ vô tư, hiệp lộ đào hoa phong vũ hậu, mã đề vô địa tỵ tàn hồng"* (Một khí không lời dung vạn tượng, vạn linh chẳng chốn dứt vô tư, nẻo hẹp sau mưa đào tơi tả, vó ngựa không chỗ tránh hoa rơi).

(Chống trượng nói):
Muốn biết mai sau như thế nào,
Chỉ nghe vạn chuyện giống như ông.

34. Ta giơ gậy nâng trời chống đất,
Thấu triệt đại ý "đến từ Tây".
Trước mắt mọi người liền trải tòa,
Bèn tuyên dương đệ nhất nghĩa đế.

(Nâng trượng nói): Một cây gậy chống, sống động như rồng, thể vốn vắng lặng, tác dụng vô cùng. Thâu lại, đặt yên trong vi trần; phóng ra, chứa đựng thái hư không. Phô bày vật quý, tuôn chất báu đều là chuyện thừa thãi, "làm mái chèo,

làm mưa dầm”[98] đừng bỏ công. Nếu là bậc thiền giả có mắt, “cho” hay “đoạt” đều có thể chấn hưng Tông phong. Cổ đức nói: “Ông có chiếc gậy chống, đoạt chiếc gậy của ông. Ông chẳng có gậy chống, cho ông chiếc gậy chống.” Lại nói: “Ông có chiếc gậy chống, cho ông chiếc gậy chống. Ông không có gậy chống, đoạt gậy chống của ông.” Lại nói: “Hai phen cho và đoạt, là biệt hay là đồng?” Hãy gác “đồng” hay “biệt” tại đó, mọi người đã biết gậy chống hay chưa? Cái gậy chống ấy vốn chẳng có sanh, vì thế kiếp thành mà nó chẳng sanh. Vốn chẳng có diệt, cho nên kiếp hoại mà chẳng diệt. Tuy có hình tướng, ngũ nhãn rốt cuộc chẳng thể nhìn ngó! Có đại lực dụng, mười pháp giới thảy đều dựa vào. Tuy nhiên, chuyện này lại là như thế nào vậy?

(Chống trượng nói):
Lay lay động động hướng cơ duyên,
Liền thấy rồng bay, báo đổi hình.

35. Đệ nhất nghĩa đế trọn không lời,
Nói và chẳng nói thảy đều đúng.
Ví như đất dày và trời thẳm,
Cõi thế không ai tránh được đâu!

Nếu luận theo đệ nhất nghĩa, đúng là nên giải tán pháp tòa. Chính mắt thấy mà đạo vẫn còn, thì mới là bậc anh liệt. Tu-bồ-đề ngồi yên trong thạch thất, Thiên Đế Thích rải hoa tán thán. Các vị Bồ-tát đều diễn nói pháp bất nhị, Duy-ma-cật im lặng chẳng bàn. Vì thế biết: Tâm thông diệu đế, chẳng nói mà thường hừng hực nói. Tâm thần khế hợp chân thừa, chẳng nghe mà pháp “vốn sẵn như vậy” thường được nghe. Hiểu rõ điều này, trúc xanh biêng biếc đều là chân như. Hoa vàng thơm ngan ngát, không gì chẳng phải là bát-nhã. Ngày qua, tháng lại, vốn thuộc tướng thường trụ. Mây bay, sông chảy, mới thấy hình dạng chẳng dời. Sấm rền, gió lay, băng tan, lá rụng, quạ kêu, sẻ hót, sắc núi, tiếng khe, mỗi mỗi đều bàn thật tướng, thứ nào cũng hoàn toàn hiển lộ pháp thân. Mọi người từ sáng đến tối, sáu căn đối trước hết thảy cảnh giới, chẳng có thứ gì không phải pháp thân. Sao lại đợi sơn tăng khua mép, múa lưỡi thì mới là đệ nhất nghĩa ư? Do vậy chẳng

[98] Nguyên văn *“tác tiếp, vi lâm”* (作楫爲霖, làm mái chèo, làm mưa dầm) vốn là thành ngữ dùng để ca ngợi bậc hiền thần có tài giúp vua trị nước an bình, thịnh vượng. Điển tích này xuất phát từ truyện Phó Duyệt trong sách Thượng Thư. Khi vua Vũ Đinh nhà Thương tìm được Phó Duyệt, đã phong ông làm Tể tướng, căn dặn: *“Triêu tịch nạp hối, dĩ phụ đài đức. Nhược tế cự xuyên, dụng nhữ tác châu tiếp. Nhược tuế đại hạn, dụng nhữ tác lâm”* (Sáng tối ta nghe lời ông khuyên răn để giúp tăng phẩm đức của chính mình. Như vượt sông lớn, dùng ông làm mái chèo. Nếu gặp năm hạn hán to lớn, dùng ông làm mưa dầm).

tiếc khẩu nghiệp, triệt để nói toạc ra. Tuy vậy, do trai tăng vui mừng mà khen ngợi một câu là để làm gì vậy?

(Chống trượng nói):
Xuân gieo một hạt thóc,
Thu thu hoạch muôn hạt.

36. Há cần bàn đệ nhất nghĩa đế
Vạn tượng sâm la nói với nhau
Mưa xô giàn cải rơi đầy đất
Gió cuốn tơ liễu bay lên trời.

Nếu luận theo đệ nhất nghĩa, không chỉ sơn tăng chẳng có pháp gì để nói; ngay cả ba đời chư Phật cũng sẽ treo miệng trên vách! Tuy vậy, đạo vốn chẳng thể nói, mượn lời nói để hiển đạo. Lại từ cửa ngõ thứ hai, trực chỉ con đường hướng thượng. Nếu sơn tăng chưa thăng tòa, trước khi duy-na bạch chùy[99], triệt để tiến thủ, thì còn lải nhải đôi chút. Nếu không, đang cưỡi trâu mà tìm trâu, tới thuở nào mới xong? Mọi người từ sáng đến tối, cử động nói năng đều nương theo sức oai thần của đệ nhất nghĩa. Do vì ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ quá đỗi, sơn tăng chẳng tiếc lông mày quét đất[100], lại nêu bày ra. Chuyện này trước nay vốn đã hiện thành, chẳng ngại nói với các vị. Cây mai trên non, cội bách trước sân thường hiển lộ, mưa ban đêm, gió mùa thu tỏ hiện lẫn nhau. Trên trời mây trắng lững lờ từng đám, đầu cành chim hót véo von. Nước trôi, hoa nở đừng bỏ lỡ; áo ấm, cơm thơm tự hiểu rành. Nhân nghĩa lễ trí ta đều đủ, mừng giận buồn vui há phải tình? Gặp duyên ngộ cảnh hay tiến thủ, kham báo ơn Phật, độ chúng sanh. Lại nói một câu cuối cùng để làm gì vậy?

(Chống trượng nói):
Đã khí khái rồi càng khí khái.
Chẳng phong lưu cũng vẫn phong lưu!

37. Đấng pháp trung vương vừa hướng thượng
Sâm la vạn tượng thảy nêu bày
Mắt thấy căn trần đều rụng sạch

---

[99] Bạch chùy tức là vị duy-na gõ chuông hay khánh, nói một bài kệ thỉnh pháp sư thăng tòa thuyết pháp.

[100] Nguyên văn "bất tiếc mi mao tha địa". Đây là một thuật ngữ trong Phật giáo, hàm ý chẳng màng thân mình bị trừng phạt như thế nào, luôn dốc sức vì người khác thuyết pháp. Cổ nhân nói do nhiệt thành thuyết pháp mà lỡ nói pháp sai lầm, khiến cho kẻ khác hủy báng pháp, cho nên mắc quả báo lông mày rụng sạch.

Vô biên nhiệt não thảy thanh lương.

Chuyện hướng thượng nêu bày như thế nào? Lông rùa ngắn củn, sừng thỏ dài cả trượng. Chẳng phải tâm, chẳng phải sắc, lớn tột cùng, cứng tột bậc. Mảy trần chẳng lập, vạn đức phô bày trọn vẹn. Núi hình[101] chẳng do đâu mà bí mật, khối uẩn há thể chứa đựng? Lìa vọng tướng (tướng hư vọng) huyễn hóa, trọn chân thường tịch chiếu. Trơ trọi, chẳng cùng vạn pháp làm bầu bạn. Sống động, riêng chấn hưng giềng mối to tát của Phật. Như chim bay lượn trên không, chẳng có chỗ vướng mắc; giống như nước đổ vào đồ chứa, sẽ vuông hay tròn theo [hình dạng của đồ chứa] đó. Có thể làm Phật, có thể làm tổ, kham làm thánh, kham thành cuồng. Khởi tâm suy lường, sẽ mau chóng đánh mất chân giác. Lìa niệm hay biết, trực tiếp thấu đạt hiện lượng. Trên noi theo Phật, tổ, mãi dùng tàu thuyền. Chẳng chấp một pháp, chuyện gì cũng hiển lộ đại ý "đến từ Tây". Chẳng bỏ sót một vật, ai nấy đều phô bày quang cảnh của chính mình. Do vậy gặp việc nhân bèn chẳng nhường, dốc cạn sức giúp đỡ. Chẳng cần dời núi lấp hang, chẳng cần khoét thịt tạo thành vết thương. Ngay nơi thân khiến cho nhận biết, ngay nơi lưỡi khiến biết nếm vị, khiến cho khắp mọi người theo đường trở về nhà, đích thân thấy cha mẹ ruột của chính mình. Như thế nào là cha mẹ ruột của chính mình vậy?

(Chống trượng nói):
Chống đất, nâng trời, ngang vũ trụ.
Thấy nghe, đường nẻo lộ rành rành.

38. Chuyện hướng thượng nói như thế nào?
Mọi pháp, mọi chuyện đều hiện tiền.
Ngàn sông có nước, ngàn trăng rọi.
Muôn dặm không mây, muôn dặm trời.

Chuyện hướng thượng, ngàn thánh chẳng truyền. Bất sanh bất diệt, chẳng đổi chẳng dời. Ngẩng trông càng thêm cao, dùi mài càng thêm cứng[102]. Phàm chẳng thể giảm, thánh chẳng thể thêm. Chẳng có mắt tai mũi lưỡi thân ý, mà mắt tai mũi lưỡi thân ý nương theo điều này để nhận biết, vận động. Chẳng có sắc thanh hương vị xúc pháp, mà là sắc thanh hương vị xúc pháp; do vậy ứng cơ tùy duyên. Tam thừa, Thập-địa từ đấy mà ra. Lục độ vạn hạnh viên mãn nơi thể. Diệu càng

[101] Đây là cách nói ví von, núi hình (hình sơn) tức thân thể, khối uẩn (uẩn tụ) tức ngũ uẩn. Ý nói chân tâm chẳng thuộc vào vật chất hay tâm thức.
[102] Đây là lời của học trò ca ngợi đạo của Khổng tử. Trong thiên Tử Hãn sách Luận Ngữ, Nhan Uyên nói: *"Ngưỡng chi di cao, toản chi di kiên, chiêm chi tại tiền, hốt yên tại hậu"* (Ngửa trông lên thì càng cao, càng dùi thì càng cứng, mới thấy đằng trước, bỗng đã ra sau).

thêm diệu, huyền càng thêm huyền. Tâm muốn nghĩ mà ý dứt bặt, miệng toan bàn mà quên bẵng lời. Trí của Thân Tử (Xá-lợi-phất) chẳng thể biết, tài biện luận của Mãn Từ (Phú-lâu-na) chẳng thể diễn tả. Chỉ có ông cụ Thích-ca và cư sĩ Duy-ma bi tâm chân thật thiết tha, chỉ thẳng nguồn pháp. Chẳng tiếc lông mày của chính mình quét đất, muốn cho khắp các quần sanh mũi hỉnh tận trời. Triệt để hiển thị cho người khác, do lấp miệng mà lặng im. Nói xem ngậm miệng lặng im lại hiển thị điều gì vậy?

(Chống trượng nói):
Ôi, một khí vô ngôn dung vạn tượng,
Vạn linh không chỗ tuyệt vô tư!

39. Chuyện hướng thượng mầu nhiệm vô cùng,
Liền lìa các pháp, chẳng "có, không".
Nếu tại đỉnh đầu mở chánh nhãn,
Căn cơ nào chẳng phải tông phong.

Chuyện hướng thượng chẳng dễ mò tìm. Vô tướng, vô hình, khó gọi tên, khó thấu đáo. Hết thảy đều là nó, mà hết thảy cũng đều chẳng phải. Hai bên chẳng lập, trung đạo chẳng dính mắc. Vừa nghe nói liền lãnh hội ý chỉ, vẫn là độn căn. Từ ngay một câu nói bèn hiểu rõ tông thú, vẫn là sai lầm. Lìa niệm, toàn thể liền hiển lộ; khởi tâm liền triệt để mai một. Sạch làu làu, đỏ hon hỏn, tròn xoe xoe, sáng rực rỡ, tuyên dương thì đã rộng lại càng rộng hơn, năm thời tám giáo[103] chẳng thể tận. Khế chứng thì đã giản ước lại càng giản ước hơn; cầm cành hoa, mỉm cười[104] liền phó thác. Do vậy lưu truyền khắp pháp giới, rộng mở đường cho kẻ hậu học. Mỗi pháp đều lập ra cương tông để truyền tâm, cùng thể hiện nơi tay và mắt để tiếp dẫn chúng sanh. Hoặc nhìn vào vách[105] để an tâm, hoặc mài ngói[106]

---

[103] Năm thời tức năm giai đoạn giáo hóa của đức Thế Tôn (theo quan điểm phán giáo của tông Thiên Thai): Hoa Nghiêm, A-hàm, Phương Đẳng, Bát-nhã và Pháp Hoa - Niết-bàn. Tám giáo chính là tứ hóa nghi (Đốn, Tiệm, Bí Mật, Bất Định) và tứ hóa pháp (Tạng, Thông, Biệt, Viên).
[104] Tức điển tích "niêm hoa vi tiếu". Theo kinh Đại Phạm Thiên Vương Vấn Phật Quyết Nghi, Đại Phạm Thiên Vương cúng dường đức Phật cành hoa kim-ba-la, đức Phật cầm cành hoa giơ lên, im lặng không nói gì. Chỉ có ngài Ma-ha-ca-diếp mỉm cười, ngài bèn được đức Phật phó chúc chánh pháp nhãn tàng.
[105] Tức điển tích tổ Đạt-ma sau khi đối đáp với Lương Vũ Đế chẳng hợp thời cơ, bèn lên Tung Sơn *"cửu niên diện bích"* (chín năm nhìn vào vách) tại chùa Thiếu Lâm. Vì thế, tông Tào Động của Nhật Bản khi tọa thiền thường xoay lưng ra ngoài, nhìn vào vách.
[106] Đây là điển cố *"ma chuyên thành kính"* (mài ngói thành gương) được chép trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục. Mã Tổ Đạo Nhất đến nhập chúng tại chùa Bát-nhã ở Nam Nhạc của ngài Hoài Nhượng, ngày ngày đóng cửa dụng công. Ngài Hoài Nhượng gõ cửa, Đạo Nhất không thèm trả lời. Ngài Hoài Nhượng cứ gõ cửa ầm ầm mãi, Đạo Nhất chịu không nổi, phải mở cửa ra. Hoài Nhượng hỏi: "Đại sư hằng ngày ngồi chết khô trong ấy, nếu chẳng có công phu chỉ

để tháo gỡ trói buộc. Hoặc nhướng mày, chớp mắt, hoặc giơ nắm tay, dựng thẳng phất trần. Hoặc hành chánh lệnh bằng một gậy, hoặc chỉ lối về bằng tiếng hét, ắt đều khiến cho cái tâm mong ngóng chụp giật của hành nhân hết sạch, pháp tánh sống động. Như vẹt mây mà trăng tỏ lộ, như trời cao biển rộng, khôi phục Phật tánh vốn sẵn có, vĩnh viễn chứng chân giác nơi tự tánh. Lại nói xem chân giác là như thế nào vậy?

(Chống trượng nói):
Ôi, chân giác săm soi còn chẳng biết.
Thoạt nhìn lại chẳng biết A-nan!

40. Chuyện hướng thượng pháp giới tôn sùng
Vô biên pháp tạng tận bao dung
Ba đời chư Phật từ đấy có
Giáo dưỡng phàm thánh thảy gồm trong.

Chuyện hướng thượng là cương tông của pháp giới. Chẳng chân, chẳng vọng, không khởi đầu, không kết thúc. Công sánh bằng tạo vật, khéo léo ngang hóa công. Mảy trần chẳng lập, muôn đức thuận theo, trọn khắp kẻ lanh lợi lẫn ngu xuẩn, bàng bạc trong ngoài Trung Hoa. Cha con vâng theo đó mà cha từ, con thảo, vua tôi nhờ đấy mà nhân hậu, trung thành. Ví như nguyên khí ngập tràn vũ trụ, khác nào thái hư diệt sạch dị, đồng. Dẫu tích tập hoặc nghiệp, ở trong chướng ngại mà chẳng trở ngại. Đúng là viên thành phước tuệ! Tuy ở trong chỗ thông suốt mà chẳng thông suốt, hết thảy đều chẳng phải là lý ngoài vạn tượng. Hết thảy đều là trong lúc khế hợp đạo, tánh và tướng thấu triệt lẫn nhau, lý sự viên dung. Thức chẳng thể hiểu, trí chẳng thể tột cùng. Đó gọi là "có mà chẳng có". Đó gọi là "không mà chẳng không". Đúng là khuôn mẫu to lớn để đúc thành Phật quả, là thần long tuôn mưa pháp. Mê thì sẽ oan uổng luân hồi bảy nẻo[107], ngộ bèn chứng thẳng đại hùng. Mọi người muốn đạt được điều này, nhận biết chủ nhân ông trong nhà của chính mình, còn ngại gì nữa chăng?

---

quán, làm sao có thể thành Phật được?" Mã Tổ không hiểu ý Hoài Nhượng, nảy sanh phiền não, bèn đóng sập cửa, tiếp tục tọa thiền. Hoài Nhượng bèn lấy một viên ngói, dùng sức mài cành cạch trước thảo am của Mã Tổ. Mài suốt nhiều ngày, âm thanh hết sức chói tai. Mã Tổ chịu không nổi, bực bội hỏi: "Thiền sư, ngài mài ngói để làm gì cơ chứ?" "Ta mài ngói muốn làm thành một tấm gương." "Mài ngói làm sao thành gương cho được?" Hoài Nhượng cười hỏi: "Mài ngói chẳng thành gương, ngồi thiền khô khốc làm sao thành Phật cho được?" Mã Tổ nghe nói, hoát nhiên khai ngộ, theo học với Hoài Nhượng, rốt cuộc thành bậc tông sư trong nhà Thiền.

[107] Bảy nẻo (thất thú) chính là lục thú (lục đạo), do tách thần tiên ra khỏi thiên đạo và quỷ đạo, nên thành bảy đường.

(Chống trượng nói):
Quán kỹ chỗ cúi, ngửa, nghe, nhìn.
Hết thảy vì ông hiện ngọc dung.

41. Chuyện hướng thượng xuyên suốt các cõi
Thấu trời thông đất thật phân minh
Thênh thang giống hệt đường vua dạo
Cõi thế chẳng ai dám đặt chân.

Chuyện hướng thượng lìa kiến, siêu tình, khó nghĩ, khó bàn, khó hình dung, khó gọi tên, chẳng khởi đầu, chẳng kết thúc, chẳng hoại, chẳng thành. Trước sắc chẳng phải là sắc, sau tiếng chẳng phải là tiếng. Sâu thẳm, u viễn không ai đến. Phẳng phiu, thẳng lối đáng nên liên tục tiến lên. Hoa đàm thật tướng tỏa hương thơm ngát. Chim nói pháp yếu hòa giọng thánh thót. Cây mai trên non, cội bách trước sân thường hiển lộ. Mưa đêm, gió thu tỏ rạng lẫn nhau. Chạm vào mắt bèn hiểu rõ tông như nước đổ xuống ghềnh. Qua tai đạt được ý chỉ như cây cối sum suê. Năng lẫn sở cùng mất, ba đời dứt bặt, căn trần vượt thoát, vạn đức viên minh. Đã đến đứng nơi đỉnh non chót vót, cần phải hướng đến đáy biển sâu thẳm. Chẳng rời nơi đang ở, đến thẳng giác thành. Cảnh và trí hòa lẫn vào nhau, chứng tịch diệt nhẫn. Tri kiến đắp đổi, đạo khế hợp vô sanh. Đắc *thường, lạc, ngã, tịnh* nơi Phật địa, đủ đức *nguyên, hanh, lợi, trinh*[108] của Càn. Do vậy, trên hoằng dương Phật đạo, dưới tế độ quần manh, khiến cho ai nấy đều đạt được cái tâm diệu giác vốn có. Từ đấy muôn kiếp luôn hưởng thái bình. Mọi người có biết cảnh tượng thái bình hay chăng?

(Chống trượng nói):
Cõi bờ pháp giới không ai chiếm.
Gió trăng quê cũ có ai tranh?

42. Chuyện hướng thượng rời lìa ngôn thuyết
Chẳng sanh, chẳng diệt, vốn tự nhiên
Trọn không một pháp nuôi vạn tượng
Lửa hồng thường nở đóa sen tươi.

---

[108] Nguyên, hanh, lợi, trinh là các phẩm đức của quẻ Càn theo kinh Dịch. Có nhiều cách giải thích bất nhất. Thuyết phổ biến nhất là như thiên Văn Ngôn của sách Dịch Càn viết: "Nguyên là tăng trưởng điều lành, hanh là tăng thêm điều tốt đẹp, lợi là hòa hợp đạo nghĩa, trinh là điều chủ yếu của sự việc." Khổng Dĩnh Đạt chú giải: "Nguyên là khởi đầu, hanh là thông thuận, lợi là hòa hợp, trinh là chánh đáng. Ý nói quẻ Càn này có phẩm đức, tánh chất thuần dương, tự nhiên có thể dùng khí dương để sanh khởi vạn vật, khởi nguồn hanh thông, có thể khiến cho vạn vật hài hòa, mỗi thứ đều được lợi, lại có thể khiến cho sự vật kiên cố, chắc chắn."

Chuyện hướng thượng hình dung thế nào? Bất sanh, bất diệt, chẳng phải sắc, chẳng phải không, chẳng ở chặng giữa, trong, ngoài, không thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai. Sanh tử và niết-bàn đến đấy đều là hoa đốm trong hư không. Chúng sanh, chư Phật, ở đây đều là giả danh. Vắng lặng, tuy đủ ngũ nhãn mà chẳng có cách gì thấy được. Cao minh thay! Dẫu trọn tứ biện tài, chẳng thể tuyên dương. Chẳng có hình tượng mà đứng đầu vạn tượng. Chẳng phải pháp mà là cội nguồn vạn pháp. Thánh do vậy mà thành thánh, hiển các đức mà chẳng trụ vào đức. Phàm do vậy mà là phàm, tạo các lỗi mà chẳng nhiễm lỗi. Tình tưởng chẳng thể nghĩ; danh từ, ngôn thuyết há thể diễn tả? Mê thì trầm luân mãi trong biển khổ; ngộ bèn nhanh chóng lên tánh thiên. Nếu có thể nội chiếu phản quán, ngay lập tức thấu triệt nguồn tâm, lần lượt dùng tâm ấn tâm, khiến cho lửa hết mà củi truyền, tột cùng đời vị lai tiếp nối huệ mạng, khiến cho khắp muôn loài tận mắt thấy diện mạo trước khi sanh ra. Lại nói "thấy diện mạo trước khi sanh ra" là thấy như thế nào vậy?

(Chống trượng nói):
Ôi, sáng ra rửa mặt mò trúng mũi,
Hai lỗ hít thở ngay trên đầu!

43. Chuyện hướng thượng lìa chân lẫn vọng,
Phàm tình vốn là tạng Như Lai.
Đoạn trừ phân biệt sạch làu làu,
Liền chứng Tỳ-lô sát trần tướng.

Chuyện hướng thượng có tướng trạng ra sao? Chẳng trược, chẳng thanh, chẳng chân, chẳng vọng. Lìa trọn bốn câu, bách phi nào báng? Diệu dụng khó nghĩ, công huân lạ lùng vô lượng. Không chẳng phải không, có chẳng phải có. Trái nghịch chẳng trái nghịch, hướng về chẳng hướng về. Tâm muốn nghĩ mà quên bặt suy tưởng, miệng toan bàn mà từ ngữ mất sạch. Chỉ vì dân chúng sử dụng thường ngày mà chẳng biết, cho nên cảm chư Phật xứng tánh diễn nói. Muốn đạt được chỉ quy, cần phải thân cận bậc thầy. Tâm hãy khéo hiểu ý chỉ "dựng phất trần, giơ nắm tay". Đừng bỏ lỡ nước trôi, hoa rụng. Chạm vào mắt đều là Bồ-đề, động niệm liền thành nghiệp chướng, liền đạt được nhất tâm chẳng sanh, lục căn rỗng tuếch. Thân lẫn thế gian đều mất, rốt ráo trở về nguồn. Nhân và pháp cùng mất, triệt để thỏa đáng. Đến đấy thì trời cao biển rộng, mây tan, trăng sáng. Niết-bàn, sanh tử giống hệt như nhau. Phiền não, Bồ-đề chẳng hai tướng. Chứng thường trụ pháp thân, dứt trôi lăn trong luân hồi. Do đã được thiết tha cầu thỉnh, thấy điều nhân chẳng nhường, mỗi mỗi đều giãi bày trọn hết, ai nấy đều cúng dường trọn khắp.

(Chống trượng nói):
Ôi, đừng bắt chước nuốt trộng quả táo,
Nêu bày mùi vị cho người xem.

44. Chuyện hướng thượng nêu cao chánh lệnh,
Dẹp ma, chế ngoại, hun phàm thánh.
Vô thỉ vọng hoặc tiêu tan sạch,
Nhanh chóng khôi phục tánh chân như.

Chuyện hướng thượng toàn là nêu chánh lệnh. Diệu dụng khôi phục rộng lớn, oai lực hùng tráng. Giết, sống tự tại, như kim cang vương đao. Đẹp, xấu cách biệt vời vợi, như ma-ni, gương báu. Mũi nhọn hơi hé lộ, beo biến hình, rồng bay lên. Ánh lửa vừa nhá, chuyển phàm thành thánh. Khác nào nước chảy thành sông, giống như búng dây mực đánh dấu, thợ cưa liền xẻ thẳng gỗ. Nhanh chóng khiến cho vượt thoát căn trần, dường như không trung sương tan, trời rạng. Định tuệ viên minh, như muôn sông lặng sóng, ánh trăng bèn hiện. Do vậy, tam thừa an tâm, quần ma xin tha mạng. Trời đất trong sáng, bình yên, nước hưởng ân, dân vui mừng. Dứt luân hồi huyễn hóa, lìa hố sâu sanh tử. Luận về thể: Chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh. Tâm hành xứ diệt, ngôn ngữ dứt sạch. Bao trùm mười pháp giới vẫn còn dư, hết sạch ba đời chẳng thừa sót. Là cương tông của pháp tạng, là cốt lõi để tu trì. Đấy chính là chân tâm linh tri ly niệm của chính hành nhân, là Phật tánh tùy duyên bất biến. Chỉ vì vọng tưởng chấp trước, bao kiếp chẳng thể đích thân chứng đắc. Hãy nói xem lúc chứng là như thế nào?

(Chống trượng nói):
Ôi! Biển lặng, trời trong, trăng rạng ngần.
Khắp trời trọn đất đều thanh tịnh.

45. Hăng hái tối thắng kim cang tâm
Thọ trì Như Lai kim cang giới
Nhập lưu, quên sở chứng tịch diệt
Bao kiếp theo gót Quán Tự Tại.

Như Lai chế định giới để điều ngự chúng sanh, làm cầu bến trong biển khổ, là người khéo hướng dẫn trong đường kinh sợ. Kẻ tiểu căn nương theo, liền được lìa ác đạo, sanh lên trời, chứng chân đế, nhập niết-bàn. Người đại căn nương theo, mau chóng khôi phục vạn đức vốn có, diệt vô minh, thành Phật quả. Lô-xá-na Phật dùng giới làm thể. Do không điều ác nào chẳng hết sạch, nên gọi là tịnh;

không điều thiện nào chẳng trọn vẹn, nên gọi là mãn[109]. Cần phải biết báo thân viên mãn của mười phương chư Phật đều do nghiêm trì tịnh giới mà quyết chứng. Các ông đã là Phật tử, đã thọ Phật giới, ắt phải noi theo bậc tiên giác, nghiêm tịnh tỳ-ni (vinaya, giới luật). Thà táng thân mất mạng, chẳng để hủy phạm đôi chút thì mới thanh tịnh ba nghiệp, thành đại pháp khí. Rốt cuộc sẽ nêu gương rộng lớn cho cả tam giới, làm bậc đại đạo sư, nắm giữ kim chỉ nam cho vạn hạnh, đạt được tổng trì của pháp tạng, đoạn phàm tình để hiển thánh trí, báo Phật ân hòng độ chúng sanh.

(Chống trượng nói):
Nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ,
Tam học viên minh, hai đằng ngát thơm.

46. Vô thượng Bồ-đề, giới làm gốc.
Trì giới, khối công đức viên thành.
Vượt thoát căn trần chẳng chấp trước.
Đó gọi là trì đệ nhất nghĩa.

Đức đại giác Thế Tôn khiến cho khắp các chúng sanh khôi phục nguồn tâm vốn có, nhập cảnh giới của Phật. Từ đầu đến cuối, chỉ có giới để nương cậy. Nếu chẳng trì giới, còn chưa thể đạt được thân hữu lậu bị nghiệp trói buộc trong đường trời người, huống hồ trọn đủ các công đức, viên thành chủng trí ư? Ví như muốn trở về cố hương, chẳng có giới làm chân, sẽ chẳng thể đến. Muốn nhặt lấy các thứ báu, không có giới làm tay, sẽ chẳng thể thu hoạch. Giới là thánh dược để khử phiền hoặc. Giới là toa thuốc tốt lành nhằm diệt huyễn khổ. Giới đúng là tàu thuyền hòng thoát biển sanh tử. Giới là bậc thang để lên núi niết-bàn. Chẳng trì giới mà tu điều lành, phước hết, vẫn phải đọa lạc. Có thể trì giới để tu thiện; nhân tròn vẹn, ắt thành giác đạo. Các ông tu trì tịnh giới của Phật, gặp các cảnh duyên, ắt cần phải hiểu rõ tam luân thể không, sáu trần chính là giác. Tự nhiên căn và cảnh chẳng dính mắc, thân tâm vĩnh viễn thanh tịnh. Gần thì là ruộng phước tốt lành cho ba cõi, xa là bậc Điều Ngự của chín pháp giới.

(Chống trượng nói):
Kính tuân lời Phật dạy thanh tịnh,
Quyết thoát Sa-bà vượt muôn loài.

47. Trong đời thanh tịnh như hoa sen.
Sanh trong bùn nhơ chẳng nhiễm trần.

[109] Lô Xá Na dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tịnh Mãn.

Đối cảnh vô tâm, dứt tỳ vết.
Thấy thấu Oai Âm người chốn nào?

Hết thảy chúng sanh luân hồi lục đạo, sanh tử, tử sanh, sanh sanh tử tử trải bao kiếp dài lâu chẳng thể thoát lìa. Như con thiêu thân gieo mình vào đèn, tự bị đốt cháy. Như tằm kéo kén, tự khiến bị trói buộc. Xét đến cái nhân căn bản, đều do chẳng biết một niệm tâm tánh của chính mình vốn là Phật. Mê tâm đuổi theo cảnh, trái giác hợp trần, dấy tham sân si, tạo giết trộm dâm, đến nỗi nghiệp chất như núi, biển sanh tử sâu thăm thẳm. Đức đại giác Thế Tôn đặc biệt rủ lòng thương xót, mở ra khuôn mẫu giới rộng lớn để phổ độ quần manh. Trong kinh Phạm Võng, đức Phật đã cực lực khuyên lơn, khen ngợi: "Ông là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành." Thường tin như thế, giới phẩm đã trọn đủ. Các ông đã phát tâm Bồ-đề, thọ giới cấm của Phật, ắt đối với căn thân của hữu tình, khí giới của vô tình, biết rõ ngũ uẩn vốn là không, sáu trần như huyễn, thoát trọn vẹn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, chẳng chấp sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Do vậy một niệm chẳng sanh, ba đời đoạn dứt, diệt hết các hoặc, vạn đức phô bày trọn vẹn.

(Chống trượng nói):
Gió tuệ lùa quét sạch trời cao,
Phật nhật nghiễm nhiên chiếu hư không.

48. Vô thượng Bồ-đề, giới là gốc,
Hoa Nghiêm đại giáo nói như vậy.
Ba nghiệp thanh tịnh lìa tỳ vết,
Như lưu ly sạch đựng trăng báu.

Đức đại giác Thế Tôn xuất hiện trong thế gian, thuận theo căn cơ của chúng sanh, rộng diễn ngôn giáo. Nói giản ước, chẳng ra khỏi tam học. Tam học như thế nào? Chính là giới, định, tuệ. Giới có thể nhiếp thân, định có thể chế tâm. Chiếu lý phá hoặc, chỉ có tuệ để nương cậy. Ba pháp nương tựa lẫn nhau thì mới đạt được lợi ích to lớn. Như tay rửa lẫn nhau thì mới được thanh tịnh. Bước đầu nhập môn, giới trọng yếu nhất. Dẫu đạt đến rốt ráo, cũng chẳng lìa bỏ. Giới là pháp giới, thống nhiếp các pháp. Do vậy biết: thiền chính là giới, giới chính là thiền. Không chỉ phân chẳng thể phân, mà hợp cũng chẳng thể hợp. Vì thế kinh Phạm Võng nói: "Chúng sanh thọ giới của Phật, liền dự vào địa vị của chư Phật." Các vị đã thọ Phật giới, ắt phải nghiêm trì, hệt như dùng phao nổi để vượt biển, chẳng dám để hư hoại chút nào. Thoạt đầu giữ thân chẳng làm, kế đó giữ cho tâm chẳng khởi. Do vậy ba nghiệp thanh tịnh, ba đức phô bày trọn vẹn, chứng Vô sanh nhẫn, lên địa vị Bất thoái, mới biết tự tâm vốn là Phật, chỉ vì vọng tưởng,

chấp trước trải nhiều kiếp chẳng thể chứng đắc. Hãy nói khi chứng đắc thì sẽ như thế nào?

(Chống trượng nói):
Mây tan, trăng lộ, trời biếc rạng.
Cấu trừ, sáng đến, gương báu ngời!

49. Thế gian vạn tượng thảy đều không
Diệu tánh viên minh lìa đầu cuối
Nghiêm tịnh tỳ-ni chẳng hủy khuyết
Kham thừa Phật tổ cổ gia phong.

Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng. Chúng sanh chẳng hiểu rõ, hư vọng dấy lên chấp trước. Thuận cảnh thì tham, nghịch cảnh bèn sân. Trong cảnh trung dung mà vẫn ngu si. Do tham sân si, tạo giết trộm dâm. Hễ mê bèn vĩnh viễn mê từ kiếp này sang kiếp khác. Luân hồi sáu nẻo, trọn chẳng có thuở thoát ra. Do bởi duyên ấy, cảm Phật thương xót, giơ cao lưới giới, theo chiều dọc dựng trọn khắp pháp tràng, khiến cho chúng sanh giữ miệng, nhiếp thân, đoan tâm, chánh niệm. Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Lại dạy phản quán nội chiếu, thấu hiểu tự tánh thấy nghe hay biết. Sức tột bậc, công tinh thuần, phá toang phiền hoặc kiến, tư, vô minh chìm đắm, mới biết tứ đại vốn là không, ngũ uẩn chẳng phải có. Ngã còn trọn chẳng thể được, cảnh lại do đâu mà phát sanh? Từ đấy sáu căn thanh tịnh, tam đức viên minh. Chẳng chấp vào hai bên, chẳng ở nơi trung đạo. Khế nhập tánh giới vô tác, chuyển nguyện luân vô trụ, khiến cho khắp pháp giới hữu tình đều cùng lên bờ kia tỳ-ni.

(Chống trượng nói):
Siêng thọ ba-la-đề-mộc-xoa,
Liền sanh đại giác pháp vương gia.

50. Túc căn gieo sâu chẳng chuyển dời
Chẳng nhiễm trần duyên, kết Phật duyên
Giới kiểm nghiêm minh, chuộng rộng tiến
Khác nào riêng có một tầng trời!

Diệu tánh viên minh vốn chẳng sanh diệt. Hư linh thấu triệt rỗng rang, lặng trong, thường hằng. Vốn lìa danh xưng "phàm, thánh", há có chuyện sanh tử? Hiềm rằng chúng sanh mê trái bổn tâm, hư vọng dấy lên phân biệt. Do vậy, khởi hoặc tạo nghiệp, luân hồi sáu nẻo. Đại giác Thế Tôn thương xót các hàm thức ấy đã ôm báu như ý mà cam chịu bần cùng. Do vậy, vận lòng từ vô duyên rộng lớn,

khởi đại bi đồng thể, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng chánh giác, mở pháp hội Phạm Võng cao cả, để nêu ra khuôn phép xuất thế tốt lành. Trên thì nhiếp thọ thánh nhân tam thừa, dưới nhiếp thọ lục đạo phàm phu. Bất luận tăng, tục, nam, nữ, thiên, tiên, quỷ, súc, phàm là kẻ có tín tâm đều dạy họ thọ trì. Dẫu táng thân mất mạng, chẳng dám sai phạm chút ít. Thoạt đầu là do ngăn ngừa sai trái mà cấm ngăn điều ác. Kế đó là đoạn hoặc chứng chân, khôi phục cái tâm vốn sẵn thanh tịnh, hoàn phục tánh diệu giác viên minh. Đó chính là đại ý vì sao đức Thế Tôn chế giới, Phật tử trì giới vậy. Các ông đã thọ Phật giới, ai nấy hãy gắng lên!

(Chống trượng nói):
Họ là trượng phu, ta cũng thế.
Chẳng nên tự khinh mà thoái khuất.

51. Giới: Thuyền chở người vượt biển khổ
Như vượt sóng cả đến bờ kia
Tam nghiệp tinh thuần chẳng hủy phạm
Siêu phàm nhập thánh cứ ngao du.

Như Lai do một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời. Vừa mới thành Chánh giác, liền chế giới pháp ba-la-đề-mộc-xoa để hun đúc phàm thánh, phạm vi bao gồm khắp chín pháp giới, khiến cho hữu tình trong khắp pháp giới cùng thành vô thượng giác đạo. Do vậy kinh Phạm Võng dạy: "Chúng sanh thọ giới của Phật, liền dự vào địa vị của chư Phật, địa vị đã đồng đại giác, là Phật tử thật sự." Do vậy biết, một pháp "giới luật" trên thì là tam hiền, thập thánh[110] nương vào đó để phá sạch vô minh, vào biển trí của Phật; dưới thì lục đạo tam đồ nương vào pháp này để nhanh chóng lìa quả khổ, vĩnh viễn dứt cái nhân gây khổ. Đúng là chiếc thuyền từ trong biển khổ, là bè báu nơi bến mê, là đạo trọng yếu để thoát sanh tử, là phương kế to tát để chứng tịch diệt. Nếu thân ý nghiệp có thể sạch tợ băng sương, hễ đã thọ rồi, vĩnh viễn chẳng hủy phạm. Lại còn thương mình, xót người, tổn mình, tổn người, phát tứ hoằng nguyện rộng lớn, tu khắp lục độ, cạn khô biển phiền não, vào biển trí tuệ, lìa cái thân trói buộc bởi nghiệp, chứng thân thanh tịnh. Phàm là kẻ có tâm đều có thể kham làm Phật. Phật tử thọ giới, ai nấy hãy nên y giáo tu tập.

(Chống trượng nói):
Lò luyện to lớn chẳng phí vàng.

---

[110] Tam hiền là ba mươi địa vị Bồ-tát gồm Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng. Thập thánh chính là mười địa vị Bồ-tát từ Sơ Địa cho đến Thập-địa.

Thánh phàm đều khôi phục sơ tâm.

52. Tội từ tâm khởi, dùng tâm sám.
Khi tâm đã diệt, tội cũng mất.
Tâm, tội, cả hai chẳng thể được.
Thấy thấu tự tánh đại pháp vương.

Tâm vốn thanh tịnh, do mê muội mà ngược ngạo trở thành nguồn ác. Thân kham chở đạo, do vọng niệm mà trở thành rừng tội. Do vậy, đối với sáu trần cảnh, dấy tâm điên đảo, chẳng hiểu rõ "vốn là không". Hư vọng sanh tham đắm, hệt như voi cuồng chẳng câu thúc. Vượn, khỉ trèo lên cây, nhảy nhót, quăng, bắt, chẳng thể ngăn cấm được. Đại giác Thế Tôn do bởi duyên ấy, chế ra giới luật, khiến cho họ thọ trì, sám trừ tội khiên trước kia, như giặt áo cũ; vun bồi hạt giống trí tuệ cho tương lai, như gieo hạt thóc ngon. Do nhiếp thân mà dần dần đạt đến lắng lòng, từ trói buộc mà chuyển thành giải thoát. Do vậy biết căn và trần cùng nguồn, trói buộc và giải thoát chẳng hai. Có thể trì giới thì nơi nơi giải thoát, chẳng trì giới thì niệm nào cũng bị trói buộc. Trói buộc và giải thoát đều cùng là sáu căn, chỉ phân thành "mê, ngộ, trì, phạm" đó thôi! Đó gọi là "tâm, Phật, chúng sanh, cả ba chẳng sai biệt. Mê và ngộ cách biệt như trời cách biệt đất". Bậc có trí lẽ đâu chẳng dùng bát-nhã rất sâu, chiếu kiến ngũ uẩn đều không, hòng cầu độ tận hết thảy khổ ách, mau chóng thành vô thượng giác đạo ư?

(Chống trượng nói):
Diễn-nhã[111] nhanh khỏi bệnh cuồng đầu.
Trì giới công đức chẳng thể lường.

53. Tam giới oai lực há thể lường,
Hay chuyển ba độc thành ba đức.
Phật trí toàn là tâm chúng sanh,
Ngược dòng bèn độ chẳng cùng cực!

Tâm tánh của chúng sanh và Phật chẳng hai. Do mê muội nên hư vọng dấy lên vô minh. Do tham sân si mà tạo giết trộm dâm, trả thù lẫn nhau, trôi lăn trong sanh tử. Thoắt thăng thoắt giáng, trồi lên hụp xuống, đã trải bao kiếp lâu xa, chẳng thể thoát lìa. Đức Phật Thế Tôn ta là đại y vương, trị các thứ tâm bệnh của trọn khắp chúng sanh. Tâm bệnh dẫu nhiều, tam độc làm gốc. Chỉ có ba giới này có thể dẹp trừ hết sạch. Thọ *luật nghi giới*, nghiêm trì chẳng phạm, chế ngự tam độc,

[111] Theo kinh Lăng-nghiêm, chàng Diễn-nhã-đạt-đa soi gương, trông thấy đầu mình bèn sợ hãi phát cuồng.

chẳng cho chúng dấy lên hiện hành. Chế ngự lâu ngày, cái tâm định, đạt được *định cộng giới*. Do định lực, chế phục hoặc chẳng khởi. Sức giới định sâu xa, đắc *đạo cộng giới*. Đoạn hoặc chứng chân, nhập lưu, vong sở. Từ đó trở đi, chỉ tiến chẳng lùi, nhanh chóng khôi phục bổn tâm, viên thành Phật quả. Đã viên thành Phật quả, thường hưởng tam đức cho đến cùng tột đời vị lai, vô cùng, vô cực. Tam độc hay tam đức, chỉ là một cái tâm này. Mê bèn thành độc, ngộ thì thành đức. Đạo có cách xa ư? Đụng chuyện bèn ngộ lẽ chân. Thánh xa vời ư? Thấu hiểu thì tâm bèn lãnh hội. Nếu các vị có thể như vậy, khắc cốt minh tâm, chẳng lìa một niệm hiện tiền, bèn chứng thân Pháp Vương.

(Chống trượng nói):
Giới kiểm nghiêm tịnh như băng sương.
Vô biên nhiệt não thảy thanh lương.

54. Vô thượng Bồ-đề, giới làm nhân.
Hay chuyển phàm thân thành Phật thân.
Tâm, tánh vốn sẵn chẳng hai thể.
Tùy duyên chuyển biến chỉ do người.

Tâm thuật vô thường, thuận theo hay trái nghịch bất định. Tập thói ác thì dễ, tập điều lành thì khó. Nhướng mắt dõi trông, toàn là bỏ gốc đuổi theo ngọn. Giữ lòng khăng khít, đi ngược dòng trở về nguồn. Vì thế nói: *"Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi"* (Lòng người biến đổi vô thường, đạo tâm nhỏ bé). Chẳng có khuôn phép để hướng dẫn, uốn nắn, ắt nhân dục (lòng ham muốn của con người) ngày càng lừng lẫy, nguy ngập trọn chẳng thể yên; thiên chân ngày một tối tăm, đã ít ỏi lại còn chẳng gìn giữ. Vì thế đức Phật xuất thế, điều ngự chúng sanh, dùng giới luật để nhiếp thọ, ngõ hầu họ sẽ tuân theo quy củ, dùng quả báo để dạy dỗ, khiến cho họ hướng cát, tránh hung. Ngũ giới, thập thiện, mở rộng nẻo nhân thiên. Tứ hoằng, lục độ, mở toang cửa niết-bàn. Do vậy biết giới là chỗ y chỉ của chúng sanh, là tàu thuyền trong biển khổ. Khai - giá – trì - phạm, treo gương sáng trong ruộng tâm; cử động, nói năng, giữ ý địa trong ngần! Thường ôm lòng hổ thẹn, chẳng tự thụt lùi. Trong thì tôn trọng linh tánh của chính mình, ngoài thì ngưỡng mộ chư thánh. Từ đó khôi phục nguồn tâm vốn có, thành vô thượng đạo. Dùng lợi ích trì giới để độ hết chúng sanh trái nghịch giới. Các ông ai nấy hãy nên tinh tấn, chẳng phụ cái tâm ban đầu.

(Chống trượng nói):
Phật và chúng sanh vốn y hệt.
Do trái nghịch giới, khác vời vợi!

55. Vô tác giới thể, sanh, Phật đồng,
Phật thì giác ngộ, chúng sanh mê.
Một niệm hiện tiền lìa năng sở,
Lập tức viên thành Phật Bồ-đề.

Vô tác giới thể vi diệu không chi sánh. Tâm chẳng thể nghĩ, miệng chẳng thể tính. Chứa đựng mười phương mà vẫn thừa, tột cùng ba đời chẳng hề sót. Ngước lên nhìn càng thêm cao, chẳng thấy đỉnh. Thăm dò càng thêm sâu, khó lường tận đáy. Giới là bổn sư của chư Phật, là từ mẫu của Bồ-tát. Ai nấy đều trọn đủ, ai nấy đều nương cậy. Hình tích còn chẳng có, há có sanh tử? Chỉ vì một niệm thuở đầu bất giác, đến nỗi bỗng dưng chạy theo cảnh mê lý. Do vậy vọng tưởng bùng dậy, nhân ngã nhanh chóng dấy lên. Trong tâm kết tham, sân, si, ái chẳng ngớt, ngoài thì hành giết, trộm, dâm, vọng chẳng thẹn. Vì thế, thoắt thăng thoắt giáng, luân hồi dài lâu trong sáu nẻo. Thoạt chìm thoạt nổi, trọn chẳng dựa nương. Như Lai xem các chúng sanh đều như con đỏ, giơ tay dìu dắt, cứu thoát khỏi nước lửa, ngõ hầu họ đoạn ái kiến trần tình, nhận lãnh khuôn khổ tam quy ngũ giới thơm thảo. Do giới sanh định, do định phát tuệ. Định tuệ viên minh, đích thân thấy chính mình. Như thế thì không chỉ chẳng cô phụ sự giáo hóa của đức Phật, mà còn chẳng phụ linh tánh của chính mình. Lại còn có thể hướng dẫn chúng sanh, làm sứ giả của Như Lai. Hãy nói xem: Làm như thế nào để thấy chính mình?

(Chống trượng nói):
Nơi chốn dương xanh kham buộc ngựa.
Nhà nhà có nẻo thấu Trường An.

56. Có tuệ, không phước, tuệ chẳng thật.
Có phước, không tuệ, phước chẳng thuần.
Phước tuệ đầy đủ thành Chánh giác.
Phước tuệ đều không, mãi trầm luân!

Muốn thành vô thượng giác đạo, ắt phải trọn đủ phước tuệ. Muốn được phước tuệ trọn đủ ắt cần phải vào căn nhà tịnh giới đẹp đẽ. Pháp môn vô lượng, chẳng ra ngoài lục độ. Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, năm độ ấy được gọi là phước đức xuất thế. Một độ bát-nhã được gọi là trí tuệ xuất thế. Năm độ như mù, bát-nhã như người dẫn đường. Năm độ chẳng có bát-nhã sẽ trở thành phước đức trụ tướng, chỉ đạt được tiểu quả nhân thiên, chẳng thể rốt ráo đến bờ kia, chẳng được gọi là ba-la-mật. Bát-nhã như tâm, năm độ như thân. Bát-nhã chẳng có năm độ, dẫu có giác chiếu, trọn chẳng thể thực hiện, cũng chẳng thể rốt ráo đạt tới bờ kia, chẳng được gọi là ba-la-mật. Sáu độ giúp lẫn nhau, pháp nào

cũng đạt tới bờ kia. Như hai tay rửa lẫn nhau, mỗi tay đều được sạch sẽ. Một độ trì giới, thông trước gồm sau, càng thiết yếu! Do chư Phật có thể trì giới, phước tuệ trọn đủ, chứng niết-bàn rốt ráo. Do lục phàm chẳng trì giới, phước lẫn tuệ hoàn toàn chẳng có, trầm luân trong sanh tử ác đạo. Muốn thoát trần lụy, giới là bậc nhất. Phật tử các ông, hãy nên nỗ lực!

(Chống trượng nói):
Phước tuệ chưa từng lìa đương niệm.
Trì, phạm vốn chỉ tại nhất tâm.

57. Tự tâm thanh tịnh trọn vô trần.
Phàm càng tăm tối, thánh càng mới.
Nếu chịu nghiêm trì giới của Phật.
Mây trôi, sương tan, thấy thiên chân.

Chân nguyên trong lặng, biển giác lặng trong. Vốn chẳng có đầu mối năng và sở, há có dấu tích phàm hay thánh? Nhưng bỗng dưng tình sanh, ngẫu nhiên thất niệm, đến nỗi sóng thức dấy trào, rúng động chân nguyên. Sóng vọng ùa khởi, cuộn trào biển giác. Từ đó, xuôi theo dòng, quên trở về, trái nghịch trí, rong ruổi mãi, chìm nổi theo sanh tử, tham nhiễm nơi thanh sắc. Do hướng về hay trái nghịch sai khác, đến nỗi có quả báo trong mười pháp giới. Do mê muội sâu hay cạn, bèn chia thành thăng trầm trong sáu nẻo. Muốn quay về cội, trở về nguồn, cần phải chuyên chú chế ngự tình, diệt vọng. Phương pháp chế phục và diệt trừ, không gì bằng trì giới. Chẳng trì giới, dẫu sẵn có thánh trí, toàn thể biến thành phàm tình. Có thể trì giới, sẽ chẳng lìa phàm tình mà thẳng thừng thành tựu thánh trí. Ví như nước kết thành băng, băng tan thành nước. Băng và nước cùng một tánh ướt, nhưng đông cứng hay tuôn chảy bất đồng, do tùy theo duyên khác nhau mà có lạnh hay nóng mỗi thứ mỗi khác. Hiểu điều này, sẽ nghiêm trì tịnh giới, trái trần, xuôi theo giác, như chôn cất cha mẹ, như cứu đầu cháy, dẫu ngàn vị thánh cùng nhau kéo lại, vẫn buông tay tiến lên trước, chẳng ngó lại. Các Phật tử thọ giới ai nấy hãy nên nỗ lực.

(Chống trượng nói):
Căng lưới giới làm mẫu cho đời.
Biển khổ vô biên cạn khô sạch!

58. Tứ hoằng, tam tụ nghĩa vô biên.
Nhiếp trọn pháp môn chẳng thể nói.
Ba đời Như Lai từ đó có.

Do trì hay phạm, chia thánh phàm.

Đức Phật nói hết thảy các pháp để đối trị hết thảy các tâm. Tâm bệnh của chúng sanh vô lượng, pháp dược của Như Lai cũng vô lượng. Nhưng nêu tổng quát đại cương, nói theo lẽ trọng yếu thì tam tụ tịnh giới, tứ hoằng thệ nguyện thâu nhiếp không gì chẳng tận. Ví như trăng mọc giữa trời, in khắp muôn sông, xuân về trên đại địa, trăm loài cỏ cây đều tươi tốt. Nay vì các vị, gộp chung lại để nói rõ tam tụ là gì? Thứ nhất là *luật nghi giới*, không ác nào chẳng đoạn, tức là hoằng thệ thứ hai, "phiền não vô tận thệ nguyện đoạn". Thứ hai là *nhiếp thiện pháp giới*, không điều thiện nào chẳng tu, tức hai hoằng thệ thứ ba và thứ tư, tức "pháp môn vô lượng thệ nguyện học" và "Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành". Thứ ba là *nhiếp chúng sanh giới*, không chúng sanh nào chẳng độ, tức hoằng thệ thứ nhất, "chúng sanh vô biên thệ nguyện độ". Chỉ với tam tụ và tứ hoằng thệ ấy, diệu pháp độ sanh của mười phương ba đời chư Phật không gì chẳng lưu xuất từ pháp giới này, không gì chẳng trở về pháp giới này. Đúng là cương tông của Phật pháp, là khuôn phép để nhập đạo. Bỏ pháp này thì thánh chẳng có phương cách tiếp dẫn, chúng sanh chẳng thể độ, phàm phu dứt bặt con đường tu tập, Phật chẳng do đâu mà thành!

(Chống trượng nói):
Thập thánh còn tuân nghĩa như thế,
Lục phàm dám vượt kế lành ư?

59. Trì giới chắc chắn thoát vòng khổ.
Giống hình với bóng chẳng chia lìa.
Bốn tướng nhân ngã gột trừ sạch.
Quyết chứng chân thường pháp tánh thân.

Giới chính là nền tảng ban đầu để nhập đạo, là trận đầu để khử ác, là rìu sắc để chặt cây phiền não, là thần đan chữa lành bệnh sanh tử. Mười phương chư Phật nương vào đấy để chứng Bồ-đề. Hết thảy Bồ-tát do vậy mà được giải thoát. Vô tận pháp tạng, hễ nêu lên một pháp, sẽ gồm thâu toàn thể. Thông trên thấu dưới, khôn sánh khôn tày. Pháp môn mầu nhiệm, không chi hơn được. Đó gọi là "vi trần Phật, một nẻo niết-bàn môn". Quá khứ chư Như Lai do môn này mà thành tựu. Các vị Bồ-tát trong hiện tại, nay mỗi vị đều nhập viên minh. Người học đạo trong tương lai, hãy nên nương vào pháp như thế. Luận khít khao tánh thể, chúng sanh và Phật vốn đồng, do mê hay ngộ mà khác biệt, vì trì hay phạm mà phân chia rạch ròi. Trì giới thì là thánh, phạm giới thì là phàm. Đó là vì chúng sanh hễ tình kiến sanh thì trí bị ngăn cách, do tưởng biến đổi mà thể khác biệt. Bên ngoài

thì hư vọng thấy núi sông, đại địa, sáng tối, sắc không. Trong thì hư vọng thấy tứ đại, ngũ uẩn, thấy nghe hay biết. Ví như hễ mắt có màng mộng, sẽ thấy hoa đốm rơi loạn xạ. Do chẳng hiểu ngay nơi bản thể chính là không, cho nên phải luân chuyển nhiều kiếp dài lâu. Các ông muốn khôi phục bổn tâm, thẳng thừng khế hợp quả giác, chỉ nên kính cẩn tuân phụng tỳ-ni, nghiêm trì chẳng trái phạm. Tự nhiên mò được lỗ mũi vốn có trước khi được mẹ sanh ra. Hãy nói là như thế nào vậy?

(Chống trượng nói):
Mấy chỗ cùng hô, mấy chỗ ứng.
Một phen gặp gỡ, một phen thân.

60. Nghiêm tịnh tỳ-ni, đạo hiếu thịnh.
Tâm trí gieo sâu nơi Phật thừa.
Thế gian, xuất thế đều y chỉ.
Muôn vàn sai khác thảy đều thông.

Thế gian và xuất thế gian, không gì chẳng lấy hiếu làm gốc. Muốn trọn hết đạo hiếu, ắt cần phải nghiêm trì tịnh giới, bởi đó là đạo trọng yếu trong đức tột cùng, Nho lẫn Thích cùng đề cao. Đời này đời sau, lợi ích khác biệt. Đoán trước ý để làm vui lòng cha mẹ, chăm chút phụng dưỡng, dốc cạn sức mình khiến cho cha mẹ vui lòng. Chẳng nhuốm bẩn bản thân, chẳng nhục lây cha mẹ. Lập thân hành đạo, nêu danh cho đời sau, hòng cha mẹ nở mày nở mặt. Đạo hiếu trong thế gian chỉ là như thế mà thôi!

Nếu trong khi chăm chút phụng dưỡng, khéo léo, uyển chuyển, gợi mở, dẫn dụ tâm ý cha mẹ, khiến cho họ quy y tam bảo, trai giới, niệm Phật. Lúc sống thì phụng dưỡng tấm thân ấy, mất rồi bèn hướng dẫn linh hồn, khiến cho cha mẹ thần siêu Tịnh vực, nghiệp giũ sạch trần lao, nở hoa sen thượng phẩm, được Phật thọ ký ngay trong một đời. Đấy chính là lòng hiếu thế gian mà kiêm lòng hiếu xuất thế. Đó chỉ là luận định hạn cục xét theo lẽ phụng dưỡng cha mẹ. Nếu có thể thọ trì giới cấm của Phật, kính cẩn vâng giữ chẳng phạm, đừng làm các điều ác, vâng hành các điều thiện, nương theo ngôn giáo của Phật, tự hành, dạy người, khiến cho khắp mọi người đoạn hoặc chứng chân, siêu phàm nhập thánh. Đó gọi là rốt ráo hiếu thuận cha mẹ, sư tăng, tam bảo, chính là lòng hiếu đến tột cùng. Hành hiếu như thế sẽ mau chóng thành Phật. Phàm những ai có tâm, ai nấy đều nên gắng công!

(Chống trượng nói):
Hiếu đạo nếu hay hành như thế,

Kham gọi chẳng thẹn đấng sanh ta!

61. Toàn thể ngũ giới là ngũ thường,
Hệt hai tấm gương chiếu sáng nhau.
Tuy nói giáo lý chia thông, cục,
Đều dẫn quần mê về cố hương.

Ý chỉ chánh yếu của ngũ giới chẳng khác ngũ thường; nhưng sự chế định của chúng có thân sơ, lợi ích có xa gần khác biệt. Nếu gộp lại để nói thì không giết là nhân, chẳng trộm tức là nghĩa, chẳng tà dâm tức là lễ, chẳng nói dối tức là tín, không uống rượu thì tâm chẳng tối tăm, tinh thần sáng suốt, ý chẳng loạn, chí ngưng lặng, tức là trí. Nếu nói tường tận, Nho là bậc quân tử thịnh đức, nhưng xa lìa bếp núc. Tuy nói "dân là ruột thịt của ta, loài vật và ta như nhau", nhưng miệng vẫn thích ăn loài vật, vẫn thường ăn thịt mà tâm tình thoải mái, chẳng sanh lòng đau thương. Phật thì từ lớn tới bé, hữu hình, vô hình, phàm những gì có tâm đều khiến cho được sống yên vui. Sống thì chẳng nỡ lòng tổn thương, chết thì hướng dẫn sao cho thoát khổ. Xa là tháo gỡ trói buộc của nghiệp quá khứ, vun bồi sẵn huệ căn cho vị lai. Dạy người khác trì giới, chính là thoạt đầu kiềm chế cái thân chẳng làm. Kế đó, chế ngự không cho tâm dấy lên, dần dần đạt tới tình kiến nhân ngã đều không, năng lẫn sở cùng diệt, phá sạch vô minh, khôi phục tâm tánh vốn có, xé rách lưới trần lao, vào cửa giải thoát. Có thể nói tam giới đại sư, tứ sanh từ phụ, thánh trong các thánh, trời trong các trời, đức vượt càn khôn, ân sâu biển thẳm. Giới không sát sanh đã là như thế, những giới còn lại có thể suy luận tương tự. Trừ kẻ nhất-xiển-đề, có ai nghe thấy mà chẳng tin nhận?

(Chống trượng nói):
Phật ân trải kiếp chẳng tuyên nói.
Dạy sơ đầu mối để thương mình.

62. Hổ thẹn là mặc áo nhẫn nhục,
Muốn chứng pháp thân chớ tạm lìa.
Vạn hạnh do đây đều trọn đủ,
Chóng thành vô thượng Phật Bồ-đề.

Tín, giới, văn, xả, tuệ và tàm, quý được gọi là *thất thánh pháp tài*, thật sự thuộc về đạo trọng yếu để xuất trần. Năm món trước là tài, hai món sau là người giữ "tiền tài" ấy. Tài mà chẳng có người giữ, sẽ lập tức mất mát. Vì thế, hai pháp tàm và quý càng thiết yếu. Tàm chính là trong tâm tự cảnh giác, kiêng dè, tôn trọng linh tánh của chính mình. Quý là tuân theo cảnh hạnh bên ngoài để hướng

dẫn mình, ngưỡng mộ chư thánh. Cừ Bá Ngọc tuổi đã 50, biết 49 năm trước sai trái. Khổng tử lo lắng chính mình đức chẳng tu, học chẳng giảng, nghe đạo nghĩa mà chẳng thể thực hiện, chẳng thể sửa đổi điều bất thiện. "Bốn điều đừng" (tứ vật)[112] của Nhan Uyên, ba lượt phản tỉnh[113] của Tăng tử, Mạnh tử nói "con người chẳng thể không hổ thẹn". Thánh hiền thế gian không ai chẳng dốc sức nơi đây! Kinh Di Giáo dạy: *"Tàm sỉ chi phục, ư chư trang nghiêm, tối vi đệ nhất"* (Trong các thứ trang nghiêm, áo hổ thẹn là bậc nhất). Tàm như cái móc sắt, có thể chế ngự điều phi pháp của con người. Vì thế thường phải nên hổ thẹn, chớ nên tạm rời. Nếu lìa hổ thẹn, sẽ đánh mất các công đức. Kinh Niết-bàn dạy: *"Thế gian hữu nhị chủng kiện nhi. Nhất giả, bất tự tác tội; nhị giả, tác dĩ năng hối"* (Thế gian có hai loại người dũng mãnh: Một là chẳng tự mình tạo tội, hai là đã tạo mà có thể sám hối). Do vậy biết trọn đủ hổ thẹn thì phiền não hoặc nghiệp sẽ thẳng thừng tiêu trừ, công đức trí tuệ mau được viên mãn. Khế nhập giới thể vô tác, chứng thanh tịnh pháp thân. Các ông nếu có thể thường giữ lòng hổ thẹn, nghiêm trì tịnh giới, thì lợi ích vô biên sẽ tự chứng biết.

(Chống trượng nói):
Nhờ Phật giáo hóa, chứng linh tánh.
Toàn nhờ hổ thẹn để nêu gương.

63. Pháp ngữ thượng đường khi phương trượng của Bạch Vân Quán ở kinh đô là Cao Nhân Động[114] cúng trai tăng một ngàn vị

Tam giáo vốn cùng một cội nguồn,
Đừng nên mờ mịt chỗ căn nguyên.
Một vầng trăng sáng chiếu trời thẳm,
Vạn nước ngàn sông, bóng hiện tròn.

---

[112] Theo sách Luận Ngữ, thiên Nhan Uyên có nói: *"Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động"* (Điều phi lễ chớ nhìn, chuyện phi lễ chớ nghe, điều phi lễ chớ nói, chuyện phi lễ chớ làm).

[113] Thiên Học Nhi trong sách Luận Ngữ chép: Tăng tử nói: *"Ngô nhật tam tỉnh ngô thân, vị nhân mưu nhi bất trung hồ? Dữ bằng hữu giao, nhi bất tín hồ? Truyền bất tập hồ?"* (Ta hằng ngày ba lượt phản tỉnh thân mình, mưu tính cho người khác có trung thực hay không? Chơi với bạn bè có giữ chữ tín hay không? Được dạy bảo có tu tập hay không?)

[114] Cao Nhân Động (?-1907), pháp danh là Minh Động, tự Vân Khê, hiệu Thọ Sơn Tử, quê ở Tế Ninh, tỉnh Sơn Đông, là Phương Trượng đời thứ 12 của Bạch Vân Quán ở Bắc Kinh. Bạch Vân Quán chính là một trong ba đại tổ đình của Toàn Chân đạo Long Môn phái (tức chi phái Toàn Chân giáo do Trường Xuân Tử Khưu Xứ Cơ sáng lập). Đạo quán này được thành lập dưới đời Nguyên. Thoạt đầu, đây là Thiên Trường Quán, do Khưu Xứ Cơ tu ở đó, nên Thành Cát Tư Hãn hạ chiếu đổi tên thành Trường Xuân Cung. Sau khi Khưu Xứ Cơ chết, đại đệ tử là Doãn Chí Bình kiến lập Bạch Vân Quán ở phía Đông cung ấy.

Nay có vị đạo hữu hộ pháp phương trượng của Bạch Vân Quán ở kinh đô là ông Cao Nhân Động lãnh thọ chân truyền của ngài Trụ Hạ[115], là lãnh tụ của huyền môn, giữ ngôi phương trượng của Bạch Vân, là chỗ quy y của giới hoàng quan[116], muốn tham bái đức Phổ Môn nên đến triều bái danh sơn bậc nhất. Để rộng kết các duyên, do vậy cúng trai tăng một ngàn vị. Lại do tâm mong đạo lớn, chí tại lợi người, ân cần thỉnh sơn tăng thăng tòa thuyết pháp, muốn khiến cho đại chúng đều biết: Giáo tuy có ba, đạo vốn chẳng hai. Sơn tăng chẳng khỏi làm phiền mộc thượng tọa[117] vì đại chúng chỉ ra (nâng gậy chống nói): Đại chúng nhìn xem, vật này là Nho ư, là Đạo ư, là Thích ư? Nếu có thể ngay lập tức hiểu rõ, nhân lẫn ngã đều cùng trừ sạch, chuyện tham học đã xong! Một còn chẳng thể được, ba lại do đâu mà lập? Nếu như chưa thấu hiểu, chẳng khỏi dây cà dây muống một phen. Đạo chẳng có hình tướng, như xuân về hoa nở trên cành. Người có đây kia, như gương cổ chứa đựng hình tượng. Tuy vạn tượng đều khác, nhưng vốn đều được chứa đựng trong một tấm gương. Dẫu ngàn hoa đua sắc, nhưng vốn do cùng một khí sanh trưởng. Toàn bộ nhiều chính là một, toàn thể biệt chính là đồng. Hiểu rõ điều này, pháp nào cũng viên thông, chuyện nào cũng đều là đạo. Từ sáng tới tối, cử động nói năng, không gì chẳng phải là đạo thường hằng của Lão tử, là đạo chí thành của Khổng tử, giống như đạo "chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật" của tổ Đạt-ma đến từ trời Tây. Tuy vậy, ông Cao là bậc đầy bản lãnh đã thông thạo một mối, chẳng ngại tiến cao hơn một bậc nữa. Hãy nói khi kính rỗng, hoa rụng thì sẽ lại như thế nào? Hãy thử nêu một câu chuyển ngữ xem sao? (Hồi lâu sau mới nói):

Bạch vân hiện bóng vị tiên nhân,
Quạt lụa hồng cầm che ngang mặt.
Gấp nên chú mục nhìn tiên nhân,
Đừng ngắm chiếc quạt trong tay ngài.

64. Pháp ngữ thượng đường khi ông Thịnh Cung Bảo cúng trai tăng một ngàn vị *(nhằm cầu thọ)*

---

[115] Tương truyền, trước khi bỏ chức quan cưỡi trâu xanh đi về phía Tây, Lão tử giữ chức quan của Trụ Hạ sứ (柱下使, tức Ngự sử đại phu), cho nên Trụ Hạ thường là danh xưng để gọi Lão tử.

[116] Hoàng quan (黄冠) có nghĩa là cái mũ có màu vàng. Trong một số nghi lễ của Đạo giáo, đạo sĩ phần nhiều đội mũ màu vàng khi cúng bái nên gọi là "hoàng quan".

[117] Tức là thiền trượng. Vì khi nói pháp ngữ, vị thiền chủ thường dùng thiền trượng để giơ lên hay giộng xuống nhằm biểu thị thiền ý.

Thánh triều ca ngợi bậc hiền thần[118],
Lo liệu trong ngoài vận nước yên.
Xưa được Như Lai từng phó chúc,
Mãi vì phạm vũ giữ yên bình.

Nay có người quê ở vùng… thuộc huyện Vũ Tấn, phủ Thường Châu, tỉnh Giang Tô, sống tại vùng miếu… thuộc huyện Thượng Hải, phủ Tùng Giang của tỉnh nhà, là vị tín chủ quan viên hộ pháp, đảm nhiệm chức nghị hòa khâm sai đại thần, trông coi tu bổ đường sắt, tức đại nhân Hạnh Tôn Thịnh Cung Bảo, đọc sách học đạo, thường ôm lòng Y Lữ[119] sâu xa, cai trị bằng lòng nhân, tạo lập công nghiệp rộng lớn như Chu Thiệu[120], hòa hợp trong ngoài nước để phò tá kim luân, tạo phước cho dân đen, đốc thúc tu bổ đường sắt. Đã gieo cội gốc từ xưa, cảm bổng lộc và chức vị cao quý tột bậc, tiếp tục tu phước nhân, nguyện tuổi thọ chẳng có hạn lượng, cầu cho gia đạo được hưởng tốt lành, chúc nước nhà an khang. Vì thế sai quý sứ đến núi dâng hương, cúng dường đức Đại sĩ Phổ Môn, trai tăng một ngàn vị tăng-già, cung cấp chi dụng cho trọn khắp các tĩnh thất, khiến cho ngôi phạm vũ càng được tỏa sáng rạng ngời. Khẩn khoản thỉnh sơn tăng thăng tòa thuyết pháp. Sơn tăng chẳng tránh khỏi làm phiền mộc thượng tọa thừa dịp chỉ bày. (Giơ gậy chống nói): "Đã thấy hay chưa?" (giộng gậy nói): "Đã nghe hay chưa?" Mọi người nếu đỉnh đầu có mắt, đối với chuyện này sẽ thấy nghe thân thiết, há chỉ đặc biệt thẳng thừng khế nhập Phật tâm, mà còn tiếp nối huệ mạng của Phật bao kiếp, nhanh chóng thấu hiểu tự tánh, hoằng dương Thiền đạo trong tương lai, mới biết ông Thịnh thọ bằng hư không, xưa nay luôn thường hằng chẳng diệt, trí vượt hơn nhật nguyệt. Hễ hiểu rõ tối tăm, sẽ chẳng mê muội. Các người cộng sự thân thiết đều thành nhân tài cho nước nhà, con cháu đều hành xử làm khuôn mẫu cho cõi đời, lại còn khiến cho dân Trung Hoa và ngoại quốc đều cùng hưởng nhiều phước, trong ngoài nước cùng thu nhận ngàn điều tốt lành. Vương đạo thênh thang, ai nấy đều tuân hành. Chẳng dấy động can qua (chẳng phát động chiến tranh), ngồi hưởng thái bình. Hãy nói một câu cuối cùng làm như thế nào đây?

(Chống trượng nói):

---

[118] Nguyên văn *"ngu đình tăng vịnh cổ quăng lương"*. Vua Ngu Thuấn được coi là bậc thánh quân đời cổ, do đó chánh quyền của nhà vua được gọi là Ngu Đình. Về sau, từ ngữ này được mở rộng thành ý nghĩa "triều chánh tốt đẹp, thịnh trị, cai trị bằng nhân ái". *"Cổ quăng lương"* là hàng bầy tôi đắc lực, hiền năng.

[119] Y Lữ tức là hai bậc hiền thần nổi danh thời cổ, tức Y Doãn đời Thương và Lữ Thượng (Lã Thượng, Khương Tử Nha) thời Chu.

[120] Tức Chu Công Đán và Thiệu Công Thích, hai ông này đều là bậc hiền thần phò tá Chu Thành Vương.

Ứng hiện thân tể quan,
Rộng phát tâm Bồ-đề.
Muốn chứng vô lượng thọ,
Hãy nghe ngược tánh nghe.

65. Pháp ngữ thượng đường dành cho Trương Trấn Đài thuộc huyện sảnh của tỉnh nhà

Nhiều đời gieo sâu mạ thiện căn,
Chống đỡ pháp môn và thánh triều.
Nếu hỏi "Tây lai"[121] đệ nhất nghĩa,
Xin xem nắng sớm rực mây hồng.

Nay có vị quan viên tín chủ hộ pháp thuộc bổn sảnh là vị Tổng nhung[122] đại nhân Trương Liên Thắng và phu nhân Lý Thị, cùng với thiếu gia… đến núi dâng hương, đảnh lễ Đại sĩ Viên Thông. Trên là chúc vận mạng quốc gia hưng thịnh, an lành, khởi lập đạo tràng Thủy Lục để cầu siêu cho cha mẹ, họ hàng, đặc biệt sắm sửa *như ý đại trai* cúng khắp tăng chúng để rộng kết duyên lành. Khẩn khoản thỉnh sơn tăng thăng tòa tuyên dương đệ nhất nghĩa đế. Sơn tăng chẳng khỏi tùy cơ chỉ dạy, lên tòa giảng giải. Còn như Tổng nhung vốn văn thông võ giỏi, làm rường cột bảo vệ, lòng tinh trung chói lòa nhật nguyệt, hạo khí lấp trời đất. Quân oai thấu đến nơi xa, họa loạn tiêu mất khi chưa manh nha. Hãy nói xem là sức của ai khiến thành ra như thế? Nếu có thể nhận biết, thì người đã khuất mau lên Tịnh độ, chính mình phước thọ dài lâu. Lan quế sum suê dưới thềm, cha con cùng phục vụ cho minh quân. Dẫu chẳng biết, minh châu vẫn trong chéo áo y như cũ; thấy sắc nghe tiếng rõ rành rành. Chống đất nâng trời ngang vũ trụ, công huân cõi đời chẳng thể lường. Tuy là như thế, do trai tăng bèn vui mừng chúc tụng một câu là như thế nào vậy?

(Chống trượng nói):
Thái bình vốn do tướng quân định,

---

[121] Tức công án nổi tiếng của nhà Thiền *"vân hà tổ sư Tây lai ý"* (như thế nào là ý của tổ sư từ trời Tây đến Trung Hoa?)

[122] Tổng nhung (總戎) là danh xưng chung để gọi người nắm quyền chỉ huy quân sự tại một địa phương thời cổ. Đời Đường, Tổng nhung là danh xưng chỉ Tiết độ sứ (節度使, quyền oai rất lớn), nhưng đến đời Thanh thì Tổng nhung chỉ là Tổng binh (總兵, chỉ huy quân sự cấp huyện hoặc thị sảnh, hoặc hương trấn). Do ở đây, ông Trương được gọi là Trấn đài (鎮臺), tức chỉ là chức quan Tổng binh của một hương trấn thuộc huyện Định Hải. Đôi khi Tổng nhung chỉ có nghĩa là "chỉ huy" hoặc "cầm quân", như trong phần Vũ Đế Kỷ của sách Chu Thư chép: *"Đế tổng nhung bắc phạt"* (Vua đích thân cầm quân chinh phạt phương Bắc).

Vui được tướng quân hưởng thái bình.

Xét ra huyện Định Hải vào đời Thanh được gọi là Định Hải Sảnh, núi Phổ Đà thuộc vào Định Hải, nên nói "bổn sảnh" tức là nói về Định Hải vậy *(Ngày 30 tháng đầu mùa đông năm Mậu Tuất, Huệ Dung ghi).*

66. Pháp ngữ thượng đường dành cho Trấn Đài X… thuộc bổn sảnh

Thơ vịnh hộ thành, ngăn kẻ xấu.
Oai trấn bốn phương, giữ nước nhà.
Lại còn một điều rất kỳ đặc,
Lòng son ủng hộ pháp vương gia.

Nay có vị quan viên hộ pháp thuộc bổn sảnh, tức vị đại nhân X… là Tổng nhung trong quân đội, trước kia do có chuyện đến núi đảnh lễ Đại sĩ Phổ Môn, cầu cho bờ cõi nước nhà an ninh. Lại muốn rộng kết duyên lành, cúng dường khắp các đại chúng. Do công vụ chẳng rảnh rỗi, liền ngồi thuyền đi ngay. Nay phu nhân là bà X…. lại đến dâng hương, đặc biệt xếp đặt trai soạn để bổ sung cho nguyện trước. Khẩn khoản thỉnh sơn tăng thăng tòa thuyết pháp.

(Giơ trượng lên, nói): Đây là đao giết người, là gươm cứu sống người. Quân đội nương vào sức ấy, thân làm lá chắn, bảo vệ hoàng triều. Quân oai vang dội thấu nơi xa, tiêu họa loạn khi còn chưa manh nha. Phu nhân nương theo sức ấy, chí ngưỡng mộ đấng Đại Giác, chuyên dốc tu tịnh nghiệp, làm bậc mẫu nghi trong chốn khuê phòng, làm bậc thầy khuôn mẫu cho nữ giới. Phật pháp và quân pháp vốn chẳng hề hai. Thất niệm và đắc niệm, vốn là nhất tâm. Nếu có thể nhất tâm niệm Phật, vọng niệm ngay lập tức diệt trừ, tự nhiên chẳng vướng bận mảy may, muôn điều lo nghĩ hoàn toàn tiêu trừ. Ngũ uẩn không tịch, sáu căn thanh tịnh, đoạn tam hoặc, thành tựu tam-muội, vạn thiện trọn mà vạn đức phô bày toàn vẹn, cũng giống như tính toán đúng lẽ, chế ngự địch đúng cách, quân đội sẽ đao chẳng nhuốm máu, ngoài đồng chẳng phải đốt lửa truyền tin. Tự nhiên kẻ đầu sỏ trao đầu, lũ hùa theo thói ác sẽ quay về nương náu. Toàn thể kẻ giặc cướp cừu oán đều thành con đỏ, bọn phản nghịch đều trọn thành dân lành. Pháp chẳng có tướng nhất định, gặp duyên liền đề cao.

Thấu hiểu thì chuyện gì cũng là đạo, pháp nào cũng đều thật. Đao giết người, kiếm cứu người, hai đằng vốn chẳng mâu thuẫn! Hãy tham cứu cặn kẽ chuyện nhấc lên, bỏ xuống; sắc trước, thanh sau thường hiển hiện. Tuy vậy, do trai tăng mà vui mừng khen ngợi một câu là như thế nào vậy?

(Chống trượng nói):

Tướng quân, chủ soái thường tỉnh táo.
Chẳng động can qua, vững thái bình.
Can gián, mưu toan[123] phò thánh chúa.
Sẵn sàng ra sức[124] giúp dân đen!

67. Pháp ngữ thượng đường dành cho ông Hà Minh Phủ ở Quang Châu, tỉnh Hà Nam cầu thọ cho cha mẹ *(cha con đều cùng làm Tri huyện)*

Chu Tứ[125] nguồn sâu thấu Ngân Hán[126].
Chưa gõ cửa Thiền há tri âm?
Tánh và thiên đạo nơi tiếp xúc,
Hiếu tâm tha thiết là Phật tâm.

Nay có vị tín chủ là quan viên hộ pháp là ông Hà, vì cầu cho cha là X… và mẹ là Y… núi thọ cao chót vót, biển phước rộng sâu, tước vị tăng cao, thân tâm khỏe mạnh, an vui, chẳng ngại trèo núi vượt biển đến lễ Đại sĩ Phổ Môn, chí thành khẩn thiết, nhiều phen chúc thọ, mong tam bảo rủ lòng từ mẫn, mau được cảm thông. Lại đặc biệt sắp đặt cỗ chay thơm thảo, rộng kết duyên lành, khẩn khoản thỉnh sơn tăng thăng tòa thuyết pháp. Sơn tăng đẹp lòng vì họ hiếu tâm chân thật thiết tha, chẳng thể không đến đây để chỉ dẫn lẽ hướng thượng. Hiếu kinh dạy: *"Phù hiếu, thiên chi kinh dã, địa chi nghĩa dã, dân chi hạnh dã"* (Hiếu là đạo lý to lớn của trời, là nghĩa của đất, là hạnh của dân). Kinh Phạm Võng dạy: *"Hiếu danh vi giới, hiếu danh chế chỉ, hiếu thuận chí đạo chi pháp"* (Hiếu gọi là giới. Hiếu được gọi là ngăn dứt, chế ngự. Hiếu thuận là pháp chí đạo). Do vậy biết một niệm hiếu tâm này thấu suốt xưa nay, bao trùm hư không, bất sanh bất diệt, không khởi đầu, chẳng kết thúc, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng, mê bèn oan uổng luân hồi trong sáu nẻo, ngộ thì mau chóng chứng viên thông, có phạm vi

---

[123] Nguyên văn *"bổ cổn, điều canh"* (補衮調羹): "Bổ cổn" là can gián khi vua phạm lỗi lầm. "Điều canh" nghĩa đen là nêm nếm cho canh có vị ngon lành, nghĩa bóng là châm chước, toan tính sao cho mọi việc êm đẹp, đúng mực, thích đáng.

[124] Nguyên văn *"vi lâm tác tiếp"* (爲霖作楫, làm mưa dầm, làm mái chèo) vốn là thành ngữ dùng để ca ngợi bậc hiền thần có tài giúp vua trị nước an bình, thịnh vượng. Điển tích này xuất phát từ truyện Phó Duyệt trong sách Thượng Thư. Khi vua Vũ Đinh nhà Thương chiêu mộ được Phó Duyệt, đã phong ông làm Tể tướng, căn dặn: *"Triêu tịch nạp hối, dĩ phụ đài đức. Nhược tế cự xuyên, dụng nhữ tác châu tiếp. Nhược tuế đại hạn, dụng nhữ tác lâm"* (Sáng tối ta nghe lời ông khuyên răn để giúp tăng phẩm đức của chính mình. Như vượt sông lớn, dùng ông làm mái chèo. Nếu gặp năm hạn hán to lớn, dùng ông làm mưa dầm).

[125] Chu Tứ tức là Chu Thủy và Tứ Thủy là hai con sông lớn tỉnh Sơn Đông. Nước Lỗ xưa thuộc tỉnh Sơn Đông. Hai con sông này bắt nguồn từ huyện Tứ Thủy chảy lên Bắc liền hợp lưu thành một, đến huyện Khúc Phụ (quê hương của Khổng tử) bèn tách thành hai dòng. Vì thế, cổ nhân hay dùng chữ Chu Tứ để nói đến Khổng tử.

[126] Ngân Hán, tức Ngân Hà.

bao trùm trời đất, là hóa công tạo ra vạn tượng. Nếu có thể hiểu biết, không chỉ đích thân thấy thọ lượng của cha mẹ dài lâu như trời với đất, phước trạch của cha mẹ như non cao, biển rộng, lại còn khiến cho tâm pháp của Khổng tử muôn đời thường sáng ngời, huệ mạng của Như Lai trải trần kiếp vĩnh viễn tiếp nối. Trên là báo trọng ân của vua và cha mẹ, dưới là mở lối cho dân đen nhiều phước, còn ngại ngần gì nữa chăng?

(Chống trượng nói):

Trống rền, chuông vọng, tiếng inh tai.
Nắm tay, dựng phất, ngó chằm chằm.
Tâm pháp Như Lai vốn chẳng ẩn.
Thấy nghe chồng chất vốn vì ông!

IV. LUẬN VĂN

Giải trừ nghi hoặc về chuyện Trầm Hà Sanh sanh Tây

(Đại sư Ấn Quang bình luận, Trầm Thọ Nhân ghi lại)

Hết thảy mọi việc trong thế gian và xuất thế gian đều do nội nhân và ngoại duyên mà được thành tựu. Đứa trẻ Hà Sanh đời trước cố nhiên là có thiện căn. Nếu chẳng nhờ cha nó dạy niệm Phật cầu sanh Tây Phương, và nghe sẵn lợi ích do trợ niệm khi lâm chung, chắc chắn nó sẽ khó thể chánh niệm rạng rỡ, niệm Phật ra đi. Do hễ cảm thấy đau đớn, khổ sở khó thể chịu đựng, nếu gặp phải quyến thuộc chẳng biết nặng nhẹ, ắt sẽ đau đớn, thương tiếc, an ủi, phá hoại chánh niệm của người sắp mất. Phàm tình đã dấy lên, Phật niệm liền diệt mất. Lúc ấy tột bậc khẩn yếu! Người tu tịnh nghiệp hãy nên nói sẵn [với quyến thuộc những điều này]. Chắc là có người cho rằng một đứa trẻ non nớt, niệm Phật chưa được bao lâu, sao có thể vãng sanh? Cần phải biết: Vãng sanh Tây Phương hoàn toàn cậy vào Phật lực. Nếu có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, mười niệm vẫn có thể được vãng sanh; huống hồ Hà Sanh theo đuổi tịnh nghiệp đã hơn một năm ư?

Bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật được chép trong kinh Vô Lượng Thọ, nguyện thứ 18 là: "Nếu có chúng sanh chí tâm tin ưa, muốn sanh về cõi ta, dẫu chỉ mười niệm, mà nếu chẳng sanh về, chẳng giữ lấy ngôi Chánh giác." Nguyện thứ 19 là: "Nếu có chúng sanh phát tâm Bồ-đề, tu các công đức, chí tâm phát nguyện, muốn sanh về nước ta. Khi lâm chung, giả sử ta chẳng cùng đại chúng vây quanh, hiện ra trước người ấy, chẳng giữ lấy ngôi Chánh giác." Nguyện thứ 20 là: "Nếu ta thành Phật, mười phương chúng sanh nghe danh hiệu của ta, hệ niệm cõi ta, gieo các cội đức, chí tâm hồi hướng, muốn sanh về cõi ta, nếu chẳng được toại nguyện, chẳng giữ lấy ngôi Chánh giác." Dùng ba nguyện ấy để xét, biết Phật niệm chúng sanh còn hơn chúng sanh niệm Phật! Phàm người lâm chung nếu trọn đủ lòng thành "tín nguyện niệm Phật cầu vãng sanh", lại được sức trợ niệm đôn đốc, nhắc nhở của quyến thuộc, ngay trong lúc Phật rủ lòng từ tiếp dẫn ấy, nếu chẳng có quyến thuộc tối tăm, ương bướng, không hiểu biết phá hoại, chắc chắn có thể cậy vào Phật lực, mang nghiệp vãng sanh. Vì thế chẳng cần phải luận định tu trì lâu hay mau! Mười niệm còn vãng sanh, huống hồ đứa bé ấy đã niệm Phật hơn một năm ư? Huống hồ nó được quyến thuộc và chư tăng giúp đỡ ư?

Như người rơi xuống biển, bỗng có thuyền đến cứu. Có người giúp thì lên được thuyền; có kẻ phá hoại, vẫn rơi xuống biển. Sanh tử tồn vong, chỉ trong khoảng chớp mắt. Đối với chuyện được giúp hay bị phá hoại khi lên thuyền đã

chẳng nghi, sao lại ngờ vực chuyện được trợ niệm hay bị phá hoại vậy? Sanh nghi đối với chuyện này tức là chẳng tin lời Phật; dẫu có sức tu trì sâu xa, vẫn khó vãng sanh. Vì lẽ nào vậy? Do có nghi tình ấy, sẽ chẳng tương ứng với Phật. Đã chẳng tương ứng với Phật, sao có thể nương vào từ lực của Phật cho được? Phàm là người tu tịnh nghiệp ắt phải hiểu sâu xa nghĩa này, vậy thì mới chẳng cô phụ ân Phật, chẳng khiến cho nguyện của chính mình hư luống vậy!

Giải thích đại lược về tam chuyển tứ đế pháp luân

Đầu tiên là *thị tướng chuyển* (示相轉, chuyển pháp luân bằng cách dạy về tướng trạng của tứ đế), tức là nói: "Đây là khổ, có tánh chất bức bách. Đây là tập, có tánh chất chuốc vời. Đây là diệt, có tánh chất có thể chứng. Đây là đạo, có tánh chất có thể tu." Hai là *khuyến tu chuyển* (勸修轉, chuyển pháp luân bằng cách khuyên tu), nói: "Đây là khổ, ông hãy nên biết. Đây là tập, ông hãy nên đoạn. Đây là diệt, ông hãy nên chứng. Đây là đạo, ông hãy nên tu." Ba là *tác chứng chuyển* (作證轉, chuyển pháp luân bằng cách làm chứng), tức là nói: "Đây là khổ, ta đã biết. Đây là tập, ta đã đoạn. Đây là diệt, ta đã chứng. Đây là đạo, ta đã tu."

Khuyên người niệm Phật cầu sanh Tây Phương, cốt sao đơn giản, rõ ràng, thẳng chóng, cố nhiên chẳng cần dẫn tràn lan sang pháp môn tứ đế, nhưng muốn chỉ bày sự khó dễ giữa hai thứ liễu sanh thoát tử cậy vào tự lực hoặc nương vào Phật lực, đặc biệt mượn chuyện này để làm căn cứ so sánh giữa đôi bên. Đã biết nghĩa này, ai chịu bỏ Phật lực để chuyên cậy vào tự lực nữa ư? Nay giải thích đại lược nghĩa ấy, phần văn từ so sánh sẽ nói kèm thêm vào phần giải thích ý nghĩa ấy. Tam chuyển tứ đế pháp luân chính là khi đức Phật mới thành Chánh giác, nơi vườn Lộc Dã, vì những người đã theo ngài tu đạo như Kiều-trần-như, Át-bệ, Bạt-đề, Thập-lực-ca-diếp, Câu-lợi mà nói pháp môn này. Họ nghe xong, đều đắc quả A-la-hán. Tăng bảo vì thế bèn hiện hữu trong thế gian. Tứ đế là bốn pháp khổ, tập, diệt, đạo đều chân thật, chẳng hư giả, trọn chẳng có ý nghĩa sai lầm. "Chuyển" có nghĩa là lần lượt truyền dạy. "Luân" là thí dụ, ví như bánh xe trong cõi đời có thể nghiền nát, hoặc vận chuyển các vật. Đức Phật dùng pháp này nói với chúng sanh, chúng sanh nương theo đó tu tập, sẽ có thể phá trừ phiền não hoặc nghiệp. Đó là ý nghĩa "nghiền nát". Hoặc nghiệp đã phá, liền có thể đích thân chứng đế lý niết-bàn bất sanh bất diệt, tức là ý nghĩa "chuyên chở". Do vì các nghĩa ấy, bèn gọi là "pháp luân".

Đầu tiên là thị tướng chuyển, tức là trước hết chỉ dạy tánh tướng ấy như thế nào, khiến cho người nghe biết lẽ lợi hại, sẽ quyết định giữ lấy hay bỏ đi. Đấy là

khổ, có tánh chất bức bách. Chữ "đấy" là nói đến các khổ quả phải hứng chịu, nghĩa là sắc thân chánh báo này và y báo quốc độ. Nay nói theo sắc thân, hễ có sắc thân này, liền có tám loại khổ như sanh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly (yêu thương mà phải chia lìa), oán tăng hội (oán ghét mà cứ phải gặp gỡ), cầu bất đắc (cầu chẳng được), ngũ ấm xí thịnh khổ (năm ấm lừng lẫy). Tám loại khổ ấy, phú quý hay nghèo hèn đều cùng có. Huống hồ ai nấy do nghiệp riêng mà cảm vời sự khổ riêng biệt. Do các nỗi khổ ấy, bức bách, não loạn thân và tâm, khiến cho suốt một đời người chẳng được tự tại.

Đấy là tập, có tánh chất cảm vời. Chữ "đấy" nhằm nói đến hai thứ kiến hoặc và tư hoặc, chính là căn bản của sanh tử, danh tướng rất nhiều, chẳng rảnh để nói tường tận được. Nói ước lược, tức là gặp cảnh bèn dấy lên tham sân si và tham sân si dấy lên khi không thấy cảnh. Phiền não tuy nhiều, nhưng ba món tham sân si đã gồm trọn chẳng sót. Tập có nghĩa là "tụ tập". Do có hai loại hoặc ấy cho nên có thể tụ tập hết thảy các phiền não, chuốc vời hết thảy khổ báo. Do khởi các tâm thiện ác v.v. sẽ tạo các nghiệp thiện ác v.v.. Hễ có nghiệp ắt phải hứng chịu báo ấy. Vì thế luân hồi dài lâu trong đường thiện, nẻo ác của tam đồ lục đạo, bao kiếp chẳng thể thoát ra.

Đấy là diệt, có tánh chất có thể chứng. Tức là diệt các thứ khổ tập trên đây, sẽ đạt được lý thể bất sanh bất diệt. Do tu đạo giới định tuệ cho nên đoạn được cái nhân của sanh tử là tham sân si. Từ đấy chẳng còn hứng chịu khổ quả luân hồi sanh tử, chứng niết-bàn bất sanh bất diệt. Vì thế gọi là diệt. Diệt có nghĩa là "không có". Đã chẳng có sanh thì cũng chẳng có diệt. Bất sanh bất diệt, cưỡng gọi là diệt. Ví như mây mù ngăn chướng hư không, một trận gió mạnh vừa thổi, mây mù tiêu trừ. Hư không vốn sẵn có do vậy bèn hiện ra. Khi mây mù ngăn chướng, hư không vốn chưa từng diệt. Khi mây mù tiêu tan, hư không vốn chưa từng sanh. Bản thể của hư không cố nhiên là thường hằng bất biến, tướng "sáng, tối, thông, tắc" của nó quả thật khác biệt một trời một vực. Hiểu rõ điều này mà chẳng phát tâm tu *đạo* hòng chứng *diệt*, chẳng có lẽ ấy! Lý này, ai nấy đều có. Nếu chịu tu đạo, chẳng có ai không đạt được. Vì thế nói là "có tánh chất có thể chứng".

Đấy là đạo, có tánh chất có thể tu. Chữ "đấy" chính là nói về giới định tuệ. Do Phật pháp tuy vô lượng vô biên, nhưng ba môn giới định tuệ đã thâu nhiếp không gì chẳng tận. "Đạo" có nghĩa là "có thể thông", ý nói: Nương vào đạo giới định tuệ để tu ắt sẽ có thể đoạn cái nhân của sanh tử là tham sân si, chẳng hứng chịu cái quả sanh tử luân hồi trong tam đồ lục đạo, đích thân đắc niết-bàn bất sanh bất diệt vốn sẵn có trong tự tâm, nhưng đạo giới định tuệ ấy cũng sẵn có trong tự

tâm. Chẳng tu thì trọn chẳng phải là ta có, tu thì cố nhiên chẳng do bên ngoài tới. Vì thế nói là "có tánh chất có thể tu". Bốn loại pháp ấy đều là nêu ra cái quả trước, sau đó chỉ bày cái nhân. Khổ là quả của tập, tập là cái nhân của khổ. Diệt là cái quả của đạo, đạo là cái nhân của diệt. Nói như thế khiến cho họ biết khổ mà đoạn tập, hâm mộ diệt mà tu đạo.

Điều thứ hai là khuyến tu chuyển. Đã biết tánh tướng, lợi hại, nếu chẳng chân thật tu trì sẽ chẳng thể đạt được lợi ích, xa rời họa hại. Vì thế khuyên rằng: "Đây là khổ, ông nên biết. Đây là tập, ông nên đoạn. Đây là diệt, ông nên chứng. Đây là đạo, ông nên tu." Do muốn lìa khổ quả, trước hết phải đoạn cái nhân là tập, muốn chứng lý diệt, trước hết phải tu đạo phẩm.

Điều thứ ba là tác chứng chuyển. Do trước khi đức Phật xuất thế, trọn chẳng có nghĩa này; nay tuy nói ra, sợ còn hoài nghi. Vì thế dẫn sự từng trải của chính mình để làm chứng cứ, bèn nói rằng: "Đây là khổ, ta đã biết. Đây là tập, ta đã đoạn. Đây là diệt, ta chứng. Đây là đạo, ta đã tu." Muốn biết đường dưới núi, phải hỏi người đã từng đi qua. Đức Phật là người từng trải, lời của ngài chắc chắn đáng nương cậy. Vì thế, năm vị ấy nghe xong đều chứng quả A-la-hán. Năm vị ấy túc căn đã chín muồi, lại được oai thần của Phật gia bị, cho nên có thể được như thế.

Nếu xét bất cứ sự chứng đắc theo đường lối thông thường nào, sự khó dễ khác biệt rất xa. Vì bậc Sơ quả đã đoạn kiến hoặc, vẫn cần phải bảy lượt sanh lên trời, bảy lượt trở lại nhân gian mới chứng Tứ quả. Nhị quả thì một lần sanh trời, một lần trở lại nhân gian mới chứng Tứ quả. Tam quả thì trải qua tất cả các cõi trời thuộc Ngũ Bất Hoàn Thiên[127] mới chứng Tứ quả. Hoặc có vị trải qua Tứ Không Thiên[128], cố nhiên chẳng dễ tính nổi số lượng năm tháng ấy. Sơ quả, Nhị quả, Tam quả còn phải tốn thời gian lâu dài như thế, thì kẻ chưa đoạn kiến hoặc sẽ

---

[127] Ngũ Bất Hoàn Thiên (Śuddhāvāsa) còn gọi là Ngũ Bộ Tịnh Cư Thiên, bao gồm năm tầng trời cao nhất của trời Sắc giới, tức trời Vô Phiền (Avṛha), trời Vô Nhiệt (Atapa), trời Thiện Kiến (Sudṛśa), trời Thiện Hiện (Sudarśana), trời Sắc Cứu Cánh (Akaniṣṭha). Đây là nơi cư ngụ của các vị thánh nhân Nhị thừa đã đoạn chín phẩm tư hoặc trong Dục giới, chứng Tam quả trở lên.

[128] Tứ Không Thiên (còn gọi là Tứ Vô Sắc Xứ) là các cõi trời thuộc Vô sắc giới, bao gồm:

1. Trời Không Vô Biên Xứ (Ākāśānantyāyatana): Đây là trụ xứ của người chứng vô sắc định do tu vô biên vô tế không quán.

2. Trời Thức Vô Biên Xứ (Vijñānānantyāyatana): Trụ xứ của người tu vô biên vô tế tâm thức quán, chán lìa vật chất ngăn ngại của cảnh giới bên ngoài.

3. Trời Vô Sở Hữu Xứ (Ākiṃcanyāyatana): Đã phủ định cảnh giới bên ngoài, lại còn phủ định tâm thức trong nội tâm, tư duy hết thảy các thứ trong ngoài đều vô sở hữu, tu vô sở hữu quán.

4. Trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ (Naivasaṃjñānāsaṃjñāyatana): Đây là cảnh giới cực tịnh cực diệu của người tu không thiền. Do chẳng có hết thảy các thứ thô tưởng nên gọi là phi tưởng. Do vẫn còn có tế tưởng, nên gọi là phi phi tưởng.

càng khó khăn gấp bao nhiêu lần! Huống chi quả A-la-hán vẫn thuộc về Tiểu thừa, cách biệt địa vị Bồ-tát rất xa. Nếu có thể hồi tiểu hướng đại thì mới có thể nhập địa vị Bồ-tát, tiến tu dần dần cho đến khi thành Phật. Xét theo sự tự lực tu trì đạo giới định tuệ để liễu sanh tử thì khó khăn đúng là như lên trời. Do vậy, Như Lai đặc biệt mở ra một pháp môn "tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ" để các vị Bồ-tát đã chứng Đẳng giác cũng như phàm phu tạo ác nghiệp đều cùng vãng sanh Tây Phương trong đời hiện tại. Luận định theo giáo lý thông thường, phàm phu trọn đủ hoặc nghiệp, trọn chẳng có phần liễu sanh tử. Chỉ có pháp môn Tịnh độ, nếu có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, kiền thành trì Phật hiệu, sẽ có thể nương vào từ lực của Phật, mang nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh ắt hoặc nghiệp cũng chẳng thể có, do cảnh duyên của Tây Phương thù thắng như lò luyện to, mảy tuyết chưa đến nơi, đã tan mất. Cũng như kiếp hỏa thiêu đốt thế giới, tro cũng chẳng còn. Phật lực, pháp lực, chúng sanh tâm lực, ba thứ ấy đều chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, pháp môn đặc biệt này đã đem lại lợi ích đặc biệt.

Cần phải biết pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn vô thượng để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thành tựu từ lúc tu nhân cho đến khi chứng quả. Cõi đời lắm kẻ quen thói chẳng quan sát, cho rằng pháp này vì kẻ ngu phu ngu phụ mà lập ra, tự cho rằng chính mình là bậc trí tuệ, chẳng chịu tùy thuận tu tập, nhường cho ngu phu ngu phụ cậy vào Phật lực, vãng sanh Tây Phương, liễu thoát sanh tử, siêu phàm nhập thánh. Kẻ tự cho mình là bậc trí tuệ, trí lực vẫn chẳng thể đả động hoặc nghiệp! Chưa đoạn hoặc nghiệp, sẽ chẳng thể không hướng đến tam đồ lục đạo thọ sanh. Đã ở trong tam đồ lục đạo ắt sẽ khác biệt người hạ hạ phẩm vãng sanh Tịnh độ há chỉ một trời một vực, huống hồ so với bậc thượng thượng phẩm ư? Ngu phu ngu phụ cố nhiên là có thể coi thường, nhưng ngu phu ngu phụ niệm Phật cầu sanh Tây Phương, há có thể xem thường ư? Coi thường tức là khinh thường pháp để mười phương chư Phật phổ độ thượng thánh hạ phàm, tự lầm lầm người cũng to tát lắm thay! Chẳng đáng sợ sao? Chẳng đáng kiêng dè sao?

(Chép từ bộ Trùng Đính Tây Phương Công Cứ năm 1930)

Bài văn phổ khuyến kính tiếc giấy có chữ và tôn kính kinh sách

Người sống trong thế gian, cái giúp cho thành đức, đạt tài, kiến lập công nghiệp, cho đến có một tài, một nghề để nuôi thân và gia đình, đều là do sức chủ trì của văn tự giúp cho được thành tựu. Chữ viết là của báu cùng tột trong thế gian, có thể khiến cho kẻ phàm thành thánh, kẻ ngu thành trí, kẻ nghèo hèn thành phú quý, người bệnh tật được an khang. Đạo mạch của thánh hiền được lưu truyền thiên cổ, chính mình và gia đình kinh doanh, truyền lại cho con cháu, không gì

chẳng nhờ vào sức của chữ viết. Giả sử cõi đời chẳng có chữ, ắt hết thảy sự lý đều chẳng thành lập, mà con người cũng chẳng khác cầm thú. Chữ đã có công sức như thế, cố nhiên nên trân trọng, yêu tiếc. Trộm thấy người hiện thời tùy ý khinh nhờn, đúng là coi vật chí bảo giống như cặn bã, có lẽ nào chẳng bị chiết phước, giảm thọ trong đời hiện tại, đời sau là kẻ vô tri vô thức ư? Lại nữa, không chỉ chữ hữu hình chẳng thể khinh nhờn vứt bỏ, mà chữ vô hình càng chớ nên khinh nhờn vứt bỏ! "Hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", nếu không tận lực thực hành, sẽ là đã đánh mất tám chữ ấy. Đã đánh mất tám chữ ấy thì sống là loài cầm thú mặc áo, đội mũ, chết đọa vào tam đồ ác đạo, chẳng đáng buồn ư?

Hơn nữa, nhà Nho trong thời cận đại thảy đều chẳng biết kính trọng sách, hoặc bỏ nơi giường, chỗ ngồi, hoặc dùng để gối đầu, hoặc dùng lời giáo huấn của thánh nhân để bỡn cợt, hoặc dùng các lời khuôn phép của cổ thánh tiên hiền để chứng minh chuyện thô bỉ, hoặc giận dữ quăng sách xuống đất, hoặc tiêu tiểu mà vẫn đọc sách. Đủ loại khinh nhờn, chẳng thể nêu trọn! Không chỉ sau khi đại tiểu tiện, nhất loạt chẳng rửa tay, ngay cả đêm ngủ với vợ cũng chẳng rửa tay mà đã cầm sách. Do vậy, bậc chân Nho ngày một hiếm hoi, thế đạo ngày một chìm đắm. Nếu dùng thói quen ấy để xem kinh Phật, sẽ chưa đạt được lợi ích, mà đã mắc họa trước, đáng đau xót sâu xa! Khẩn cầu nam nữ tín tâm, ai nấy hãy chú ý tôn kính kinh điển. Ngay như nói đến sách Nho thì cũng là khuôn mẫu tốt lành "cách vật trí tri, chánh tâm, thành ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", há nên mặc sức khinh nhờn? Khinh nhờn tức là tự vứt bỏ bản thân ra ngoài "minh minh đức, chỉ ư chí thiện" (làm sáng tỏ đức sáng, đạt tới điều tốt lành tột bậc). Kinh Phật nói về nhân quả ba đời của chúng sanh và Phật, phàm phu luân hồi lục đạo, phương pháp để trái nghịch trần lao, xứng hợp giác ngộ, và đạo siêu phàm nhập thánh, so với sách Nho chỉ nói tới đời hiện tại, chẳng nói đến quá khứ và vị lai, chỉ coi trọng thân hình, chẳng trọng tâm tánh, thì càng thiết yếu hơn trăm ngàn vạn lần. Cứ theo thói quen mà đọc sách Nho chẳng hề tôn kính, còn mắc đại tội! Nếu dùng thói quen ấy để đọc kinh Phật, tội càng chẳng to lớn hơn ư? Nếu có thể dốc cạn lòng thành, trọn hết lòng kính thì tội nghiệp sẽ ngày một tiêu, phước tuệ ngày một tăng. Gần là vãng sanh Tây Phương trong đời hiện tại, xa là trong tương lai viên thành Phật đạo. Tôi nguyện các đồng nhân tiếp nhận lời quê kệch này thì lợi ích trong đời hiện tại và vị lai, ai nấy sẽ đều đích thân nhận lãnh!

Phủ quyết bài luận "Nhất Tâm Niệm Phật Liền Được Vãng Sanh" của pháp sư Thủ Bồi

Tôi trộm cho rằng: Trong thế giới thuộc đời mạt pháp, trong Thiền, Giáo, Luật, thật sự khó có ai có thể đoạn hoặc chứng chân, ngay trong thân hiện tại mà

có thể thoát khỏi sanh tử luân hồi, bởi cậy vào tự lực. Chỉ có pháp môn Tịnh độ, bất luận thượng trung hạ căn, chỉ cần trọn đủ tín nguyện đều có thể vãng sanh, do cậy vào Phật lực. Nhưng bài luận Nhất Tâm Niệm Phật Liền Được Vãng Sanh của pháp sư Thủ Bồi thoạt đầu nói: *"Tín, nguyện, niệm như ba chân của cái đỉnh, khuyết một chẳng thể được chính là lời nói của cổ nhân nhằm phù hợp căn cơ một thuở, chẳng phải là lời nói thông thường. Nhưng người thời nay chấp chặt, tức là cam lộ ngược ngạo trở thành độc dược."* Như thế thì ông ta đã coi các ngôn luận hoằng dương Tịnh độ của Phật và các vị đại tổ sư Đông Độ đều là độc dược! Vì sao vậy? Vì khiến cho người ta sanh lòng tin quyết định.

Sau đó lại nói: *"Niệm Phật nhất định phải sanh lòng tin, phát nguyện. Chẳng có tín nguyện, sẽ chẳng thể! Nếu phát khởi tín nguyện, nhất định phải niệm Phật, chẳng niệm Phật sẽ không được! Như thế thì có khác gì dựa theo một toa thuốc nhất định để chữa bệnh, khó tránh khiến cho người khác bị lỡ làng. Linh đan, diệu dược thì người bệnh nên uống, bệnh đã hết thì chẳng uống nữa. Kẻ chẳng bệnh, tuy có diệu dược, chớ nên uống!"* Nếu đúng như ông ta nói, đức Phật và các vị tổ sư, thiện tri thức Tây Thiên, Đông Độ đều là hạng lang băm hại người. Người bệnh thì uống, người không bệnh chớ nên uống; thử hỏi ai là người không bệnh? Ngài Phổ Hiền dùng "mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc" để dạy Thiện Tài là bậc đã chứng bằng với chư Phật, cũng như khuyến tấn trọn khắp Hoa Tạng hải chúng. Do họ đều chưa lìa bệnh hoàn toàn, cho nên dạy họ uống thuốc. Nay pháp sư Thủ Bồi dạy đức Phật, hay là dạy chúng sanh trong chín pháp giới vậy? Nếu là dạy Phật thì Quang là kẻ ngu độn, kém cỏi, chẳng thể hiểu được! Nếu dạy chín pháp giới, chẳng tương phản với đức Phật, Phổ Hiền và các vị thiện tri thức ư? Kiểu ăn nói đao to búa lớn ấy, ông X… còn chẳng cho là sai mà còn đăng tải, sợ rằng sẽ chiêu họa chẳng cạn.

Trong phần sau, ông ta còn nói không có pháp ngũ giới, thập thiện, không có đạo cương thường, không duyên chân thật theo các pháp lục độ, vạn hạnh v.v., đúng là ăn nói chẳng ra gì! Ngài Linh Phong (tổ Ngẫu Ích) bảo: "Chẳng có tín nguyện, dẫu trì danh hiệu tới mức gió thổi chẳng lọt, mưa tạt chẳng ướt, giống như tường đồng vách sắt, vẫn chẳng thể nào vãng sanh!" Chẳng có tín nguyện thì đều thuộc về tự lực. Dẫu là công phu tinh thuần, chuyên dốc, vẫn chưa đạt tới mức nghiệp tận tình không. Chẳng có tín nguyện sẽ không thể cậy vào Phật lực. Chưa đạt đến mức nghiệp tận tình không, do tự lực cũng sẽ chẳng thể đạt tới thế giới Cực Lạc là cảnh giới của Phật, Bồ-tát. Kiểu nói ấy chính là luận định chẳng thể sửa đổi được, ba đời chư Phật đều tán thán. Nay pháp sư Thủ Bồi chắc là bậc

đại thiện tri thức đã đạt lên cao tới đỉnh đầu Tỳ-lô[129]. Nếu không, sao có thể bác bỏ luận định ấy? Phàm là người tu hành, không ai chẳng trì giới, tu thiện, trọn hết đạo cương thường luân lý. Vì thế, trong luật Tiểu thừa lẫn Đại thừa đều có nguyên tắc chung "đừng làm các điều ác, vâng hành các điều thiện". Nay ông ta nói "người nhất tâm niệm Phật chẳng có đạo hay đức", chẳng lẽ người nhất tâm niệm Phật là tượng đất nặn, gỗ tạc ư? Vì vẫn mặc áo ăn cơm, chẳng khác gì người đời; nếu đã mặc áo ăn cơm, sao có thể chẳng có giới, thiện, cương thường vậy? Hơn nữa, mặc áo ăn cơm đã chẳng trở ngại nhất tâm, vậy thì sanh lòng tin, phát nguyện sao lại là tạp nhiễm, chẳng phải là nhất tâm vậy? Nói tóm gọn một lời: Chỉ biết ăn nói đao to búa lớn, chưa từng thực hành! Mong hãy phát tâm đại từ bi, phá tà kiến, chấp trước lầm lạc của tôi, ngõ hầu lời luận định của pháp sư Thủ Bồi trọn khắp trong ngoài nước, đấy là điều Quang thơm thảo mong mỏi. Hoằng pháp kiểu đó, Quang là phường ngu độn, hèn kém, chẳng thể lãnh hội được; cho nên chẳng thể không thưa trình lòng ngu thành của chính mình. Nếu có diệu đế, xin hãy chỉ đích xác chỗ Ấn Quang nói chẳng phù hợp đạo lý, xin hãy bài bác để tháo gỡ chỗ vướng mắc, nhưng cần phải đem nguyên văn lá thư của Quang gởi kèm theo, ngõ hầu đối ứng với diệu nghĩa của tọa hạ vậy.

Phụ lục bài Nhất Tâm Niệm Phật Liền Được Vãng Sanh của pháp sư Thủ Bồi

Hoặc có kẻ hỏi rằng: "Tín nguyện niệm Phật là ba thứ tư lương của pháp môn Tịnh độ, hình thế như ba chân của cái đỉnh, khuyết một chẳng thể được! Đại sư Linh Phong Ngẫu Ích nói: 'Niệm Phật nếu chẳng có tín nguyện, dẫu trì danh hiệu tới mức nhất tâm bất loạn, gió thổi chẳng lọt, mưa tạt không ướt, giống như tường đồng vách sắt, cũng chẳng có lẽ nào được vãng sanh.' Cớ sao thầy ta dạy nhất tâm niệm Phật liền được vãng sanh, khác với cổ nhân?"

Đáp: Phật pháp chẳng có giống hay khác, do thời cơ mà có lớn hay nhỏ. Nói đến tín thì là tin ngoài mười vạn ức cõi Phật có thế giới Tây Phương Cực Lạc A-di-đà Phật, chẳng sanh nghi hoặc. Dẫu có tín tâm mà chẳng nguyện, chẳng niệm,

---

[129] Đây là một công án trong Bích Nham Lục, công án 99: "Hoàng đế Túc Tông hỏi quốc sư Huệ Trung: 'Mười thân điều ngự là như thế nào?' Quốc sư nói: 'Đàn-việt đạp lên đỉnh đầu Tỳ-lô mà đi.' Vua nói: 'Quả nhân chẳng hiểu.' Quốc sư đáp: 'Đừng chấp nhận pháp thân thanh tịnh của chính mình." Tỳ-lô tức là Tỳ-lô-giá-na Phật, tức thanh tịnh pháp thân của mười phương chư Phật. Lời của quốc sư Huệ Trung nhằm khuyên nhà vua trực tiếp thấy pháp thân thanh tịnh của chính mình, đừng chấp trước vào danh tướng. Sau này, từ ngữ "Tỳ-lô đảnh" thường dùng để chỉ người đã chứng nhập pháp thân nơi tự tánh. Như trong Đại Huệ Phổ Thuyết có viết: *"Cao bộ Tỳ-lô đảnh, bất bẩm Thích-ca Văn"* (Bước cao lên đỉnh Tỳ-lô, chẳng noi theo lối của ngài Thích-ca).

khác gì kể tên món ăn, đếm của báu ư? Vì thế nói thiếu khuyết nguyện và niệm sẽ chẳng thể vãng sanh. "Nguyện" là ý ưa muốn. Tin có thế giới Tây Phương Cực Lạc, bảy báu trang nghiêm, vi diệu chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng có thể dấy lòng ưa muốn, mà chẳng niệm Phật, khác nào kể tên món ăn, chẳng nấu nướng, mà mong được ăn ư? Vì thế, thiếu khuyết niệm cũng chẳng thể vãng sanh. "Niệm" chính là nghĩ nhớ Tây Phương A-di-đà Phật như con nhớ mẹ, niệm nào cũng chẳng bỏ, lâm chung vãng sanh Tây Phương, có khác gì kể tên món ăn, nấu nướng rồi sau đó ăn ư? Vì vậy, tín - nguyện - niệm như ba chân của cái đỉnh, thiếu một thứ đều chẳng thể được. Lời ấy tuy hay khéo, nhưng là lời bàn luận nhằm phù hợp căn cơ một thuở, chẳng phải là có thể thường nói như vậy được. Nếu quyết định chấp trước, chẳng dung thông, cam lộ ngược ngạo trở thành độc dược. Tôi nói "nhất tâm niệm Phật liền được vãng sanh" chẳng khác gì điều ấy; nhưng đối với ba pháp tín - nguyện - niệm, đừng nên dấy lòng chấp trước. Như nói "niệm Phật nhất định phải tín nguyện. Chẳng tín nguyện, sẽ không thể. Nếu tín nguyện thì nhất định phải niệm Phật, chẳng niệm Phật sẽ không được", có khác gì dùng một toa thuốc nhất định để trị bệnh, há tránh khỏi không hại người? Tuy linh đan mầu nhiệm, người chẳng có bệnh sao lại dùng thứ ấy? Người bệnh thì nên uống, bệnh hết thì bỏ đi. Đó là lý nhất định!

Nếu hỏi: "Nhưng niệm Phật mà chẳng có tín nguyện, như đỉnh có hai chân, làm sao có thể đứng vững cho được?"

Đáp: Nếu có tín nguyện mà chẳng niệm Phật mà có thể nói là "chẳng sanh", vậy thì niệm Phật mà chẳng có tín nguyện, sẽ không thể nói là "chẳng sanh". Vì lẽ nào vậy? Nếu ai có thể nhất tâm niệm Phật, chẳng nguyện sanh về Tây Phương, mà cũng chẳng nguyện không sanh về Tây Phương, chẳng nguyện lìa Đông Độ, mà cũng chẳng nguyện không lìa Đông Độ, chẳng muốn sanh lên trời, chẳng nguyện làm người, chẳng nguyện làm tu-la, chẳng nguyện thành thần tiên, chẳng nguyện chứng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, chẳng nguyện đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chẳng nguyện sanh vào các cõi Phật ở Đông, Nam, Bắc, bốn góc, trên, dưới, chỉ có nhất tâm niệm Phật, không có hết thảy các niệm khác, gió thổi chẳng lọt, mưa tạt chẳng ướt, giống như tường đồng vách sắt, hãy nói xem người ấy khi lâm chung sẽ sanh vào nơi nào! Nếu sanh vào Tứ Không Thiên thì người ấy thiếu cái nhân không định. Nếu sanh vào Tứ Thiền Thiên, người ấy thiếu cái duyên lìa hỷ lạc. Nếu sanh vào Lục Dục Thiên, người ấy lại thiếu đức "giới, thiện". Nếu sanh vào tu-la, người ấy lại chẳng ôm lòng sân khuể. Nếu sanh vào nhân gian, người ấy lại chưa hành các điều thiện thuộc về cương thường. Nếu đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người ấy lại chưa hề vướng các tội "mắc nợ, keo tham, ngũ nghịch, thập ác". Nếu chứng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, người ấy

lại chẳng tu nhân duyên tứ đế, các pháp lục độ, vạn hạnh v.v.. Nếu sanh vào cõi Phật ở phương Đông, kẻ ấy lại chưa từng niệm A Súc Phật. Nếu sanh vào cõi Phật ở phương Nam, người ấy lại chưa từng niệm Bảo Thắng Phật. Nếu sanh vào cõi Phật ở phương Bắc, người ấy lại chưa từng niệm Bất Không Thành Tựu Phật. Bốn góc, trên, dưới cũng giống như thế. Nhưng đã có cái nhân "nhất tâm thanh tịnh niệm A-di-đà Phật", nếu chẳng sanh vào Tây Phương Tịnh Độ, thử hỏi sẽ sanh vào nơi nào? Chẳng lẽ sanh trong hư không ư? Hư không lại chẳng phải là chỗ để sanh. Hơn nữa, người ấy chưa từng niệm hư không. Nếu chỗ sanh vào chẳng lấy niệm nhân làm chủ, mà lấy tín nguyện làm chủ, tôi nghe cõi đời có người tạo cái nhân "giết, trộm, dâm", chưa từng nghe có ai phát nguyện đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nếu thật sự chẳng có nguyện sẽ chẳng sanh, vậy thì tam đồ lẽ ra trống rỗng vì chẳng có ai nguyện sanh vào đó. Nếu tam đồ chẳng phải là chỗ con người sanh vào thì nhân quả báo ứng lại đặt vào đâu? Đúng là chẳng biết: Nhất tâm niệm Phật đã bao hàm hết thảy. Không chỉ tín nguyện được gộp trong đó, mà lục độ vạn hạnh, hết thảy vạn pháp thảy đều đầy đủ. Nhất tâm niệm Phật sẽ ngay lập tức là quốc độ thanh tịnh, cần gì cứ phải chấp chặt "phải sanh tín nguyện, phát nguyện" nữa ư? Niệm đã là như thế, thì nguyện cũng như thế, mà tín cũng như thế. Pháp môn Tịnh độ quý ở nhất tâm. Nhất tâm là chủ, lấy tín, nguyện, niệm làm dụng. Đối với kẻ hạ căn thì hoàn toàn nên dùng; đối với người trung căn, chẳng nhất định phải dùng. Đối với người thượng căn thì đơn dụng, đối với người thượng thượng căn thì chẳng dùng mà cũng không chẳng dùng. Nếu ngay trong khi niệm Phật mà lại xen tạp cái tâm "thích cõi kia, ghét cõi này", mà cái tâm ấy có thể nhất tâm bất loạn thì là chuyện chưa hề có! Niệm chẳng nhất, chẳng sanh Cực Lạc, nghe tên thấy hình, đều được vãng sanh, há có phải là hư huyễn ư?

Lâm chung châu tiếp *(臨終舟楫, mái chèo lâm chung)*

Đức Phật chế định hỏa thiêu vị tăng đã mất, vốn là khiến cho họ lìa hình tướng phần đoạn hư giả, chứng pháp thân chân thường. Vì thế, từ khi đức Phật lập chế định tới nay, tăng chúng tuân phụng thành quy củ thường lệ. Hiềm rằng pháp đạo suy bại, lâu ngày nảy sanh thói tệ. Hiện thời, Thích tử đều coi chuyện hỏa thiêu cho xong chuyện, chẳng tuân theo quy chế. Thường có chuyện lúc người bệnh sắp mất, thở hắt ra, bèn thay áo, dời động người ấy, và nhập khám[130] trong một hai ngày, liền cử hành hỏa thiêu. Có thể là trái nghịch chế định của Phật rất lớn. Đức Phật nói con người có tám thức, tức là sự hay biết. Năm thức đầu tức là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, thức thứ sáu là ý thức, thứ bảy là mạt-na, còn gọi là truyền

[130] *"Nhập khám"* (入龕) chính là nghi thức khâm liệm, đặt xác chết vào trong quan tài.

tống thức, thức thứ tám là a-lại-da, còn gọi là hàm tàng thức. Phàm người sanh ra, chỉ có thức thứ tám đến trước nhất. Các thức thứ bảy, thứ sáu và năm thức trước lần lượt đến sau. Tới khi chết, cũng là thức thứ tám ấy rời đi sau cùng. Các thức khác lần lượt đi trước, bởi thức thứ tám chính là linh thức của con người, thế tục nói đến "linh hồn", chính là nó vậy. Nhưng cái thức ấy đã linh, cho nên con người thoạt đầu vào trong thai mẹ, nó bèn đến trước tiên. Vì thế, con ở trong thai mẹ chính là vật sống. Cho tới khi người chết tắt hơi, nó chẳng rời đi ngay, ắt phải đợi tới khi toàn thân đều lạnh, chẳng còn một chút hơi ấm nào, thức ấy mới rời đi. Thức rời đi, thân thể chẳng còn mảy may hay biết nữa. Nếu còn chút hơi ấm, tức là thức ấy chưa từng rời đi. Động chạm vẫn biết đau khổ. Lúc ấy, phải tránh các chuyện thay quần áo, xếp chân cho ngồi xếp bằng v.v.. Nếu hơi đụng chạm, ắt người chết sẽ đau khổ khó thể chịu đựng nổi nhất, bất quá miệng chẳng thể nói, thân chẳng thể động mà thôi. Xét ra, kinh dạy: Thọ mạng, hơi ấm và thức, ba thứ thường chẳng tách lìa. Như người có hơi ấm, bèn có thức tồn tại. Thức còn thì thọ mạng vẫn chưa chấm dứt. Xưa kia có nhiều người đã chết dăm ba ngày bèn sống lại, chép tường tận trong sách vở, rành rành có thể khảo chứng được. Nho giáo cũng có lễ chế "ba ngày mới đại liệm"[131], vì tình quyến thuộc yêu thương, vẫn mong biết đâu người ấy sống lại. Còn như tăng chúng bọn ta, tuy chẳng mong người ấy sống lại, nhưng cũng chớ nên không thấu hiểu nỗi thống khổ của người đã chết, cứ lập tức dời động và đưa đi hỏa thiêu, tâm từ bi tồn tại ở chỗ nào vậy? Cổ nhân nói: *"Thố tử, hồ bi, vật thương kỳ loại"* (Thỏ chết, cáo buồn, loài vật thương xót đồng loại). Loài vật còn như thế, huống hồ cùng là nhân loại ư? Huống nữa lại còn đều là Phật tử ư?

---

[131] Gọi là "đại liệm" (大殮) nhằm phân biệt với "tiểu liệm". Theo cổ tục, tùy theo thân phận mà thời gian từ khi chết đến khi cử hành tiểu liệm sẽ dài ngắn khác nhau. Bình dân thì qua hôm sau sẽ tiểu liệm, quý tộc thì sau khi chết năm ngày mới tiểu liệm, hoàng đế thì chờ bảy ngày. Khi tiểu liệm thì dùng vải liệm bọc kín thân thể, phải bọc đầu trước, sau đó mới đặt vào trong quan tài. Khi đặt vào quan tài, con cả nâng đầu, phải đưa chân vào quan tài trước. Sau khi đặt vào quan tài, sẽ bỏ các hình nhân bằng giấy làm người hầu, đặt kính hộ tâm, bảy đóa hoa sen, đắp mền liệm, các thứ bùa trừ tà, bùa trấn ếm trùng tang v.v.. Sau đó đậy nắp quan tài, nhưng chưa đóng đinh. Đại liệm tức là nghi thức hoàn toàn đóng đinh phong kín quan tài. Nghi thức này chỉ cử hành khi con cháu về đủ, gia quyến và thân hữu nhìn mặt người chết lần cuối trước khi đóng đinh. Có một số vùng tại Trung Hoa, gia quyến còn mời người đức cao trọng vọng hay trưởng bối trong họ đến đóng tượng trưng một hai cái đinh trước khi âm công (đạo tỳ) thật sự đóng đinh. Theo diễn biến thời gian, hiện thời tiểu liệm được hiểu là tắm rửa, thay áo, đắp khăn che mặt người chết, đeo bao tay và bao chân, bó chặt ống quần của người chết, còn đại liệm chính là đặt xác vào trong quan tài và phong kín ngay trong ngày hôm ấy. Tại Hoa Lục vẫn còn cử hành nghi thức mời người đức cao trọng vọng đóng đinh trước khi đưa đi chôn hay hỏa táng, nhưng chuyện đóng đinh khi đó chỉ mang tính cách tượng trưng.

Hơn nữa, con người khi tâm tình đau khổ cùng cực, dễ nảy sanh sân tâm. Do vì sân tâm, dễ bị đọa lạc nhất! Như kinh dạy, vua A-kỳ-đạt lập chùa tháp thờ Phật công đức vòi vọi. Khi lâm chung, thị thần (người hầu) cầm quạt lỡ tay làm rơi trúng mặt nhà vua. Vua bị đau, dấy lòng sân, chết đọa làm thân rắn. Nhờ có công đức, sau đó gặp sa-môn vì nhà vua thuyết pháp. Do được nghe pháp bèn thoát thân rắn, được sanh lên trời. Xét điều này, có thể biết khi thần thức của người chết chưa rời đi, mà ngay lập tức làm các chuyện như thay quần áo, dời động và lập tức hỏa thiêu sẽ khiến cho người ấy do đau đớn mà nổi sân, càng thêm đọa lạc. Há chẳng phải là nhẫn tâm hại lý, cố tình làm chuyện thảm độc ư? Hãy nên nghĩ ta và người chết có cừu hận gì, mà do hảo tâm bèn tạo ác duyên? Nếu nói là chuyện mơ hồ, chẳng thể khảo cứu được, những điều ghi chép trong kinh điển há chẳng đáng tin ư? Gần đây đủ thứ thói tệ lưu hành, nói chung là vì người còn sống chẳng thương xót nỗi khổ của người chết, chỉ mong sao nhanh chóng cho xong chuyện, cho nên chẳng hơi đâu mà xét kỹ ấm lạnh. Do vậy quen thói cho là chuyện thường! Dẫu có người chỉ bảo, đâm ra chê cười là viển vông, đến nỗi khiến cho người chết có nỗi khổ nạn kéo dài. Than ôi, điều khổ nhất trong cõi đời không gì hơn sanh tử. Sanh thì như con rùa còn sống bị bóc mai, chết thì như con cua rơi vào nước sôi. Tám nỗi khổ nung nấu, đau đớn chẳng thể nói nổi! Nguyện những ai chăm sóc người bệnh, hãy chú tâm, cẩn thận, đừng nói chuyện tạp nhạp với người bệnh khiến tâm họ tán loạn, cũng chớ nên bi ai, ồn ào. Hãy nên khuyên người bệnh buông xuống thân tâm, nhất tâm niệm Phật để cầu vãng sanh. Lại hãy nên trợ niệm, khiến cho người bệnh nương theo tiếng niệm Phật của mình, trong tâm tưởng Phật. Nếu có tiền tài, hãy nên thỉnh tăng chúng chia ban trợ niệm Phật hiệu, khiến cho tiếng niệm Phật ngày đêm chẳng dứt, khiến cho tai người bệnh thường nghe thấy tiếng Phật hiệu, trong tâm thường niệm Phật hiệu, chắc chắn sẽ có thể nương theo từ lực của Phật, vãng sanh Tây Phương. Dẫu chẳng có tiền bạc, mọi người cũng nên phát tâm trợ niệm để kết duyên cuối cùng.

Đối với chuyện sắp đặt hậu sự, đừng bàn bạc trước mặt người bệnh. Chỉ nên gõ dẫn khánh, cao giọng niệm Phật, ắt khiến cho câu nào cũng đều lọt vào tai người bệnh, khiến cho tâm người ấy thường chẳng rời Phật. Tiếng mõ đục, khi lâm chung trợ niệm, quyết chớ nên dùng. Tùy ý để cho người ấy ngồi hoặc nằm, chớ nên dời động, mọi người cứ chuyên tâm niệm Phật. Chờ tới khi toàn thân đã lạnh buốt, tức là thần thức đã rời đi. Lại để qua hai thời (bốn tiếng đồng hồ) mới có thể tắm rửa, thay quần áo. Nếu thân lạnh, trở thành cứng còng, hãy nên dùng nước ấm lau rửa, dùng vải ấm đắp lên khủy tay, đầu gối, chừng ít khắc sẽ có thể chuyển động. Sau đó xếp bằng để vào khám. Tới khi sắp đặt mọi việc xong xuôi, càng cần phải chú trọng niệm Phật. Tất cả chuyện tụng kinh, bái sám đều chẳng

có lợi ích rộng lớn bằng niệm Phật. Phàm hết thảy quyến thuộc tại gia và xuất gia đều nên nương theo đó mà hành, thì kẻ còn lẫn người mất đều được lợi ích to lớn.

Hơn nữa, đức Phật nhập niết-bàn vốn nằm bên hông phải, do vậy [các đệ tử của ngài để nguyên tư thế nằm mà] nhập quan trà-tỳ. Người đời nay nếu thuận theo tự nhiên, ngồi mà mất cũng nhập quan; nằm mà mất cũng nhập quan, sẽ là thỏa đáng nhất. Nhưng người đời nay đã thành thói quen, sợ chẳng nghĩ như vậy là đúng, cũng chỉ thuận theo [họ thích xếp đặt như thế nào để nhập quan] mà thôi. Còn như cảnh tướng thiện hay ác sau khi người ấy đã chết, vốn có chứng cứ thật sự. Người sanh vào thiện đạo, hơi nóng từ dưới dồn lên trên. Kẻ sanh vào ác đạo, hơi nóng sẽ từ bên trên giáng xuống dưới. Như toàn thân đều lạnh, mà hơi nóng tụ về đỉnh đầu thì sanh vào thánh đạo, tụ về mắt thì sanh vào thiên đạo, tụ vào tim thì là sanh trong nhân đạo, tụ về bụng thì vào ngạ quỷ đạo, tụ vào đầu gối thì đọa vào súc sanh đạo, tụ vào bàn chân thì đọa địa ngục đạo. Vì thế có kệ rằng: *"Đảnh thánh. Nhãn thiên sanh. Tâm nhân. Ngạ quỷ phúc. Súc sanh tất cái ly. Địa ngục cước bàn xuất"* (Đỉnh thánh, mắt sanh thiên, tim người, ngạ quỷ bụng, súc sanh đầu gối lìa, địa ngục bàn chân ra). Sanh tử là chuyện lớn, chẳng ai tránh được. Đối với chuyện này phải nên thận trọng bậc nhất. Người chăm sóc bệnh nhân hãy nên dùng bi tâm đồng thể để giúp thành tựu đại sự vãng sanh. Cổ nhân nói: *"Ngã kiến tha nhân tử, ngã tâm nhiệt như hỏa. Bất thị nhiệt tha nhân, khán khán luân đáo ngã"* (Ta thấy người khác chết, lòng ta nóng như lửa. Chẳng nóng lòng ai khác, mà thấy đến lượt mình). Nhân duyên quả báo, cảm ứng chẳng sai. Muốn cầu tự lợi ắt phải lợi người khác trước. Viết những điều này để bảo khắp đồng bào, mong cầu ai nấy đều chú ý!

V. BI KÝ

Bi ký về chuyện công đức quyên mộ mua ruộng để có chi dụng vĩnh viễn của am Long Thọ

Phổ Đà là đạo tràng ứng hóa của Đại sĩ Quán Âm, Long Thọ chính là chốn lan-nhã để tứ chúng cầu phước thường trụ. Xét ra từ vô lượng kiếp trước, Đại sĩ đã sớm thành Phật đạo, do thệ nguyện từ bi, trọn chẳng cùng tận, cho nên trong mười phương vô tận thế giới hải, hiện khắp các sắc thân. Hoặc hiện thân Phật, hoặc thân tam thừa, hoặc thân lục đạo, hoặc núi sông, cầu bến, ao giếng, nhà cửa v.v., tức các thứ thân vô tình để độ thoát chúng sanh. Kinh Pháp Hoa nói: "Đáng nên hiện thân gì để đắc độ, liền hiện thân ấy thuyết pháp." Do Đại sĩ chẳng có tâm, chẳng có thân, cho nên tâm có thể rủ lòng ứng theo các căn cơ mà hiện thân. Một vầng trăng in bóng trọn khắp ngàn sông, một trận mưa tưới tắm muôn cây cỏ. Lại như rồng ẩn, hiện khó lường, giăng mây từ rộng khắp, tưới trọn mưa pháp cho đến hết đời vị lai, chẳng có lúc nào hết, cho nên đặt tên am là Long Thọ (龍壽). Am được sáng lập vào đời Minh, trải mấy trăm năm qua, sửa cũ xây mới đã chẳng phải là một hai lượt.

Từ mùa đông năm Tuyên Thống thứ hai (1910), trụ trì am Viên Thông là Liên Thiền đã sai đồ điệt[132] là Hóa Năng đến tiếp nhận am ấy, tính chuyện hưng phục. Mười mấy năm qua, điện đường liêu thất thảy đều xây cất hoàn bị, nhưng do chẳng có hằng sản, sau này chẳng có lương thực, chi dụng, làm sao có căn cứ để có thể chuyên tâm dốc chí tu tịnh nghiệp, báo đền mười phương thí chủ và tứ ân tam hữu? Cư sĩ Hoàng Kim Vinh dốc lòng tin tưởng Phật pháp, một mực là bậc hộ pháp của am, bèn khẳng khái bỏ tiền để làm chi phí tậu ruộng, lựa đúng dịp mà tậu thượng đẳng điền chừng đó mẫu để cho cấy rẽ thu tô, vĩnh viễn dùng làm lương thực, chi dụng. Ý ấy sâu xa, lợi ích rộng lớn. Hóa Năng muốn cho con cháu sau này ăn tô lợi, dốc lòng tu đạo nghiệp. Nay điện vũ, điền sản, các thí chủ đều được nhờ sức từ bi của Đại sĩ và công tu trì của đại chúng trong am, khiến cho mỗi vị thí chủ đều trong hiện đời phước sâu thọ dài, vĩnh viễn hưởng ngàn điều tốt lành. Khi lâm chung, nghiệp tận tình không, cao đăng chín phẩm. Sư cậy tôi soạn bài ký để khắc vào bia đá, hộ pháp tín sĩ Hoàng Kim Vinh giúp khoản tiền một ngàn đồng, Đỗ Nguyệt Sanh cúng một ngàn đồng, hộ pháp tín nữ Chu Hóa Dẫn, Lâm Hóa Nhân, mỗi vị đều giúp một ngàn đồng. Điền sản tại trang viên Động Ngao và Lô Hoa, tổng cộng là 29 mẫu.

---

[132] Đồ điệt (徒侄): Học trò của sư huynh hay sư đệ của một vị thầy.

Bi ký tu bổ bến tàu núi Phổ Đà

Phổ Đà là đạo tràng của Đại sĩ Quán Âm, thiện tín triều bái quanh năm không dứt, nhưng gần bờ nước cạn, thuyền chẳng thể cập sát bờ được. Nếu không nhờ vào người khác cõng, chẳng có cách nào lên bờ được. Hơn nữa, đá lổn nhổn trong bùn, trơn trượt khó thể đặt chân, hơi chẳng cẩn thận sẽ ngã chỏng gọng! Bạn tôi là Liễu Dư vào năm Quang Tự 30 (1904) đã quyên mộ, xây bến tàu bằng đá, khá tiện lợi. Nhưng khi gặp thủy triều rút xuống, vẫn có khoảng lầy rộng hơn cả trượng. Khi nước cạn vẫn cần có người cõng. Gần như mỗi tháng có mười ngày như thế. Cho nên trong các ngày ấy, vì mực nước quá cạn, chẳng tiện sắp xếp, trở thành chuyện đáng tiếc nuối. Đồ đệ của sư là Minh Giác phát tâm tu bổ thêm, xây một kè đá rộng một thước năm tấc, dài một trượng tám, mỗi phía đều có ba bậc, mở rộng bến đá cũ thêm hai trượng nữa. Chỗ thấp thì xây thêm một hai bậc, dài hai trượng hai thước. Phía ngoài đóng xuống hơn một trăm cọc gỗ tùng để bảo vệ. Công vận chuyển, lát đá khá tốn tâm lực. Mỗi lần gặp lúc thủy triều rút sạch thì mới có thể thi công, nhưng chẳng thể lâu hơn hai tiếng đồng hồ được. Thầy Minh Giác đích thân đốc thúc chuyện này, hơn 50 ngày mới hoàn tất. Từ nay vĩnh viễn chẳng cần phải có người cõng từ thuyền lên bờ, công sức so với lần xây dựng khi trước đỡ tốn hơn, nhưng lao tâm nhọc trí gấp bội.

Thoạt đầu, lão hòa thượng Khai Như đề xướng quyên tặng 200 đồng, thầy Liên Phương cũng quyên tặng 200 đồng. Gặp dịp lão hòa thượng Minh Ấn dẫn các đệ tử đến núi, ở tại Tích Lân Đường, nghe chuyện bèn tùy hỷ, nguyện đảm nhiệm toàn bộ chi phí, quyên tặng 1.630 đồng, mong cho chuyện ấy thành tựu, khiến cho công tác chẳng thể thực hiện của Liễu Dư được hoàn thành chẳng khiếm khuyết. Quả thật nhờ vào sức thành toàn của lão nhân Minh Ấn, công đức ấy thật chẳng cạn nhỏ vậy. Còn như ông Chí X… đã lập biện pháp, kế hoạch, tấm lòng ấy quả thật càng đáng ca ngợi! Nguyện những vị đề xướng, bỏ tiền của sẽ đều nghiệp tiêu chí rạng, chướng tận phước cao. Còn sống thì các duyên thuận thảo vừa ý, mất thì sẽ cao đăng liên bang. Vì thế bèn ghi lại.

Bi ký công đức dựng liêu Như Ý, mở niệm Phật đường của chùa Phổ Tế

Danh sơn Phổ Đà chính là cuộc đất thù thắng thị hiện dấu tích của Đại sĩ. Thiền tự Phổ Tế thật sự là đạo tràng cầu phước của tứ chúng. Vì thế các đời đều khâm phục, tôn kính, cả cõi đời tôn sùng. Hết thảy thiện tín, nhân dân trong ngoài nước, ai nấy đều muốn lễ bái để gieo lòng thành, chẳng sợ trèo núi, vượt biển. Mười phương tăng chúng đến triều bái mỗi năm thường có mấy ngàn vị. Tuy là

chia thành ba ngôi chùa[133] để ở, nhưng Phổ Tế thật sự chiếm quá nửa. Số người đã đông, không thể nào chẳng có người bệnh tật, tử vong. Liêu xá Như Ý vốn được lập ở phía dưới lầu trống, hiềm rằng phòng ốc quá sâu, cửa sổ quá ít, tối tăm ảm đạm, có trở ngại về vấn đề vệ sinh. Các vị trụ trì trước kia và hiện thời đều muốn xây dựng mới, nhưng các hạng mục quá nhiều, chưa thể lo xuể.

Đương gia của Tích Lân Đường là thầy Minh Giác ôm ấp chí ấy đã lâu, nhưng cơ duyên quá ít. Nay có bà Tôn Dung Tinh ở Thọ Châu, tỉnh An Huy, vốn là hậu duệ của Tôn Trung Đường, cũng là bậc ngoại hộ của pháp môn, mùa hạ năm nay đến núi, ngụ tại Tích Lân Đường. Thầy Minh Giác nói chuyện với bà, bà ta liền khảng khái quyên tặng 2.000 đồng để phát khởi. Do vậy các vị tăng tục, ai nấy đều giúp đỡ tịnh tài để mong thành tựu chuyện ấy. Lại do 18 vị đại đức trong núi này, khởi xướng một hội niệm Phật, lo liệu niệm Phật đường, hết thảy quy tắc và kinh phí. Do vậy, bèn ở phía Nam của lầu trống dựng một tòa nhà lầu có mười gian để làm chỗ dưỡng bệnh. Phía dưới lầu trống, chính giữa làm niệm Phật đường. Hai bên thì dựng sáu gian phòng để làm chỗ ở cho sư tăng. Phía trên trổ cửa sổ để cho ánh nắng mặt trời soi thấu, phòng ốc thanh tịnh, bàn sạch sẽ, khá tiện tụng trì. Thỉnh vị cao tăng phát tâm Bồ-đề làm quản đường, và sáu vị sư tăng tu hành chân thật, mỗi ngày hai thời công khóa, ba thời niệm Phật tại niệm Phật đường. Các chuyện thù tạc trong các điện đường của chùa nhất loạt chẳng dính líu, để mong bệnh nhân thường được nghe Phật hiệu, tâm niệm quy nhất, ngõ hầu dễ được lành bệnh. Nếu bệnh nhân sắp mất thì sẽ trợ niệm, khiến cho người ấy chánh niệm rõ ràng, theo Phật vãng sanh.

Cho tới khi đã mất, bèn dời sang Niết-bàn đường ở bên cạnh để tiện khâm liệm, chuyển đi, chẳng gây trở ngại. Người săn sóc bệnh nhân, quản đường trông coi tổng quát, còn các vị hương đăng, tư thủy (người trông coi nước nôi) sẽ lo liệu mọi việc chi tiết. Di quan, đưa đi hỏa thiêu, đều có trợ niệm. Chỉ riêng một

---

[133] Phổ Đà có ba ngôi chùa chính là Phổ Tế, Pháp Vũ và Huệ Tế. Phổ Tế được gọi là Tiền Tự (chùa trước), được xây dựng trong niên hiệu Nguyên Phong (1078-1085) đời Tống, là ngôi chùa lớn nhất, có quy mô rất lớn. Thường được mô tả là *"ngũ bộ nhất lâu, thập bộ nhất các"* (năm bước là một lầu, mười bước là một gác). Điện Đại Viên Thông là chánh điện của chùa này, trong điện thờ tượng Tỳ-lô Quán Âm cao 8,8 mét, hai bên là tượng ba mươi ứng thân của Đại sĩ Quán Âm. Chùa Pháp Vũ gọi là Hậu Tự, thoạt đầu có tên là am Hải Triều, xây dựng vào năm 38 đời Khang Hy (1699), được triều đình ban biển ngạch là Thiên Hoa Pháp Vũ, điện Phật là do toàn thể điện thờ từ cố cung nhà Minh ở Nam Kinh chuyển sang. Chùa Huệ Tế ở cao nhất trên núi Phổ Đà, còn có tên gọi là Phật Đảnh Sơn Tự. Kiến trúc của chùa khác hẳn quy củ của các tùng lâm vì sau điện Thiên Vương, các tòa Đại Hùng Bảo Điện, Đại Bi Điện, Ngọc Hoàng Điện, Phương Trượng Thất v.v. đều nằm thành một hàng. Chánh điện là Đại Hùng Bảo Điện thờ Phật Thích-ca, Đại Bi Điện ở bên trái thờ tượng Quán Âm có từ đời Đường (đây là bức tượng cổ nhất ở núi Phổ Đà).

chuyện này đã có nhiều lợi ích, khiến cho người niệm Phật biết thân là cội khổ, nỗ lực siêng tu. Nếu người bệnh nặng, chẳng thể tự niệm, do nghe tiếng niệm Phật trong niệm Phật đường, trong tâm người ấy niệm nào cũng đều có Phật hiển hiện. Nếu sắp qua đời, do sức trợ niệm của mọi người, chẳng đến nỗi tâm hiện trần cảnh, theo nghiệp duyên mà đi. Đức Phật coi chăm sóc người bệnh là phước bậc nhất trong tám thứ phước điền! Nguyện những ai ở trong niệm Phật đường sau này đều phát tâm "tự lợi lợi người, tu ròng tịnh nghiệp", quyết định trong hiện đời, phiền hoặc tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, lâm chung cảm ứng đạo giao, Phật thánh tới đón.

Lại còn các khoản đã quyên mộ, ngoài tu bổ niệm Phật đường, xây cất liêu Như Ý và Niết-bàn đường ra, lại còn tu bổ cửa rào quanh đình Ngự Bi, tạo Hóa Thân Quật[134], dời hơn 70 cỗ quan tài đã quàn lâu ngày[135] đem cải táng ở vùng đất cát sau hậu sơn của động Phạm Âm, trùng tu bến tàu bằng đá, dựng nhà vệ sinh nam nữ ở mỗi đầu bến tàu, đều do thầy Minh Giác và giám viện chùa Phổ Tế là Dung Thông, thầy tri khách là Bổn Lập quyên mộ. Trộm nghĩ trong liêu Như Ý lập niệm Phật đường là hợp lẽ nhất, do người còn kẻ mất, người khỏe kẻ bệnh sẽ đều được lợi ích. Tùng lâm các nơi hãy nên nối tiếp nhau thành lập, nguyện những người cùng sắc áo với tôi đều cùng đề xướng.

Bi ký về chuyện xây vườn phóng sanh mới của chùa Dũng Tuyền tại Cổ Sơn

Đức to lớn của trời đất gọi là sanh, vì thế vạn vật cùng sanh trưởng, chẳng làm hại lẫn nhau. Đức Phật coi hết thảy chúng sanh giống như con một. Vì thế cắt thịt của chính mình cho chim ưng ăn, xả thân nuôi hổ, đủ loại thuyết pháp khiến cho chúng sanh được độ thoát. Ấy là vì hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai. Huống hồ ham sống sợ chết, muôn vật và ta đều như nhau. Ta đã tham sống, loài vật há muốn chết? Không gì chẳng vì kẻ tham ăn tục uống, hằng ngày cần phải ăn thịt, đến nỗi bọn đồ tể chuyên hành nghề giết chóc. Mỗi ngày các con vật bị giết chóc số lượng

---

[134] Hóa Thân Quật ở đây là cái hang núi dùng để tạm chứa quan tài, chờ hỏa thiêu.

[135] Nguyên văn là "thố quan" (厝棺), tức là quan tài chưa chôn, còn để quàn tại đó. Tục lệ xưa của Trung Hoa là quan tài của người đã chết thường phải đưa về cố hương an táng. Nếu do chưa đủ chi phí, hoặc vì một lý do nào đó chưa thể đưa về chôn tại quê nhà (chẳng hạn chưa tìm được cuộc đất tốt đẹp, hay mẹ góa, con thơ không thể tự mình đưa quan tài về quê, hay gặp lúc loạn lạc), người ta sẽ lập một gian nhà tạm (thường gọi là "thố ốc" tức nhà tạm) quàn quan tài tại đó, chờ đến khi thuận tiện sẽ đưa về quê chôn. Đôi khi họ gởi vào các chùa chiền hay đạo quán để quàn tại đó. Riêng tại tỉnh Sơn Đông có tục lệ không cho chôn ngay, phải quàn quan tài 3 năm rồi mới chánh thức cử hành chôn cất.

nhiều hơn cát sông Hằng. Tích lũy lâu ngày bèn thành sát kiếp. Người có lòng nhân, có trí, biết cái nhân gây nên kiếp nạn là do sát sanh ăn thịt, muốn phát khởi từ tâm cho kẻ sát sanh ăn thịt, cho nên đặc biệt mua loài vật phóng sanh để hướng dẫn, mong mọi người sẽ giữ lòng trung hậu, khoan dung, có ý niệm nhân từ, ngõ hầu chim, thú, cá, rùa đều được sống yên vui. Như thế thì sát kiếp ngập trời sẽ có thể mau chóng ngưng dứt.

Vườn phóng sanh ở Cổ Sơn vốn được thành lập trong chùa, nhỏ hẹp, chẳng thể chứa đựng rộng rãi. Đã đề xướng, bàn bạc xây cái khác, nhưng do cơ duyên chưa chín muồi, phải ngưng lại. Hòa thượng Hư Vân đã đến núi, bao nhiêu chuyện phế bỏ đều được tiến hành. Sang năm kế đó, các bậc kỳ túc trong cả núi và các đàn tín, sau mấy lượt suy xét, tham khảo rộng rãi các kế sách, bèn ở trước đài La-hán ngoài chùa, lập một cái ao có tường vây quanh, dựa vào núi, nhìn ra sông. Dựng một ngôi lầu thờ Phật, cắt đặt bốn vị tăng phát tâm Bồ-đề trông nom đèn nhang. Sáng chiều tụng niệm thanh tịnh, khiến cho các loài trong hiện tiền đều được nghe kinh pháp, khơi gợi linh giác. Năm gian phòng dưới lầu thì phòng chính ngay sau cửa vào dùng làm phòng tiếp khách, làm tăng phòng, làm khách đường, và người lo trai soạn ngủ đêm. Trước lầu đào cái ao hình vuông. Vòng chung quanh sân có bậc cấp bằng đá thấp dần xuống. Thế đất dần dần rộng hơn phía trên. Nơi cuộc đất trong ấy, ba mặt dựng nhà. Tầng trên và dưới lầu gồm 60 gian, cao ráo rộng rãi. Phía trên cất các loại lương thảo, các loại hạt, phía dưới là chuồng ngựa, chuồng trâu, chuồng dê, chuồng gà, chuồng lợn và chỗ cho vịt ngỗng, chia riêng từng loại, chẳng để cho đực cái lẫn lộn. Theo đúng giờ sẽ lùa về chuồng, hay chăn thả, mỗi loài đều có chỗ nhất định. Có cây che bóng mát, có suối để uống, chia cỏ và lương thực. Quét dọn phân tiểu bèn có người làm công. Đôn đốc, quản lý, ghi chép, tính toán số lượng các con vật sống chết thì do tăng sĩ đốc thúc. Vừa mới khởi đầu mà quy mô đều đủ. Tính ra bắt đầu từ giữa thu năm Nhâm Thân (1932) cho đến giữa hạ năm Quý Dậu (1933), tốn đến hơn một vạn đồng, công trình to lớn mới hoàn thành.

Xem khắp thần châu (Trung Hoa), đao binh dây dưa đã nhiều năm, xót thay dân ta gặp tai ương, gan óc lầy đất, tan tác, lênh đênh, khổ không kể xiết! Còn may chỗ này an ổn không việc gì, cái vườn ấy chắc chắn sẽ hoàn thành, chưa hề chẳng phải do một niệm hiếu sanh cảm vời ư? Nhưng họa phước dựa dẫm lẫn nhau, sao có thể tự buông thả, chẳng bàn đến đạo đức, vẫn cứ xa xỉ! Đấy quả thật là điều đáng lo trong phong tục, lòng người. Trộm mong các vị thiện tín đang lo liệu và các vị quân tử, vốn do lòng từ bi yêu thương muôn vật, sẽ nhân từ với dân chúng, tôn kính cha mẹ, giữ vẹn lòng nhân, tận tánh, khôi phục sự thuần phác, trừ sạch kiến chấp nhân ngã, sám hối tham sân độc, đoan chánh chính mình để cảm

hóa người khác, trái trần hợp giác, thỏa mãn nguyện độ sanh của Như Lai, sanh về cõi Cực Lạc thanh tịnh, sẽ thấy sự thái hòa cuồn cuộn, muôn vật và ta cùng khởi sắc. Do vậy, công đức của vườn sẽ ngày càng phong phú hơn, tạo tác dụng xướng suất, chỉ đạo, há cũng chẳng đẹp đẽ lắm ư?

(Tháng 5 nhuận năm Quý Dậu - 1933)

VI. ĐỀ TỪ[136]

Đề từ cho An Sĩ Toàn Thư

Sách này tuy gọi là thiện thư, thật ra giống như kinh Phật, do trong ấy không chỉ trích dẫn kinh Phật, mà còn dựa theo ý nghĩa trong kinh Phật. Độc giả hãy nên xem sách này giống như kinh Phật. Theo đúng lý, phải nên khiết tịnh, cung kính, chớ nên ô uế, khinh nhờn. Như kẻ hèn mọn truyền đạt, tuyên bố sắc lệnh của vua, hàng công khanh và dân chúng đều phải dốc lòng cung kính, chẳng phải là kính trọng người ấy, mà là kính trọng sắc lệnh của vua. Sách này cũng thế, mượn nhân quả thế gian để chỉ bày cơ mưu độ sanh huyền diệu, quả thật là đạo trọng yếu để Như Lai tùy cơ lợi sanh, là chân thuyên[137] để chúng sanh lìa khổ, được vui. Nếu có thể tín kính, tai chướng sẽ băng tiêu, cát khánh tập hợp như mây nhóm, thân tâm khỏe mạnh, vui sướng, gia đình êm ấm vẫn là chuyện nhỏ. Nói đến công năng tột bậc thì sẽ là nghiệp tận tình không, siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử trong đời hiện tại, chứng giác đạo trong tương lai. Nếu khinh nhờn, tội sẽ chẳng nhỏ. Kính mong các độc giả đều cùng chấp thuận lời lẽ quê mùa này thì may mắn lắm thay!

Đề từ nơi trang đầu tiên của sách Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao bản in lần thứ ba

Hết thảy kinh Phật và các sách xiển dương Phật pháp, không gì chẳng nhằm khiến cho con người hướng lành tránh dữ, sửa lỗi, đổi thành tốt lành. Hiểu nhân quả ba đời, biết Phật tánh vốn sẵn có, ra khỏi biển khổ sanh tử, sanh vào Cực Lạc liên bang. Độc giả ắt phải nên sanh tâm cảm ơn, sanh ý tưởng khó gặp gỡ. Tay sạch, bàn sạch, giữ lòng kính, gìn lòng thành, như đối diện trước Phật, trời, như đối trước thầy dạy, sẽ đích thân đạt được lợi ích vô biên. Nếu phóng túng chẳng kiêng dè, mặc sức khinh nhờn, và cố chấp, thiên kiến hẹp hòi, lầm lạc sanh lòng hủy báng, tội lỗi sẽ ngập trời, khổ báo vô tận. Nếu xét soi lòng ngu thành thì may mắn lắm thay!

Đề từ cho Vãng Sanh Truyện của Kỷ mẫu Chu thái phu nhân ở Tượng Sơn

Đời có mẹ hiền thì mới có con hiền, đời có người chân thiện thì mới có thể là đệ tử đức Phật. Kỷ mẫu túc căn sâu dày, hiện hạnh tinh thuần. Lại được con khéo

---

[136] Đề từ (題辭) là một thể loại văn chương thời cổ, nhằm mục đích nhắn nhủ độc giả ý nghĩa chánh yếu trong một tác phẩm và tán dương tác dụng của sách ấy. Đề từ thường đặt ở đầu sách, trước lời tựa vừa có tác dụng giới thiệu, vừa nâng cao giá trị của tác phẩm.

[137] Chân thuyên (真詮): Lời nói, lời giảng giải chân thật.

phụ trợ, cho nên được chánh niệm rạng rỡ, theo Phật vãng sanh, liễu sanh thoát tử. Tôi nguyện người làm mẹ trong thiên hạ đều như Kỷ mẫu, người làm con đều như Tử Canh, ngõ hầu thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc, sống dự vào địa vị thánh hiền, mất lên cõi Cực Lạc.

Đề từ cho quyển Dục Hải Hồi Cuồng (lời đề từ thứ nhất)

Sách Dục Hải Hồi Cuồng do tiên sinh Chu An Sĩ vì lòng đại từ bi muốn cứu vớt con em trong lứa tuổi thanh niên đang chìm nổi trong biển dục, ngõ hầu họ sẽ có thể vượt lên bờ giác. Vì thế xếp đặt từ ngữ, lập luận, thiết tha, chu đáo. Không chỉ hiển lộ rõ rệt cái họa sắc dục khiến cho kẻ khác nhận biết để kiêng dè, thận trọng, lại còn nêu rõ chuyện chánh tâm, tu thân, trị gia, dạy con, độ vật, ứng duyên, giúp nước, yên đời, cũng như pháp cùng lý tận tánh, đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, không gì chẳng chỉ dạy tường tận, uyển chuyển tột khéo, há chỉ răn dâm mà thôi ư? Nếu ông Chu An Sĩ chẳng đạt được tâm pháp của thánh nhân Nho, Thích, sao có thể như thế được? Mong những ai thấy sách này, thảy đều thọ trì, tuân hành, sẽ có thể sống thì dự vào địa vị thánh hiền, lâm chung vào thẳng cõi Cực Lạc. Lại mong các độc giả sẽ phát tâm Bồ-đề, lần lượt lưu thông, khiến cho khắp các đồng nhân đều được thấy nghe, mở rộng chí hướng tự lập lập người, tự hành dạy người; đấy là điều tôi thơm thảo cầu chúc vậy!

Đề từ cho quyển Dục Hải Hồi Cuồng (lời đề từ thứ hai)

Con người từ sắc dục mà sanh, vì thế tập khí này đặc biệt sâu dày, hễ chẳng kiêng dè, thận trọng thường sẽ do vậy mà đến nỗi chết mất. Cổ thánh vương do vì yêu dân, đối với chuyện phòng the giữa vợ chồng, chẳng tiếc công sai người truyền lệnh dùng mõ gỗ đi khắp các nẻo đường để bảo ban, răn nhắc, mong cho dân chúng vô tri chẳng lầm lẫn đánh mất tánh mạng. Lòng từ ái ấy kể sao cho xiết? Cho đến đời sau, không chỉ chánh lệnh của quốc gia chẳng còn nhắc tới, ngay cả cha mẹ cũng không nhắc nhở con cái. Vì thế, đại đa số thiếu niên do vậy mà mất mạng, đau xót quá đỗi! Tiên sinh An Sĩ thương xót sâu đậm, đặc biệt trước tác sách này. Tuy là vì răn dâm mà soạn ra, thật sự là hết thảy các thiện pháp thế gian và xuất thế gian đều được bao gồm chẳng sót. Đúng là sách hiếm có trong vòng trời đất. Cư sĩ Ngô Tử Tường muốn đề xướng, kính in một ngàn bản để tặng kẻ hữu duyên, mong cho thiện tín thấy nghe sẽ lần lượt lưu thông, ngõ hầu hết thảy những người cùng nghiệp ắt đều được sống thọ, cùng lên bờ giác vậy!

Lời đề từ đầu sách Cảm Ứng Thiên Trực Giảng

Lý nhân quả báo ứng được Ngũ Kinh nhiều lần nhắc tới. Kinh Dịch chép: *"Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện ắt điều vui có thừa. Nhà tích tụ điều bất thiện, tai ương có thừa). Kinh Thư chép: *"Huệ địch cát, tùng nghịch hung, duy ảnh hưởng"* (Thuận theo điều thiện sẽ dẫn đến chuyện tốt lành, trái nghịch điều thiện sẽ bị hung hiểm, giống hệt như bóng theo hình). Kinh Thi chép: *"Vĩnh ngôn phối mạng, tự cầu đa phước"* (Thường suy nghĩ hành vi của chính mình có phù hợp với thiên mạng (đạo lý chánh đáng) để mong cuộc sống được hưởng nhiều điều tốt đẹp). Khổng tử nói: *"Thỉ tác dũng giả, kỳ vô hậu hồ?"* (Kẻ khởi xướng làm tượng để bồi táng, chẳng phải là không có hậu duệ ư)[138]. Đó đều là những lời lẽ nêu tỏ lý nhân quả báo ứng. Còn như Tả Truyện[139] và 22 bộ sử, những chuyện nhân quả báo ứng như thế nhiều chẳng thể kể xiết. Nho sĩ trong cõi đời chẳng lấy thánh nhân làm khuôn phép, cho nên chẳng tin nhân quả, bọn cuồng đồ học Phật coi nhân quả là Tiểu thừa. Những kẻ đó là tội nhân của cả hai giáo Nho và Thích. Như Lai thành Chánh giác, chúng sanh đọa tam đồ, đều chẳng ra ngoài nhân quả. Kẻ xằng bậy bảo chẳng có nhân quả, chê là Tiểu thừa, vì ghét nhân quả sẽ gây trở ngại cho các hành vi phóng túng, tà vạy, xa xỉ của chính mình. Vì che giấu sự xấu ác của chính mình, chẳng sợ vô lượng vô biên người sẽ do đó mà tạo ác nghiệp, đọa vào ác đạo, có thể nói là "gã đui dẫn một lũ mù, kéo nhau vào hầm lửa". Tội ác cực đại, không gì bằng tội này được! Cõi đời muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm, và cầu siêu tiên vong, yên ổn hậu duệ, tiêu tai chướng, nhận lãnh cát tường, và cầu mưa hòa gió thuận, dân chúng an ổn, tài vật phong phú, vận nước hưng thịnh, thiên hạ thái bình, mong ai nấy đều nương theo sách này mà tu tập, lại còn lần lượt lưu truyền rộng khắp cả nước thì các điều mong cầu không gì chẳng đạt được.

---

[138] Đây là một câu nói gây khá nhiều tranh cãi, thậm chí có người còn đi quá xa, cho rằng Khổng tử tán thành phong tục tuẫn táng (chôn người sống bồi táng người đã chết). "Dũng" (俑) chính là tượng người bằng đất nung, hoặc khắc bằng đá, thường dùng để chôn theo trong mộ các quý tộc. Như trong mộ Tần Thủy Hoàng có mấy ngàn tượng bằng đất nung, to bằng người thật, mặc giáp trụ để tượng trưng quân sĩ của nhà vua. Đa số các nhà chú giải cho rằng khi nói lời này Khổng tử có dụng ý phê phán thói xa xỉ khi chết, hàng quý tộc thường tạo lăng mộ xa hoa, làm rất nhiều tượng thế thân cho người hầu, gia nô, quân sĩ chôn theo, lãng phí vô ích. Khổng tử nói kẻ đề ra cái thói tuẫn táng hoặc dùng tượng hình người để bồi táng đều chẳng thể tốt lành được, gia tộc đó sẽ suy bại.

[139] Tả Truyện có tên gọi đầy đủ là Xuân Thu Tả Thị Truyện, hoặc Xuân Thu Nội Truyện. Đây là một bộ sử chép theo lối biên niên, ghi chép lịch sử các nước tại Trung Nguyên (phần bình nguyên rộng lớn nằm trong lưu vực Hoàng Hà, thuộc mạn Bắc của sông Dương Tử) trong thời Xuân Thu. Sách này được xếp vào Thập Tam Kinh bắt buộc phải học của Nho sĩ. Sách này được coi là tác phẩm do Tả Khâu Minh biên soạn (tuy vẫn có nhiều ý kiến tranh luận ai mới là tác giả thật sự) nhằm chú giải kinh Xuân Thu.

Lời đề từ đầu sách Khuê Phạm

Nơi khuê khổn chính là chỗ sanh ra hiền tài, mẹ dạy bảo chính là cái gốc khiến cho thiên hạ thái bình. Muốn cho hiền tài bừng bừng nảy sanh, thiên hạ thái bình, mà chẳng có khuôn mẫu cao đẹp để khơi gợi dẫn dắt sẽ chẳng có cách nào toại nguyện. Trong sách Khuê Phạm[140] chép sự tích của các hiền nữ, hiền phụ (賢婦, vợ hiền), hiền mẫu, đều đáng giữ yên đạo hạnh của nữ giới, vãn hồi thế đạo, chấn chỉnh thói đời bạc bẽo, uốn nắn cho lòng người ngay thẳng. Nếu kẻ làm con gái, làm vợ, làm mẹ của người khác trong cõi đời thảy đều như thế, sự giáo dục đức hạnh của gia đình sẽ hưng khởi, tai ương, họa hại của nhân dân sẽ chấm dứt. Mong rằng những ai có được quyển sách này, ai nấy sẽ đều là trong nhà thì vì quyến thuộc diễn nói, ra ngoài bèn đề xướng với đại chúng, khiến cho người thấy nghe đều lần lượt lưu truyền, khiến cho hết thảy nữ giới trong chốn khuê các đều được thọ trì, phỏng theo pháp tắc ấy, ngõ hầu chẳng phụ công tiền nhân khổ tâm trước thuật và chí hướng thanh sạch của các vị lưu truyền. Nguyện những người có cùng nghiệp với tôi đều cùng xét soi lòng ngu thành.

Đề từ cho sách Tân Biên Quán Âm Linh Cảm Lục

Quán Thế Âm Bồ-tát thệ nguyện rộng sâu, từ bi rộng lớn, tùy loại hiện thân, tầm thanh cứu khổ. Người đời hễ gặp lúc bệnh tật, hoạn nạn, nếu có thể sửa lỗi hướng thiện, tâm cung kính chí thành, thường niệm danh hiệu của Bồ-tát, không ai chẳng do lòng thành lớn hay nhỏ mà được Bồ-tát rủ lòng gia bị. Nhỏ thì gặp chuyện hung hiểm bèn hóa thành tốt lành, gặp nạn thành hên. Lớn thì nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước cao, cho đến siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Tiếc rằng cõi đời lắm kẻ chẳng biết! Vì thế đặc biệt biên soạn, tập hợp các sự tích linh cảm được ghi chép trong sử sách trải qua các đời, chia thành từng loại để biên tập, trích lục, ghép vào sau phần kinh chú, ngõ hầu cả cõi đời đều biết Bồ-tát quả thật là thuốc chữa lành cố tật, là thóc gạo trong năm đói kém, là người chỉ đường nơi lối hiểm, là chiếc bè báu nơi bến mê. Lại nguyện người thấy nghe sách này, ai nấy đều tùy theo sức mình mà lần lượt khuyên dạy, ấn thí lưu truyền, khiến cho hết thảy những người cùng nghiệp đều được tắm gội từ ân, cùng thấm nhuần pháp hóa, ngõ hầu chẳng phụ bi tâm độ sanh của Bồ-tát vậy.

---

[140] Khuê Phạm là do Lữ Khôn biên soạn vào đời Minh, bao gồm các lời dạy về nữ đức của các bậc tiên triết và các tấm gương hiền phụ, hiền nữ, hiền mẫu, kèm thêm các hình vẽ minh họa, cho nên còn gọi là Khuê Phạm Đồ Thuyết. Năm Vạn Lịch 22 (1595), Trịnh quý phi đọc sách này, bèn nhờ bác là Trịnh Thừa Ân và anh là Trịnh Quốc Thái soạn thêm phần Hậu Phi, cộng thêm mười bảy tấm gương phụ nữ hiền thục trong chốn hậu cung.

Viết cuối sách Hành Trạng Của Tiên Sinh Tề Sắc Khanh

Khi trước tôi đọc Dương Phục Trai Thi Kệ Tập, biết ông Tề Sắc Khanh là bậc quân tử ẩn dật ở Vụ Nguyên, tâm hết sức khâm kính, bội phục. Gần đây nhận được tác phẩm do con trai ông là Triều Chương viết về hành trạng của ông, được biết rõ phẩm hạnh, đạo nghĩa của ông, cũng như biết ông dốc lòng tu tịnh nghiệp, lâm chung hiện tướng lành, khi sống thì đã dự vào địa vị thánh hiền cao cả, mất bèn cao đăng cõi Cực Lạc, chẳng khiến cho người sanh ra mình hổ thẹn, mãi mãi nêu khuôn phép cho cõi đời. Do chẳng đủ mục lực, bèn viết đại lược, mong con cháu đời đời đều tuân thủ vậy!

VII. KỆ TỤNG, NGUYỆN VĂN, ĐỐI LIỄN

Kệ niệm Phật mãi lìa kiếp đao binh, vãng sanh Tây Phương

Đường đời gió sương, là cảnh luyện tâm. Tình đời ấm lạnh, là cảnh luyện nhẫn. Thế sự điên đảo, là vốn tu hành. Số kiếp tuần hoàn đáng bi thương nhất. Thoát khổ không chi hơn Cực Lạc. Chuyên niệm Di-đà, lìa cõi này. Siêng trì Phật hiệu, nhập liên bang. Cõi trần hiện bóng nghiệp đời trước, đau xót đời sau gánh họa ương. Thề quyết đời này về Tịnh độ, mãi lìa chinh chiến tới Tây Phương.

Bài ca tụng Chu mẫu Nhậm thái cung nhân[141] vãng sanh Tây Phương

Đức cao đẹp Chu mẫu, xưa đã sẵn linh căn. Từ bé đã thờ Phật, ôn nhu và cung kính, bụng dạ sẵn nhân từ. Bố mẹ chồng, thân sanh[142], đều trọn lòng hiếu thảo. Giúp chồng dạy dỗ con, đều đúng lý thích đáng. Bẩm tánh bà nghiêm chánh, đối đãi với người khác, khoan dung và ôn hòa. Tuổi sắp được sáu mươi, nhanh chóng ghét Sa-bà, muôn duyên thảy buông xuống, một lòng niệm Phật thôi! Thân sống trong Sa-bà, tâm gởi chốn Cực Lạc. Con ngoan là Điều Sanh, cùng với Chu Cát Sanh, trong ba bốn năm qua, cũng hâm mộ về Tây. Hằng ngày cùng cung nhân, sách tấn cổ vũ nhau. Do vậy được tịnh nghiệp, công huân đều thuần khiết. Cho tới lúc lâm chung, mộng nghe thấy giải thoát, bệnh ngặt đã nhiều năm, liền khỏi chẳng cần thuốc. Biết trước lúc ra đi, lại nghe mùi hương lạ. Mất rồi, sau mấy ngày, đỉnh đầu mới dần lạnh. Hỏa thiêu, sổ công cứ, tro giấy chẳng tan đi. Tăng đứng trên hoa sen, nét vẽ vẫn thấy rõ. Thệ nguyện đức Di-đà, độ khắp các hữu tình. Kẻ nghịch ác mười niệm, vẫn còn được vãng sanh. Huống hồ là cung nhân, suốt một đời tu trì. Lên thẳng chín phẩm sen, còn ngờ vực chi nữa? Hai bà phi Hữu Ngu[143], ba bà thái đời Chu. Dấu thơm của đức đẹp, tồn tại đến muôn đời!

---

[141] Cung nhân (恭人) có nghĩa là người có đức hạnh khiêm cung. Đây là một danh vị được triều đình sắc phong cho chánh thất (vợ cả) của các quan. Vào đời Minh - Thanh, đã có quy định cáo phong (cáo mạng sắc phong, 誥命敕封) cho vợ các quan có công trạng hoặc hiền lương theo quy chế sau: Quan nhất phẩm thì vợ được phong là phu nhân (夫人, thường gọi là nhất phẩm phu nhân), nhị phẩm cũng là phu nhân, tam phẩm là thục nhân (淑人), tứ phẩm là cung nhân, ngũ phẩm là nghi nhân (宜人), lục phẩm là an nhân (安人), từ thất phẩm trở xuống đều gọi là nhụ nhân (孺人). Các bà đã được phong danh tước như vậy đều gọi là *"mạng phụ"* (命婦, mệnh phụ). Theo lệ xưa, khi nói về tên họ của phụ nữ, thường gọi tên họ chồng trước họ của mình. Ở đây, bà Nhậm là vợ của ông Chu, mẹ của Chu Điều Sanh và Chu Cát Sanh, nên gọi là Chu mẫu Nhậm thái cung nhân, tức là chồng bà ta đã từng làm quan tứ phẩm dưới đời Thanh.

[142] Bố mẹ ruột.

[143] Hai bà phi Hữu Ngu tức là hai người con gái của vua Nghiêu, chị tên là Nga Hoàng, em tên Nữ Anh. Hai bà lấy vua Thuấn, cùng được tôn xưng là bậc hiền thục giúp chồng trị quốc. Hữu Ngu tức là vua Thuấn, vì vua Thuấn thuộc bộ tộc Hữu Ngu Thị, sống ở đất Ngu (nay là huyện Ngu Thành, thành phố Thương Khâu, tỉnh Hà Nam). Vì thế vua Thuấn thường gọi là Ngu Thuấn.

Tán thán hình tượng của Từ mẫu Dương thái phu nhân

Người sống trong thế gian, ai nấy đều có phần. Thiên chức được phú bẩm, phải hoàn toàn gánh vác. Nay có mẹ ông Từ, đức chói lòa nữ giới, giúp chồng dạy dỗ con, thảy đúng lẽ thích đáng. Bẩm tánh vốn nhân từ, thương xót kẻ khốn cùng. Thí pháp lẫn thí tài, hai đằng chẳng keo tiếc. Cảm vời các con bà, đều tôn trọng chuyện nghĩa, nhiều lượt lo cứu tế, tiếng tăm càng vang rền. Điều lạ lùng bậc nhất, dốc lòng tin Phật thừa, chuyên tâm tu tịnh nghiệp, quyết chí sanh về Tây. Con thứ ba Quốc Trị, giữ phép tắc nghiêm cẩn. Sách tấn mẹ nhất tâm, sắt son quyết một lòng. Tướng lành đều đã hiện, vinh dự nhiều lượt ban. Gom tiền, lập miếu thờ, để nhân dân chiêm ngưỡng. Nguyện cho khắp người đời, ai nấy đều như thế, để làm con chân thật, của chư Phật, trời đất.

Kệ tụng hồi hướng sách Thọ Khang Bảo Giám

Vì khắp những vị thiện sĩ ấn loát, thí tặng, lần lượt lưu truyền, tán dương, khuyên đọc Thọ Khang Bảo Giám, viết kệ tụng hồi hướng như sau:

Hết thảy sự nghiệp, lấy thân làm gốc. Nếu thân hao tổn, sự đều tiêu mất. Chuyện thương tổn thân, đủ loại, chẳng một. Nhưng khốc liệt nhất, chẳng qua dâm dục. Do vậy quân tử, giữ thân như ngọc, dứt tà giữ thành, ngày đêm dè dặt. Chế tâm như thế, dục niệm chẳng dấy, huống hồ tà dâm, khinh vượt luân lý. Đời có kẻ ngu, chẳng biết nghĩa này, thường cứ buông thả, chẳng tuân lễ chế, ham vui chốc lát, chịu khổ cả kiếp, giảm thọ tổn phước, vẫn là chuyện nhỏ. Vì thế tiền hiền, kính soạn sách này, mong người cùng hàng, cùng vui tánh thiên. Bất Huệ cảm khái, tăng đính lưu truyền, treo cao gương răn, hòng cứu thanh niên. Cư sĩ Đức Quảng, quyên sáu ngàn đồng, in tặng các giới, mong đều sống thọ. Lại có thiện sĩ, tùy duyên in kèm, mong cho sách này, truyền khắp gần xa. Nguyện các người đọc, mở rộng tâm ấy, lần lượt lưu truyền, thấy nghe trọn khắp, ngõ hầu đồng nhân, đều thọ và khỏe, con cháu hiền thiện, tăng trưởng điều lành. Phàm người quyên tiền, và người tán trợ, tai chướng tiêu diệt, phước thọ to mạnh, tổ tiên đã khuất, siêu sanh Tịnh độ. Con cháu hậu duệ, cát khánh chẳng tận. Vận đời tốt dần, phong tục càng đẹp. Hạnh đẹp tiên hiền, đều được kế thừa. Lời lẽ sách này, quê kệch chất phác, biểu lộ lòng thành, mong phát đại từ, tự lợi lợi người.

Bài văn phát nguyện dành cho các ủy viên nhậm chức trong Chỉnh Lý Tăng-già Ủy Viên Hội

Đại pháp Như Lai, chân tướng làm thể, theo chiều dọc, chẳng có trước sau, theo chiều ngang, dứt bặt ngằn mé. Đã chẳng có sanh, há nào có diệt? Phàm, thánh, chúng sanh, Phật đều được hun đúc. Nếu luận theo thế đế, hết thảy tùy

duyên, mất lòng người thì trì trệ, được lòng người thì sẽ lưu truyền. Kể từ khi đức Phật lập giáo, đến nay đã gần ba ngàn năm, pháp đạo lưu truyền, phổ biến trong cõi trần. Xét từ xa xưa, cao nhân liên tiếp, tự lợi lợi người, ai nấy nêu cao dấu tích lạ lùng. Vì thế bèn được cả cõi đời tôn sùng; chùa miếu san sát, tông phong rạng rỡ. Cho đến cuối đời Thanh, nhiều phen đao binh, đói kém, bậc thông triết ngày một hiếm hoi, vườn pháp ngày một tiêu điều. Pháp môn chẳng có người, kẻ ngoài thường khinh lấn, biến chùa thành trường học, là chuyện luôn thường nghe nói. Cho đến hiện thời, nguy ngập tột bậc. Nếu chẳng chỉnh đốn, sẽ lập tức thấy khuynh đảo, sụp đổ. Do vậy nhóm họp pháp lữ, châm chước lập ra chương trình, tự tu hoằng pháp, kiệt lực tiến hành, tận lực tu định tuệ, mong nối tiếp huệ mạng, kiêm tu điều lành trong thế gian để lợi ích quần luân, khuếch trương lòng từ của Phật, lợi ích rộng khắp ta lẫn người, hiển thị Phật đạo tối cao không chi hơn được. Nguyện đức Thế Tôn và các thánh hiền, cùng rủ lòng gia bị, tháo gỡ khắp các sự khổ treo ngược, bởi lẽ Phật pháp chính là pháp nơi tự tâm. Tất cả sóng gió, đều là vì chưa suy xét. Nguyện đem công đức này, giúp khắp các ân và các cõi, sống thì được trường thọ mạnh khỏe, mất thì về Tịnh độ. Pháp chẳng có tướng nhất định, hết thảy duy tâm, đồng phát Bồ-đề, đạo xuyên suốt xưa nay.

Bài ca tụng Long Thái Huệ Huy vãng sanh

Người sống trong trời đất, ai nấy chức phận riêng, nam lo việc bên ngoài, nữ lo việc bên trong. Nếu đôn đốc luân lý, do thân giáo ảnh hưởng, con cháu ắt hành theo. Do vậy lũ con cái, khiến cha mẹ chẳng thẹn. Đẹp thay Thái Huệ Huy, bẩm tánh thật thuần phác, thờ cha mẹ giúp chồng, thảy dốc cạn thành kính. Dạy con khá nghiêm túc, từ bi giúp người, vật. Niệm Phật mấy chục năm, tấm lòng đã rỗng rang, tuổi già càng gắng sức, cảm ứng đạo phù hợp. Nương sức Phật từ bi, lâm chung lên Cực Lạc. Tự mình trọn chánh niệm, lại được siêng trợ niệm. Tuy thuộc hàng phàm phu, đã chứng diệu nhân ấy. Con bà tên Ân Lộc, mẹ khéo dạy từ xưa. Tới khi mẹ bệnh ngặt, cắt bắp tay làm thuốc, nào biết tịnh nghiệp chín, sao có thể chậm trễ? Viết lại lòng thành khẩn, mong truyền cho hậu duệ.

Kệ hồi hướng cho sách Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ

Vì khắp những vị thiện tín thí tiền, lưu truyền, và lần lượt truyền bá, xem đọc, viết kệ hồi hướng như sau:

Tam giới hết thảy pháp, chỉ do nhất tâm tạo. Thuận đạo ắt tốt lành, nghịch lý ắt hung ác. Hay thay cổ đại nhân, ôm lòng đồng thiên địa. Dùng sức tài trí mình,

tham tán[144] sự hóa dục. Mọi chuyện mong lợi khắp, thiên hạ và đời sau, bác ái giúp chúng sanh, trọn chẳng chấp đức đẹp. Công cao, tiếng tăm nổi. Đức lớn, cát khánh tới. Sống hưởng trọn ngũ phước, dư khánh truyền hậu duệ. Nếu thói này thịnh hành, thế giới tự yên vững. Mọi người giữ lễ kính, đều cùng nhân nhượng nhau, đều mong trọn tình nghĩa. Buồn thay lũ tiểu nhân, chỉ biết đến chính mình, suy nghĩ và xử sự, trọn chẳng theo thiên lý. Hãm người để tự an, tổn người để lợi mình. Cốt sao lợi trước mắt, chẳng hiểu tổn túc phước. Tới khi kết thành quả, khổ báo chẳng cùng cực. Chỉ khiến người thương xót, tội nghiệp chẳng dứt được. Trên từ thuở Đường Ngu[145], dưới đến tận đời Minh. Các sự tích thiện ác, sử sách chép đầy đủ. Nay thế đạo chìm đắm, người hiểu biết lo sợ. Bạn tôi Nhiếp Vân Đài, nghĩ cách toan cứu tế. Riêng thỉnh Hứa Chỉ Tịnh, soạn Cảm Ứng Thống Kỷ, ấn loát lưu truyền rộng, mong tự giữ giới pháp. May được các thiện sĩ, bỏ tiền hơn vạn đồng. Kính in hai vạn bộ, để kết trọn thiện duyên. Khoản tịnh tài còn dư, cho in bản giấy thường. Chữ nhỏ, giá rẻ hơn, cho thanh niên học tập. Nguyện khắp người thấy nghe, lập cách lưu truyền rộng, để ngưng dứt cạnh tranh, tiến thẳng đến đại đồng. Nguyện những người phát khởi, cùng với người biên tập, các thiện sĩ giúp in, xem đọc rồi bắt chước. Hiện tại và tương lai, hết thảy các thiện nhân, cùng tiêu các ác nghiệp, tăng trưởng thắng thiện căn. Sống thì hưởng ngũ phước, chết lên chín phẩm sen. Tiên vong sanh Tịnh độ, hậu duệ gương cõi đời. Mưa gió thuận đúng thời. Dân yên, tài vật thịnh, ngõ hầu người bốn phương, đều ngưỡng mộ nước nhà.

Bài kệ hồi hướng nhân dịp xây xong tường vây quanh ao phóng sanh ở Di Sơn

---

[144] Tham tán (參贊): Tham gia giúp cho thành tựu. Ở đây ý nói bậc hiền nhân đã góp phần khiến cho sự dưỡng dục của trời đất đối với nhân loại và muôn vật được thành tựu.

[145] Đường Ngu tức là thời Nghiêu Thuấn. Do vua Nghiêu thuộc bộ tộc Đào Đường Thị nên thường gọi là Đường Nghiêu (Đạo giáo tôn xưng vị vua này là Thiên Quan Đại Đế, và lấy ngày Rằm tháng Giêng làm khánh đản, còn gọi là lễ Thượng Nguyên), còn vua Thuấn thuộc bộ tộc Hữu Ngu Thị nên thường gọi là Ngu Thuấn. Vị vua này được Đạo giáo tôn xưng là Địa Quan Đại Đế, chưởng quản Ngũ Nhạc Đại Đế (khánh đản là ngày Rằm tháng 7, còn gọi là lễ Trung Nguyên), còn vua Đại Vũ thì được tôn xưng là Thủy Quan Đại Đế (khánh đản vào Rằm tháng 10, tức lễ Hạ Nguyên). Tuy thế, có thuyết lại nói ba vị này do là Tam Thanh (Nguyên Thủy Thượng Thanh, Linh Bảo Ngọc Thanh và Đạo Đức Thái Thanh tức Lão Tử) hóa ra. Vào các ngày lễ này, theo cổ tục, nhất là ngày Trung Nguyên, người Hoa sát sanh cúng tế tổ tiên rất nhiều. Nhằm khuyến thiện và hạn chế người dân sát sanh, cũng như căn cứ theo thời tiết tại Trung Hoa, chư tổ đã đổi ngày Trung Nguyên thành ngày Giải Hạ (sau ba tháng an cư kết hạ) và biến ngày Rằm Trung Nguyên thành ngày Vu Lan Thắng Hội để chúng sanh kiêng giết, phóng sanh, gieo phước, tụng niệm hòng siêu độ tổ tiên. Trong khi đó, Phật giáo Nam Truyền tuân theo quy chế tại Ấn Độ, sẽ kết hạ vào tháng 6 và giải hạ vào tháng 9 (tức ngày dâng y Kathina).

Sát kiếp thời cận đại, xưa nay chưa hề có, suy cùng tột cội nguồn, quả thật vì tham ăn. Xây tường chung quanh ao, rộng hành chuyện phóng sanh, mong nhờ đó cứu vãn. Nguyện khắp người thấy nghe, kiêng thịt, đều ăn chay. Ăn chay rất vệ sinh, chẳng hại mạng loài vật. Khiến tâm ta nhân từ, gần bằng như cổ thánh. Sát nghiệp đã chẳng kết, thế đạo tự thái bình. Cách cứu loài vật này, lợi mãi các quần manh[146]. Hồi hướng thắng công đức, vãng sanh Phật Tịnh độ, thấy Phật, chứng vô sanh, để lục đạo nương cậy.

Ca tụng bà Lâm Tánh Ngộ vãng sanh, và răn dạy những kẻ ham cao chuộng xa coi thường Tịnh độ

Phật tánh trong hàm thức, bình đẳng chẳng hề hai. Do mê ngộ khác nhau, khổ vui cách biệt một trời một vực. Hay thay, Lâm Tánh Ngộ, đã đủ đại thiện căn từ xưa, tuy mang thân ngũ lậu, thật sự uẩn tàng tâm Nhất thừa. Vừa được nghe Phật pháp, chặt đứt ngay tập khí của nữ nhân, chuyên tâm tu tịnh nghiệp. Do có con gái làm bạn lành, còn thơ ngây mà đã hiện tăng tướng. Không lâu sau, cháu liền sanh Tây. Ấy là vì muốn cho cái tâm xuất ly của cha mẹ được quyết định. Bà cùng chồng bái ngài Đế Nhàn làm thầy, lại được quán đảnh, nhất tâm cùng khế nhập, lãnh hội hai nghĩa Tịnh và Mật. Thường ngày, sức trì tụng cực chuyên, cực khẩn thiết, mộ đạo như đói khát, cái tâm càng kiên quyết, son sắt. Cho tới khi lâm chung, được thấy Phật đến nghênh tiếp, tướng lành hiện hoa sen, chân bước lên Lạc Bang. Đáng tiếc người trong thế gian phần nhiều tự phụ tự lực! Nếu chưa đoạn hết kiến tư hoặc, chẳng thể nào thoát khỏi tù ngục tam giới. Ngục ấy tường rất cao, chưa thể tùy ý được. Nếu chỉ nói đến lý tánh, rốt cuộc sẽ hãm vào chuyện nói suông. Thật tuy ít vẫn hơn giả nhiều, khéo quá chẳng bằng vụng. Vụng về mà nếu đạt đến chỗ cùng cực thì kẻ hay khéo đều phải nhường bước. Ngài Liên Trì dạy thật thà, ngài Thiện Đạo dạy chuyên tu. Kẻ ham cao chuộng xa phần nhiều làm tù nhân của Diêm lão. Buồn thay, lại thảm thay! Sao lại vướng lấy tội lệ ấy, chỉ vì chẳng chú trọng thực hành, sẽ biến thành trò đùa trẻ nít.

Câu đối ghi trên lan can vây quanh sân của giếng Thánh Thủy chùa Tịnh Cư ở Tế Nam

Tiểu nhi đọa tỉnh phục ngọa gia, mạc danh kỳ diệu.
Thánh thủy phái lâm hựu khử dịch, duy tại hồ thành.

---

[146] Quần manh (羣萌, bahu-jana) chỉ dân chúng, trăm họ. Hiểu theo nghĩa rộng là tất cả chúng sanh, còn gọi là quần sanh, tức chúng sanh. "Manh" là mầm mộng. Gọi chúng sanh là "quần manh" nhằm diễn tả ý nghĩa: Tất cả chúng sanh đều có chủng tử đạo tâm, nhưng bị vô minh che lấp, giống như cái mầm ẩn kín trong tạng thức.

(Trẻ nhỏ té giếng, lại nằm ở nhà, diệu kỳ khôn diễn tả,
Nước thánh tràn trề, còn trừ tật dịch, chỉ vì lòng thành kính.)

Câu đối trước bàn Phật trong nhà

Phật đức hồng thâm, độ chúng sanh ưng độ ngã.
Thế tình nguy hiểm, bất niệm Di-đà cánh niệm thùy?

(Phật đức rộng sâu, độ chúng sanh hãy nên độ con,
Thói đời nguy hiểm, chẳng niệm Di-đà lại niệm ai?)

Khích lệ Đức Chấn

Tri Phật tánh thường, phấn khắc chứng chí,
Tư địa ngục khổ, phát Bồ-đề tâm.

(Biết Phật tánh chân thường, dũng mãnh quyết chứng,
Nghĩ địa ngục khổ sở, phát tâm Bồ-đề.)

VIII. TRUYỆN KÝ, KÝ SỰ, TẾ VĂN

Bé gái Tra Lục Khánh ở Cửu Giang

(Vãng sanh năm Dân Quốc 14 - 1925)

Thầy Quảng Ấn ở am Song Tuyền nói: - Bé gái Tra Lục Khánh là con gái của cư sĩ Tra Tân Thần ở Cửu Giang. Lúc bé sanh ra, nhằm đúng lúc sanh nhật 60 tuổi của bà nội, nên đặt tên là Lục Khánh. Tân Thần và vợ đều quy y Phật pháp. Bé gái cũng quy y Phật pháp, pháp danh là Hựu Hỷ. Năm nay mới 6 tuổi, trong khoảng tháng 5 và tháng 6, thường nói: "Nhà cửa này của ta hết sức chật hẹp." Cha mẹ chẳng để ý. Ngày 23 tháng 7, mẹ bé sắp đến Niệm Phật lâm để niệm Phật, bé nhất định muốn đi theo. Ngày hôm sau liền mắc bệnh nhẹ, suốt ngày tự kết thủ ấn, cha mẹ cũng chẳng hiểu vì sao bé biết pháp ấy. Sau đó bệnh chuyển nặng, cha mẹ cầu khẩn Quán Thế Âm ba ngày, cầu gia bị cho con lành bệnh. Trong ba ngày ấy, bé thường nói: "Con phải đi." Cha mẹ thấy bé quyết định muốn đi, liền hỏi: "Con đi đến chỗ nào?" Bé liền lấy tay chỉ về hướng Tây. Cha bé nói: "Con đi được rồi." Bé liền nhắm mắt, qua đời. Ôi, cô bé ấy nếu chẳng phải là Bồ-tát hiện thân, thì là do túc căn đã chín muồi, cho nên nêu gương hướng dẫn trong thế giới trược ác này. Phàm người thấy nghe, ai nấy hãy nên phát tâm chân tín, tu trì tịnh nghiệp để mong lâm chung nương vào từ lực của Phật, vãng sanh Tây Phương, thường cùng các vị thượng thiện nhân tụ hội một chỗ, đến tột cùng đời vị lai thường hưởng pháp lạc.

Bài ký về chuyện con gái ông Mã Kỳ Sưởng ở An Huy nghe kinh Kim Cang lành bệnh, tọa thoát

Ông Mã Kỳ Sưởng ở An Huy, tự là Thông Bạch, chính là một bậc đại văn học gia trong hiện thời, trước tác hết sức phong phú. Thoạt đầu, ông chỉ nghiên cứu Nho tông, chẳng biết Phật pháp. Mười mấy năm gần đây mới biết Phật là đại thánh nhân, giáo pháp của ngài có các chuyện chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy hằng ngày tụng kinh Kim Cang, kiêm trì Phật hiệu, cầu sanh Tây Phương. Cô con gái thứ ba của ông tên là Quân Can, gả cho họ Phương, khá thông minh, thông văn lý, có phong phạm của bậc liệt nữ thời cổ, Thông Bạch hết sức yêu mến. Cô ta đề xướng giáo dục cho nữ giới, chẳng tiếc sức thừa. Thoạt đầu, cô ta tốt nghiệp trường nữ sinh Vụ Bổn tại Thượng Hải; kế đó, nhận lời mời của đại thần Bắc Dương là ông Viên (Viên Thế Khải), mở trường Sư Phạm dành cho nữ giới tại Thiên Tân. Sau đó lại sang Nhật du học để mở rộng kiến thức. Chỉ có điều đối với Phật pháp, trọn chẳng tin tưởng.

Tháng 5 năm Dân Quốc 15 (1926), cô ta do sản hậu thành bệnh, khổ nạn khó thể chịu đựng. Thông Bạch thương xót, đối trước cô ta niệm kinh Kim Cang. Cô ta vừa nghe tiếng tụng kinh, thân tâm an lạc. Cho đến khi kinh hết, lại cảm thấy đau khổ. Thông Bạch bèn thức trắng đêm niệm kinh. Bỗng cô ta ngồi dậy, nói cha ngưng niệm, giống như người khỏe mạnh. Lại nói: "Con đối với đạo lý nói trong kinh Kim Cang thảy đều ngộ được." Cô ta liền muốn hiện tướng đại nhân, nói pháp vô sanh, ngõ hầu hết thảy những ai thấy nghe đều gieo thiện căn, giả vờ nói nhà cửa chật hẹp, muốn đến bệnh viện để dưỡng bệnh. Do ông Thông Bạch và con rể là Phương Thời Giản cùng ngụ tại kinh đô, thuê nhà ở chung, cho nên chỗ ở chẳng thể rộng rãi, thanh nhàn, u nhã được. Thông Bạch thấy cô ta quyết chí, bèn bảo chồng cô ta đưa đến bệnh viện của người Đức, chọn phòng bệnh tốt nhất cho cô ta nằm. Cô ta bảo chồng và những người chăm sóc đi khỏi, bèn chắp tay, ngồi qua đời. Ôi lạ lùng thay! Cô này giống như cô Linh Chiếu con gái của cư sĩ Bàng (Bàng Long Uẩn), dùng chuyện nhật thực để dụ cha rời khỏi chỗ ngồi, cô ta liền ngồi nơi ấy mà thoát hóa, có khác gì đâu? Ông Lý Mộc trọn chẳng tin Phật, nghe Thông Bạch kể lại nhân duyên này (ông Mộc là môn sinh của Thông Bạch, mùa thu năm Dân Quốc thứ mười (1921)[147], Thông Bạch trở về An Huy, qua đất Hỗ, đến nhà ông Mộc, nói chuyện này), cả nhà ông Mộc bèn quy y tam bảo. Phẩm Phổ Môn nói "đáng nên hiện thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy thuyết pháp", ai chẳng tin vậy thay? Nhưng chồng cô ta là Thời Giản đối với hành trạng đã thực hiện của cô ta lại ngược ngạo vùi lấp, tội lỗi ấy quả thật chẳng nhỏ cạn!

Vị tăng tên Liên X… ở Úy Châu

Năm Quang Tự thứ 23 (1897) đời Thanh, mấy tỉnh ở phương Bắc bị đại hạn. Có vị tăng tên Liên X… trụ trong một ngôi chùa nhỏ ở ngoài thôn. Có mấy tên dân đói từ Sơn Đông bỗng tìm đến, kêu gào đói bụng, muốn xin cơm. Tăng nói: "Cơm tôi đã ăn hết rồi, chẳng còn sót gì." Mấy kẻ đó đòi hỏi càng gấp. Vị tăng nói: "Ta sẽ nấu nồi cơm khác cho các ngươi." Vị tăng ấy hằng ngày giữ khóa tụng là sáu vạn câu Phật hiệu, tuy miệng hứa nói sẽ nấu, muốn lần tràng hạt cho xong một chuỗi trước đã. Bọn họ cho rằng sư chẳng cho họ ăn, bèn cầm búa từ phía sau đập vào đầu sư, sư ngã lăn quay. Bọn họ dùng cái thìa sắt dùng để múc dầu, khoét hai muỗng máu thịt trên đầu sư đổ vào dầu rồi mới bỏ đi. Vị tăng ấy choáng váng, chẳng biết gì nữa, bèn lần đến trước cái chuông, vội vàng giộng chuông mấy chục tiếng. Trong thôn, hễ có việc quan, đều giộng chuông để làm hiệu lệnh.

[147] Chỗ này chắc người biên tập viết nhầm. Vì đoạn trên nói rõ cô Quân Can ngã bệnh, tọa thoát trong khoảng tháng 5 năm Dân Quốc 15 thì làm sao ông Mã Kỳ Sưởng kể chuyện này cho ông Lý Mộc nghe vào năm Dân Quốc thứ mười được!

Nghe tiếng chuông, mọi người đều kéo đến chùa, thấy chỗ tăng ngã xuống do bị đánh chảy máu tung tóe, nhưng từ trong nhà cho đến trước chỗ để chuông, tới lui đều có vết máu tuôn. Sờ thử, thấy sư vẫn còn thở, do vậy nâng dậy, lay tỉnh. Sư nói: "Bị dân đói đánh." Họ bèn sai mấy chục người đi bốn phía truy lùng. Những gã đó bị bắt, đều xin đền mạng. Lôi bọn chúng về chùa, vị tăng nói: "Chắc chắn là đời trước tôi và họ có oán thù. Nay họ đánh tôi, các vị lại làm khó họ, há chẳng phải là khiến cho tôi bị đánh uổng công, không chỉ là túc oán chẳng thể tháo gỡ, mà còn kết thêm oán mới. Tôi chịu không nổi mối nợ này! Tôi hãy còn hơn một ngàn đồng, hãy cho họ cầm đi." Đỉnh đầu vị sư ấy dần dần lành sẹo, vẫn cứng rắn như người bình phàm, chỉ là trên đỉnh đầu chẳng có cọng tóc nào, quanh đó đều có vết thương, cũng lạ lùng thay! Năm Quang Tự 13 (1787)[148], Quang và sư đệ của thầy ấy là Liên Như từ núi Hồng Loa đến triều bái Ngũ Đài. Lúc trở về, đến chùa của vị tăng ấy, lúc đó sư đã hơn 60 tuổi, mặt mũi rạng rỡ, sáng láng, vừa nhìn liền biết là bậc có đạo đức. Liên Như chỉ vào đỉnh đầu của sư, kể lại chuyện ấy. Vì thế ghép vào đây để giúp khơi gợi lòng tin.

Văn tế cư sĩ Giản Chiếu Nam

Khi ngũ uẩn hừng hực kiến lập, thật thể rốt cuộc chẳng thể được. Gặp lúc tứ đại chia lìa này, hễ chiếu sẽ ngay lập tức thoát khổ ách. Đáng khen thay cư sĩ Giản Chiếu Nam, túc căn sâu dày, bẩm tánh hiền lành. Tay trắng lập nghiệp, chẳng khác ngày nay! Đào Chu[149] lòng son hộ pháp, đúng là Tu-đạt-đa trong hiện

---

[148] Ở đây, thời gian cũng bị nhầm lẫn vì lỗi của người biên tập. Theo niên phổ của đại sư Ấn Quang, sau khi thọ giới cụ túc với luật sư Ấn Hải Định vào năm 1882, tức năm Quang Tự thứ tám, tổ tiềm tu tại núi Thái Ất mãi cho đến năm Quang Tự 12 (1886) mới đến chùa Tư Phước núi Hồng Loa. Năm Quang Tự 16 (1890), ngài đến chùa Long Tuyền ở Bắc Kinh quải đơn, và gặp hòa thượng Hóa Văn lên Bắc Kinh thỉnh Đại tạng, được ngài Hóa Văn tin tưởng, giao phó trông coi chuyện ấn hành Đại tạng cho chùa Pháp Vũ. Năm Quang Tự 19 (1893), tổ theo ngài Hóa Văn về ẩn cư tại tàng kinh các chùa Pháp Vũ ở Phổ Đà. Như vậy chuyện ngài đến triều bái Ngũ Đài không thể nào xảy ra vào năm Quang Tự thứ mười được, chỉ có thể sớm nhất là vào năm Quang Tự 12 và trễ nhất là đầu năm Quang Tự 16, trước khi đứng trông coi ấn loát Đại tạng kinh. Cũng như chuyện vị sư bị dân đói đập đầu không thể xảy ra vào năm Quang Tự 23 (1897) được, phải sớm hơn trước đó rất nhiều.

[149] Đào Chu tức là Đào Chu Công. Phạm Lãi sau khi giúp Câu Tiễn diệt Ngô, khôi phục nước Việt thành công, thấy Câu Tiễn là kẻ tướng cổ dài, miệng chúm như mỏ chim, tức là người hẹp hòi, đa nghi, bạc ác, không thể cùng hưởng vinh quang, ông bèn lén gởi thư nhắn đại phu Văn Chủng hãy từ quan bỏ nước ra đi, rồi đem Tây Thi trốn sang nước Tề. Văn Chủng không nghe, quả nhiên về sau bị Câu Tiễn kiếm cớ gán tội, bắt tự tử chết. Đến đất Tề, Phạm Lãi đổi tên là Chi Di Tử Bì, sống ở vùng đất hoang ven biển, tận lực canh tác và buôn bán, trở thành một người giàu nhất thời ấy. Do bị vua Tề ép làm Tướng quốc, Phạm Lãi bèn từ chối, lại đem chia hết tài sản cho người khác và những người trong vùng, trốn sang đất Đào (nay thuộc huyện Định Đào, tỉnh Sơn Tây), tự xưng là Đào Chu Công, kinh doanh lần nữa, trở thành bậc cự phú. Do vậy, người Hoa thờ ông làm thần tài, gọi là Văn Tài Thần, còn Võ Tài Thần là Triệu Công

thời. Lại còn tu trọn các điều lành trong thế gian, nghiêm túc giữ tam quy ngũ giới. Tịnh nghiệp nhờ vào phước lực mà viên thành, cố nhiên đáng cao siêu Cực Lạc. Lâm chung do quyến thuộc đau buồn, quyến luyến, sợ sẽ vướng mắc trong Sa-bà. Cần phải biết Phật chẳng nguyện suông, chính mình đã có Phật tâm, chỉ cần có thể phá tan cửa ải tình kiến, tự nhiên chân tâm hiển hiện thấu triệt. Vẫn mong ông phát trọn ba tâm, chỉ khởi lên nhất niệm, sẽ lập tức nhanh chóng lên chín phẩm. Ôi, đường Tây Phương rộng thênh thang, ngay lập tức trở về nhà há cần hỏi lối. Tự chẳng quay về, về liền được; gió trăng quê cũ có ai giành?

Điếu đại sư Đế Nhàn

Than ôi Đế công, nương nguyện thị hiện giáng sanh. Giương rộng lưới giáo, tôi sao diễn nói trọn nổi? Nguyện được Phật thọ ký, mau trở lại Sa-bà, phổ độ hàm thức, cùng sanh Cực Lạc.

Thôi sanh tử *(trường sanh oa)*

Thôi sanh tử (催生子, vật giúp cho dễ sanh) còn gọi là "trường sanh oa" (長生蝸, ốc trường sanh), sống trong cát biển. Ở núi Phổ Đà chẳng có mấy, thổ dân ở các nơi khác bắt về, đem bán tại các tiệm ở Phổ Đà. Khách đến hành hương mua về, để dùng cho phụ nữ khi sanh nở, cất trong rương hoặc tráp sạch, vĩnh viễn chẳng hư, chẳng chết. Vì thế, có cái tên là ốc trường sanh. Nếu có người khó sanh, chí thành niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, dùng nước đun sôi hơi ấm (nước nóng sợ bỏng chết vật ấy. Nước lạnh sợ gây trở ngại cho sản phụ), nuốt xuống một con, trẻ liền sanh ra ngay, liền có thể kiếm thấy con ốc ấy được nắm trong tay đứa trẻ. Nam bên tay trái, nữ bên tay phải. Rửa sạch cất đi, có thể sử dụng nhiều lần. Vật ấy nếu không chuyển đến núi Phổ Đà sẽ chẳng linh, cho nên chỗ khác chẳng bán. Thoạt đầu, tôi nghe nói nuốt nó sẽ giúp sanh mau, lại theo tay trẻ thoát ra, ngờ rằng trọn chẳng có lý ấy! Bởi lẽ, nuốt vào bụng, phải xuống ruột già, sao lại có thể vào trong tử cung? Huống hồ trẻ ở trong bụng mẹ, phía ngoài có nhau thai, chân tay trẻ cong queo như bị nhiều lớp quần áo bó chặt, sao có thể duỗi tay bắt lấy vật ấy?

Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), có đồng hương ở Triều Áp tỉnh Thiểm Tây là Lưu Cần Phố đến thăm (nhà Cần Phố nhiều đời thư hương, là bậc quân tử đức dày), nghe tôi nhắc đến chuyện ấy, bèn nói: "Chuyện trong thiên hạ, có chuyện

---

Minh hoặc Quan Công. Tuy thế, trong niềm tin dân gian của Trung Hoa, có rất nhiều vị Văn Tài Thần, chẳng hạn như Tỷ Can (chú Trụ Vương) được Đạo giáo tôn là Thủ Tài Chân Quân, Lý Quỷ Tổ được tôn là Tăng Phước Chân Quân, Đoan Mộc Tứ (tức Tử Cống, học trò của Khổng tử) do khéo kinh doanh cũng được tôn là Tài Thần v.v..

chẳng thể dùng phàm tình để suy đoán được. Lý như thầy đã nói đúng là như thế, nhưng sự thì thầy chưa thấy. Nhà tôi tổ truyền có một hạt [trường sanh oa]. Thường mỗi khi phụ nữ trong nhà và thân bằng sanh nở thường dùng đến. Sử dụng nhiều lượt chẳng thể đếm nổi số. Về sau bị người khác mượn đi, nghe nói là đã mất rồi! Chẳng biết có thật sự bị mất hay là giấu nhẹm đi, hết sức đáng tiếc." Năm sau tôi đến Dương Châu, kể lại với cư sĩ Trương Thụy Tăng lời đối đáp của Cần Phố. Ông ta nói: "Nhà tôi vốn có một viên lôi chấn tử (雷震子). Hễ phụ nữ sanh nở, nuốt vào liền sanh. Vật ấy được nắm trong tay đứa trẻ. Nhặt lấy rửa sạch, cất đi để dành. Đã sử dụng khá nhiều lần rồi. Về sau bị kẻ khác mượn không trả, nói là đã đánh mất." Trời đất to lớn, sự vật đông đảo, dẫu là thánh nhân vẫn có điều không biết! Chuyện trong thế gian này còn chẳng thể dùng phàm tình để suy lường, huống hồ cảnh giới của Phật, Bồ-tát ư?

Điều đáng giận là các cửa tiệm sợ người khác chẳng tin tưởng, bảo vật ấy gọi là *"thố miết"* (醋鱉, ba ba trong giấm), có thể giục cho mau sanh, bỏ vào trong giấm nó sẽ cử động. Ngẫu nhiên dùng giấm thử, quả nhiên thật vậy, nhưng chẳng biết, hễ bị thả vào giấm chua thì nó sẽ chết, chẳng thể dùng được nữa. Các văn nhân do thấy nghe lời ấy, chẳng suy xét sâu xa, bèn nói hùa theo, cho là đúng như vậy. Như Chu Tự Tăng soạn sách Xương Quốc Điển Vịnh bảo: "Vật ấy gặp giấm bèn sống. Vì vậy dùng giấm để thử, quả thật giống như viên châu bò trên cái khay." Chu Công Cẩn cũng nói: "Ốc trường sanh thả vào giấm chua sẽ sống động." Sách Chánh Tự Thông[150] chép: "Loài ấy có đực cái, bỏ vào trong giấm, con cái và con đực sẽ đuổi theo nhau, quanh quẩn kết hợp, liền đẻ trứng nhỏ như hạt kê." Loại lời lẽ thêu dệt vô căn cứ ấy, thật đáng thống hận! Chẳng biết đã khiến cho bao nhiêu người dấy lòng thử xem mà hại mạng của loài vật. Nếu vẫn dùng con ốc trường sanh đã bị thử bằng giấm để giúp cho người ta dễ sanh, sẽ gây hỏng chuyện, hoặc hại mạng người. Bọn văn nhân kiểu đó, đời sau ắt khó tránh khỏi cái họa không duyên cớ gì mà bị người khác hãm hại, chẳng biết nguyên do là vì đời trước đã tự hào vì tài văn chương, hư vọng bịa chuyện mà nên nỗi, cũng chẳng đáng buồn ư?

Nói nó có thể giúp dễ sanh thì đúng như vậy. Vật ấy phía trên khum khum tròn, phía dưới thì bằng phẳng, dưới đáy có mấy chục đường vằn, càng hướng vào giữa càng dày đặc. Để lâu ngày, ở chính giữa sẽ lọt ra một con nhỏ hơn, tức là nó sanh con. Con lớn thì phần chính giữa lõm vào, chẳng bằng phẳng như trước.

---

[150] Chánh Tự Thông là tác phẩm do Trương Tự Liệt soạn vào cuối đời Minh, thuộc thể loại từ điển, thâu thập hơn ba vạn chữ Hán, giải thích ý nghĩa cặn kẽ từng từ, trích dẫn nhiều tài liệu để chứng minh ý nghĩa.

Vì thế, cất càng lâu sẽ thấy có nhiều. Cần phải xét kỹ coi nó còn sống hay đã chết. Đã chết thì chẳng thể dùng. Nếu toàn thân nó ôn nhuận, hơi ửng đỏ như màu thịt thì còn sống. Nếu toàn thân khô trắng, chẳng có chút ôn nhuận ửng hồng như màu thịt thì là đã chết.

Lại nữa, vật này khéo trị chứng mắt sưng đỏ. Mắt con người, bất cứ vật gì đều chẳng bỏ vào mắt được. Nếu vật ấy (ốc trường sanh) còn sống, dẫu to một hai phân, vạch mí mắt, để vào trong mắt, trọn chẳng có mảy may khó chịu nào. Nếu mắt khỏe mạnh, nó sẽ chẳng chịu khảm vào. Vừa bỏ tay ra, nó sẽ rơi ra ngay. Nếu mắt bị sưng phù đỏ, bỏ vào, tùy tiện ấn nhẹ, nó sẽ tự dính chặt. Không chỉ chẳng cảm thấy cồm cộm, mà còn chẳng thấy mí mắt có chỗ nào phồng lên, chẳng khác gì chẳng bỏ vật nào vào. Sau đó liền chẳng cảm thấy chi hết; đợi đến khi mắt đã lành bệnh, nó sẽ tự rớt ra, nhưng người ta không hay biết, mười trường hợp thì chín bị thất lạc. Nếu đã bỏ vào mắt, phải thường luôn lưu tâm thì chắc chẳng bị mất, nhưng khó lắm, do nó ở trong mắt, người ta tuyệt chẳng cảm nhận được. Đấy cũng là chuyện chẳng thể dùng lý thường để phán đoán được.

"Lôi chấn tử" tức là quả màu hồng do cây vạn niên thanh kết thành, khi sét đánh, nó sẽ liền rơi xuống đất. Nếu trước hoặc sau đó, sẽ đều chẳng có hiệu nghiệm. Thôi sanh tử còn dễ có, chứ lôi chấn tử càng khó có. Nhưng có thứ so với hai vật ấy càng hữu ích hơn, mà cầu thì không gì chẳng đạt được, tiếc là lắm kẻ chẳng biết. Nếu ai nấy đều biết thì hai vật ấy cũng đều chẳng dùng đến. Phụ nữ khó sanh, nói chung là do sát nghiệp trong đời trước hoặc đời này mà ra. Nếu thường ngày luôn yêu tiếc sanh mạng loài vật, kiêng giết, bảo vệ sanh vật, thường niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, ắt nghiệp chướng tiêu trừ, tự sanh sản dễ dàng. Dẫu xưa nay chẳng biết niệm Bồ-tát, tới lúc sắp sanh mà có thể chí thành khẩn thiết niệm, và quyến thuộc chăm sóc đều cùng niệm cho người ấy, thì cũng có thể bình an, sanh nở mau chóng, mẹ tròn con vuông. Lại còn gieo thiện căn to lớn, lợi ích ấy há có hạn lượng?

Có kẻ nói khi sanh nở, lõa lồ, bất tịnh, niệm danh hiệu Bồ-tát sợ mắc tội lỗi. Chẳng biết Phật, Bồ-tát coi hết thảy chúng sanh như con cái do chính mình sanh ra. Nếu con ngã vào chỗ lửa nước, cầu cứu cha mẹ, cha mẹ ắt chẳng vì con áo mũ không chỉnh tề, thân thể chẳng sạch sẽ mà vứt bỏ chẳng cứu! Lại như mặt trời, mặt trăng chiếu sáng giữa trời, tịnh hay uế đều bình đẳng chiếu, trọn chẳng phân biệt. Nhưng xét về phần chúng ta, cố nhiên nên dốc hết lòng thành, cạn hết lòng kính thì mới có thể ngưỡng mong ngài rủ lòng ứng hiện. Người có sức ắt cần phải thân lẫn tâm đều dốc hết lòng cung kính. Kẻ chẳng có sức, cần phải nhất tâm cung kính, đối với thân hình, cố nhiên chẳng thể chấp chết cứng được. Có hạng người

ăn chay, niệm Phật, nhưng là kẻ chẳng biết lẽ biến thông, do trong nhà có phụ nữ sắp sanh nở, bèn bỏ ra ngoài ở tạm hơn một tháng mới quay về, nói là "hễ bị huyết xông nhằm, kinh chú đã tụng niệm trước kia đều vô hiệu". Tri kiến chấp trước hẹp hòi đến nỗi trái tình nghịch lý như thế đó! Vì thế, tôi nêu bày điều này để mong cho hết thảy mọi người đều an bình mà sanh, mẹ con đều tốt lành. Đứa con sanh ra sẽ đều hiếu hữu nhân từ, phước thọ an khang. Chưa ra làm quan thì là gương mẫu cho làng ấp, gia đình êm đẹp. Hễ cầm quyền bèn bình trị thiên hạ, hộ quốc, cứu dân. Tuy chúng ta mong sớm sanh về Tây Phương, cũng phải nguyện trong cõi đời có hiền nhân, thiện sĩ, làm người đề xướng, hướng dẫn trong quốc gia, xã hội. Đấy chính là điều tôi sáng tối thơm thảo cầu chúc vậy, mong cho mỗi mỗi đều được như nguyện.

IX. PHỤ LỤC

Tưởng nhớ pháp ngữ của pháp sư Ấn Quang

(Vân Tuyền Tử ghi)

Pháp sư Ấn Quang tự chôn sống trong quan phòng tại chùa Pháp Vũ ở Nam Hải, chuyên tu tịnh nghiệp, hết sức khẩn thiết hơn người. Một hôm, Vân Tuyền Tử đến thăm, trò chuyện hồi lâu. Lúc sắp từ biệt, Ấn công nắm tay căn dặn:

- Trước nay, các vị tổ Thiền và Giáo thường nói: "Nếu tông Thiên Thai giáo quán chẳng có người truyền thừa, giảng giải, sẽ là lúc Phật pháp sắp diệt mất." Thời này chẳng phải như thế.

Vân Tuyền Tử ân cần hỏi duyên cớ, Ấn công bùi ngùi bảo:

- Hiện thời thánh giáo ngày càng đi xuống, căn cơ con người nông cạn. Do pháp chỉ quán mà được xuất sanh tử thì vạn người chẳng được một hai, chỉ có Tịnh độ là có thể nương cậy! Nếu hiện thời, tông Tịnh độ chẳng có ai nói, truyền, hành, Phật pháp đúng là sắp diệt tận vậy. Chúng ta là đệ tử đức Phật, càng phải nên cố gắng.

Vân Tuyền Tử lại lễ bái, tiếp nhận, lui ra. Do lời lẽ ấy tuy nói rất bình thường, thật ra có liên quan đến chỗ ẩn tàng sâu xa trong Tịnh độ, vì thế ghi lại dành cho người thông sáng trong mai sau!

Bái yết Ấn Quang đại sư ký

(Cư sĩ Tạ Huệ Lâm viết)

1) Ngày 19

Ngày 19, tức ngày Quý Mùi, bảy giờ sáng, cùng thượng nhân Minh Đạo đáp chuyến xe lửa tuyến Bắc Kinh - Thượng Hải đến Tô Châu, 9 giờ sáng tới nơi. Khi vào thành, bỗng ngộ "một câu danh hiệu Phật buông xuống hết thảy, miên mật trì niệm, sẽ liền bao gồm hàm dưỡng, quan sát, nhận biết, hết thảy công phu trong ấy chẳng cần phải nghiêm ngặt dụng tâm". Thượng nhân Minh Đạo dẫn tôi đến đường Hộ Long ở phía Nam con phố chính để vào chùa Báo Quốc, yết kiến thầy tôi là lão nhân Ấn Quang, liền ở lại trong chùa. Lão nhân đã 73 tuổi, tinh thần nội liễm, ngôn từ khẩn thiết, bàn đến Lý học đời Tống, Minh, sư cho rằng họ lập luận thái quá, chẳng đáng để tiếp dẫn kẻ sơ cơ. Họ chẳng tin nhân quả luân hồi thì càng sai lầm! Hiện thời nhân tâm phóng túng, chẳng kiêng dè, ươm thành hạo kiếp, không gì chẳng do kiểu ăn nói ấy làm cơ sở khởi xướng. Bởi lẽ nhân quả là lý tột cùng được chỉ bày để thánh nhân thế gian và xuất thế gian bình trị thiên hạ,

cứu độ chúng sanh, như trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu, quyết chẳng có mảy may sai lầm. Cõi đời trị hay loạn, an hay nguy, chuyện cát hung, lợi hại, Nhất thừa do Như Lai đã chứng, chúng sanh đọa lạc tam đồ, đều khởi nguồn từ cái nhân ban đầu, kết thành cái quả về sau. Lắm kẻ coi thường, chẳng suy xét sâu xa. Vì thế nhân tâm ngày một bại hoại, thế giới ngày một loạn, chẳng đáng sợ ư?

Tôi hỏi: "Bọn Lý học chẳng tin vào khai ngộ, cũng tự có cảnh tượng vắng lặng, bất động, hư linh, chẳng tối tăm. Sợ rằng họ vẫn thuộc vào căn bản vô minh trụ địa, chưa thể triệt để trở mình đấy chăng?" Sư dạy: "E là bọn Lý học chưa đoạn kiến tư hoặc, còn bàn gì đến trần sa, vô minh nữa! Nếu họ thật sự đại công vô tư, chẳng chấp vào kiến giải môn đình, thành tựu sẽ chẳng chỉ có chừng ấy. Còn như nói 'ta không có tâm luân hồi, tự chẳng có chuyện luân hồi', đó là cảnh giới của Phật Bồ-tát, học nhân chưa dễ gì đạt được. Chỉ cần giữ lòng từ bi niệm Phật, hết thảy dụng công tự có sẵn trong ấy." Lão nhân từ bi sâu đậm thiết tha, cảnh giới cực cao, kẻ học cạn chẳng thể suy lường được!

2) Ngày 20

Tám giờ sáng ngày 20, tức ngày Giáp Thân, Ấu Am (em vợ của cư sĩ Tạ) và ông Trương Lộc Minh quy y với Ấn công, tôi cũng đi theo cùng làm lễ. Lão nhân dùng chuyện tam quy niệm Phật thiết tha căn dặn. Kế đó lại luận định bọn Lý học không hiểu rõ lý nhân quả tinh vi, ngược ngạo mặc sức phỉ báng. Họa hoạn cho thế đạo nhân tâm trong hiện thời đều do các thứ nghị luận ấy dẫn khởi. Bản lãnh của họ chẳng thể sâu sắc, chánh tâm thành ý chẳng thể chuyên dốc chân thật, cũng vì lẽ này. Ai nấy đều cần phải lấy đó để răn dè!

3) Ngày 21

Sáng sớm ngày 21, tức ngày Ất Dậu, Ấn lão (tổ Ấn Quang) bảo thượng nhân Minh Đạo dẫn tôi và Ấu Am đến chùa Khai Nguyên lễ bái tượng hai vị Thế Tôn Ca-diếp và Duy-vệ (tức Tỳ-bà-thi Phật, Vipaśyin), bảo tượng ấy vào đời Tấn từ ngoài biển trôi vào, bèn đón về thờ trong chùa, tột bậc linh dị. Chuyện ấy được chép tường tận trong sách vở của huyện. Tăng nhân Nhật Bản nhiều người đến chiêm lễ, thế mà nhân sĩ Tô Châu ngược lại phần nhiều chẳng biết. Sau đó chúng tôi từ tạ Ấn lão, đáp xe lửa trở về Vô Tích.

(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên Bổ hết)